

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP**



**BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ**

(Master program specification)

Ngành đào tạo: Quản lý kinh tế

Tên tiếng Anh: Economic Management

Mã ngành: 8310110

*(Ban hành theo Quyết định số 1357/QĐ-ĐHĐT, ngày 23 tháng 03 năm 2026
của Hiệu trưởng trường Đại học Đồng Tháp)*

Đồng Tháp, tháng 3 năm 2026

MỤC LỤC

PHẦN I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	1
I. GIỚI THIỆU	1
1. Thông tin về Trường Đại học Đồng Tháp	1
2. Sứ mạng, tầm nhìn và triết lý giáo dục	1
II. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	1
1. Ngành đào tạo	1
2. Căn cứ xây dựng chương trình đào tạo	1
3. Mục tiêu đào tạo	2
4. Thông tin về tuyển sinh	2
5. Điều kiện tốt nghiệp	4
6. Thời điểm phát hành/chỉnh sửa bản mô tả	4
7. Nơi phát hành	4
III. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	4
1. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives: POs)	4
2. Ma trận quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	6
3. Đối sánh CDR chương trình đào tạo với Khung trình độ quốc gia trình độ quốc gia Việt Nam, trình độ Thạc sĩ (Bậc 7)	7
của CTĐT	8
4. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp	8
5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp	8
IV. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	9
1. Tổng số tín chỉ phải tích lũy	9
2. Tỷ lệ giữa các khối kiến thức	9
3. Khung chương trình đào tạo chi tiết	9
4. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)	11
5. Đối sánh chương trình đào tạo với chương trình đào tạo của các trường đại học khác ở Việt Nam và nước ngoài.	12
V. TỔ CHỨC ĐÀO TẠO VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP	15
1. Tổ chức dạy học và phương pháp dạy học	15
2. Cách thức đánh giá kết quả học tập	16
3. Chuyển đổi và công nhận tín chỉ	17
VI. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	17
1. Đội ngũ giảng viên	17
2. Cơ sở vật chất, học liệu	18
3. Các hướng nghiên cứu của chuyên ngành	18
VII. TỔNG QUAN VỀ CÁC HỌC PHẦN	20
PHẦN II. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN	33
1. HỌC PHẦN 1: TRIẾT HỌC	33
2. HỌC PHẦN 2: TIẾNG ANH	38
3. HỌC PHẦN 3: KINH TẾ PHÁT TRIỂN NÂNG CAO	47

4. HỌC PHẦN 4: KHOA HỌC QUẢN LÝ KINH TẾ.....	54
5. HỌC PHẦN 5: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC	60
6. HỌC PHẦN 6: QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ NÂNG CAO	66
7. HỌC PHẦN 7: KINH TẾ QUỐC TẾ	72
8. HỌC PHẦN 8: LÃNH ĐẠO VÀ QUẢN LÝ	80
9. HỌC PHẦN 9: QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG	85
10. HỌC PHẦN 10: QUẢN LÝ CÔNG	91
11. HỌC PHẦN 11: KINH TẾ HỌC THỂ CHẾ	98
12. HỌC PHẦN 12: CHÍNH SÁCH NGOẠI THƯƠNG VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ	103
13. HỌC PHẦN 13: CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ.....	108
14. HỌC PHẦN 14: KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHO KHU VỰC CÔNG	113
15. HỌC PHẦN 15: MARKETING ĐỊA PHƯƠNG.....	124
16. HỌC PHẦN 16: KINH TẾ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG.....	129
17. HỌC PHẦN 17: PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÙNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG	135
18. HỌC PHẦN 18: QUẢN TRỊ DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	141
19. HỌC PHẦN 19: QUẢN TRỊ ĐỔI MỚI VÀ SÁNG TẠO.....	150
20. HỌC PHẦN 20: LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	159
21. HỌC PHẦN 21: QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC	167
22. HỌC PHẦN 22: KINH TẾ TUẦN HOÀN	177
23. HỌC PHẦN 23: THỰC TẬP NGHỀ NGHIỆP 1	183
24. HỌC PHẦN 24: THỰC TẬP NGHỀ NGHIỆP 2	187
25. HỌC PHẦN 25: ĐỀ ÁN THẠC SĨ.....	192
Phụ lục 1. CÁC RUBRIC (R) ĐÁNH GIÁ	196
Phụ lục 2: THƯ VIỆN	219

PHẦN I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

I. GIỚI THIỆU

1. Thông tin về Trường Đại học Đồng Tháp

- Tên tiếng Việt: **TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP (ĐHDT)**
- Tên tiếng Anh: **DONG THAP UNIVERSITY (DThU)**
- Cơ quan chủ quản: Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Địa chỉ: Số 783 - Phạm Hữu Lầu, Phường Cao Lãnh, Đồng Tháp
- Điện thoại: 0277.3881518
- Email: dhdt@dthu.edu.vn
- Website: www.dthu.edu.vn

2. Sứ mạng, tầm nhìn và triết lý giáo dục

a) Sứ mạng: Đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, đa lĩnh vực, trong đó khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên là nòng cốt; nghiên cứu khoa học và cung cấp các dịch vụ cộng đồng; góp phần phát triển kinh tế-xã hội vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

b) Tầm nhìn: Trở thành trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học có chất lượng cao của Việt Nam và khu vực Đông Nam Á.

c) Triết lý giáo dục: Kiến tạo - Chuyên nghiệp - Hội nhập.

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành đào tạo

- Tên ngành:

Tiếng Việt: **Quản lý kinh tế**

Tiếng Anh: **Economic Management**

- Mã số ngành đào tạo: 8310110
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ.
- Chương trình đào tạo theo định hướng: Ứng dụng.
- Hình thức đào tạo: Vừa làm vừa học.
- Thời gian đào tạo: 2 năm (24 tháng).
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp: Bằng thạc sĩ.
- Đơn vị đào tạo và cấp bằng: Trường Đại học Đồng Tháp.

2. Căn cứ xây dựng chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo được xây dựng trên các cơ sở pháp lý sau:

- Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

- Thông tư số 09/2022/TT- BGDDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.

- Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/08/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.

- Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

- Thông tư số 04/2016/TT- BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

- Quyết định số 1167/QĐ-ĐHĐT ngày 6/6/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Đồng Tháp.

- Quyết định số 1214/QĐ-ĐHĐT ngày 09/6/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp ban hành Quyết định về việc phê duyệt định hướng đào tạo sau đại học giai đoạn 2022 – 2030.

- Nghị Quyết số 76/NQ-HĐT ngày 21/06/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Đồng Tháp về chủ trương mở ngành Quản lý kinh tế, trình độ thạc sĩ.

- Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản lý Kinh tế của các trường đại học khác trong nước như: Trường Đại học Cần Thơ, Trường Đại học Trà Vinh, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân...(Phụ lục 6.4)

- Điều tra khảo sát online bằng phiếu lấy ý kiến các bên liên quan (người học và nhà sử dụng lao động) về Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế, cùng ý kiến về chuẩn đầu ra, khung CTĐT thạc sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế (Phụ lục 6.1, phụ lục 6.2, phụ lục 6.3) năm 2025.

3. Mục tiêu đào tạo

Chương trình đào tạo thạc sĩ Quản lý kinh tế nhằm trang bị cho học viên kiến thức chuyên sâu và cập nhật về kinh tế học, quản lý kinh tế và hoạch định chính sách, giúp người học có năng lực phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề kinh tế trong bối cảnh phát triển và hội nhập. Chương trình đồng thời phát triển năng lực tư duy nghiên cứu, kỹ năng phân tích dữ liệu và hoạch định, tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình và dự án phát triển kinh tế – xã hội ở các cấp độ khác nhau. Sau khi tốt nghiệp, học viên có khả năng làm việc hiệu quả trong các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức nghiên cứu, doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế – xã hội, đồng thời có năng lực học tập và nghiên cứu ở trình độ cao hơn.

4. Thông tin về tuyển sinh

4.1. Đối tượng tuyển sinh

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ, ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021-TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy chế tuyển sinh và đào tạo thạc sĩ, ban hành theo Quyết định số 1167/QĐ-ĐHĐT ngày 6/6/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp, cụ thể:

a) Chuẩn đầu vào ngoại ngữ

Ứng viên đáp ứng một trong các điều kiện sau:

+ Có một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

+ Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

+ Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Trường Đại học Đồng Tháp cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

b) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp.

c) Ứng viên tốt nghiệp ngành chưa phù hợp, phải hoàn tất việc chuyển đổi, bổ sung kiến thức trước khi thi tuyển hoặc/và xét tuyển.

d) Ứng viên dự tuyển là công dân người nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo giảng dạy bằng Tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của Trường Đại học Đồng Tháp.

4.2. Ngành tuyển sinh

4.2.1. Ngành phù hợp không học bổ sung kiến thức

Kinh tế học, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Thống kê kinh tế, Toán kinh tế, Quản lý kinh tế, Quản trị kinh doanh, Kinh doanh thương mại, Tài chính – Ngân hàng, Bảo hiểm, Tài chính – Doanh nghiệp, Kế toán, Kiểm toán, Khoa học quản lý, chính sách công, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quản lý khoa và công nghệ, Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh toàn cầu, Quản trị chuỗi cung ứng, Logistics, Thương mại điện tử, Marketing, Marketing số, Bất động sản, Kinh doanh bất động sản, Kinh tế số, Kinh doanh số, Kinh tế nông nghiệp, Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Kinh tế sức khỏe, Kinh tế vận tải biển, Kinh tế xây dựng, Quản lý công nghiệp, Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống, Thống kê.

4.2.2. Ngành phù hợp học bổ sung kiến thức

Tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ở tất cả các ngành và chuyên ngành khác và không thuộc các ngành phù hợp không bổ sung kiến thức.

4.3 Học phần bổ sung kiến thức cho các ngành gần/ ngành khác

Tên ngành đại học	Tên học phần bổ sung kiến thức	Số tín chỉ
Khoa học quản lý kinh tế	Khoa học quản lý kinh tế	03
Kinh tế quốc tế	Kinh tế quốc tế	03

4.4. Môn thi/xét tuyển sinh

- Thi tuyển:

(1). Môn cơ sở: *Toán kinh tế*

(2). Môn cơ bản: *Kinh tế học*

(3). Đánh giá năng lực ngoại ngữ: *Trình độ ngoại ngữ bậc 3 (hoặc tương đương) trở lên theo Khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam.*

- Hoặc xét tuyển theo Đề án tuyển sinh của Trường ĐHĐT.

4.5. Phương thức, phạm vi tuyển sinh

- Thi tuyển hoặc/và xét tuyển: Hiệu trưởng Trường ĐHĐT quyết định việc thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển, xét tuyển và hình thức thi tuyển theo từng đợt tuyển sinh.

(Thông tin về tuyển sinh, thi tuyển, xét tuyển, môn thi tuyển có trong Đề án tuyển sinh và Thông báo tuyển sinh của Trường ĐHĐT, công khai trên website của Trường và đơn vị liên quan).

- Phạm vi tuyển sinh: Cả nước và nước ngoài (nếu có).

5. Điều kiện tốt nghiệp

Theo Quy chế tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ, ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021-TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy chế tuyển sinh và đào tạo thạc sĩ, ban hành theo Quyết định số 1167/QĐ-ĐHĐT ngày 6/6/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp, cụ thể:

- Chuẩn đầu ra ngoại ngữ

Người học đáp ứng một trong các điều kiện sau:

+ Có một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài.

- Điểm trung bình chung tích lũy từ 5,5 trở lên (theo thang điểm 10). Trong đó, không có học phần nào dưới 5,5.

- Bảo vệ luận văn tốt nghiệp thạc sĩ: Đạt từ 5,5 trở lên.

6. Thời điểm phát hành/chỉnh sửa bản mô tả

Ngày 23 tháng 03 năm 2026

7. Nơi phát hành

Trường Đại học Đồng Tháp

III. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives: POs)

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình thạc sĩ Quản lý kinh tế theo định hướng ứng dụng được thiết kế nhằm đào tạo những nhà khoa học và quản lý kinh tế có kiến thức và kỹ năng quản lý, quản lý kinh tế; có khả năng nghiên cứu, phát hiện và giải quyết được các vấn đề trong quản lý tổ chức, quản lý kinh tế; có khả năng tự học hỏi và bổ sung kiến thức ngành quản lý kinh tế và phương pháp nghiên cứu cho phát triển bản thân.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu	Nội dung
PO1	Có khả năng vận dụng được kiến thức chuyên sâu về quản lý, tư duy hệ thống, liên ngành, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm trong giải quyết vấn đề kinh tế – xã hội chuyên đổi số.
PO2	Có khả năng thực hiện được các nghiên cứu độc lập, phân tích các vấn đề kinh tế, chính sách và đề xuất các giải pháp giải quyết các vấn đề trong quản lý.
PO3	Phát triển kỹ năng lãnh đạo và quản lý trong môi trường kinh tế xanh và hội nhập quốc tế.

1.3 Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes: PLOs)

Nội dung CDR của CTĐT (PLO)		Phân cấp theo bảng phân loại học tập (1)		
		Kiến thức (2)	Kỹ năng (3)	Mức tự chủ và trách nhiệm (4)
PLO1: Vận dụng kiến thức nền tảng và chuyên sâu về kinh tế và quản lý kinh tế để phân tích, hoạch định và điều hành hoạt động kinh tế phù hợp đạo đức nghề nghiệp.	PI1.1: Vận dụng kiến thức nền tảng và chuyên sâu về kinh tế và quản lý để phân tích vấn đề kinh tế - xã hội.	3	3	
	PI1.2: Hoạch định và đề xuất giải pháp điều hành hoạt động kinh tế phù hợp đạo đức nghề nghiệp.	5	4	
PLO2: Tích hợp tư duy hệ thống và liên ngành để đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề kinh tế – xã hội trong bối cảnh hội nhập quốc tế và chuyển đổi số.	PI2.1: Vận dụng tư duy hệ thống và tiếp cận liên ngành để phân tích vấn đề kinh tế – xã hội	3	3	
	PI2.2: Tổng hợp đề xuất các giải pháp liên ngành nhằm giải quyết vấn đề kinh tế – xã hội trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi số.		4	
PLO3: Thực hiện nghiên cứu độc lập, phân tích vấn đề kinh tế, chính sách, thị trường và đề xuất giải pháp khoa học, khả thi.	PI3.1: Thực hiện nghiên cứu độc lập có cơ sở khoa học về vấn đề trong quản lý kinh tế, chính sách, thị trường.		3	
	PI3.2: Đề xuất giải pháp khoa học, thực tiễn và khả		4	3

Nội dung CDR của CTĐT (PLO)		Phân cấp theo bảng phân loại học tập (1)		
		Kiến thức (2)	Kỹ năng (3)	Mức tự chủ và trách nhiệm (4)
	thi dựa trên kết quả phân tích.			
PLO4: Lựa chọn và vận dụng phần mềm, công cụ để thu thập và phân tích thông tin hỗ trợ ra quyết định quản lý kinh tế.	PI4.1: Lựa chọn công cụ thu thập và phần mềm phân tích dữ liệu kinh tế - quản lý phù hợp.		3	
	PI4.2: Ứng dụng kết quả phân tích dữ liệu để hỗ trợ ra quyết định quản lý kinh tế.	3	4	
PLO5: Phát triển tư duy lãnh đạo và quản lý để thực hiện công việc chuyên môn và ra quyết định.	PI5.1: Thể hiện tư duy lãnh đạo và năng lực định hướng trong công việc chuyên môn.		4	4
	PI5.2: Ra quyết định quản lý dựa trên phân tích vấn đề và tư duy lãnh đạo.		4	3

2. Ma trận quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mối quan hệ giữa mục tiêu và CDR của CTĐT ở bảng dưới đây cho thấy rằng học viên có thể đạt được mục tiêu của CTĐT nếu đáp ứng được các CDR của CTĐT.

**Bảng 1. Mối liên hệ giữa mục tiêu và CDR của CTĐT
(đánh dấu X vào các ô liên quan)**

Mục tiêu của CTĐT (PO)	CDR của CTĐT (PLO)				
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5
PO1	x	x			
PO2		x	x	x	
PO3				x	x

Bảng 2. Ma trận thể hiện sự tương thích giữa POs, PLOs, PIs

PO	PLO	PI
PO1: Vận dụng được kiến thức chuyên sâu về quản lý, tư duy hệ thống, liên ngành, đạo đức	PLO1: Vận dụng kiến thức nền tảng và chuyên sâu về kinh tế và quản lý kinh tế để phân tích, hoạch định và điều hành hoạt động kinh tế	PI1.1: Vận dụng kiến thức nền tảng và chuyên sâu về kinh tế và quản lý để phân tích vấn đề kinh tế - xã hội.

PO	PLO	PI
nghề nghiệp và trách nhiệm trong giải quyết vấn đề kinh tế – xã hội chuyển đổi số.	phù hợp đạo đức nghề nghiệp.	PI1.2: Hoạch định và đề xuất giải pháp điều hành hoạt động kinh tế phù hợp đạo đức nghề nghiệp.
	PLO2: Tích hợp tư duy hệ thống và liên ngành để đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề kinh tế – xã hội trong bối cảnh hội nhập quốc tế và chuyển đổi số.	PI2.1: Vận dụng tư duy hệ thống và tiếp cận liên ngành để phân tích vấn đề kinh tế – xã hội.
		PI2.2: Tổng hợp đề xuất các giải pháp liên ngành nhằm giải quyết vấn đề kinh tế – xã hội trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi số.
PO2: Thực hiện được các nghiên cứu độc lập, phân tích các vấn đề kinh tế, chính sách và đề xuất các giải pháp giải quyết các vấn đề trong quản lý.	PLO3: Thực hiện nghiên cứu độc lập, phân tích vấn đề kinh tế, chính sách, thị trường và đề xuất giải pháp khoa học, khả thi.	PI3.1: Thực hiện nghiên cứu độc lập có cơ sở khoa học về vấn đề trong quản lý kinh tế, chính sách, thị trường.
		PI3.2: Đề xuất giải pháp khoa học, thực tiễn và khả thi dựa trên kết quả phân tích.
	PLO4: Lựa chọn và vận dụng phần mềm, công cụ để thu thập và phân tích thông tin hỗ trợ ra quyết định quản lý kinh tế.	PI4.1: Lựa chọn công cụ thu thập và phần mềm phân tích dữ liệu kinh tế - quản lý phù hợp.
		PI4.2: Ứng dụng kết quả phân tích dữ liệu để hỗ trợ ra quyết định quản lý kinh tế.
PO3: Phát triển sáng tạo kỹ năng lãnh đạo và quản lý trong môi trường kinh tế xanh và hội nhập quốc tế.	PLO5: Phát triển tư duy lãnh đạo và quản lý để thực hiện công việc chuyên môn và ra quyết định.	PI5.1: Thể hiện tư duy lãnh đạo và năng lực định hướng trong công việc chuyên môn.
		PI5.2: Ra quyết định quản lý dựa trên phân tích vấn đề và tư duy lãnh đạo.

3. Đối sánh CDR chương trình đào tạo với Khung trình độ quốc gia trình độ quốc gia Việt Nam, trình độ Thạc sĩ (Bậc 7)

Bảng 3. Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc Thạc sĩ

Kiến thức (KT)		Kỹ năng (KN)		Mức tự chủ và trách nhiệm (TCTN)	
1	Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các	1	Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để	1	Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng.

Kiến thức (KT)		Kỹ năng (KN)		Mức tự chủ và trách nhiệm (TCTN)	
	nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo.		đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học.		
2	Kiến thức liên ngành có liên quan.	2	Có kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với những người khác.	2	Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác.
3	Kiến thức chung về quản trị và quản lý.	3	Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến.	3	Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn.
		4	Kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp.	4	Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.
		5	Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.		

Bảng 4. Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra CTĐT với Khung trình độ quốc gia Việt Nam (đánh dấu X vào ô có liên quan)

CĐR theo Khung trình độ QG CĐR của CTĐT	Kiến thức (KT)			Kỹ năng (KN)					Mức tự chủ và trách nhiệm (TCTN)			
	1	2	3	1	2	3	4	5	1	2	3	4
PLO1	x		x									
PLO2		x						x				
PLO3				x					x		x	
PLO4							x					
PLO5					x	x				x		x

4. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Học viên tốt nghiệp CTĐT thạc sĩ Quản lý kinh tế có thể làm các công việc sau:

- Chuyên viên, chuyên gia trong các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế;
- Nhà quản lý, chuyên viên trong các tổ chức, doanh nghiệp và tổ chức kinh tế;
- Chuyên gia nghiên cứu và tư vấn chính sách kinh tế;
- Giảng viên và nghiên cứu viên tại các cơ sở giáo dục và nghiên cứu;
- Nhà quản lý dự án và chuyên gia phát triển kinh tế – xã hội.

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Người tốt nghiệp có thể học lên các bậc cao hơn như tiến sĩ trong và ngoài nước.

IV. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tổng số tín chỉ phải tích lũy

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 60 tín chỉ, trong đó:

- Khối kiến thức chung: Bắt buộc: 09 tín chỉ; Tự chọn: 0 tín chỉ.
- Kiến thức cơ sở ngành: Bắt buộc: 09 tín chỉ; Tự chọn: 06 tín chỉ.
- Kiến thức chuyên ngành: Bắt buộc: 09 tín chỉ; Tự chọn: 12 tín chỉ.
- Đề án thực tập: 09 tín chỉ.

2. Tỷ lệ giữa các khối kiến thức

Chương trình được thiết kế ứng với thời gian đào tạo là 2 năm và với quy trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Nội dung chương trình đào tạo gồm 5 phần: khối kiến thức chung; khối kiến thức cơ sở ngành, khối kiến thức chuyên ngành; thực tập nghề nghiệp, Đề án thực tập.

Để hoàn thành chương trình này người học cần tích lũy tổng cộng cho toàn bộ chương trình đào tạo là 60 tín chỉ, trong đó số tín chỉ dành cho các học phần bắt buộc là 42 tín chỉ (70%) và số tín chỉ dành cho các học phần tự chọn là 18 tín chỉ (30%).

STT	Thành phần	Số tín chỉ		Tỷ lệ%
		Bắt buộc	Tự chọn	
1	Khối kiến thức chung	10	0	16,7
2	Khối kiến thức cơ sở ngành	9	6	25
3	Khối kiến thức chuyên ngành	8	12	33,3
4	Khối kiến thức thực tập nghề nghiệp	6	0	10
5	Đề án thực tập	9	0	15
TỔNG CỘNG:		42	18	
		60		100

3. Khung chương trình đào tạo chi tiết

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ tín chỉ			Tiến độ
				LT	ThH	TH	
I. Kiến thức chung			10				
1	GPS.801	Triết học	4	60	0	120	I
2	GEP.801	Tiếng Anh	6	60	60	180	I
II. Kiến thức cơ sở ngành			15				
1. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc			9				
1	EMM.801	Kinh tế phát triển nâng cao	3	30	30	90	I
2	EMM.802	Khoa học quản lý kinh tế	3	30	30	90	I
3	EMM.803	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	30	30	90	II
2. Kiến thức cơ sở ngành tự chọn			6				
1	EMM.804	Quản lý nhà nước về kinh tế nâng cao	3	30	30	90	II

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Giờ tín chỉ			Tiến độ
				LT	ThH	TH	
2	EMM.805	Kinh tế quốc tế	3	30	30	90	II
3	EMM.806	Lãnh đạo và quản lý	3	30	30	90	II
4	EMM.807	Quản lý tài chính công	3	30	30	90	II
III. Kiến thức chuyên ngành			20				
<i>1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc</i>			8				
1	EMM.808	Quản lý công	3	30	30	90	III
2	EMM.809	Kinh tế học thể chế	3	30	30	90	III
3	EMM.810	Chính sách ngoại thương và hội nhập kinh tế quốc tế	2	15	30	75	III
<i>2. Kiến thức chuyên ngành tự chọn</i>			12				
1	EMM.811	Chuyển đổi số và thương mại điện tử	3	30	30	90	II
2	EMM.812	Kế toán quản trị cho khu vực công	3	30	30	90	II
3	EMM.813	Marketing địa phương	3	30	30	90	II
4	EMM.814	Kinh tế tài nguyên và môi trường	3	30	30	90	II
5	EMM.815	Phát triển kinh tế vùng và địa phương	3	30	30	90	II
6	EMM.816	Quản trị dự án đầu tư	3	30	30	90	III
7	EMM.817	Quản trị đổi mới và sáng tạo	3	30	30	90	III
8	EMM.818	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3	30	30	90	III
9	EMM.819	Quản trị nguồn nhân lực	3	30	30	90	III
10	EMM.823	Kinh tế tuần hoàn	3	30	30	90	III
IV. Thực tập nghề nghiệp			6				
1	EMM.820	Thực tập nghề nghiệp 1	3	15	60	135	IV
2	EMM.821	Thực tập nghề nghiệp 2	3	15	60	135	IV
V. Đề án thực sĩ			9				
1	EMM.822	Đề án thực sĩ	9	0	270	180	IV
Tổng số tín chỉ tích lũy			60				

Chương trình được biên soạn theo hướng tinh giảm số giờ lý thuyết, dành nhiều thời gian cho tự học, tự nghiên cứu; thảo luận, tranh biện, làm các bài tập và thực hành, thực tế, tổ chức hoạt động nhóm, gắn đào tạo với thực tiễn để người học có điều kiện nâng cao mức tự chủ và trách nhiệm, từ đó giúp người học tốt nghiệp có đủ phẩm chất và năng lực giải quyết được các vấn đề pháp lý trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, có khả năng thích ứng tốt với sự thay đổi trong môi trường làm việc và xã hội.

Để xây dựng chương trình này, tổ biên soạn cũng đã tham khảo chương trình đào tạo thạc sĩ Quản lý kinh tế của các trường đại học có uy tín như Chương trình đào tạo

Kinh tế và kinh doanh (trình độ thạc sĩ) - Trường ĐH Groningen (Hà Lan)¹; Chương trình đào tạo Quản lý kinh tế (trình độ thạc sĩ) - Trường ĐH Cần Thơ²; Chương trình đào tạo Quản lý kinh tế (trình độ thạc sĩ) – ĐH Kinh tế TP Hồ Chí Minh³; Chương trình đào tạo Quản lý kinh tế (trình độ thạc sĩ) - ĐH Kinh tế Quốc dân⁴. (Phụ lục 6.4)

4. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

STT	Mã HP	Tên HP	Số TC	Chuẩn đầu ra									
				PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5	
				PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2
1	GPS.801	Triết học	4			M						M	
2	GEP.801	Tiếng Anh	6			M							
3	EMM.801	Kinh tế phát triển nâng cao	3	R,A		R,A			M			M	
4	EMM.802	Khoa học quản lý kinh tế	3		R		R,A	R					R
5	EMM.803	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3		M			R,A			R		
6	EMM.804	Quản lý nhà nước về kinh tế nâng cao	3		R						M	R	
7	EMM.805	Kinh tế quốc tế	3				R			R			M
8	EMM.806	Lãnh đạo và quản lý	3	R			R					R	
9	EMM.807	Quản lý tài chính công	3	R		R				R			
10	EMM.808	Quản lý công	3	R			R			R,A			
11	EMM.809	Kinh tế học thể chế	3	R			R		R,A				
12	EMM.810	Chính sách ngoại thương và hội nhập kinh tế quốc tế	2	R			R				R,A		
13	EMM.811	Chuyển đổi số và thương mại điện tử	3				R		R		R		
14	EMM.812	Kế toán quản trị cho khu vực công	3			R						R	
15	EMM.813	Marketing địa phương	3			R		R					R
16	EMM.814	Kinh tế tài nguyên và môi trường	3	M					R			R	
17	EMM.815	Phát triển kinh tế vùng và địa phương	3		R	M					R		
18	EMM.816	Quản trị dự án đầu tư	3			R				M			R

¹ <https://www.rug.nl/masters/research-master-in-economics-and-business-research/?lang=en>

² <https://gs.ctu.edu.vn/kctdt2022/ctdt/U8310110.pdf>

³ <https://sdh.ueh.edu.vn/nganh-dao-tao-thac-si/quan-ly-kinh-te-master-of-economic-management.html>

⁴ <https://khql.neu.edu.vn/vi/tuyen-sinh-931/thong-tin-tuyen-sinh-chuong-trinh-dao-tao-trinh-do-thac-si-dinh-huong-ung-dung-chuyen-nganh-quan-ly-kinh-te-va-chinh-sach>

STT	Mã HP	Tên HP	Số TC	Chuẩn đầu ra									
				PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5	
				PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2
19	EMM.817	Quản trị đổi mới và sáng tạo	3				M				M	R	
20	EMM.818	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3			R			R		R		
21	EMM.819	Quản trị nguồn nhân lực	3		R	M			M		M	R	
22	EMM.823	Kinh tế tuần hoàn	3		R		R		M				R
23	EMM.820	Thực tập nghề nghiệp 1	3				R		R				M,A
24	EMM.821	Thực tập nghề nghiệp 2	3		R		M	M			M,A		R
25	EMM.822	Đề án thực sĩ	9		M			M,A	R	R	R	M,A	

5. Đối sánh chương trình đào tạo với chương trình đào tạo của các trường đại học khác ở Việt Nam và nước ngoài.

TT	Học phần	ĐH Đồng Tháp	ĐH Cần Thơ	ĐH Kinh tế TP. HCM	ĐH KTQD
1	Triết học	X	X	X	X
2	Tiếng Anh	X	X	X	
3	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	X	X	X	X
4	Kinh tế vi mô dành cho nhà quản lý công			X	
5	Kinh tế học vi mô ứng dụng				X
6	Kinh tế học vĩ mô ứng dụng				X
7	Kinh tế học khu vực công			X	
8	Quản trị học nâng cao				X
9	Khoa học quản lý kinh tế	X	X		
10	Kinh tế phát triển	X		X	
11	Kinh tế phát triển nâng cao				X
12	Phát triển bền vững				X
13	Dự báo kinh tế và kinh doanh		X		X
14	Phân tích chi phí lợi ích				X
15	Thống kê ứng dụng				X
16	Lịch sử các học thuyết kinh tế		X		

TT	Học phần	ĐH Đồng Tháp	ĐH Cần Thơ	ĐH Kinh tế TP. HCM	ĐH KTQD
17	Hệ thống tài khoản quốc gia		x		
18	Tài chính công		x		x
19	Chính sách công		x		
20	Hành vi tổ chức		x		
21	Thống kê trong kinh tế		x		
22	Kinh tế lượng ứng dụng	x	x		
23	Phương pháp định lượng			x	x
24	Kinh tế quốc tế	x			x
25	Hội nhập kinh tế và toàn cầu hóa				x
26	Quản lý thuế	x			
27	Quản lý Tài chính công	x			
28	Tài chính phát triển		x		
29	Quản lý tài chính - NSNN			x	
30	Tiếng anh giao tiếp kinh doanh				x
31	Luật kinh tế	x	x		x
32	Luật và phát triển			x	
33	Kinh tế học thể chế	x	x		
34	Thể chế và phát triển				x
35	Lãnh đạo và quản lý	x	x		
36	Chính sách ngoại thương và hội nhập kinh tế quốc tế		x		
37	Quản lý nhà nước về kinh tế	x	x		x
38	Quản trị nhà nước			x	
39	Quản lý nhà nước				x
40	Quản lý nhà nước về du lịch				x
41	Kinh tế và quản lý công nghiệp				x
42	Hệ thống thông tin quản lý	x	x	x	
43	Kế toán công	x			
44	Kế toán quản trị cho khu vực công		x		
45	Marketing địa phương	x	x		
46	Kinh tế thương mại dịch vụ				x
47	Kinh tế môi trường	x	x	x	
48	Kinh tế đất và bất động sản				x

TT	Học phần	ĐH Đồng Tháp	ĐH Cần Thơ	ĐH Kinh tế TP. HCM	ĐH KTQD
49	Quản lý tài nguyên và môi trường				x
50	Quản lý nhà nước về đất đai và bất động sản				x
51	Môi trường và biến đổi khí hậu				x
52	Kinh tế nông nghiệp	x	x		
53	Phân tích chuỗi giá trị nông sản			x	
54	Quản trị dự án đầu tư	x	x		
55	Quản lý dự án				x
56	Thẩm định dự án đầu tư			x	
57	Quản trị đổi mới và sáng tạo	x	x		
58	Quản trị sự thay đổi				x
59	Quản lý khủng hoảng				x
60	Quản trị chiến lược	x			
61	Quản lý tổ chức				x
62	Kiểm soát quản trị công ty		x		
63	Kỹ năng quản lý				x
64	Quản trị nhân lực	x			
65	Quản lý nguồn nhân lực công				x
66	Quản lý đô thị		x		
67	Quy hoạch vùng và đô thị				x
68	Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội				x
69	Kế hoạch hóa phát triển				x
70	Chuyên đề ngành	x	x		x
71	Phân tích chính sách				x
72	Đánh giá chính sách và chương trình				x
73	Công cụ và chính sách môi trường				x
74	Chính sách kinh tế đối ngoại				x
75	Phân tích chính sách kinh tế - xã hội	x	x		x
76	Phát triển kinh tế vùng và địa phương	x	x		x
77	Chính sách nông nghiệp và phát triển nông thôn			x	
78	Phân tích kinh tế hành vi xã hội		x		
79	Kinh tế tuần hoàn	x		x	x

TT	Học phần	ĐH Đồng Tháp	ĐH Cần Thơ	ĐH Kinh tế TP. HCM	ĐH KTQD
80	Đề án thạc sỹ	X	X	X	X

V. TỔ CHỨC ĐÀO TẠO VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

1. Tổ chức dạy học và phương pháp dạy học

1.1. Hình thức tổ chức

Trực tiếp, trực tuyến hoặc kết hợp.

Tương tác trực tiếp, gián tiếp, trải nghiệm, tự học, tự nghiên cứu.

Những học phần có phần lý thuyết và thực hành sẽ có ít nhất 1 tín chỉ học trực tuyến là phần lý thuyết. Phần thực hành và thực tế sẽ học tập trực tiếp. Chi tiết sẽ được thể hiện rõ ở phần đề cương chi tiết của từng học phần.

1.2. Phương pháp dạy học

Các phương pháp được sử dụng chủ yếu là:

TT	Phương pháp dạy học	Mô tả phương pháp
1	Thuyết trình	Giảng viên truyền đạt nội dung tri thức môn học đến học viên với sự hỗ trợ của tài liệu, bài giảng, các thiết bị dạy học và sự sẵn sàng học tập của học viên.
2	Giải quyết vấn đề	Giảng viên hướng dẫn cho học viên: (1) độc lập phát hiện và giải quyết vấn đề; (2) từ chủ đề giảng viên nêu, học viên phối hợp phát hiện và giải quyết vấn đề; (3) giảng viên và học viên vấn đáp phát hiện và giải quyết vấn đề; (4) giảng viên thuyết trình phát hiện và giải quyết vấn đề.
3	Dự án	Giảng viên thực hiện 4 bước: (1) chuẩn bị - xác định câu hỏi định hướng, xây dựng dự án, xác định các nhiệm vụ, chuẩn bị các điều kiện; (2) thực hiện – quan sát, tư vấn và đánh giá, hỗ trợ, giúp đỡ các điều kiện chuẩn bị; (3) tổng hợp – giám sát, tư vấn, đánh giá, phê duyệt các sản phẩm; (4) đánh giá – chuẩn bị các điều kiện cho việc báo cáo sản phẩm, giám sát và đánh giá dự án.
4	Dạy học hợp tác	Giảng viên hướng dẫn học viên tìm hiểu sâu, luyện tập, củng cố và vận dụng kiến thức; lớp học được cấu thành nhóm nhỏ cùng thực hiện các nhiệm vụ trên cơ sở phân công và cộng tác làm việc trong khoảng thời gian xác định. Giảng viên thực hiện 3 bước: (1) Nhập đề và giải quyết nhiệm vụ - giới thiệu chủ đề học tập, thiết kế nhiệm vụ nhóm, lựa chọn và thực hiện chia nhóm, (2) Làm việc nhóm – lựa chọn địa điểm, bố trí không gian, lập kế hoạch làm việc, thỏa thuận quy tắc làm việc, báo cáo kết quả trước tập thể; (3) Trình bày và đánh giá kết quả làm việc - Các thành viên của nhóm hoặc đại diện nhóm trình bày kết quả trước tập thể, các nhóm tự đánh giá và các nhóm đánh giá lẫn nhau.

TT	Phương pháp dạy học	Mô tả phương pháp
5	Thực hành và trải nghiệm	Giảng viên hướng dẫn nội dung thực hành và trải nghiệm; học viên thực hiện nội dung thực hành trải nghiệm dựa trên kiến thức đã học, tài liệu tham khảo để giải quyết các vấn đề thực tiễn, các công việc thực tế ở điều kiện phòng thí nghiệm, khu thực nghiệm, các cơ sở sử dụng lao động.

Một số chiến lược dạy và học:

TT	Chiến lược dạy và học	Nội dung
1	Giảng dạy trực tiếp	Thông tin được truyền tải trực tiếp
2	Giảng dạy gián tiếp	Người học được động viên, khuyến khích, tạo điều kiện từ giảng viên
3	Học tập qua trải nghiệm	Học thông qua làm, trải nghiệm thực tiễn công việc
4	Giảng dạy tương tác	Thông qua tương tác giữa giảng viên và người học
5	Học tập độc lập	Tự cá nhân tìm tòi, không có sự hướng dẫn

Phương thức dạy học chi tiết của từng học phần sẽ được thể hiện rõ ở phần đề cương chi tiết học phần.

2. Cách thức đánh giá kết quả học tập

2.1. Đánh giá học phần

a) Kiểm tra, đánh giá người học thực hiện theo quy định chung của Trường Đại học Đồng Tháp, bao gồm cả phần trực tuyến, trực tiếp hoặc thực tế học phần.

b) Nội dung đánh giá và trọng số của từng loại điểm được quy định trong đề cương chi tiết học phần, bao gồm cả phần trực tuyến, trực tiếp hoặc thực tế học phần và phần tự học, tự nghiên cứu.

c) Điểm đánh giá quá trình, trọng số từ 0,4 - 0,5 thông qua các hoạt động như: Chuyên cần; tinh thần, thái độ học tập; tham gia trao đổi trên các diễn đàn; trả lời câu hỏi; bài tập; tiểu luận; kiểm tra theo yêu cầu của giảng viên.

d) Điểm đánh giá tổng kết học phần (hoặc cuối kỳ), trọng số từ 0,5 - 0,6 bằng các hình thức như: Thi kết thúc; bài tập lớn; báo cáo; tiểu luận hoặc các hình thức khác.

đ) Trong trường hợp bất khả kháng, có thể đánh giá tổng kết học phần theo hình thức trực tuyến, đảm bảo tính khách quan, công bằng, phù hợp với mục tiêu của học phần và quy định của Trường Đại học Đồng Tháp.

2.2. Bảo vệ đề cương, seminar, đề án thạc sĩ

a) Bảo vệ đề cương, seminar, đề án thạc sĩ: Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo thạc sĩ, ban hành theo Quyết định số 1167/QĐ-ĐHĐT ngày 6/6/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp.

b) Trong trường hợp cần thiết, Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp cho phép tổ chức hội đồng đề đánh giá, góp ý đề cương, seminar, xét tuyển, bảo vệ đề án theo hình thức trực tuyến (gọi tắt là hội đồng đánh giá trực tuyến).

c) Việc tổ chức đánh giá theo hình thức trực tuyến được thực hiện theo Quy định về đào tạo kết hợp của Trường Đại học Đồng Tháp.

3. Chuyển đổi và công nhận tín chỉ

Sinh viên đang học chương trình đào tạo đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) có học lực từ loại khá trở lên, đã tích lũy đạt từ 50% tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo đại học trở lên, có thể được đăng ký học trước một số học phần trong chương trình đào tạo thạc sĩ phù hợp. Tổng số tín chỉ được công nhận không vượt quá 15 tín chỉ.

Ngoài ra, Trường Đại học Đồng Tháp còn chuyển đổi và công nhận tín chỉ của học phần tiếng Anh trong chương trình đào tạo thạc sĩ cho những học viên đã đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo thạc sĩ, trong đó ngôn ngữ sử dụng bằng tiếng Anh.

VI. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đội ngũ giảng viên

1.1 Giảng viên cơ hữu

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Ngành/ chuyên ngành	Ghi chú
1	Nguyễn Giác Trí	PGS,TS	Quản lý kinh tế	Phù hợp
2	Huỳnh Quốc Tuấn	TS	Quản trị kinh doanh	Phù hợp
3	Lê Văn Tuấn	TS	Kinh tế phát triển / Kinh tế đầu tư	Phù hợp
4	Phạm Thái Ngọc	TS	Quản trị kinh doanh	Phù hợp
5	La Ngọc Giàu	TS	Tài chính Ngân hàng	Phù hợp
6	Đinh Văn Toàn	PGS,TS	Kinh tế/ Kinh tế phát triển	Phù hợp
7	Đặng Xuân Huy	TS	Quản trị kinh doanh	Phù hợp

1.2 Giảng viên thỉnh giảng

TT	Họ và tên	Lĩnh vực nghiên cứu/Chuyên môn	Cơ quan công tác/ Thông tin liên hệ
1	Nguyễn Văn Dũng 12/12/1954	Kinh tế	Giảng viên thỉnh giảng
2	Hoàng Văn Long 13/8/1977	Kinh tế	Trường ĐH Công nghệ thực phẩm TPHCM
3	Ngô Văn Thạo 10/01/1970	Kinh tế	Giảng viên thỉnh giảng
4	Nguyễn Vĩnh Luận 24/09/1984	Quản trị kinh doanh	Công ty Dược phẩm Imexpharm Đồng Tháp
5	Võ Thị Thanh Lộc 20/5/1963	Quản trị kinh doanh	Giảng viên thỉnh giảng
6	Nguyễn Hữu Đăng 12/7/1963	Kinh tế Tài chính	Trường Kinh tế, Đại học Cần Thơ
7	Lê Long Hậu 03/9/1981	Kinh tế Tài chính	Trường Kinh tế, Đại học Cần Thơ

TT	Họ và tên	Lĩnh vực nghiên cứu/Chuyên môn	Cơ quan công tác/ Thông tin liên hệ
8	Phan Anh Tú 16/1/1978	Kinh tế quốc tế	Trường Kinh tế, Đại học Cần Thơ
9	Võ Văn Dứt 1978	Kinh doanh quốc tế và quản trị	Trường Kinh tế, Đại học Cần Thơ
10	Quan Minh Nhựt 23/2/1966	Kinh tế ứng dụng	Trường Kinh tế, Đại học Cần Thơ
11	Huỳnh Trường Huy 1977	Kinh tế ứng dụng	Trường Kinh tế, Đại học Cần Thơ
12	Lê Khương Ninh 28/9/1965	Kinh tế ứng dụng	Trường Kinh tế, Đại học Cần Thơ
13	Nguyễn Quốc Nghi 22/12/1982	Kinh tế nông nghiệp	Trường Kinh tế, Đại học Cần Thơ

2. Cơ sở vật chất, học liệu

- Phòng học, phương tiện học tập: Trường ĐHĐT đáp ứng đầy đủ về phòng học và phương tiện, thiết bị trong quá trình dạy, học, báo cáo chuyên đề, seminar, bảo vệ luận văn thạc sĩ, hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ, cụ thể:

- Hệ thống phòng học gắn điều hòa nhiệt độ, màn hình led kích thước lớn (hoặc máy chiếu), hệ thống dạy học trực tuyến bảo đảm kết nối liên tục, thông suốt, hệ thống wifi phục vụ khai thác học liệu mọi lúc, mọi nơi.

- Người học được cung cấp thẻ (tài khoản) để sử dụng tài liệu, tư liệu trong suốt quá trình học, đặc biệt là khai thác tài nguyên học liệu số kết nối với nhiều trung tâm học liệu, địa chỉ trong nước và quốc tế. Khai thác sách, tạp chí khoa học, tài liệu tham khảo thông qua tài khoản db.vista.gov.vn của Trung tâm KH&CN Quốc gia.

- Hệ thống phòng thí nghiệm đã được công nhận đạt tiêu chuẩn ISO: IEC 17025-2005. Số hiệu Vilas 1042. VILAS. Phòng thí nghiệm, thực hành, nghiên cứu đầy đủ trang thiết bị cho các định hướng nghiên cứu, đặc biệt là tính toán mô phỏng, tổng hợp vật liệu, phân tích chất lượng môi trường đất, nước, không khí. Kết nối với các phòng thí nghiệm trọng điểm, các trung tâm phân tích, quan trắc của Sở Tài nguyên môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Tháp.

- Cảnh quan xanh sạch, đẹp, hệ thống wifi phủ sóng toàn khuôn viên, an ninh tốt, giao thông thuận lợi. Khu ký túc xá trên 2.000 chỗ cho sinh viên, học viên.

3. Các hướng nghiên cứu của chuyên ngành

Chương trình đào tạo thạc sĩ quản lý kinh tế có các hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu rất rộng và đa dạng, có thể gợi ý và hướng dẫn cho học viên cao học lựa chọn bao gồm:

- Phát triển kinh tế địa phương/vùng/ quốc gia.
- Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng bền vững địa phương/vùng/quốc gia.
- Phát triển kinh tế - xã hội địa phương/vùng/quốc gia.
- Đầu tư công, quản lý đầu tư công/nợ công/tài sản công/ tài chính công.
- Chi ngân sách/quản lý chi ngân sách nhà nước theo kết quả hoạt động.

- Phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hoặc ngân sách địa phương.
- Tín dụng nhà nước
- Chính sách đầu tư trong điều kiện đổi mới cơ chế quản lý kinh tế và mở rộng quan hệ kinh tế quốc tế.
- Cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực kinh doanh.
- Các giải pháp xúc tiến thương mại nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam trong điều kiện hội nhập.
- Thúc đẩy xuất khẩu địa phương/vùng/quốc gia theo hướng bền vững.
- Quy hoạch, Quản trị nguồn nhân lực và phát triển tổ chức.
- Hoạch định và thực thi chiến lược kinh doanh trong các tập đoàn kinh tế, tổng công ty và các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ở VN.
- Phân tích và vận dụng các mô hình quản lý/ quản trị hiện đại vào các cơ quan/đơn vị/ doanh nghiệp ở Việt Nam
- Nâng cao năng lực cạnh tranh của địa phương/doanh nghiệp
- Tái cơ cấu ngành/lĩnh vực của địa phương
- Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Khu Công nghệ cao X
- Nâng cao chất lượng dịch vụ để phát triển thị trường A
- Vai trò của pháp luật trong việc phát triển kinh tế bền vững ở Việt Nam
- Vai trò của Quản lý kinh tế trong nền kinh tế hiện nay
- Quản lý nhà nước về thị trường viễn thông ở Việt Nam
- Quản lý Nhà nước về lĩnh vực Công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh X
- Quản lý ngân sách cấp huyện của thành phố X, tỉnh Y
- Quản lý đầu tư công từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước tại tỉnh X
- Quản lý chi thường xuyên ngân sách tại quận X, thành phố Y
- Quy hoạch phát triển nuôi trồng thủy sản huyện X, tỉnh Y
- Phân tích thực trạng áp dụng công cụ quản lý kinh tế trong quản lý môi trường trên địa bàn Tỉnh X
- Nghiên cứu tác động của vốn đầu tư tới tăng trưởng kinh tế tỉnh X
- Hoàn thiện chính sách huy động vốn cho đầu tư đổi mới công nghệ tại các Doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam
- Hỗ trợ người nghèo nông thôn tỉnh X tiếp cận thị trường
- Giải quyết việc làm cho lao động nữ trên địa bàn quận X, thành phố Y
- Giải pháp vận dụng tính nghệ thuật của quản lý kinh doanh vào các doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay
- Giải pháp Thương mại điện tử cho các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay
- Giải pháp giúp Việt Nam ứng phó việc chống bán phá giá hàng hóa trong thương mại Quốc tế
- Đổi mới cơ chế quản lý Nhà nước đối với mặt hàng X trong tình hình mới
- Đánh giá công tác Quản lý sự phát triển kinh tế trong chương trình nông thôn mới ở huyện X, Tỉnh Y

.....

VII. TỔNG QUAN VỀ CÁC HỌC PHẦN

1. Học phần 1: Triết học; Mã học phần: GPS.801; Số tín chỉ: 04

(1). Học phần bao gồm 8 chương: Chương 1: Khái luận về triết học; Chương 2: Bản thể luận; Chương 3: Phép biện chứng; Chương 4: Nhận thức luận; Chương 5: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội; Chương 6: Triết học chính trị; Chương 7: Ý thức xã hội; Chương 8: Triết học về con người.

(2). Để học tốt học phần Triết học trong chương trình Thạc sĩ Quản lý kinh tế theo định hướng ứng dụng, học viên cần có nền tảng kiến thức cơ bản về các nguyên lý của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh đã được trang bị ở bậc đại học, đồng thời có khả năng tư duy logic, phân tích và khái quát các vấn đề lý luận gắn với thực tiễn kinh tế – xã hội. Bên cạnh đó, học viên cần chủ động đọc tài liệu học thuật, liên hệ các quan điểm triết học với thực tiễn quản lý và hoạch định chính sách kinh tế, cũng như tích cực tham gia thảo luận, phản biện nhằm nâng cao năng lực vận dụng tri thức triết học vào nghiên cứu và thực tiễn chuyên môn.

(3). Học phần giúp người học củng cố tri thức triết học cho công việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực các khoa học xã hội và nhân văn; nâng cao nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới. Hoàn thiện và nâng cao kiến thức triết học trong Chương trình lý luận chính trị ở bậc đại học nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo các chuyên ngành khoa học xã hội và nhân văn ở trình độ sau đại học.

2. Học phần 2: Tiếng Anh; Mã học phần: GEP.801; Số tín chỉ: 06

(1). Học phần Tiếng Anh giúp người học có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực về câu từ, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc hay gặp trong công việc, học tập, giải trí; Có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra lúc đi lại tại khu vực có sử dụng tiếng Anh; Có thể viết văn bản đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm; Có thể mô tả được những trải nghiệm, sự kiện, mơ ước, hy vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích cho ý kiến và kế hoạch của mình. Qua đó, người học được luyện tập và phát triển các khả năng đồng thời vận dụng được vào việc làm bài thi các môn kỹ năng theo quy định về chuẩn đầu ra của bậc học thạc sĩ.

(2). Để học tốt học phần Tiếng Anh, học viên cần có nền tảng kiến thức tiếng Anh cơ bản tương đương trình độ bậc 2 hoặc tương đương theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam, đặc biệt là các kỹ năng từ vựng, ngữ pháp và khả năng đọc hiểu các văn bản đơn giản. Đồng thời, người học cần chủ động rèn luyện thường xuyên cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết thông qua việc tự học, sử dụng các tài liệu học thuật và thực hành giao tiếp trong các tình huống học tập và công việc liên quan đến chuyên ngành. Bên cạnh đó, học viên cần có tinh thần tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, hoàn thành các bài tập và chủ động vận dụng tiếng Anh vào việc đọc tài liệu chuyên môn, trao đổi học thuật và chuẩn bị cho các kỳ thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo thạc sĩ.

(3). Sau khi học xong học phần, người học có thể đạt được kiến thức và kỹ năng cần thiết tương đương trình độ B1+ theo Khung năng lực 6 bậc dành cho Việt Nam (theo Thông tư số 10 /2011 /TT- BGDDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

3. Học phần 3: Kinh tế phát triển nâng cao; Mã học phần: EMM.801; Số tín chỉ: 03

(1). Học phần kinh tế phát triển thuộc khối kiến thức chuyên ngành, nghiên cứu

các lý thuyết tăng trưởng và phát triển kinh tế; các mô hình tăng trưởng và phát triển kinh tế; phân phối và sử dụng các nguồn lực đến tăng trưởng và phát triển kinh tế và các chính sách phát triển kinh tế ở các nước đang phát triển. Sau khi học xong học phần, học viên có kiến thức về các vấn đề tăng trưởng và phát triển kinh tế; phát triển kỹ năng thuyết trình thảo luận, phản biện khoa học, tham gia nghiên cứu và báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học; có khả năng tự định hướng, thái độ tự học tập, tích lũy kiến thức để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

(2). Để học tốt học phần Kinh tế phát triển nâng cao, người học cần có nền tảng kiến thức cơ bản về kinh tế học vi mô, kinh tế học vĩ mô và các nguyên lý kinh tế phát triển đã được trang bị ở bậc đại học, đồng thời có khả năng phân tích, tổng hợp và vận dụng các lý thuyết kinh tế để giải thích các vấn đề thực tiễn. Bên cạnh đó, người học cần có kỹ năng đọc hiểu tài liệu học thuật bằng tiếng Việt và tiếng Anh, sử dụng các phương pháp phân tích định tính và định lượng cơ bản, cũng như chủ động tham gia thảo luận, thuyết trình và phản biện khoa học. Ngoài ra, người học cần có tinh thần tự học, chủ động tìm hiểu các vấn đề phát triển kinh tế trong bối cảnh trong nước và quốc tế, từ đó nâng cao năng lực nghiên cứu và vận dụng kiến thức vào thực tiễn quản lý và hoạch định chính sách kinh tế.

(3). Sau khi học xong học phần, người học có khả năng hiểu và vận dụng các lý thuyết tăng trưởng, phát triển kinh tế; đánh giá các mối quan hệ giữa sử dụng các nguồn lực phát triển các ngành trong nền kinh tế đến tăng trưởng và phát triển kinh tế; tác động của tăng trưởng và phát triển kinh tế đến các vấn đề môi trường và xã hội như bất bình đẳng, thất nghiệp và đói nghèo. Từ đó, giúp cho người học có kiến thức, kỹ năng và thái độ về sử dụng nguồn lực hiệu quả cho phát triển và tăng trưởng kinh tế bền vững.

4. Học phần 4: Khoa học quản lý kinh tế; Mã học phần: EMM.802; Số tín chỉ: 03

(1). Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành/chuyên ngành gồm những nội dung sâu, rộng tập trung vào trang bị kiến thức, kỹ năng về quản lý kinh tế để người học có được năng lực áp dụng trong ra quyết định tối ưu trong các tình huống cụ thể ở vị trí công tác của người học khi tốt nghiệp. Nội dung học phần khoa học quản lý kinh tế tập trung vào các nội dung nền tảng về khoa học và thực tiễn liên quan đến các chức năng chính của khoa học quản lý được ứng dụng sâu rộng trong kinh tế.

(2). Để học tốt học phần Khoa học quản lý kinh tế, người học cần có nền tảng kiến thức cơ bản về kinh tế học vi mô, kinh tế học vĩ mô và các nguyên lý quản lý. Người học cần có khả năng tư duy phân tích, sử dụng các công cụ phân tích; có kỹ năng tốt trong hiểu và phân tích các tình huống thực tiễn vận dụng các mô hình, nguyên tắc quản lý vào việc ra quyết định quản lý. Bên cạnh đó, người học cần chủ động tham gia thảo luận, phân tích tình huống, và liên hệ với thực tiễn quản lý ở khu vực công và khu vực tư, từ đó nâng cao năng lực đánh giá, dự báo và đề xuất các quyết định quản lý kinh tế hiệu quả.

(3). Nội dung học phần khoa học quản lý kinh tế chủ yếu tập trung vào trang bị cho người học kiến thức, lý luận chung và kỹ năng chủ yếu trong quản lý kinh tế. Cụ thể như: Quản lý và sự phát triển của khoa học quản lý và ứng dụng trong kinh tế, các tổ chức kinh tế - xã hội; Nội dung và yêu cầu của quản lý trong quản lý kinh tế theo các nhóm chức năng hoạch định, tổ chức triển khai, lãnh đạo, kiểm tra và giám sát; Ra quyết định trong quản lý và kỹ năng áp dụng trong thực tế của nhà quản lý; Một số mô hình và phương pháp ra quyết định trong quản lý kinh tế hiện đại được áp dụng.

5. Học phần 5: Phương pháp nghiên cứu khoa học; Mã học phần: EMM.803; Số tín chỉ: 03

(1). Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học tập trung chủ yếu nghiên cứu về các nội dung: Cách tiếp cận nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu khoa học; Cách thức điều tra chọn mẫu và phương pháp chọn mẫu; Kiểm định giả thuyết nghiên cứu; Kiểm định phi tham số. Ngoài ra, kiến thức về cách thức trình bày một bài báo khoa học và trình bày đề cương luận văn thạc sĩ kinh tế cũng được trình bày trong nội dung học phần.

(2). Để học tốt học phần này, người học cần có nền tảng kiến thức cơ bản về toán học, xác suất thống kê và kinh tế lượng đã được trang bị ở bậc đại học, đồng thời hiểu rõ các khái niệm về biến số, mô hình và các phương pháp phân tích dữ liệu trong nghiên cứu kinh tế. Bên cạnh đó, người học cần có kỹ năng sử dụng các phần mềm phân tích thống kê như SPSS, Stata hoặc các công cụ tương đương, cũng như khả năng đọc hiểu và phân tích các nghiên cứu định lượng trong lĩnh vực kinh tế. Ngoài ra, người học cần chủ động thực hành phân tích dữ liệu, tham gia thảo luận học thuật và vận dụng các phương pháp nghiên cứu định lượng vào việc xây dựng đề cương, thực hiện luận văn thạc sĩ và viết bài báo khoa học.

(3). Sau khi học xong, người học có khả năng hiểu và vận dụng các phương pháp nghiên cứu định lượng trong ngành kinh tế, nắm vững các công cụ phân tích kiểm định thống kê trong nghiên cứu, kỹ năng ứng dụng kết hợp với kiến thức chuyên ngành để thực hiện thành công đề cương luận văn thạc sĩ cũng như trình bày bài báo khoa học kinh tế.

6. Học phần 6: Quản lý nhà nước về kinh tế nâng cao; Mã học phần: EMM.804; Số tín chỉ: 03

(1). Học phần nhằm cung cấp những kiến thức lý luận, khái quát cơ bản, có tính hệ thống về tác động có tổ chức, có mục đích của nhà nước lên nền kinh tế bằng pháp quyền và thông qua hệ thống chính sách với các công cụ quản lý kinh tế trên cơ sở sử dụng hiệu quả các nguồn kinh tế trong điều kiện mở cửa và hội nhập kinh tế quốc tế; những vấn đề mang tính cập nhật liên quan đến đường lối, chính sách, pháp luật quản lý nền kinh tế của Việt Nam.

(2). Để học tốt học phần này, người học cần có nền tảng kiến thức cơ bản về kinh tế học, quản lý kinh tế và các nguyên lý của kinh tế công đã được trang bị ở bậc đại học, đồng thời có hiểu biết nhất định về hệ thống tổ chức bộ máy nhà nước và các chính sách kinh tế vĩ mô. Bên cạnh đó, người học cần có khả năng tư duy phân tích, tổng hợp và liên hệ giữa lý luận và thực tiễn quản lý kinh tế của Nhà nước, đặc biệt trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Ngoài ra, người học cần chủ động nghiên cứu tài liệu, tham gia thảo luận và phân tích các tình huống thực tiễn, từ đó nâng cao năng lực đánh giá và vận dụng các công cụ, chính sách quản lý kinh tế vào thực tiễn công tác chuyên môn.

(3). Sau khi hoàn thành học phần, người học phân tích và lý giải được những kiến thức lý luận, khái quát cơ bản, có tính hệ thống về tác động có tổ chức, có mục đích của nhà nước lên nền kinh tế bằng pháp quyền và thông qua hệ thống chính sách với các công cụ quản lý kinh tế trên cơ sở sử dụng hiệu quả các nguồn kinh tế.

7. Học phần 7: Kinh tế quốc tế; Mã học phần: EMM.805; Số tín chỉ: 03

(1). Học phần cung cấp những kiến thức về các lý thuyết thương mại quốc tế, và giới thiệu các mô hình thương mại quốc tế. Ngoài việc người học có thêm kiến thức về

sự hình thành và thay đổi giá cả trên thị trường quốc tế, về khả năng chấp nhận thương mại của các quốc gia, các ảnh hưởng của tăng trưởng đối với thương mại quốc tế trong điều kiện nền kinh tế mở cũng được cập nhật chi tiết.

(2). Để học tốt học phần này, người học cần có nền tảng kiến thức cơ bản về kinh tế học quốc tế, thương mại quốc tế và kinh tế học vĩ mô, đồng thời hiểu các nguyên lý vận hành của thị trường và các quan hệ kinh tế quốc tế. Bên cạnh đó, người học cần có khả năng phân tích, tổng hợp thông tin và theo dõi các xu hướng kinh tế, thương mại quốc tế, cũng như kỹ năng đọc hiểu tài liệu chuyên môn bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Ngoài ra, người học cần chủ động tham gia thảo luận, phân tích các tình huống thực tiễn và vận dụng kiến thức vào việc xây dựng, đánh giá và đề xuất các chiến lược, chính sách và kế hoạch kinh doanh thương mại quốc tế phù hợp với bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu.

(3). Sau khi hoàn thành học phần, người học hiểu, nắm bắt các vấn đề thương mại quốc tế trong phạm vi quốc gia; hoạch định chiến lược, chính sách và kế hoạch kinh doanh thương mại quốc tế của doanh nghiệp phù hợp với các quy luật kinh tế quốc tế đang diễn ra trong phạm vi quốc gia và trên thế giới.

8. Học phần 8: Lãnh đạo và quản lý; Mã học phần: EMM.806; Số tín chỉ: 03

(1). Học phần trang bị các kỹ năng quản lý và lãnh đạo trong khu vực công; tiếp cận kiến thức về nghệ thuật lãnh đạo, nhìn nhận vấn đề với tư cách là một nhà quản lý và lãnh đạo trong khu vực công, với khả năng nhận thức cao, hiểu rõ và phác họa được bối cảnh mà ở đó nghệ thuật lãnh đạo được ứng dụng vào lãnh đạo hiệu quả, các kỹ năng thích nghi, các kỹ năng sáng tạo, để làm chủ sự thay đổi

(2). Để học tốt học phần này, người học cần có nền tảng kiến thức cơ bản về quản lý học, quản lý công và tổ chức bộ máy nhà nước, đồng thời có hiểu biết nhất định về môi trường hoạt động của khu vực công. Bên cạnh đó, người học cần có khả năng tư duy phản biện, phân tích tình huống quản lý và lãnh đạo, cũng như sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn và tham gia tích cực vào các hoạt động thảo luận, làm việc nhóm. Ngoài ra, người học cần có tinh thần chủ động tự học, rèn luyện kỹ năng giao tiếp, ra quyết định và giải quyết vấn đề, từ đó nâng cao năng lực lãnh đạo và quản lý hiệu quả trong bối cảnh khu vực công.

(3). Sau khi hoàn thành học phần, người học vận dụng tốt các kỹ năng quản lý và lãnh đạo trong khu vực công; phác họa được bối cảnh mà ở đó nghệ thuật lãnh đạo được ứng dụng vào lãnh đạo hiệu quả, các kỹ năng thích nghi, các kỹ năng sáng tạo cung cấp tiếp cận kiến thức về nghệ thuật lãnh đạo, nhìn nhận vấn đề với tư cách là một nhà quản lý và lãnh đạo trong khu vực công, với khả năng nhận thức cao.

9. Học phần 9: Quản lý tài chính công; Mã học phần: EMM.807; Số tín chỉ: 03

(1). Nghiên cứu quản lý tài chính công tập trung vào: Tìm hiểu xem khu vực công cộng tham gia vào những hoạt động kinh tế nào? Và chúng được tổ chức ra sao? dự đoán trước tác động mà một chính sách của Chính phủ có thể gây ra. Qua đó đánh giá các tính hiệu quả của những chính sách của Chính phủ như: Các chính sách can thiệp vào vòng tuần hoàn kinh tế, các chính sách thuế. Đánh giá chi tiêu công và quản lý chi tiêu công; cũng như đánh giá nợ công và quản lý nợ công của Chính phủ.

(2). Để học tốt học phần này, người học cần có nền tảng kiến thức cơ bản về kinh tế học, tài chính – tiền tệ và ngân sách nhà nước, đồng thời hiểu các nguyên tắc quản lý tài chính công trong bối cảnh nền kinh tế thị trường. Bên cạnh đó, người học cần có khả năng phân tích số liệu tài chính, đọc hiểu các báo cáo ngân sách và văn bản chính sách,

cũng như vận dụng các công cụ phân tích định tính và định lượng trong đánh giá hiệu quả quản lý tài chính công. Ngoài ra, người học cần chủ động nghiên cứu các tình huống thực tiễn, tham gia thảo luận và liên hệ với bối cảnh quản lý tài chính tại các cơ quan, đơn vị công lập nhằm nâng cao năng lực phân tích và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp.

(3). Sau khi học xong, người học có khả năng trình bày và phân tích những vấn đề liên quan đến tài chính trong khu vực công và cách quản lý phần tài chính này.

10. Học phần 10: Quản lý công; Mã học phần: EMM.808; Số tín chỉ: 03

(1). Quản lý Công tập làm rõ những khái niệm, các xu hướng, các quá trình và các công cụ chủ yếu trong Quản lý khu vực công, đặc biệt chú trọng đến những chủ đề thực tiễn trong việc quản lý chiến lược các tổ chức trong khu vực công, phát triển kỹ năng quản lý hiện đại, và những chủ đề mới trong việc hoàn thiện quản lý khu vực công trên thế giới và ở Việt Nam hiện nay. Học phần cung cấp những kiến thức, công cụ, và kinh nghiệm tốt trên thế giới nhằm giúp nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức công thông qua (1) hoạch định chiến lược phát triển của tổ chức (xác định các tầm nhìn, sứ mạng, các mục tiêu, các chiến lược phát triển, và các kế hoạch hành động của tổ chức công); (2) thực hiện chiến lược (quản lý việc thực hiện dựa trên kết quả và các quá trình hoàn thiện liên tục...); và (3) các công cụ mới trong việc đáp ứng tốt hơn nữa các dịch vụ công (nổi dãi cánh tay của chính phủ trong việc thực hiện sứ mạng công: cai quản bằng liên minh, hợp tác, thuê ngoài...)

(2). Để học tốt học phần này, người học cần có nền tảng kiến thức về quản lý công, quản trị chiến lược và phân tích chính sách, đồng thời hiểu rõ đặc thù hoạt động của các tổ chức công trong bối cảnh kinh tế – xã hội và thể chế hiện hành. Bên cạnh đó, người học cần có khả năng tư duy hệ thống, phân tích các bên liên quan, đánh giá môi trường tổ chức và vận dụng các công cụ quản lý chiến lược vào thực tiễn. Ngoài ra, người học cần chủ động tham gia thảo luận tình huống, làm việc nhóm và nghiên cứu thực tiễn quản lý tại các cơ quan, đơn vị công lập nhằm nâng cao năng lực hoạch định, thực thi và giám sát chiến lược trong khu vực công.

(3). Sau khi hoàn thành học phần, người học được nâng cao hiểu biết về các năng lực cốt lõi cần thiết để hiểu được môi trường của các tổ chức công và quản lý chiến lược hoạt động của tổ chức và các bên có liên quan. Kết hợp nhận thức và kiến thức chuyên môn để thực thi và ban hành các chiến lược, công cụ và thực hành quản lý để đạt được các mục tiêu của tổ chức công. Phát triển các kỹ năng và kỹ thuật cần thiết để trở thành những nhà quản lý công thành công.

11. Học phần 11: Kinh tế học thể chế; Mã học phần: EMM.809; Số tín chỉ: 03

(1). Học phần cung cấp kiến thức chuyên sâu cho người học về các ảnh hưởng của các điều tiết đối với thị trường đến các đối tượng có liên quan. Ngoài ra, người học còn được cung cấp kiến thức về các đặc điểm của các hoạt động kinh tế như sự không chắc chắn và thông tin bất đối xứng có ảnh hưởng sâu sắc đến hành vi của các cá nhân và tổ chức. Cuối cùng, thông qua học phần này người học còn được nắm bắt được lý thuyết trò chơi sử dụng để phán đoán hành vi của các cá nhân và tổ chức đối với các định chế được thiết lập và chi phí giao dịch.

(2). Để học tốt học phần này, người học cần có nền tảng kiến thức về kinh tế học vi mô, kinh tế học thể chế và các nguyên lý cơ bản của lý thuyết trò chơi, đồng thời hiểu được vai trò của các định chế và cơ chế điều tiết đối với hoạt động của thị trường. Bên cạnh đó, người học cần có khả năng tư duy phân tích, đánh giá hành vi của các cá nhân và tổ chức trong các bối cảnh thể chế khác nhau, cũng như kỹ năng đọc hiểu tài liệu học thuật và nghiên cứu tình huống thực tiễn. Ngoài ra, người học cần chủ động tìm kiếm

và xử lý thông tin, tích cực tham gia thảo luận, làm việc nhóm và thuyết trình, từ đó nâng cao năng lực phân tích và vận dụng kiến thức vào thực tiễn quản lý và hoạch định chính sách kinh tế.

(3). Sau khi học xong, người học có kiến thức chuyên sâu về các ảnh hưởng của các điều tiết đối với thị trường đến các đối tượng có liên quan; lý thuyết trò chơi sử dụng để phán đoán hành vi của các cá nhân và tổ chức đối với các định chế được thiết lập và chi phí giao dịch. Có kỹ năng phân tích, đánh giá ảnh hưởng của các định chế đến hành vi kinh tế của các đối tượng có liên quan. Kỹ năng tự tìm kiếm thông tin, đánh giá, phân tích thông tin, kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình. Rèn luyện ý thức, trách nhiệm trong công việc để hoàn thiện bản thân.

12. Học phần 12: Chính sách ngoại thương và hội nhập kinh tế quốc tế; Mã học phần: EMM.810; Số tín chỉ: 02

(1). Học phần giúp người học nắm được những nội dung cốt lõi về các lý thuyết thương mại quốc tế, chính sách ngoại thương, và hội nhập kinh tế quốc tế hướng đến. Ngoài ra, người học còn vận dụng các kiến thức đã học để phân tích và nhận định về các liên kết kinh tế quốc tế nhằm chủ động thích nghi với các quy luật vận hành nền kinh tế toàn cầu. Bên cạnh củng cố khả năng tự học, tự nghiên cứu, học phần còn giúp người học nâng cao ý thức trách nhiệm đối với nhóm làm việc, có thái độ nghiêm túc, tích cực trong học tập và nghiên cứu, phát triển kỹ năng lập luận, thuyết trình trước công chúng.

(2). Để học tốt học phần này, người học cần có nền tảng kiến thức cơ bản về kinh tế học vi mô, kinh tế học vĩ mô và các nguyên lý kinh tế quốc tế đã được trang bị ở bậc đại học, đồng thời có sự quan tâm đến các vấn đề hội nhập và toàn cầu hóa kinh tế. Bên cạnh đó, người học cần có khả năng tư duy phân tích, tổng hợp và so sánh các lý thuyết thương mại quốc tế, cũng như kỹ năng đọc hiểu tài liệu chuyên môn và theo dõi các xu hướng kinh tế quốc tế. Ngoài ra, người học cần chủ động tham gia thảo luận, nghiên cứu các tình huống thực tiễn và liên hệ với bối cảnh hội nhập kinh tế của Việt Nam, từ đó nâng cao năng lực vận dụng kiến thức vào học tập, nghiên cứu và công tác chuyên môn.

(3). Sau khi học xong, người học có được cái nhìn tổng quát trước khi đi vào chuyên sâu về ngoại thương và kinh tế quốc tế. Điểm trọng yếu ở đây là giúp người học có cái nhìn mới, hiểu về các lý thuyết thương mại quốc tế, chính sách ngoại thương, và hội nhập kinh tế quốc tế nhằm chủ động hội nhập nền kinh tế toàn cầu. Học phần trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản nhằm chủ động thích nghi tốt với quy luật vận hành nền kinh tế toàn cầu.

13. Học phần 13: Chuyển đổi số và thương mại điện tử; Mã học phần: EMM.811; Số tín chỉ: 03

(1). Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản và nâng cao về chuyển đổi số, trong việc tích hợp các khía cạnh công nghệ và quản lý của công nghệ thông tin để thực hiện việc số hóa các quy trình kinh doanh của các doanh nghiệp hay quy trình hoạt động của các cơ quan, doanh nghiệp. Cung cấp các kiến thức về thương mại điện tử, cách thức giao dịch trong thương mại điện tử và các nghiệp vụ cơ bản trong kinh doanh điện tử.

(2). Để học tốt học phần này, người học cần có kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin và tin học ứng dụng, đồng thời có khả năng sử dụng thành thạo các công cụ tin học văn phòng và môi trường Internet trong học tập và công việc. Bên cạnh đó, người học cần có hiểu biết nhất định về các nguyên lý quản lý và hoạt động kinh doanh, cũng như khả năng tư duy phân tích và vận dụng công nghệ thông tin vào việc giải quyết các vấn đề quản lý và tổ chức. Ngoài ra, người học cần chủ động tìm hiểu các mô hình thương mại điện tử, tích cực tham gia thảo luận và thực hành phân tích, xây dựng kế

hoạch kinh doanh điện tử nhằm nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong bối cảnh chuyển đổi số.

(3). Các kiến thức trong học phần giúp người học có thể vận dụng những kiến thức về công nghệ thông tin đã được học để giải quyết các tình huống trong thực tế. Từ góc độ quản lý, những điều này tạo điều kiện thuận lợi cho sự phối hợp và giao tiếp mới trong và giữa các thực thể, cho phép các hình thức tổ chức mới, thay đổi môi trường thông tin cơ bản của doanh nghiệp. Học phần còn giúp người học hiểu rõ về hoạt động thương mại điện tử, các mô hình thương mại điện tử, cách thức phân tích và lập kế hoạch kinh doanh điện tử.

14. Học phần 14: Kế toán quản trị cho khu vực công; Mã học phần: EMM.812; Số tín chỉ: 03

(1). Môn học đề cập nội dung kế toán Nhà nước trong các khu vực quản lý ngân sách nhà nước, quản lý kho bạc Nhà nước, chuyên thu, chi ngân sách nhà nước và đơn vị hành chính sự nghiệp, trong đó đi sâu lĩnh vực kế toán, phần hành cơ bản của các đơn vị dự toán (đơn vị đơn vị hành chính sự nghiệp).

(2). Để học tốt học phần này, người học cần có nền tảng kiến thức cơ bản về kế toán, tài chính và nguyên lý kế toán đã được trang bị ở bậc đại học, đồng thời hiểu rõ đặc điểm hoạt động và cơ chế tài chính của các đơn vị công. Bên cạnh đó, người học cần có khả năng phân tích, tổng hợp và xử lý dữ liệu kế toán, cũng như kỹ năng sử dụng các công cụ và phần mềm hỗ trợ kế toán trong học tập và nghiên cứu. Ngoài ra, người học cần chủ động nghiên cứu các quy định pháp lý liên quan đến kế toán công, tích cực tham gia thảo luận và thực hành tình huống, từ đó nâng cao năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn và phát triển kỹ năng chuyên môn trong lĩnh vực kế toán khu vực công.

(3). Sau khi hoàn thành học phần, người học có Kiến thức lý thuyết sâu, tiên tiến, vận dụng các đặc điểm quản lý tài chính và kế toán của các đơn vị công Việt Nam. Kiến thức chung về đặc điểm đơn vị công, kế toán trong đơn vị công. Kỹ năng xử lý, phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp để kế toán các hoạt động trong đơn vị công một cách khoa học. Kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp liên quan đến kế toán công. Làm việc độc lập tốt, diễn đạt tốt trong hội họp và văn bản, có tinh thần trách nhiệm, kỷ luật cao, độc lập sáng tạo và cẩn thận trong công việc.

15. Học phần: Marketing Địa Phương; Mã học phần: EMM.813; Số tín chỉ: 03

(1). Học phần giới thiệu cho học viên về tầm quan trọng của nguồn lực địa phương trong việc xây dựng chiến lược marketing ở cấp địa phương hoặc quốc gia. Đồng thời, học phần còn giới thiệu mô hình phân tích marketing địa phương. Dựa trên nội dung lý thuyết được trình bày, học viên sẽ lựa chọn và phân tích đánh giá về các nguồn lực nhằm làm cơ sở xây dựng chiến lược marketing địa phương cho một địa phương điển hình

(2). Để học tốt học phần này, người học cần có nền tảng kiến thức cơ bản về marketing, quản trị chiến lược và phát triển địa phương, đồng thời hiểu rõ đặc điểm kinh tế – xã hội và các nguồn lực đặc thù của địa phương/quốc gia. Bên cạnh đó, người học cần có khả năng tư duy phân tích, đánh giá và so sánh các lợi thế cạnh tranh, cũng như kỹ năng thu thập và xử lý thông tin phục vụ cho việc xây dựng chiến lược marketing địa phương. Ngoài ra, người học cần chủ động tham gia thảo luận, làm việc nhóm và rèn luyện kỹ năng thuyết trình, từ đó nâng cao năng lực vận dụng kiến thức vào việc thiết kế và đề xuất các chương trình marketing địa phương một cách khoa học và hiệu quả.

(3). Sau khi hoàn thành học phần, người học có Nhận thức đúng về tầm quan trọng

của hoạt động marketing đối với một địa phương/một quốc gia dựa vào các nguồn lực tại địa phương/quốc gia. Vận dụng kiến thức về marketing địa phương trong việc xây dựng chiến lược marketing địa phương và chương trình hành động. Vận dụng kỹ năng phân tích, đánh giá các nguồn lực địa phương/quốc gia để xây dựng chiến lược marketing địa phương. Vận dụng kỹ năng thuyết trình các chiến lược marketing địa phương dựa trên cơ sở phân tích một địa phương/quốc gia điển hình. Tác phong học tập và nghiên cứu nghiêm túc, tích cực thảo luận và tư duy. Có tinh thần trách nhiệm trong tổ chức, làm việc nhóm.

16. Học phần 16: Kinh tế tài nguyên và môi trường; Mã học phần: EMM.814; Số tín chỉ: 03

(1). Học phần gồm 9 chương liên quan đến các lý thuyết kinh tế tài nguyên môi trường và các chính sách tài nguyên môi trường được áp dụng và vận hành trong thực tế như thế nào

(2) Để học tốt học phần này, người học cần có nền tảng kiến thức cơ bản về kinh tế học, đặc biệt là kinh tế học vi mô và kinh tế học vĩ mô, đồng thời có sự quan tâm đến các vấn đề môi trường và phát triển bền vững. Bên cạnh đó, người học cần có khả năng tư duy phân tích, đánh giá mối quan hệ giữa hoạt động kinh tế và tác động đến môi trường, cũng như kỹ năng đọc hiểu tài liệu và phân tích các chính sách quản lý tài nguyên và môi trường. Ngoài ra, người học cần chủ động tham gia thảo luận, nghiên cứu các tình huống thực tiễn và vận dụng các công cụ kinh tế vào việc đề xuất các giải pháp quản lý môi trường và tài nguyên thiên nhiên một cách hiệu quả và bền vững.

(3). Sau khi hoàn thành học phần, Giúp người học hiểu được mối quan hệ qua lại giữa những hoạt động kinh tế và môi trường. Môn học thảo luận về lý thuyết và công cụ chính sách được sử dụng để quản lý môi trường và tài nguyên thiên nhiên hiệu quả hơn.

17. Học phần 17: Phát triển kinh tế vùng và địa phương; Mã học phần: EMM.815; Số tín chỉ: 03

(1). Học phần giới thiệu cho người học về các khái niệm liên quan đến các nguyên tắc phân bố sản xuất, khái niệm vùng kinh tế, phân vùng kinh tế. Môn học cũng giới thiệu sự phân bố theo lãnh thổ các ngành kinh tế trong cả nước. Cung cấp các công cụ phục vụ cho phân tích các yếu tố bên trong và bên ngoài tác động đến sự phát triển của

(2). Để học tốt học phần này, người học cần có nền tảng kiến thức cơ bản về kinh tế học, địa lý kinh tế và phát triển kinh tế, đồng thời có hiểu biết nhất định về điều kiện tự nhiên, tài nguyên và đặc điểm kinh tế – xã hội của Việt Nam. Bên cạnh đó, người học cần có khả năng tư duy phân tích, tổng hợp và so sánh các đặc điểm phát triển giữa các vùng kinh tế, cũng như kỹ năng thu thập, xử lý và trình bày thông tin phục vụ cho việc phân tích và đánh giá vùng. Ngoài ra, người học cần chủ động tham gia thảo luận, làm việc nhóm và nghiên cứu thực tiễn, từ đó nâng cao năng lực vận dụng kiến thức vào việc phân tích, đánh giá và đề xuất các giải pháp phát triển kinh tế vùng một cách hiệu quả.

(3). Sau khi hoàn thành học phần, người học Nhận biết các nguyên tắc phân bố sản xuất, vùng kinh tế, phân vùng và quy hoạch vùng. Mô tả tổ chức lãnh thổ các ngành kinh tế ở Việt Nam. Xác định các đặc điểm chủ yếu về tài nguyên và kinh tế của các vùng kinh tế lớn ở Việt Nam. Lựa chọn những công cụ để phân tích vùng tổng thể và phân tích nội bộ vùng. Đánh giá các chính sách tăng trưởng và phát triển kinh tế của từng vùng và cả nước. Có Kỹ năng làm việc nhóm. Kỹ năng thuyết trình, thảo luận, trình bày và tự nghiên cứu. Nhận biết tầm quan trọng của từng ngành kinh tế và thế mạnh kinh tế của từng vùng kinh tế trên cả nước. Tự tin trong phân tích các vấn đề liên quan đến các vùng kinh tế trong phát triển kinh tế đất nước.

18. Học phần 18: Quản trị dự án đầu tư; Mã học phần: EMM.816; Số tín chỉ: 03

(1). Học phần tập trung vào cách tiếp cận tổng thể của quá trình quản trị dự án đầu tư, có chú trọng đến khía cạnh hiệu quả về mặt tài chính của dự án, những nguyên tắc và kỹ năng quản trị dự án đầu tư từ khi bắt đầu đến khi kết thúc dự án.

(2). Để học tốt học phần này, người học cần có nền tảng kiến thức cơ bản về kinh tế học, tài chính và quản trị, đặc biệt là các nguyên lý liên quan đến đầu tư, chi phí, lợi ích và hiệu quả tài chính. Bên cạnh đó, người học cần có khả năng tư duy phân tích, tổng hợp thông tin và sử dụng các công cụ hỗ trợ trong lập kế hoạch, đánh giá và quản lý dự án đầu tư. Ngoài ra, người học cần chủ động tham gia thảo luận, làm việc nhóm và nghiên cứu các tình huống thực tiễn, từ đó nâng cao năng lực vận dụng kiến thức vào việc lập kế hoạch, tổ chức, điều phối nguồn lực và ra quyết định quản trị dự án một cách hiệu quả.

(3). Sau khi hoàn thành học phần, người học có được những năng lực sau: Ứng dụng được các kiến thức về dự án, quản trị dự án để đánh giá hiệu quả tài chính dự án đầu tư. Lập được kế hoạch, tổ chức và điều động nguồn lực thực hiện dự án. Lựa chọn được các dự án đầu tư có hiệu quả về mặt tài chính. Có khả năng tổng hợp thông tin để ra quyết định quản lý. Có kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả. Tham dự đầy đủ và hoàn thành các yêu cầu được giao trong quá trình học tập; yêu ngành nghề. Có khả năng đảm nhận được các vai trò trong các hoạt động quản trị dự án một cách linh hoạt và sáng tạo.

19. Học phần 19: Quản trị đổi mới và sáng tạo; Mã học phần: EMM.817; Số tín chỉ: 03

(1). Học phần Quản trị đổi mới và sáng tạo trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản trị sự thay đổi trong tổ chức, tổng hợp các hoạt động quản trị nhằm chủ động phát hiện, thúc đẩy và điều khiển quá trình thay đổi của doanh nghiệp phù hợp với những biến động của môi trường kinh doanh đảm bảo cho doanh nghiệp phát triển trong môi trường kinh doanh luôn biến động. Sự thay đổi ở đây được hiểu là quá trình cải tổ một cách chủ động nhằm mục đích tạo sự cạnh tranh lớn hơn cho tổ chức. Học phần trang bị cho học viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản trị sự thay đổi có thể từ việc lớn như tái cơ cấu tổ chức, tổ chức lại hoạt động các bộ phận, áp dụng quy trình, công nghệ mới,... đến việc nhỏ như tổ chức lại phong cách hoạt động, thay đổi chất lượng sản phẩm,...

(2). Để học tốt học phần này, người học cần có nền tảng kiến thức cơ bản về quản trị học, hành vi tổ chức và quản trị chiến lược, đồng thời có hiểu biết nhất định về môi trường hoạt động và sự vận động, phát triển của tổ chức. Bên cạnh đó, người học cần có khả năng tư duy phân tích, đánh giá và vận dụng các mô hình quản trị sự thay đổi vào các tình huống thực tiễn, cũng như kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hỗ trợ trong học tập và nghiên cứu. Ngoài ra, người học cần chủ động tham gia thảo luận, làm việc nhóm, rèn luyện kỹ năng thuyết trình và phản biện, từ đó nâng cao năng lực vận dụng kiến thức vào việc đánh giá, thiết kế và triển khai các chương trình quản trị sự thay đổi trong tổ chức.

(3). Học phần giúp học viên biết được những nội dung cốt lõi về quản trị sự thay đổi, các quan điểm và mục tiêu của chương trình thay đổi. Người học hiểu được quy trình hoạt động của các mô hình quản trị sự thay đổi; tiến trình của sự thay đổi; các loại thay đổi. Ngoài việc vận dụng công nghệ thông tin hỗ trợ, học viên có thể vận dụng các kiến thức đã học để đánh giá các hoạt động liên quan trong quy trình quản trị sự thay đổi phù hợp từng giai đoạn phát triển của hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp, đánh giá được tình trạng hiện tại của công ty và đánh giá kết quả của sự thay đổi. Học

phần còn giúp người học phát triển kỹ năng lập luận, thuyết trình trước và kỹ năng làm việc nhóm, phát triển kỹ năng so sánh, phân tích, và đánh giá trong thời kỳ mới.

20. Học phần 20: Logistics và quản lý chuỗi cung ứng; Mã học phần: EMM.818; Số tín chỉ: 03

(1). Học phần cung cấp các kiến thức về hệ thống quản lý chuỗi cung ứng để người học có được cái nhìn tổng quát trước khi đi vào chuyên sâu. Điểm trọng yếu ở đây là giúp người học có cái nhìn mới về quản trị logistics và quản lý chuỗi cung ứng và vai trò rất quan trọng trong giai đoạn phát triển kinh tế hiện nay; giúp người học có thể tiếp cận các kỹ thuật, công nghệ thiết kế hệ thống quản lý chuỗi cung ứng. Học phần trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản trị logistics nhằm thiết lập, thực hiện hệ thống chuỗi cung ứng có thể áp dụng cho các loại tổ chức khác nhau trong xã hội.

(2). Để học tốt học phần này, người học cần có nền tảng kiến thức cơ bản về quản trị học, kinh tế học và quản trị sản xuất – vận hành, đồng thời có hiểu biết nhất định về hoạt động logistics và chuỗi cung ứng trong doanh nghiệp. Bên cạnh đó, người học cần có khả năng tư duy phân tích, lập kế hoạch và đánh giá hiệu quả hoạt động của các khâu trong chuỗi cung ứng, cũng như kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hỗ trợ trong học tập và quản lý. Ngoài ra, người học cần chủ động tham gia thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống thực tiễn và rèn luyện kỹ năng thuyết trình, từ đó nâng cao năng lực vận dụng kiến thức vào việc hoạch định, quản lý và đánh giá hiệu quả chuỗi cung ứng một cách khoa học và hiệu quả.

(3). Sau khi hoàn thành học phần, người học nắm được những nội dung cốt lõi về logistics, quản trị cung ứng, các quan điểm và mục tiêu của nhà quản trị cung ứng hướng đến. người học hiểu được quy trình hoạt động của chuỗi cung ứng, logistics; cách thức xây dựng kế hoạch; hoạch định được các chiến lược. Ngoài việc vận dụng công nghệ thông tin hỗ trợ và tạo ra sự hợp tác hiệu quả trong chuỗi cung ứng, người học còn vận dụng các kiến thức đã học để đo lường hiệu quả hoạt động của chuỗi, tạo tiền đề cho việc đánh giá hiệu quả chuỗi cung ứng của một doanh nghiệp. Bên cạnh củng cố khả năng tự học, tự nghiên cứu, học phần còn giúp người học nâng cao ý thức trách nhiệm đối với nhóm làm việc, có thái độ nghiêm túc, tích cực trong học tập và nghiên cứu, phát triển kỹ năng lập luận, thuyết trình trước công chúng.

21. Học phần 21: Quản trị nguồn nhân lực; Mã học phần: EMM.819; Số tín chỉ: 03

(1). Học phần cung cấp các kiến thức quản trị nguồn nhân lực từ khâu hoạch định đến thu hút, tuyển dụng, đào tạo, sử dụng, phát triển nguồn nhân lực đến động viên, đãi ngộ, đánh giá nhân sự. Quản trị nhân lực vừa mang cả tính khoa học lẫn nghệ thuật trong việc khai thác và quản lý tài nguyên con người nhằm thỏa mãn nhu cầu của con người và đạt hiệu quả của tổ chức, doanh nghiệp.

(2). Để học tốt học phần này, người học cần có nền tảng kiến thức cơ bản về quản trị học, hành vi tổ chức và các nguyên lý quản trị nguồn nhân lực, đồng thời có hiểu biết nhất định về môi trường hoạt động và đặc điểm nguồn nhân lực trong tổ chức. Bên cạnh đó, người học cần có khả năng tư duy phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề liên quan đến quản trị nguồn nhân lực, cũng như kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, đàm phán và thuyết phục trong môi trường tổ chức. Ngoài ra, người học cần chủ động tham gia thảo luận, nghiên cứu các tình huống thực tiễn và rèn luyện kỹ năng ra quyết định, từ đó nâng cao năng lực vận dụng kiến thức vào công tác quản trị nguồn nhân lực một cách hiệu quả và phù hợp với mục tiêu phát triển của tổ chức.

(3). Sau khi hoàn thành học phần, người học có khả năng ứng dụng tốt kiến thức

quản trị nguồn nhân lực để giải quyết các yêu cầu xử lý, cung cấp thông tin và ra quyết định trong lĩnh vực quản trị nguồn nhân lực. Chủ động phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan đến con người trong tổ chức sao cho hài hòa, hợp lý. Phản biện, làm việc nhóm, đánh giá vấn đề đa chiều, đàm phán, thuyết phục. Có thái độ nghiêm túc, trách nhiệm cao cùng tinh thần kỷ luật trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Phát huy trí tuệ và sức mạnh tập thể trong hoạt động chuyên môn, nâng cao đời sống tinh thần của người lao động.

22. Học phần 22: Kinh tế tuần hoàn; Mã học phần: EMM.823; Số tín chỉ: 03

(1). Tổng hợp và vận dụng các kiến thức đã học vào việc phân tích và giải quyết các vấn đề thực tiễn liên quan đến kinh tế tuần hoàn; phát triển tư duy hệ thống, tư duy vòng đời sản phẩm và khả năng thiết kế các mô hình sản xuất – kinh doanh theo hướng tuần hoàn, sử dụng hiệu quả tài nguyên và giảm thiểu chất thải. Người học có khả năng ứng dụng các công cụ, phương pháp và phần mềm xử lý dữ liệu để đánh giá hiệu quả kinh tế, môi trường và xã hội của các mô hình tuần hoàn; đồng thời đề xuất các giải pháp, sáng kiến đổi mới trong quản lý và vận hành tổ chức theo hướng phát triển bền vững.

(2). Để học tốt học phần này, người học cần có nền tảng kiến thức cơ bản về kinh tế học, quản lý kinh tế và phát triển bền vững; đồng thời có hiểu biết nhất định về các vấn đề môi trường, sử dụng tài nguyên và mô hình sản xuất – tiêu dùng hiện nay. Bên cạnh đó, người học cần có năng lực tư duy phân tích, tư duy hệ thống và khả năng đánh giá vòng đời sản phẩm/dịch vụ, cũng như kỹ năng nghiên cứu và đề xuất giải pháp đổi mới theo hướng kinh tế tuần hoàn. Ngoài ra, người học cần chủ động tham gia thảo luận, làm việc nhóm và liên hệ với thực tiễn tại doanh nghiệp/địa phương nhằm nâng cao năng lực áp dụng mô hình tuần hoàn trong quản lý và phát triển tổ chức.

(3). Sau khi hoàn thành học phần, người học có khả năng phân tích và đánh giá các mô hình kinh tế tuyến tính và kinh tế tuần hoàn trong tổ chức; thiết kế và đề xuất các giải pháp chuyển đổi sang mô hình kinh tế tuần hoàn phù hợp với điều kiện thực tiễn. Người học có thể áp dụng các công cụ và quy trình nghiên cứu để xây dựng sáng kiến cải tiến theo hướng sử dụng hiệu quả tài nguyên, giảm phát thải và nâng cao giá trị gia tăng. Đồng thời, người học có khả năng đánh giá hiệu quả kinh tế, môi trường và xã hội của các giải pháp đề xuất, cũng như năng lực làm việc nhóm và triển khai các kế hoạch hành động trong bối cảnh phát triển bền vững.

23. Học phần 23: Thực tập nghề nghiệp 1; Mã học phần: EMM.820; Số tín chỉ: 03

(1). Tổng hợp những kiến thức đã học trong suốt thời gian học tập tại trường; Ứng dụng những kiến thức đã học vào hoàn cảnh thực tế, trau dồi các kỹ năng tư duy, phân tích, đánh giá, thiết kế được các ý tưởng mô hình quản trị chuyên biệt mang lại hiệu quả cao vào tổ chức (Doanh nghiệp/cơ quan); Áp dụng thành thạo các phần mềm xử lý số liệu để phục vụ nghiên cứu chuyên ngành; Tạo ra được ý tưởng mới có tính đột phá trong vận hành tổ chức và thực hiện các nghiệp vụ thuộc lĩnh vực kinh tế và quản lý kinh tế.

(2). Để học tốt học phần này, người học cần có nền tảng kiến thức cơ bản về quản trị học, hành vi tổ chức và văn hóa tổ chức, đồng thời có hiểu biết nhất định về môi trường làm việc và đặc điểm văn hóa trong các loại hình tổ chức. Bên cạnh đó, người học cần có khả năng tư duy phân tích, tự đánh giá năng lực bản thân và đánh giá hiệu quả hoạt động của cá nhân và nhóm, cũng như kỹ năng nghiên cứu, đề xuất sáng kiến cải tiến trong tổ chức. Ngoài ra, người học cần chủ động tham gia thảo luận, làm việc nhóm và liên hệ với thực tiễn công tác, từ đó nâng cao năng lực xây dựng môi trường

làm việc hiệu quả và vận dụng kiến thức vào việc nâng cao hiệu suất hoạt động của tổ chức.

(3). Sau khi hoàn thành học phần, người học Xây dựng được môi trường văn hoá làm việc phù hợp cho tổ chức của mình làm hoặc thiết lập được vận hành tổ chức trong môi trường đa văn hoá của tổ chức. Áp dụng thành thạo quy trình tổ chức nghiên cứu hiệu quả để tạo ra những sáng kiến nhằm cải tiến cách thức hoạt động của tổ chức. Xác định đúng về năng lực của bản thân và Đánh giá được hiệu quả, hiệu suất quá trình triển khai kế hoạch thực hiện công việc của bản thân và nhóm làm việc tại tổ chức.

24. Học phần 24: Thực tập nghề nghiệp 2; Mã học phần: EMM.821; Số tín chỉ: 03

(1). Tổng hợp những kiến thức đã học trong suốt thời gian học tập tại trường; Ứng dụng những kiến thức đã học vào hoàn cảnh thực tế sản xuất kinh doanh/hoạt động đặc thù của tổ chức, trau dồi các kỹ năng tư duy, phân tích, đánh giá, thiết kế được các ý tưởng mô hình quản trị chuyên biệt mang lại hiệu quả cao vào tổ chức (doanh nghiệp/cơ quan); Áp dụng thành thạo các phần mềm xử lý số liệu để phục vụ nghiên cứu chuyên ngành; Tạo ra được ý tưởng mới có tính đột phá trong vận hành tổ chức và thực hiện các nghiệp vụ thuộc lĩnh vực kinh tế và quản lý kinh tế.

(2). Để học tốt học phần này, người học cần có nền tảng kiến thức cơ bản về quản trị chiến lược, quản trị kinh doanh và phân tích môi trường kinh doanh, đồng thời hiểu rõ các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động và sự phát triển của doanh nghiệp/cơ quan. Bên cạnh đó, người học cần có khả năng tư duy phân tích, lập kế hoạch và sử dụng các phần mềm xử lý số liệu hỗ trợ nghiên cứu và xây dựng chiến lược. Ngoài ra, người học cần chủ động tham gia thảo luận, làm việc nhóm, rèn luyện kỹ năng tự đánh giá và liên hệ với thực tiễn, từ đó nâng cao năng lực xây dựng, triển khai và đánh giá hiệu quả các kế hoạch và chiến lược hoạt động của tổ chức.

(3). Sau khi hoàn thành học phần, người học phác thảo được kế hoạch hoạt động/chiến lược kinh doanh hiệu quả với các hình thái hoạt động khác nhau của doanh nghiệp/cơ quan; tổ chức được kế hoạch chiến lược chuyển đổi mô hình tổ chức hoạt động của doanh nghiệp/cơ quan. Áp dụng thành thạo các phần mềm xử lý số liệu để phục vụ nghiên cứu chuyên ngành trong quá trình xây dựng chiến lược. Xác định đúng về kỹ năng, kiến thức và năng lực của bản thân cho công việc. Đánh giá được hiệu quả, hiệu suất quá trình triển khai kế hoạch thực hiện công việc của bản thân và nhóm làm việc.

25. Học phần 25: Đề án thực tập; Mã học phần: EMM.822; Số tín chỉ: 09

(1). Đề án tốt nghiệp là một công trình khoa học quan trọng của học viên, nhằm đánh giá khả năng vận dụng tổng hợp những kiến thức chuyên môn đã tiếp thu từ các học phần thuộc Chương trình đào tạo để giải quyết những yêu cầu về ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn các hoạt động sản xuất kinh doanh và quản trị đặt ra. Kết hợp với sự hiểu biết về phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh, người học được yêu cầu tự chọn cho cá nhân một vấn đề nghiên cứu phù hợp, xây dựng và thực hiện quy trình.

(2). Để thực hiện tốt đề án thực tập, người học cần có nền tảng kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành đã được tích lũy từ các học phần trong chương trình đào tạo, đồng thời nắm vững phương pháp nghiên cứu khoa học, bao gồm cả phương pháp định tính và định lượng. Bên cạnh đó, người học cần có khả năng tư duy phản biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá tài liệu học thuật, cũng như kỹ năng sử dụng các công cụ hỗ trợ nghiên cứu và xử lý dữ liệu. Ngoài ra, người học cần chủ động, nghiêm túc trong quá trình nghiên cứu, tuân thủ các chuẩn mực đạo đức khoa học, tích cực trao đổi với giảng viên hướng dẫn và rèn luyện kỹ năng viết học thuật, thuyết trình và bảo vệ kết quả nghiên cứu một cách khoa

học và thuyết phục.

(3). Sau khi hoàn thành học phần, người học hệ thống hóa được các kiến thức chuyên ngành đã học được từ các học phần. Bình luận được các ưu, nhược điểm của các mô hình lý thuyết và các tài liệu nghiên cứu. Xác định được một vấn đề nghiên cứu cụ thể thuộc lĩnh vực quản trị kinh doanh. Giải quyết được vấn đề nghiên cứu đã đặt ra theo đúng phương pháp luận. Có khả năng thực hiện thành thạo được một nghiên cứu khoa học hoàn chỉnh thuộc lĩnh vực quản trị kinh doanh. Vận dụng được đa dạng các kỹ năng (đọc, viết, phân tích, đánh giá, tổng hợp) để thực hiện một nghiên cứu khoa học hàn lâm. Thuyết trình và bảo vệ được đề cương nghiên cứu trước các nhà khoa học. Thuyết trình và bảo vệ được kết quả nghiên cứu trước các nhà khoa học. Chủ động trong việc xác định đúng vấn đề cần giải quyết. Có ý thức đúng đắn về các chuẩn mực đạo đức trong thực hiện.

PHẦN II. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. HỌC PHẦN 1: TRIẾT HỌC

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần (Tiếng Việt): Triết học
- Tên học phần (Tiếng Anh): Philosophy
- Mã học phần: GPS.801
- Số tín chỉ: 04; Tổng số tiết tín chỉ: 150 (LT/ThH/TH): 60/0/120
- Học phần điều kiện (*nếu có*): không
- Loại học phần: Bắt buộc
- Trình độ: Thạc sĩ
- Thuộc khối kiến thức: Kiến thức chung
- Bộ môn phụ trách dạy học: Giáo dục Chính trị; Khoa Sư phạm Khoa học xã hội

2. Tổng quan về học phần

Chương trình môn Triết học gồm 4 chương: Chương 1 gồm các đặc trưng của triết học phương Tây, triết học phương Đông (trong đó có tư tưởng triết học Việt Nam, ở mức giản lược nhất) và triết học Mác. Chương 2 gồm các nội dung nâng cao về triết học Mác – Lênin trong giai đoạn hiện nay và vai trò thế giới quan, phương pháp luận của nó. Chương 3 đi sâu hơn vào quan hệ tương hỗ giữa triết học với các khoa học, làm rõ vai trò thế giới quan và phương pháp luận của triết học đối với sự phát triển khoa học và đổi mới nhận thức, giảng dạy và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ. Chương 4 phân tích những vấn đề về vai trò của các khoa học đối với đời sống con người.

3. Mục tiêu học phần

Bồi dưỡng tư duy triết học, rèn luyện thế giới quan và phương pháp luận triết học cho học viên cao học và nghiên cứu sinh trong việc nhận thức và nghiên cứu các đối tượng thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ. củng cố nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là chiến lược phát triển khoa học – công nghệ Việt Nam.

4. Chuẩn đầu ra (CDR)

CDR (CLOs)	Nội dung CDR học phần (CLOs)
CLO1:	Phân tích được khái niệm triết học, phân biệt được sự khác nhau giữa triết học phương Đông và triết học phương Tây.
CLO2:	Vận dụng được các kiến thức cơ bản của triết học Mác-Lênin vào hoạt động nghề nghiệp.
CLO3:	Đánh giá được mối quan hệ giữa triết học và khoa học trong lịch sử và đương đại.

5. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và chỉ số PI	
	PLO2	PLO5
	PI2.1	PI5.1
CLO1	M	
CLO2	M	
CLO3		M
Học phần	M	M

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Học viên chuẩn bị		
Chương 1. Khái luận về triết học 1.1. Triết học là gì? 1.2. Triết học phương Đông và triết học phương Tây	12	Thuyết trình Giải quyết vấn đề Dự án Dạy học hợp tác	Đọc trước tài liệu liên quan đến phần kiến thức của chương. Chuẩn bị nội dung cần trình bày.	HĐ1 HĐ2	CLO1 CLO2 CLO3
Chương 2. Triết học Mác - Lênin 2.1. Sự ra đời của triết học Mác – Lênin 2.2. Hai nguyên lý của phép biện chứng duy vật 2.3. Chủ nghĩa duy vật biện chứng 2.4. Chủ nghĩa duy vật lịch sử 2.5. Triết học Mác – Lênin trong giai đoạn hiện nay	12	Thuyết trình Giải quyết vấn đề Dự án Dạy học hợp tác	Đọc trước tài liệu liên quan đến phần kiến thức của chương. Chuẩn bị nội dung cần trình bày.	HĐ1 HĐ2	CLO1 CLO2 CLO3
Chương 3. Mối quan hệ giữa triết học và các khoa học 3.1. Mối quan hệ giữa khoa học với triết học	10	Thuyết trình Giải quyết vấn đề Dự án Dạy học hợp tác	Đọc trước tài liệu liên quan đến phần kiến thức của chương.	HĐ2	CLO1 CLO2 CLO3

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Học viên chuẩn bị		
3.2. Vai trò thế giới quan và phương pháp luận của triết học đối với sự phát triển khoa học			Chuẩn bị nội dung cần trình bày.		
Chương 4. Vai trò của khoa học công nghệ trong phát triển xã hội 4.1. Ý thức khoa học 4.2. Khoa học công nghệ - động lực của sự phát triển xã hội 4.3. Khoa học công nghệ ở Việt Nam	11	Thuyết trình Giải quyết vấn đề Dự án Dạy học hợp tác	Đọc trước tài liệu liên quan đến phần kiến thức của chương. Chuẩn bị nội dung cần trình bày.	HD1 HD2	CLO1 CLO2 CLO3
Tổng:	45				

7. Hướng dẫn học viên tự học

STT	Nội dung	Tự học (giờ)	Nhiệm vụ của học viên	Sản phẩm
1	Chủ đề 1: Khái luận về triết học	25	Nghiên cứu tài liệu [1]	Báo cáo nhóm Bài tập,...
2	Chủ đề 2: Triết học Mác - Lênin	25	Nghiên cứu tài liệu [1]	Báo cáo nhóm Bài tập,...
3	Chủ đề 3: Mối quan hệ giữa triết học và các khoa học	20	Nghiên cứu tài liệu [1]	Báo cáo nhóm Bài tập,...
4	Chủ đề 4: Vai trò của khoa học công nghệ trong phát triển xã hội	20	Nghiên cứu tài liệu [1]	Báo cáo nhóm Bài tập,...

8. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả/năm/tên tài liệu/nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
			Tài liệu chính	Tham khảo
1	Bộ GD&ĐT (2018), <i>Giáo trình Triết học (Dùng cho khối không chuyên ngành triết học trình độ đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ các ngành khoa học tự nhiên, công nghệ)</i> , NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x	

STT	Tên tác giả/năm/tên tài liệu/nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
			Tài liệu chính	Tham khảo
2	Doãn Chính (2022), <i>Lịch sử triết học phương Đông cổ đại</i> , NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
3	Claus Schwab (2018), <i>Cách mạng công nghiệp lần thứ 4</i> , NXB. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x

9. Quy định đối với học viên

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Học viên phải tham gia đủ từ 80% tiết dạy học phần.
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo quy định của lớp học phần.
- Tự tìm hiểu các vấn đề giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học lên lớp.
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số thành phần (%)	CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1. Đánh giá thường xuyên	HĐ1.1. Chuyên cần	quan sát	Rubric (R8)	20%	CLO1	50%	
	HĐ1.2. Bài tập nhóm	báo cáo nhóm	Rubric (R6)	80%	CLO2		
HĐ2. Đánh giá kết thúc học phần	HĐ2. Tiểu luận	báo cáo	Rubric (R5)	100%	CLO3	50%	

11. Thông tin về giảng viên dạy

Giảng viên 1: TS. Lê Văn Tùng

- Số điện thoại: 0913163681; Email: levantung@dtu.edu.vn
- Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa SP Khoa học xã hội.
- Hướng giảng dạy, nghiên cứu chính: Triết học Mác – Lênin, các vấn đề triết học toàn cầu hoá, triết học trong khoa học tự nhiên và công nghệ.

Giảng viên 2: PGS.TS. Trần Quang Thái

- Số điện thoại: 0985779154; Email: tqthai@dtu.edu.vn

- Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Phòng Đào tạo.
- Hướng giảng dạy, nghiên cứu chính: Triết học.

Giảng viên 3: TS. Lương Thanh Tân

- Số điện thoại: 0918316791; Email: lttan@dthu.edu.vn
- Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Lãnh đạo trường.
- Hướng giảng dạy, nghiên cứu chính: Triết học.

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2026

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG CHUYÊN NGÀNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

HIỆU TRƯỞNG DUYỆT

2. HỌC PHẦN 2: TIẾNG ANH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần (Tiếng Việt): Tiếng Anh
- Tên học phần (Tiếng Anh): English
- Mã học phần: GEP.801
- Số tín chỉ: 06; Tổng số tiết tín chỉ 300 (LT/ThH/TH): 60/60/180
- Học phần điều kiện (*nếu có*): Không
- Loại học phần: Bắt buộc
- Trình độ: Thạc sĩ
- Thuộc khối kiến thức: Kiến thức chung
- Bộ môn phụ trách dạy học: Ngôn ngữ Anh; Khoa: Ngoại ngữ

2. Tổng quan về học phần

Học phần Tiếng Anh giúp người học có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực về câu từ, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc hay gặp trong công việc, học tập, giải trí; Có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra lúc đi lại tại khu vực có sử dụng tiếng Anh; Có thể viết văn bản đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm; Có thể mô tả được những trải nghiệm, sự kiện, mơ ước, hy vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích cho ý kiến và kế hoạch của mình. Qua đó, người học được luyện tập và phát triển các khả năng đồng thời vận dụng được vào việc làm bài thi các môn kỹ năng theo quy định về chuẩn đầu ra của bậc học thạc sĩ.

3. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong học phần, người học có thể đạt được kiến thức và kỹ năng cần thiết tương đương trình độ B1+ theo Khung năng lực 6 bậc dành cho Việt Nam (theo Thông tư số 10 /2011 /TT- BGDDT ngày 28 tháng 02 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

4. Chuẩn đầu ra (CĐR)

CĐR (CLOs)	Nội dung CĐR học phần (CLOs)
CLO1:	Vận dụng kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) ở trình độ B1+ vào các kỹ năng nghe, đọc để tri nhận ngôn ngữ và các kỹ năng nói, viết để thực hiện các giao tiếp trong đời sống và trong nghiên cứu.
CLO2:	Vận dụng những hiểu biết về kỹ năng nghe, đọc lấy ý chính và thông tin chi tiết để tri nhận kiến thức; các kỹ năng nói để giao tiếp và kỹ năng viết như viết đoạn, viết thư và viết bài luận để thực hiện các giao tiếp và nghiên cứu..
CLO3:	Thể hiện tinh thần tự giác thông qua nghiên cứu tài liệu, đọc sách báo, và hoàn thành bài tập tự học.

5. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và chỉ số PI
	PLO2
	PI2.1
CLO1	M
CLO2	M
CLO3	M
Học phần	M

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Học viên chuẩn bị		
Giới thiệu về cấu trúc, nội dung chương trình, định dạng bài thi chuẩn VSTEP	02	Giới thiệu, hướng dẫn.	Lắng nghe, làm bài tập.	HĐ1 HĐ2	CLO1 CLO2 CLO3
Chương 1. Self and family 1.1. Listening 1.1.1. Listen and choose the correct answers 1.1.2. Match the answers about family members 1.2. Speaking 1.2.1. Talk about family members 1.2.2. Talk about your family 1.3. Reading 1.3.1. Read the texts about family members 1.3.2. Guess meanings from contexts 1.4. Writing 1.4.1. Complete the form with information about yourself 1.4.2. Write a short paragraph about yourself	08	Cung cấp từ vựng, cấu trúc câu thông qua các hoạt động trên lớp. Hướng dẫn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết theo chủ đề của bài thông qua các dạng bài tập nghe hiểu, đọc hiểu, các dạng bài nói và bài viết. Hướng dẫn SV thảo luận, làm	Ôn tập lại các từ vựng, ngữ pháp. Thực hành các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết thông qua các hoạt động do giáo viên yêu cầu. Thực hiện các hoạt động theo cặp, nhóm Làm bài và nộp lại cho GV.	HĐ1 HĐ2	CLO1 CLO2 CLO3

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Học viên chuẩn bị		
		bài tập theo cặp, nhóm. Cho bài tập về nhà			
Chương 2. House and home 1.1. Listening 1.1.1. Listen and describe apartment 1.1.2. Listen about where people live 1.2. Speaking 1.2.1. Talk about your house 1.2.2. Describe your dream house 1.3. Reading 1.3.1. Read about Cyril Jean and his house 1.3.2. Read the text and choose the correct answer 1.4. Writing 1.4.1. Write a description about your house 1.4.2. Write an opinion paragraph	08	Cung cấp từ vựng, cấu trúc câu thông qua các hoạt động trên lớp Hướng dẫn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết theo chủ đề của bài thông qua các dạng bài tập nghe hiểu, đọc hiểu, các dạng bài nói và bài viết. Hướng dẫn SV thảo luận, làm bài tập theo cặp, nhóm Cho bài tập về nhà	Ôn tập lại các từ vựng, ngữ pháp Thực hành các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết thông qua các hoạt động do giáo viên yêu cầu. Thực hiện các hoạt động theo cặp, nhóm Làm bài và nộp lại cho GV.	HĐ1 HĐ2	CLO1 CLO2 CLO3
Chương 3. Free time activities 1.1. Listening 1.1.1. Listen to people talking about entertainment 1.1.2. Listen to people talking to friends about the weekends	08	Cung cấp từ vựng, cấu trúc câu thông qua các hoạt động trên lớp Hướng dẫn kỹ năng	Ôn tập lại các từ vựng, ngữ pháp Thực hành các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết thông qua các hoạt	HĐ1 HĐ2	CLO1 CLO2 CLO3

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Học viên chuẩn bị		
1.2. Speaking 1.2.1. Talk about your free evenings 1.2.2. Talk about your free time activities 1.3. Reading 1.3.1. Read the information about what they do in their free times 1.3.2. Complete the interview 1.4. Writing 1.4.1. Write a paragraph 1.4.2. Write an email		nghe, nói, đọc, viết theo chủ điểm của bài thông qua các dạng bài tập nghe hiểu, đọc hiểu, các dạng bài nói và bài viết. Hướng dẫn SV thảo luận, làm bài tập theo cặp, nhóm Cho bài tập về nhà	động do giáo viên yêu cầu. Thực hiện các hoạt động theo cặp, nhóm Làm bài và nộp lại cho GV.		
Chương 4. Hometown 1.1. Listening 1.1.1. Listen to people talking about cities 1.1.2. Listen to people describing their place 1.2. Speaking 1.2.1. Read the passage about Newquay 1.2.2. Talk about your hometown 1.3. Reading 1.3.1. Read the text about Jenny's hometown 1.3.2. Read about description on your area or neighborhood 1.4. Writing 1.4.1. Write a phrase in the correct group 1.4.2. Write a letter	08	Cung cấp từ vựng, cấu trúc câu thông qua các hoạt động trên lớp. Hướng dẫn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết theo chủ điểm của bài thông qua các dạng bài tập nghe hiểu, đọc hiểu, các dạng bài nói và bài viết.	Ôn tập lại các từ vựng, ngữ pháp Thực hành các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết thông qua các hoạt động do giáo viên yêu cầu. Thực hiện các hoạt động theo cặp, nhóm Làm bài và nộp lại cho GV.	HĐ1 HĐ2	CLO1 CLO2 CLO3

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Học viên chuẩn bị		
		Hướng dẫn SV thảo luận, làm bài tập theo cặp, nhóm. Cho bài tập về nhà.			
Chương 5. Jobs 1.1. Listening 1.1.1. Listen to people talking about their work 1.1.2. Listen to people talking about what they like or dislike about their jobs 1.2. Speaking 1.2.1. Talk about your daily routine 1.2.2. Talk about your job 1.3. Reading 1.3.1. Read the description about jobs 1.3.2. Read and choose the best heading 1.4. Writing 1.4.1. Sentences completion 1.4.2. Write a letter applying for a job	08	Cung cấp từ vựng, cấu trúc câu thông qua các hoạt động trên lớp Hướng dẫn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết theo chủ điểm của bài thông qua các dạng bài tập nghe hiểu, đọc hiểu, các dạng bài nói và bài viết. Hướng dẫn SV thảo luận, làm bài tập theo cặp, nhóm Cho bài tập về nhà	Ôn tập lại các từ vựng, ngữ pháp Thực hành các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết thông qua các hoạt động do giáo viên yêu cầu. Thực hiện các hoạt động theo cặp, nhóm Làm bài và nộp lại cho GV.	HĐ1 HĐ2	CLO1 CLO2 CLO3
Chương 6. Foods and drinks 1.1. Listening 1.1.1. Listen to people's order	08	Cung cấp từ vựng, cấu trúc câu thông qua các	Ôn tập lại các từ vựng, ngữ pháp Thực hành các kỹ năng nghe, nói,	HĐ1 HĐ2	CLO1 CLO2 CLO3

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Học viên chuẩn bị		
1.1.2. Listen to people talking about meals they had at the restaurant 1.2. Speaking 1.2.1. Talk about your lunch 1.2.2. Talk about your favorite food and drinks 1.3. Reading 1.3.1. Read the text about food around the world 1.3.2. Read and match the headings 1.4. Writing 1.4.1. Write a short paragraph 1.4.2. Write a letter to request information		hoạt động trên lớp Hướng dẫn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết theo chủ điểm của bài thông qua các dạng bài tập nghe hiểu, đọc hiểu, các dạng bài nói và bài viết. Hướng dẫn SV thảo luận, làm bài tập theo cặp, nhóm Cho bài tập về nhà	đọc, viết thông qua các hoạt động do giáo viên yêu cầu. Thực hiện các hoạt động theo cặp, nhóm Làm bài và nộp lại cho GV.		
Chương 7. Travelling and holidays 1.1. Listening 1.1.1. Listen to people talking about their friends and where they stay on holiday 1.1.2. Listen to people talking about the school trip 1.2. Speaking 1.2.1. Read the passage about different people in different countries 1.2.2. Talk about your trip 1.3. Reading 1.3.1. Read the text about Silk Route Bike Tour	08	Cung cấp từ vựng, cấu trúc câu thông qua các hoạt động trên lớp Hướng dẫn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết theo chủ điểm của bài thông qua các dạng bài tập nghe hiểu, đọc	Ôn tập lại các từ vựng, ngữ pháp Thực hành các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết thông qua các hoạt động do giáo viên yêu cầu. Thực hiện các hoạt động theo cặp, nhóm	HĐ1 HĐ2	CLO1 CLO2 CLO3

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Học viên chuẩn bị		
1.3.2. Read the email 1.4. Writing 1.4.1. Write a paragraph 1.4.2. Write a formal letter to request information		hiểu, các dạng bài nói và bài viết. Hướng dẫn SV thảo luận, làm bài tập theo cặp, nhóm Cho bài tập về nhà	Làm bài và nộp lại cho GV.		
Kiểm tra kết thúc học phần	02				
Tổng:	60				

7. Hướng dẫn học viên tự học

STT	Nội dung	Tự học (giờ)	Nhiệm vụ của học viên	Sản phẩm
1	Chủ đề 1: Giới thiệu về cấu trúc, nội dung chương trình, định dạng bài thi chuẩn VSTEP	10	Nghiên cứu tài liệu [1]	Báo cáo nhóm Bài tập,...
2	Chủ đề 2: Self and family	10	Nghiên cứu tài liệu [1]	Báo cáo nhóm Bài tập,...
3	Chủ đề 3: House and home	10	Nghiên cứu tài liệu [1]	Báo cáo nhóm Bài tập,...
4	Chủ đề 4: Chương 4. Hometown	10	Nghiên cứu tài liệu [1]	Báo cáo nhóm Bài tập,...
5	Chủ đề 5: Free time activities	10	Nghiên cứu tài liệu [1]	Báo cáo nhóm Bài tập,...
6	Chủ đề 6: Jobs	10	Nghiên cứu tài liệu [1]	Báo cáo nhóm Bài tập,...
7	Chủ đề 7: Foods and drinks	10	Nghiên cứu tài liệu [1]	Báo cáo nhóm Bài tập,...
8	Chủ đề 8: Travelling and holidays	10	Nghiên cứu tài liệu [1]	Báo cáo nhóm Bài tập,...
9	Chủ đề 9: Kiểm tra kết thúc học phần	10	Nghiên cứu tài liệu [1]	Báo cáo nhóm Bài tập,...

8. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả/năm/tên tài liệu/nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
			Tài liệu chính	Tham khảo
1	Thạch, P. N. & cs (2022), <i>Tiếng Anh cơ bản (Bài giảng dành cho các lớp cao học)</i> , Trường Đại học Đồng Tháp	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x	
2	Falla, T. & Davies, A (2017), <i>Solutions</i> , Oxford University Press	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
3	Heyderman, E. & Treloar, F (2019), <i>Compact keys for school: Student's book</i> , Cambridge University Press	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
4	Jack, C. & Richards, F (2016), <i>Compact keys for school: Student's book</i> , Cambridge University Press	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x

9. Quy định đối với học viên

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Học viên phải tham gia đủ từ 80% tiết dạy học phần.
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo quy định của lớp học phần.
- Tự tìm hiểu các vấn đề giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học lên lớp.
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số thành phần (%)	CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1. Đánh giá thường xuyên	HĐ1.1. Chuyên cần	quan sát	Rubric (R8)	20%	CLO1	50%	
	HĐ1.2. Bài tập nhóm	báo cáo nhóm	Rubric (R6)	80%	CLO2		
HĐ2. Đánh giá kết thúc học phần	HĐ2. Kiểm tra	Tự luận	Rubric (R5)	100%	CLO3	50%	

11. Thông tin về giảng viên dạy**Giảng viên 1: TS. Lê Thanh Nguyệt Anh**

- Số điện thoại: 0829 898 188; Email: ltnanh@dtu.edu.vn
- Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Đồng Tháp
- Hướng giảng dạy, nghiên cứu chính: Phương pháp giảng dạy tiếng Anh

Giảng viên 2: TS. Lê Hồng Phương Thảo

- Số điện thoại: 0909 059 419; Email: lhpthao@dtu.edu.vn
- Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Đồng Tháp
- Hướng giảng dạy, nghiên cứu chính: Phát triển ngôn ngữ

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2026

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG CHUYÊN NGÀNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

HIỆU TRƯỞNG DUYỆT

3. HỌC PHẦN 3: KINH TẾ PHÁT TRIỂN NÂNG CAO

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần (Tiếng Việt): Kinh tế phát triển nâng cao
- Tên học phần (Tiếng Anh): Advanced Development Economics
- Mã học phần: EMM.801
- Số tín chỉ: 03; Tổng số tiết tín chỉ (LT/ThH/TH): 30/30/90
- Học phần điều kiện (*nếu có*): Không có
- Loại học phần: Bắt buộc
- Trình độ: Thạc sĩ
- Thuộc khối kiến thức: Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc
- Bộ môn phụ trách dạy học: Khoa Kinh tế - Luật

2. Tổng quan về học phần

Học phần kinh tế phát triển thuộc khối kiến thức chuyên ngành, nghiên cứu các lý thuyết tăng trưởng và phát triển kinh tế; các mô hình tăng trưởng và phát triển kinh tế; phân phối và sử dụng các nguồn lực đến tăng trưởng và phát triển kinh tế và các chính sách phát triển kinh tế ở các nước đang phát triển. Sau khi học xong học phần, học viên có kiến thức về các vấn đề tăng trưởng và phát triển kinh tế; phát triển kỹ năng thuyết trình thảo luận, phản biện khoa học, tham gia nghiên cứu và báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học; có khả năng tự định hướng, thái độ tự học tập, tích lũy kiến thức để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

3. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng hiểu và vận dụng các lý thuyết tăng trưởng, phát triển kinh tế; đánh giá các mối quan hệ giữa sử dụng các nguồn lực phát triển các ngành trong nền kinh tế đến tăng trưởng và phát triển kinh tế; tác động của tăng trưởng và phát triển kinh tế đến các vấn đề môi trường và xã hội như bất bình đẳng, thất nghiệp và đói nghèo. Từ đó, giúp cho người học có kiến thức, kỹ năng và thái độ về sử dụng nguồn lực hiệu quả cho phát triển và tăng trưởng kinh tế bền vững.

4. Chuẩn đầu ra (CDR)

CDR (CLOs)	Nội dung CDR học phần (CLOs)
CLO1:	Vận dụng được các kiến thức về lý thuyết tăng trưởng, phát triển kinh tế, mô hình tăng trưởng và phát triển kinh tế...vào trong đánh giá cơ chế hoạt động của các ngành trong nền kinh tế; tác động của sử dụng nguồn lực hiệu quả, phát triển kinh tế ngành với tăng trưởng và phát triển kinh tế. Phân tích mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế đến các vấn đề môi trường và xã hội như lạm phát, thất nghiệp, bất bình đẳng, đói nghèo
CLO2:	Tổng hợp dữ liệu, thông tin để đưa ra các giải pháp quản lý;

CĐR (CLOs)	Nội dung CĐR học phần (CLOs)
CLO3:	Thể hiện trách nhiệm và tuân thủ các quy định;
CLO4	Tự tin trong phân tích các vấn đề liên quan đến kinh tế phát triển.

5. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và các chỉ số PI			
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO5
	PI1.1	PI2.1	PI3.2	PI5.1
CLO1	R,A			
CLO2		R,A		
CLO3			M	
CLO4				M
Học phần	R,A	R,A	M	M

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CĐR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Học viên chuẩn bị		
Chương 1. Tổng quan về tăng trưởng và phát triển kinh tế 1.1. Sự phân chia các nước theo trình độ phát triển 1.2. Những đặc trưng cơ bản của các nước đang phát triển 1.3 Tăng trưởng và phát triển kinh tế 1.4 Các nhân tố tác động đến tăng trưởng và phát triển kinh tế	4	- Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu bài giảng Slide. - GV đặt câu hỏi hoặc chủ đề thảo luận cho học viên trả lời theo hình thức cá nhân hoặc nhóm.	- Đọc trước tài liệu liên quan đến phần kiến thức của chương trình. - Chuẩn bị nội dung cần trình bày.	HD 1 HD 2	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
Chương 2. Các mô hình tăng trưởng kinh tế 2.1. Chính phủ với việc tái phân phối thu nhập 2.1. Mô hình cổ điển	4	- Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu bài giảng Slide.	- Đọc trước tài liệu liên quan đến phần kiến thức của	HD 1 HD 2	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Học viên chuẩn bị		
2.2. Mô hình tân cổ điển 2.3 Mô hình của Keynes 2.4. Mô hình Karl Max 2.5. Lý thuyết tăng trưởng kinh tế hiện đại		- GV đặt câu hỏi hoặc chủ đề thảo luận cho học viên trả lời theo hình thức cá nhân hoặc nhóm.	chương trình. - Chuẩn bị nội dung cần trình bày.		
Chương 3. Các mô hình chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế 3.1. Cơ cấu ngành kinh tế và xu hướng chuyển dịch 3.2. Các mô hình lý thuyết về chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế 3.3. Thảo luận và thuyết trình: Các mô hình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế	3	- Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu bài giảng Slide. - GV đặt câu hỏi hoặc chủ đề thảo luận cho học viên trả lời theo hình thức cá nhân hoặc nhóm	- Đọc trước tài liệu liên quan đến phần kiến thức của chương trình. - Chuẩn bị nội dung cần trình bày.	HD 1 HD 2	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
Chương 4. Tăng trưởng và phát triển kinh tế, bất bình đẳng và nghèo đói 4.1. Nghèo đói ở các nước đang phát triển 4.2. Bất bình đẳng và phát triển kinh tế 4.3. Các thước đo bất bình đẳng 4.4. Các mô hình về sự bất bình đẳng và phát triển kinh tế	4	- Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu bài giảng Slide. - GV đặt câu hỏi hoặc chủ đề thảo luận cho học viên trả lời theo hình thức cá nhân hoặc nhóm.	- Đọc trước tài liệu liên quan đến phần kiến thức của chương trình. - Chuẩn bị nội dung cần trình bày.	HD 1 HD 2	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
Chương 5. Các nguồn lực tăng trưởng và phát triển kinh tế 5.1. Vốn, Lao động, Tài nguyên thiên nhiên, Khoa học và công nghệ	3	- Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu bài giảng Slide.	- Đọc trước tài liệu liên quan đến phần kiến thức của chương trình.	HD 1 HD 2	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Học viên chuẩn bị		
5.2. Thảo luận và thuyết trình: Sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho tăng trưởng bền vững			- Chuẩn bị nội dung cần trình bày.		
Chương 6. Nông nghiệp và phát triển kinh tế 6.1. Vai trò của nông nghiệp đối với tăng trưởng và phát triển kinh tế 6.2. Vai trò của nhà nước đối với phát triển nông nghiệp, tái cơ cấu nông nghiệp: Tác động của chính sách kinh tế; chính sách sử dụng đất nông nghiệp; chính sách bảo hộ nông nghiệp đối với phát triển nông nghiệp, tái cơ cấu nông nghiệp 6.3. Tác động của thị trường đến phát triển nông nghiệp 6.4. Thảo luận và thuyết trình: Các biện pháp hỗ trợ trong nước và lợi thế cạnh tranh các ngành hàng nông nghiệp	3	- Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu bài giảng Slide. - GV đặt câu hỏi hoặc chủ đề thảo luận cho học viên trả lời theo hình thức cá nhân hoặc nhóm.	- Đọc trước tài liệu liên quan đến phần kiến thức của chương trình. - Chuẩn bị nội dung cần trình bày.	HD 1 HD 2	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
Chương 7. Công nghiệp và phát triển kinh tế 7.1. Vai trò của công nghiệp, công nghiệp hóa đối với tăng trưởng và phát triển kinh tế 7.2. Vai trò của nhà nước đối với phát triển công nghiệp, công nghiệp hóa 7.3. Lựa chọn mô hình công nghiệp hóa 7.4. Thảo luận và thuyết trình: Các biện pháp hỗ trợ trong nước và lợi thế cạnh	3	- Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu bài giảng Slide. - GV đặt câu hỏi hoặc chủ đề thảo luận cho học viên trả lời theo hình thức cá nhân hoặc nhóm.	- Đọc trước tài liệu liên quan đến phần kiến thức của chương trình. - Chuẩn bị nội dung cần trình bày.	HD 1 HD 2	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Học viên chuẩn bị		
tranh các ngành hàng công nghiệp					
Chương 8. Môi trường và phát triển kinh tế 8.1. Tăng trưởng, phát triển kinh tế và môi trường 8.2. Phát triển nông thôn và môi trường 8.3. Phát triển thành thị và môi trường 8.4. Thảo luận và thuyết trình: Phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và môi trường	3	- Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu bài giảng Slide. - GV đặt câu hỏi hoặc chủ đề thảo luận cho học viên trả lời theo hình thức cá nhân hoặc nhóm.	- Đọc trước tài liệu liên quan đến phần kiến thức của chương trình. - Chuẩn bị nội dung cần trình bày.	HD 1 HD 2	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
Chương 9. Ngoại thương, toàn cầu hóa và phát triển kinh tế 9.1. Ngoại thương, toàn cầu hóa và phát triển kinh tế 9.2. Điều kiện, ưu và nhược điểm của xuất nhập khẩu 9.3. Lợi thế hoạt động ngoại thương và hiệu quả sử dụng nguồn lực cho phát triển kinh tế 9.4. Thảo luận và thuyết trình: Phát triển ngoại thương và năng lực cạnh tranh; ngoại thương, toàn cầu hóa và phát triển kinh tế	3	- Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu bài giảng Slide. - GV đặt câu hỏi hoặc chủ đề thảo luận cho học viên trả lời theo hình thức cá nhân hoặc nhóm.	- Đọc trước tài liệu liên quan đến phần kiến thức của chương trình. - Chuẩn bị nội dung cần trình bày.	HD 1 HD 2	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4

7. Hướng dẫn học viên tự học

STT	Nội dung	Tự học (giờ)	Nhiệm vụ của học viên	Sản phẩm
1	Chủ đề 1: Tổng quan về tăng trưởng và phát triển kinh tế	10	Nghiên cứu tài liệu [1]	Câu trả lời cá nhân
2	Chủ đề 2: Các mô hình tăng trưởng kinh tế	10	Nghiên cứu tài liệu [1]	Câu trả lời cá nhân
3	Chủ đề 3: Các mô hình chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế	10	Nghiên cứu tài liệu [1]	Câu trả lời cá nhân

STT	Nội dung	Tự học (giờ)	Nhiệm vụ của học viên	Sản phẩm
4	Chủ đề 4: Tăng trưởng và phát triển kinh tế, bất bình đẳng và nghèo đói	10	Nghiên cứu tài liệu [1]	Câu trả lời cá nhân
5	Chủ đề 5: Các nguồn lực tăng trưởng và phát triển kinh tế	10	Nghiên cứu tài liệu [1]	Câu trả lời cá nhân
6	Chủ đề 6: Nông nghiệp và phát triển kinh tế	10	Nghiên cứu tài liệu [1]	Câu trả lời cá nhân
7	Chủ đề 7: Công nghiệp và phát triển kinh tế	10	Nghiên cứu tài liệu [1]	Câu trả lời cá nhân
8	Chủ đề 8: Môi trường và phát triển kinh tế	10	Nghiên cứu tài liệu [1]	Câu trả lời cá nhân
9	Chủ đề 9: Ngoại thương, toàn cầu hóa và phát triển kinh tế	10	Nghiên cứu tài liệu [1]	Câu trả lời cá nhân

8. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả/năm/tên tài liệu/nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
			Tài liệu chính	Tham khảo
1	Trần Thọ Đạt, Ngô Thắng Lợi (2017), <i>Kinh tế Việt Nam 2016: Tái cơ cấu nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và vai trò Nhà nước kiến tạo phát triển</i> , NXB KTQD	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x	
2	Đinh Phi Hổ và cộng sự (2012), <i>Phương pháp nghiên cứu định lượng và những nghiên cứu thực tiễn trong kinh tế Phát triển - Nông nghiệp</i> , NXB Phương Đông	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
3	Nhóm tác giả (2013), <i>Giáo trình kinh tế học phát triển: Hệ cao cấp lý luận chính trị</i> , NXB Chính trị - Hành Chính	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
4	Từ Quang Phương và cộng sự (2013), <i>Giáo trình Kinh tế đầu tư</i> , NXB ĐH KTQD	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
5	Đinh Phi Hổ và cộng sự (2008), <i>Kinh Tế Phát Triển: Lý thuyết và thực tiễn</i> , NXB Thống Kê	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x

9. Quy định đối với học viên

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Học viên phải tham gia đủ từ 80% tiết dạy học phần.
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo quy định của lớp học phần.
- Tự tìm hiểu các vấn đề giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học lên lớp.

- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số thành phần (%)	CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1. Đánh giá thường xuyên	HĐ1.1. Chuyên cần	quan sát	Rubric (8)	20%	CLO1	50%	
	HĐ1.2. Bài tập nhóm	báo cáo nhóm	Rubric (6)	80%	CLO2		
HĐ2. Đánh giá kết thúc học phần	HĐ2.1 Tiểu luận	Tiểu luận	Rubric (5)	100%	CLO3	50%	PI1.1

11. Thông tin về giảng viên dạy

Giảng viên 1: TS. Phạm Thái Ngọc

Số điện thoại: 0834.696 450; Email: ptngoc@dthu.edu.vn

Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Kinh tế - Luật, Đại học Đồng Tháp

Hướng giảng dạy, nghiên cứu chính: Quản trị, Kinh doanh

Giảng viên 2: TS. Nguyễn Quốc Nghi

Số điện thoại: 0989.283 326; Email: quocngghi@ctu.edu.vn

Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Trường Kinh tế - Đại học Cần Thơ

Hướng giảng dạy, nghiên cứu chính: Kinh tế phát triển; Kinh tế ngành

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2026

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG CHUYÊN NGÀNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

HIỆU TRƯỞNG DUYỆT

4. HỌC PHẦN 4: KHOA HỌC QUẢN LÝ KINH TẾ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần (Tiếng Việt): Khoa học quản lý kinh tế
- Tên học phần (Tiếng Anh): Economic Management Science
- Mã học phần: EMM.802
- Số tín chỉ: 03; Tổng số tiết tín chỉ (LT/ThH/TH): 30/30/90
- Học phần điều kiện (*nếu có*): Không
- Loại học phần: Bắt buộc
- Trình độ: Thạc sĩ
- Thuộc khối kiến thức: Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc
- Bộ môn phụ trách dạy học: Khoa Kinh tế - Luật

2. Tổng quan về học phần

Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành gồm những nội dung sâu, rộng tập trung vào trang bị kiến thức, kỹ năng về quản lý kinh tế để người học có được năng lực áp dụng trong ra quyết định tối ưu trong các tình huống cụ thể ở vị trí công tác sau khi tốt nghiệp. Do vậy, học phần trang bị cho người học kiến thức, lý luận chung và kỹ năng chủ yếu trong quản lý kinh tế. Cụ thể như: Quản lý và sự phát triển của khoa học quản lý và ứng dụng trong kinh tế, các tổ chức kinh tế - xã hội; Nội dung và yêu cầu của quản lý trong quản lý kinh tế theo các nhóm chức năng hoạch định, tổ chức triển khai, lãnh đạo, kiểm tra và giám sát; Ra quyết định trong quản lý và kỹ năng áp dụng trong thực tế của nhà quản lý; Một số mô hình và phương pháp ra quyết định trong quản lý kinh tế hiện đại được áp dụng.

3. Mục tiêu học phần

Sau khi nghiên cứu, học tập, học phần trang bị kiến thức chung và sâu rộng, rèn luyện kỹ năng về quản lý để người học áp dụng trong ra quyết định tối ưu trong các tình huống cụ thể ở vị trí công tác trong các cơ quan, tổ chức kinh tế - xã hội cũng như từng vị trí công việc cụ thể. Nội dung học phần khoa học quản lý kinh tế sẽ tập trung vào các nội dung nền tảng về khoa học và thực tiễn liên quan đến các chức năng chính của khoa học quản lý được ứng dụng sâu rộng trong kinh tế và giúp người học có tư duy phản biện, logic và năng lực tiếp tục nghiên cứu phát triển năng lực về quản lý.

4. Chuẩn đầu ra (CDR): Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ có khả năng:

CDR (CLOs)	Nội dung CDR học phần (CLOs)
CLO1:	Vận dụng các kiến thức về quản lý theo các chức năng chính để thực hiện ra quyết định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm soát thực hiện đối với các hoạt động kinh tế của các đơn vị, tổ chức và doanh nghiệp.

CDR (CLOs)	Nội dung CDR học phần (CLOs)
CLO2:	Phân tích các hoạt động quản lý kinh tế trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể tại đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp trên cơ sở sử dụng thành thạo kiến thức về: lập kế hoạch, tổ chức và giám sát, đánh giá để điều chỉnh.
CLO3:	Đánh giá tình huống quản lý để tham mưu cho các cấp lãnh đạo và trực tiếp tham gia trong xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện các hoạt động kinh tế tại đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp trên cơ sở phân tích, phản biện và sử dụng các công cụ ra quyết định quản lý trong bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội.
CLO4:	Phát triển đề án/kế hoạch hoàn thiện quản lý tại một tổ chức/ doanh nghiệp bao gồm các giai đoạn và/ hoặc tập trung sâu vào một trong các nội dung: hoạch định/ lập kế hoạch; tổ chức thực hiện; lãnh đạo; và kiểm tra giám sát để cải tiến các hoạt động quản lý.

5. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và chỉ số PI			
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO5
	PI1.2	PI2.2	PI3.1	PI5.2
CLO1	R,A			
CLO2		R		
CLO3			R	R
CLO4		M	R	
Học phần	R	M	R	R

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Học viên chuẩn bị		
Chương 1: Tổng quan về quản lý và khoa học quản lý 1.1. Khái luận về quản lý và vai trò của quản lý trong phát triển kinh tế 1.2. Nội dung chủ yếu của quản lý 1.3. Đặc điểm của quản lý trong kinh tế	4	-Giảng viên: thuyết giảng -Học viên: tham gia thảo luận tình huống chương 1	-Nghiên cứu trước nội dung chương 1 (Tài liệu 1)	HĐ1.1	CLO1 CLO2

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Học viên chuẩn bị		
1.4. Quá trình phát triển của khoa học quản lý trong kinh tế					
Chương 2: Ra quyết định quản lý 2.1. Khái quát về quyết định và ra quyết định quản lý 2.2. Nội dung và quy trình ra quyết định quản lý 2.3. Các phương pháp ra quyết định quản lý trong kinh tế 2.4. Đảm bảo thông tin trong quản lý kinh tế 2.5. Một số mô hình và phương pháp ra quyết định quản lý	6	-Giảng viên: thuyết giảng và hướng dẫn thảo luận -Học viên: tham gia thảo luận tình huống chương 2; làm bài tập nhóm số 1	-Nghiên cứu trước nội dung các chương trong Tài liệu 2	HD1.1 HD1.2	CLO1 CLO3
Chương 3: Hoạch định 3.1. Khái quát về hoạch định và hoạch định chiến lược 3.2. Nội dung và quy trình hoạch định chiến lược và lập kế hoạch 3.3. Hoạch định và lập kế hoạch tác nghiệp trong quản lý kinh tế	5	-Giảng viên: thuyết giảng và hướng dẫn thảo luận -Học viên: tham gia thảo luận tình huống chương 3	-Nghiên cứu trước nội dung chương 2 (Tài liệu 1) và chương 5,6 (Tài liệu 3)	HD1.1	CLO1 CLO4
Chương 4: Tổ chức thực hiện 4.1. Tổng quan về tổ chức và cơ cấu tổ chức 4.2. Thiết kế và xây dựng cơ cấu tổ chức 4.3. Nhân sự quản lý và triển khai	5	-Giảng viên: thuyết giảng -Học viên: tham gia thảo luận tình huống chương 4	-Nghiên cứu trước nội dung chương 3 (Tài liệu 1) và Chương 8, 9 (Tài liệu 3)	HD1.1	CLO1 CLO4

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Học viên chuẩn bị		
Chương 5: Lãnh đạo và quản lý 5.1. Những vấn đề cơ bản về lãnh đạo trong quản lý kinh tế 5.2. Tạo động lực làm việc 5.3. Lãnh đạo nhóm 5.4. Truyền thông 5.5. Xung đột và giải quyết xung đột 5.6. Quản lý sự thay đổi	5	-Giảng viên: thuyết giảng và hướng dẫn thảo luận -Học viên: tham gia thảo luận tình huống chương 5	-Nghiên cứu trước nội dung chương 4 (Tài liệu 1); Chương 12 (Tài liệu 3)	HD1.1	CLO1 CLO2 CLO3
Chương 6: Kiểm tra, giám sát trong quản lý kinh tế 6.1. Khái quát về kiểm tra, kiểm soát trong quản lý kinh tế 6.2. Hình thức kiểm tra, giám sát 6.3. Quy trình kiểm tra 6.4. Công cụ kiểm tra, giám sát trong quản lý kinh tế	5	-Giảng viên: thuyết giảng và hướng dẫn thảo luận -Học viên: tham gia thảo luận tình huống chương 6	-Nghiên cứu trước nội dung chương 5 (Tài liệu 1) và Chương 15 (Tài liệu 3)	HD1.1 HD2	CLO1 CLO2 CLO4

7. Hướng dẫn học viên tự học

STT	Nội dung	Tự học (giờ)	Nhiệm vụ của học viên	Sản phẩm
1	Chương 1: Tổng quan về quản lý và khoa học quản lý	12	Nghiên cứu tài liệu; Tham gia thảo luận tình huống và trình bày ý kiến cá nhân	Ý kiến cá nhân về vấn đề GV đặt câu hỏi
2	Chương 2: Ra quyết định quản lý	18	Nghiên cứu tài liệu; Thảo luận tình huống và làm bài tập nhóm số 1	Báo cáo/ trình bày kết quả bài tập nhóm số 1
3	Chương 3: Hoạch định	15	Nghiên cứu tài liệu; Tham gia thảo luận tình huống và làm bài tập nhóm	Ý kiến cá nhân về vấn đề GV đặt câu hỏi
4	Chương 4: Tổ chức thực hiện	15	Nghiên cứu tài liệu; Tham gia thảo luận tình huống	Ý kiến cá nhân về vấn đề

STT	Nội dung	Tự học (giờ)	Nhiệm vụ của học viên	Sản phẩm
5	Chương 5: Lãnh đạo và quản lý	15	Nghiên cứu tài liệu; Tham gia thảo luận tình huống và làm bài tập nhóm	Ý kiến trao đổi; Báo cáo nhóm
6	Chương 6: Kiểm tra, giám sát trong quản lý kinh tế	15	Nghiên cứu tài liệu; Ý kiến thảo luận và làm bài tập nhóm	Báo cáo nhóm

8. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả/năm/tên tài liệu/nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
			Tài liệu chính	Tham khảo
1	Phan Huy Đường (2017), <i>Quản lý Nhà nước về Kinh tế</i> , NXB ĐHQG Hà Nội	TTHL Lê Vũ Hùng	x	
2	Hoàng Văn Hải, Nguyễn Viết Lộc, Nguyễn Ngọc Thắng (2019), <i>Ra quyết định quản trị</i> , NXB ĐHQG Hà Nội	TTHL Lê Vũ Hùng	x	
3	Nguyễn Quốc Chí; Nguyễn Thị Mỹ Lộc (2015), <i>Đại cương khoa học quản lý</i> , NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	TTHL Lê Vũ Hùng		x

9. Quy định đối với học viên

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Học viên phải tham gia đủ từ 80% tiết dạy học phần.
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo quy định của lớp học phần.
- Tự tìm hiểu các vấn đề giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học lên lớp.
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số thành phần (%)	CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1. Đánh giá thường xuyên	HĐ1.1. Chuyên cần; Ý kiến thảo luận và bài tập nhóm	quan sát; trình bày ý kiến và báo cáo nhóm	Rubric (R8)	40%	CLO3	50%	

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số thành phần (%)	CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
	HĐ1.2. Kiểm tra giữa kỳ	báo cáo nhóm	Đáp án	60%	CLO1 CLO2		
HĐ2. Đánh giá kết thúc học phần	HĐ2. Tiểu luận	Tiểu luận	Rubric (R5)	100%	CLO3 CLO4	50%	PI2.2

11. Thông tin về giảng viên dạy

Giảng viên 1: PGS.TS. Đinh Văn Toàn

- Số điện thoại: 0912102099; Email: dinghvantoanvnu@gmail.com
- Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Kinh tế - Luật, Trường ĐHĐT
- Hướng giảng dạy, nghiên cứu chính: Kinh tế, Quản trị và Quản lý

Giảng viên 2: PGS. TS. Trương Đức Thao

- Số điện thoại: 0904281828; Email: tdt.tulap@gmail.com
- Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Trường Đại học Đại Nam
- Hướng giảng dạy, nghiên cứu chính: Kinh tế, Kinh doanh và quản lý

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2026

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG CHUYÊN NGÀNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

HIỆU TRƯỞNG DUYỆT

5. HỌC PHẦN 5: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần:

- Tên học phần (Tiếng Việt): Phương pháp nghiên cứu khoa học
- Tên học phần (Tiếng Anh): Research Methods
- Mã số học phần: EMM.803
- Số tín chỉ: 03; Tổng số tiết tín chỉ (LT/ThH/TH): 30/30/90
- Học phần điều kiện (*nếu có*): Không
- Loại học phần: Bắt buộc
- Trình độ: Thạc sĩ
- Thuộc khối kiến thức: Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc
- Bộ môn phụ trách dạy học: Khoa Kinh tế - Luật

2. Tổng quan về học phần

Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học tập trung chủ yếu nghiên cứu về các nội dung: Cách tiếp cận nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu trong kinh tế; Cách thức điều tra chọn mẫu và phương pháp chọn mẫu; Kiểm định giả thuyết nghiên cứu; Kiểm định phi tham số. Ngoài ra, kiến thức về cách thức trình bày một bài báo khoa học và trình bày đề cương luận văn thạc sĩ kinh tế cũng được trình bày trong nội dung học phần.

3. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong, người học có khả năng hiểu và vận dụng các phương pháp nghiên cứu định lượng, nắm vững các công cụ phân tích kiểm định thống kê trong nghiên cứu, kỹ năng ứng dụng kết hợp với kiến thức chuyên ngành để thực hiện thành công đề cương luận văn thạc sĩ cũng như trình bày bài báo khoa học kinh tế

4. Chuẩn đầu ra

CĐR (CLOs)	Nội dung CĐR học phần (CLOs)
CLO1:	Vận dụng kiến thức vào việc thiết kế nghiên cứu liên quan đến vấn đề quản lý kinh tế.
CLO2:	Phân tích cấu trúc, nội dung và yêu cầu học thuật của bài báo khoa học.
CLO3:	Xây dựng đề cương đề án/luận văn thạc sĩ kinh tế đáp ứng yêu cầu khoa học.
CLO4:	Thể hiện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, rèn luyện tính tự học, tự nghiên cứu, có khả năng tự học, học suốt đời và có khả năng làm việc độc lập.

5. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và chỉ số PI		
	PLO1	PLO3	PLO4
	PI1.2	PI3.1	PI4.2
CLO1	M		
CLO2	M		
CLO3		R,A	
CLO4		R	
Học phần	M	R,A	R

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Học viên chuẩn bị		
Chương 1: Tổng quan về phương pháp nghiên cứu trong kinh tế 1.1. Cách tiếp cận nghiên cứu 1.2. Phương pháp nghiên cứu 1.3. Đề tài nghiên cứu khoa học và luận văn nghiên cứu 1.8. Điều tra mẫu và phương pháp chọn mẫu	5	-Giảng viên: thuyết giảng -Học viên: tham gia thảo luận tình huống chương 1	-Nghiên cứu trước nội dung chương 1	HĐ1 HĐ2	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
Chương 2: Kiểm định giả thuyết nghiên cứu 2.1. Một số khái niệm 2.2. Kiểm định giả thuyết 2.3. Kiểm định chi bình phương 2.4. Kiểm định t đối với mẫu độc lập 2.5. Phân tích phương sai một yếu tố	5	-Giảng viên: thuyết giảng -Học viên: tham gia thảo luận tình huống chương 2	-Nghiên cứu trước nội dung chương 2	HĐ1 HĐ2	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
Chương 3: Kiểm định phi tham số 3.1. Một số khái niệm 3.2. Kiểm định dấu 3.3. Kiểm định dấu – hạng Wilcoxon	5	-Giảng viên: thuyết giảng -Học viên: tham gia thảo luận	-Nghiên cứu trước nội dung chương 3	HĐ1 HĐ2	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Học viên chuẩn bị		
3.4. Kiểm định Mann-Whitney 3.5. Kiểm định Kruskal - Wallis		tình huống chương 3			
Chương 4: Cách trình bày một bài báo khoa học kinh tế 4.1. Nội dung bài báo khoa học 4.2. Diễn giải các nội dung chính của báo cáo	5	-Giảng viên: thuyết giảng -Học viên: tham gia thảo luận tình huống chương 4	-Nghiên cứu trước nội dung chương 4	HĐ1 HĐ2	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
Chương 5: Cách trình bày đề cương đề án/luận văn thạc sĩ 5.1. Khái niệm 5.2. Nội dung của đề cương 5.3. Gợi ý nội dung cơ bản của đề cương 5.4. Hình thức của đề cương luận văn thạc sĩ 5.5. Nội dung đánh giá khi bảo vệ đề cương	5	-Giảng viên: thuyết giảng -Học viên: tham gia thảo luận tình huống chương 5	-Nghiên cứu trước nội dung chương 5	HĐ1 HĐ2	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
Thực hành: Chọn chủ đề nghiên cứu và phát triển thành đề cương nghiên cứu	5	-Giảng viên: Hướng dẫn -Học viên: trình bày đề cương nghiên cứu	-Chọn chủ đề nghiên cứu phù hợp	HĐ1 HĐ2	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4

7. Hướng dẫn học viên tự học

STT	Nội dung	Tự học (giờ)	Nhiệm vụ của học viên	Sản phẩm
1	Chương 1: Tổng quan về phương pháp nghiên cứu trong kinh tế	15	Nghiên cứu tài liệu [1]	Báo cáo nhóm Bài tập,...
2	Chương 2: Kiểm định giả thuyết nghiên cứu	15	Nghiên cứu tài liệu [1]	Báo cáo nhóm Bài tập,...

STT	Nội dung	Tự học (giờ)	Nhiệm vụ của học viên	Sản phẩm
3	Chương 3: Kiểm định phi tham số	15	Nghiên cứu tài liệu [1]	Báo cáo nhóm Bài tập,...
4	Chương 4: Cách trình bày một bài báo khoa học kinh tế	15	Nghiên cứu tài liệu [1]	Báo cáo nhóm Bài tập,...
5	Chương 5: Cách trình bày đề cương luận văn thạc sĩ	15	Nghiên cứu tài liệu [1]	Báo cáo nhóm Bài tập,...
6	Thực hành: Chọn chủ đề nghiên cứu và phát triển thành đề cương nghiên cứu	15	Nghiên cứu tài liệu [1]	Báo cáo nhóm Bài tập,...

8. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả/năm/tên tài liệu/nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
			Tài liệu chính	Tham khảo
1	Huỳnh Thị Thúy Giang (chủ biên); Lưu Tiến Dũng (2021), <i>Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học: Viết luận văn và công bố khoa học (kinh tế quốc tế, kinh doanh quốc tế và quản lý)</i> , NXB Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
2	Đinh Phi Hổ (2014), <i>Phương pháp nghiên cứu kinh tế và viết luận văn thạc sĩ</i> , NXB Phương Đông	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		X
3	Trần Tiến Khai (2012), <i>Phương pháp nghiên cứu kinh tế kiến thức cơ bản</i> , NXB Lao động và Xã Hội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x	
4	Võ Thị Thanh Lộc và cộng sự (2016), <i>Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học và viết đề cương nghiên cứu (áp dụng trong lĩnh vực Kinh tế - Xã hội)</i> , tái bản lần hai, NXB ĐH Cần Thơ	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x	
5	Mark Saunders, Philip Lewis, Adrian Thornhill ; Nguyễn Văn Dung (dịch) (2010), <i>Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh: Research methods for business students</i> , NXB Tài chính	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x

STT	Tên tác giả/năm/tên tài liệu/nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
			Tài liệu chính	Tham khảo
6	Lê Trung Thành và cộng sự (2024), <i>Giáo trình ứng dụng phương pháp nghiên cứu khoa học trong thực hiện luận văn thạc sĩ</i> , NXB KTQD	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x

9. Quy định đối với học viên

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Học viên phải tham gia đủ từ 80% tiết dạy học phần.
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo quy định của lớp học phần.
- Tự tìm hiểu các vấn đề giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học lên lớp.
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số đánh giá theo thành phần (%)	Trọng số thành phần trong HP (%)	CĐR học phần có liên quan	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1. Đánh giá chuyên cần	HĐ1.1. Kiểm tra lần 1	Tự luận	Rubric (R6)	50	50	CLO1 CLO2	
	HĐ1.2. Kiểm tra lần 2	Thuyết trình nhóm	Rubric (R5)	50		CLO2 CLO4	
HĐ2. Đánh giá cuối kỳ	HĐ2.1. Tiểu luận	Cá nhân	Rubric (R5)	100	50	CLO3	PI3.1

11. Thông tin về giảng viên dạy

Giảng viên 1: TS. Huỳnh Quốc Tuấn

- Số điện thoại: 0773571545; Email: hqtuan@dthu.edu.vn
- Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Kinh tế - Luật
- Hướng giảng dạy, nghiên cứu chính: Phương pháp nghiên cứu kinh tế; Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo; Marketing; Quản trị học

Giảng viên 2: PGS.TS. Nguyễn Giác Trí

- Số điện thoại: 0907814584; Email: ngtri1978@gmail.com
- Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Kinh tế - Luật

- Hướng giảng dạy, nghiên cứu chính: Phương pháp nghiên cứu kinh tế; Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo; Marketing; Quản trị học

Đông Tháp, ngày tháng năm 2026

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG CHUYÊN NGÀNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

HIỆU TRƯỞNG DUYỆT

6. HỌC PHẦN 6: QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ NÂNG CAO

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần (Tiếng Việt): Quản lý nhà nước về kinh tế nâng cao
- Tên học phần (Tiếng Anh): Advanced State Management of the Economy
- Mã học phần: EMM.804
- Số tín chỉ: 03; Tổng số tiết tín chỉ (LT/ThH/TH): 30/30/90
- Học phần điều kiện (*nếu có*): Không
- Loại học phần: Tự chọn
- Trình độ: Thạc sĩ
- Thuộc khối kiến thức: Kiến thức cơ sở ngành tự chọn
- Bộ môn phụ trách dạy học: Khoa Kinh tế - Luật

2. Tổng quan về học phần

Học phần tập trung vào việc nghiên cứu vai trò, chức năng của nhà nước trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay theo quan điểm chiến lược của Đảng. Tìm hiểu thực trạng của nền kinh tế, cũng như bộ máy, đội ngũ cán bộ cùng các nguyên tắc, tiêu chuẩn trong tổ chức bộ máy, hoạt động của các cơ quan và cán bộ công chức trong hoạt động quản lý nhà nước.

3. Mục tiêu học phần

Sau khi hoàn thành học phần, người học có khả năng phân tích và lý giải được những kiến thức lý luận, khái quát cơ bản, có tính hệ thống về tác động có tổ chức, có mục đích của nhà nước lên nền kinh tế bằng pháp quyền và thông qua hệ thống chính sách với các công cụ quản lý kinh tế trên cơ sở sử dụng hiệu quả các nguồn kinh tế.

4. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR (CLOs)	Nội dung CĐR học phần (CLOs)
CLO1:	Giải thích vai trò của nhà nước trong việc đảm bảo tăng trưởng và phát triển nền kinh tế.
CLO2:	Phân tích được mục tiêu, nội dung quản lý, cơ chế quản lý và các tổ chức quản lý kinh tế.
CLO3:	Vận dụng trong hoạch định, tổ chức và kiểm soát hoạt động kinh tế.
CLO4:	Thể hiện kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả

5. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

Chuẩn đầu ra học phần	PLO và chỉ số PI		
	PLO1	PLO4	PLO5
	PI1.2	PI4.2	PI5.1
CLO1	R		
CLO2			
CLO3		M	
CLO4			R
Học phần	R	M	R

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Học viên chuẩn bị		
Chương 1. Quản lý nhà nước 1.1.Những vấn đề chung về nhà nước 1.2.Quản lý nhà nước và thể chế hành chính nhà nước. 1.3.Đối tượng, phương pháp nghiên cứu học phần quản lý nhà nước về kinh tế.	6	- Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu bài giảng Slide. - GV đặt câu hỏi hoặc chủ đề thảo luận cho học viên trả lời theo hình thức cá nhân hoặc nhóm.	Tự đọc và nghiên cứu trước tài liệu [1] - chương 1 và tài liệu [2] – chương 1. cần đọc để hiểu ý nghĩa các nội dung chương, cũng như tầm quan trọng, vị trí của học phần. Đọc thêm các tài liệu [3], [4], [5]	HD1 HD2	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
Chương 2. Đặc trưng kinh tế thị trường và quản lý nhà nước về kinh tế 2.1. Kinh tế và quản lý nhà nước về kinh tế 2.2. Kinh tế thị trường 2.3. Các đặc trưng chủ yếu của kinh tế thị trường 2.4. Quản lý nhà nước về kinh tế trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	6	- Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu bài giảng Slide. - GV đặt câu hỏi hoặc chủ đề thảo luận cho học viên trả lời theo hình thức cá nhân hoặc nhóm.	Tự đọc và nghiên cứu trước tài liệu [1] - chương 2 và tài liệu [2] – chương 1. cần đọc để hiểu ý nghĩa các nội dung chương. Đọc thêm các tài liệu [3], [4], [5]	HD1 HD2	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Học viên chuẩn bị		
Chương 3. Cơ chế, chức năng và nguyên tắc quản lý nhà nước về kinh tế 3.1. Quy luật kinh tế và cơ chế quản lý kinh tế 3.2. Chức năng và nguyên tắc quản lý nhà nước về kinh tế	4	- Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu bài giảng Slide. - GV đặt câu hỏi hoặc chủ đề thảo luận cho học viên trả lời theo hình thức cá nhân hoặc nhóm.	Tự đọc và nghiên cứu trước tài liệu [1] - chương 3 và tài liệu [2] – chương 2 và chương 4. cần đọc để hiểu ý nghĩa các nội dung chương. Đọc thêm các tài liệu [3], [4], [5]	HĐ1 HĐ2	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
Chương 4. Phương pháp và công cụ quản lý nhà nước về kinh tế 4.1. Các phương pháp quản lý nhà nước về kinh tế 4.2. Các công cụ quản lý nhà nước về kinh tế	4	- Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu bài giảng Slide. - GV đặt câu hỏi hoặc chủ đề thảo luận cho học viên trả lời theo hình thức cá nhân hoặc nhóm.	Tự đọc và nghiên cứu trước tài liệu [1] - chương 4 và tài liệu [2] – chương 3. cần đọc để hiểu ý nghĩa các nội dung chương. Đọc thêm các tài liệu [3], [4], [5]	HĐ1 HĐ2	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
Chương 5. Thông tin và quyết định quản lý nhà nước về kinh tế 5.1. Thông tin trong quản lý nhà nước về kinh tế 5.2. Quyết định quản lý kinh tế của nhà nước	4	- Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu bài giảng Slide. - GV đặt câu hỏi hoặc chủ đề thảo luận cho học viên trả lời theo hình thức cá nhân hoặc nhóm.	Tự đọc và nghiên cứu trước tài liệu [1] - chương 5 và tài liệu [2] – chương 5. cần đọc để hiểu ý nghĩa các nội dung chương. Đọc thêm các tài liệu [3], [4], [5]	HĐ1 HĐ2	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Học viên chuẩn bị		
Chương 6. Bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế 6.1. Cơ cấu bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế 6.2. Cơ cấu bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế ở Việt Nam	3	- Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu bài giảng Slide. - GV đặt câu hỏi hoặc chủ đề thảo luận cho học viên trả lời theo hình thức cá nhân hoặc nhóm.	Tự đọc và nghiên cứu trước tài liệu [1] - chương 5 và tài liệu [2] – chương 6 cần đọc để hiểu ý nghĩa các nội dung chương. Đọc thêm các tài liệu [3], [4], [5]	HĐ1 HĐ2	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
Chương 7. Cán bộ, công chức quản lý nhà nước về kinh tế 7.1. Tổng quan về cán bộ, công chức quản lý nhà nước về kinh tế 7.2. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức quản lý nhà nước về kinh tế	3	- Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu bài giảng Slide. - GV đặt câu hỏi hoặc chủ đề thảo luận cho học viên trả lời theo hình thức cá nhân hoặc nhóm.	Tự đọc và nghiên cứu trước tài liệu [1] - chương 7 và tài liệu [2] – chương 7. cần đọc để hiểu ý nghĩa các nội dung chương. Đọc thêm các tài liệu [3], [4], [5]	HĐ1 HĐ2	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4

7. Hướng dẫn học viên tự học

TT	Nội dung	Tự học (giờ)	Nhiệm vụ của học viên	Sản phẩm
1	Chương 1. Quản lý nhà nước	12	Nghiên cứu tài liệu [1]	Báo cáo nhóm, Bài kiểm cuối chương,
2	Chương 2. Đặc trưng kinh tế thị trường và quản lý nhà nước về kinh tế	12	Nghiên cứu tài liệu [1]	Báo cáo nhóm, Bài kiểm cuối chương
3	Chương 3. Cơ chế, chức năng và nguyên tắc quản lý nhà nước về kinh tế	12	Nghiên cứu tài liệu [1]	Báo cáo nhóm, Bài kiểm cuối chương

TT	Nội dung	Tự học (giờ)	Nhiệm vụ của học viên	Sản phẩm
4	Chương 4. Phương pháp và công cụ quản lý nhà nước về kinh tế	12	Nghiên cứu tài liệu [1]	Báo cáo nhóm, Bài kiểm cuối chương
5	Chương 5. Thông tin và quyết định quản lý nhà nước về kinh tế	12	Nghiên cứu tài liệu [1]	Báo cáo nhóm, Bài kiểm cuối chương
6	Chương 6. Bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế	15	Nghiên cứu tài liệu [1]	Báo cáo nhóm, Bài kiểm cuối chương
7	Chương 7. Cán bộ, công chức quản lý nhà nước về kinh tế	15	Nghiên cứu tài liệu [1]	Báo cáo nhóm, Bài kiểm cuối chương

8. Tài liệu học tập

TT	Tên tài liệu	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
			Tài liệu chính	Tham khảo
1	Phan Huy Đường (2017), <i>Quản lý nhà nước về kinh tế</i> , NXB ĐH Quốc gia Hà Nội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x	
2	Cao Vũ Minh (2017), <i>Quyết định quản lý nhà nước của chính phủ: lý luận và thực tiễn</i> , NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
3	Trần Thọ Đạt, Ngô Thắng Lợi (2017), <i>Kinh tế Việt Nam 2016: Tái cơ cấu nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và vai trò Nhà nước kiến tạo phát triển</i> , NXB ĐH Kinh tế Quốc dân	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
4	Đoàn Thị Thu Hà (2008), <i>Giáo trình Khoa học quản lý</i> , NXB Khoa học và Kỹ thuật	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
5	Nguyễn Hồng Sơn, Bùi Đại Dũng, Nguyễn Quốc Việt, Chu Thị Nhường (2012), <i>Chính sách và phát triển bền vững: Cân bằng thanh toán, nợ công và đầu tư công</i> , NXB Chính trị quốc gia	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
6	Từ Quang Phương và cộng sự (2013), <i>Giáo trình Kinh tế đầu tư</i> , NXB ĐH KTQD	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x

TT	Tên tài liệu	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
			Tài liệu chính	Tham khảo
7	Đặng Xuân Hoan (2019), <i>Quản lý nhà nước trong nền kinh tế thị trường</i>	https://stbook.vn/store_detail/quan-ly-nha-nuoc-trong-nen-kinh-te-thi-truong-sach-chuyen-khao-/419		X

9. Quy định đối với học viên

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Học viên phải tham gia đủ từ 80% tiết dạy học phần.
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo quy định của lớp học phần.
- Tự tìm hiểu các vấn đề giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học lên lớp.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số thành phần (%)	CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1. Quá trình	HĐ 1.1. Thảo luận nhóm	Bài báo cáo nhóm	Rubric (R6)	100%	CLO1 CLO2 CLO3	50%	
HĐ2. Đánh giá kết thúc học phần	HĐ 2.1. Dự án	Dự án	Rubric (R10)	100%	CLO1 CLO2 CLO3	50%	

11. Thông tin về giảng viên dạy

Giảng viên 1: TS. Lê Văn Tuấn

- Số điện thoại: 0973907799 ; Email: lvantuan@dthu.edu.vn
- Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Đại học Đồng Tháp
- Hướng giảng dạy, nghiên cứu chính: Kinh tế đầu tư, đầu tư công, quản lý đầu tư công, kinh doanh và quản lý

Giảng viên 2: TS. Nguyễn Văn Dũng

- Số điện thoại: 0918715615; Email: saudunglhh@yahoo.com.vn
- Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Đồng Tháp
- Hướng giảng dạy, nghiên cứu chính: Kinh tế phát triển

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2026

TRƯỞNG KHOA TRƯỞNG CHUYÊN NGÀNH GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

7. HỌC PHẦN 7: KINH TẾ QUỐC TẾ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần (Tiếng Việt): Kinh tế quốc tế
- Tên học phần (Tiếng Anh): International Economics
- Mã học phần: EMM.805
- Số tín chỉ: 03; Tổng số tiết tín chỉ (LT/ThH/TH): 30/30 /90
- Học phần điều kiện (*nếu có*): Không
- Loại học phần: Tự chọn
- Trình độ: Thạc sĩ
- Thuộc khối kiến thức: Kiến thức cơ sở ngành tự chọn
- Bộ môn phụ trách dạy học: Khoa: Kinh tế-Luật

2. Tổng quan về học phần

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về các lý thuyết thương mại quốc tế, và giới thiệu các mô hình thương mại quốc tế. Ngoài việc người học có thêm kiến thức về sự hình thành và thay đổi giá cả trên thị trường quốc tế, về khả năng chấp nhận thương mại của các quốc gia, các ảnh hưởng của tăng trưởng đối với thương mại quốc tế trong điều kiện nền kinh tế mở cũng được cập nhật chi tiết.

3. Mục tiêu học phần

Học phần cung cấp kiến thức nền tảng giúp học viên hiểu, nắm bắt các vấn đề thương mại quốc tế trong phạm vi quốc gia; cung cấp kiến thức để hoạch định chiến lược, chính sách và kế hoạch kinh doanh thương mại quốc tế của doanh nghiệp phù hợp với các quy luật kinh tế quốc tế đang diễn ra trong phạm vi quốc gia và trên thế giới.

4. Chuẩn đầu ra

CĐR (CLOs)	Nội dung CĐR học phần (CLOs)
CLO1:	Phân tích được nội dung và tác động của tăng trưởng sản xuất và vận động của thị trường quốc tế đối với mỗi quốc gia trong bối cảnh kinh tế quốc tế hiện đại
CLO2:	Trình bày được quan niệm rõ ràng trước tập thể
CLO3:	Phát triển khả năng phản biện

5. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và chỉ số PI		
	PLO2	PLO4	PLO5
	PI2.2	PI4.1	PI5.2
CLO1	R		
CLO2		R	
CLO3			M
Học phần	R	R	M

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Học viên chuẩn bị		
Chương I: Các lý thuyết cổ điển về thương mại quốc tế 1.1. Lý thuyết của trường phái trọng thương 1.1.1. Nội dung lý thuyết về thương mại quốc tế của trường phái trọng thương 1.1.2. Minh họa lý thuyết về thương mại quốc tế của trường phái trọng thương 1.2. Lý thuyết về lợi thế tuyệt đối của Adam Smith 1.2.1. Quy luật lợi thế tuyệt đối 1.2.2. Minh họa về quy luật lợi thế tuyệt đối 1.2.3. Tính toán thặng dư và khung trao đổi 1.3. Lý thuyết về lợi thế so sánh của David Ricardo 1.3.1. Quy luật lợi thế so sánh 1.3.2. Minh họa về quy luật lợi thế so sánh 1.3.3. Lợi thế so sánh với sự tham gia của tiền tệ 1.4. Lý thuyết về chi phí cơ hội của Habeler - Thương	6	GV giới thiệu ĐCCT và các yêu cầu cần thiết trong quá trình học. GV giới thiệu nội dung tổng quan.	HV nghiên cứu ĐCCT và phát biểu ý kiến (nếu có). HV nghiên cứu tài liệu số [1], [2], [3].	HĐ1 HĐ2	CLO1, CLO2, CLO3

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Học viên chuẩn bị		
mại quốc tế trong trường hợp chi phí tăng 1.4.1 Mô hình thương mại trong trường hợp chi phí cơ hội tăng dần 1.4.2. Thặng dư từ trao đổi và từ chuyên môn hóa 1.4.3. Trường hợp nước nhỏ và thương mại quốc					
Chương II: Các lý thuyết hiện đại về thương mại quốc tế 2.1. Mô hình thương mại dựa trên sự khác biệt về sở thích thị hiếu 2.1.1 Cơ sở của mô hình thương mại dựa trên sự khác biệt về thị hiếu 2.1.2. Xây dựng và đánh giá mô hình thương mại 2.2. Lý thuyết về sự dư thừa nhân tố của Heckscher Ohlin 2.2.1. Cơ sở của lý thuyết Heckscher Ohlin 2.2.2. Nội dung của lý thuyết Heckscher Ohlin 2.2.3. Định lý cân bằng hoá giá cả hàng hoá và yếu tố sản xuất 2.2.4. Ảnh hưởng của thương mại đối với phân phối thu nhập 2.3. Mô hình thương mại dựa trên kinh tế theo quy mô 2.3.1. Cơ sở và lợi ích của kinh tế theo quy mô 2.3.2. Xây dựng mô hình thương mại dựa trên kinh tế theo quy mô	6	-GV phân bổ nhóm dựa theo sĩ số lớp, phân công các nhóm. -Các nhóm cử đại diện trình bày tóm tắt lý thuyết đã thảo luận. -GV giới thiệu các mô hình thực tế. -HV thảo luận nhóm theo nội dung phân công của GV, vẽ sơ đồ hoạt động và thảo luận.	HV nghiên cứu tài liệu [1], [2].	HĐ1 HĐ2	CLO1, CLO2, CLO3

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Học viên chuẩn bị		
2.3.3. Kinh tế theo quy mô và thương mại nội ngành 2.4. Thương mại quốc tế và chu kỳ sống của sản phẩm 2.4.1. Các giai đoạn trong chu kỳ sống của sản phẩm 2.4.2. Khe hở công nghệ và thương mại quốc tế 2.5. Thương mại quốc tế và chi phí vận tải 2.5.1. Chi phí vận tải và hàng hóa phi thương mại 2.5.2. Chi phí vận tải và sự phân bố của các ngành sản xuất					
Chương III: Thị trường quốc tế, tăng trưởng và thương mại quốc tế 3.1. Cung cầu và giá cả trên thị trường quốc tế 3.1.1. Yếu tố quyết định đường cung thị trường quốc tế 3.1.2. Yếu tố quyết định đường cầu thị trường quốc tế 3.1.3. Giá cả cân bằng trên thị trường quốc tế 3.2. Tăng trưởng các nhân tố sản xuất và tiến bộ kỹ thuật 3.2.1. Tăng trưởng đều của vốn và lao động theo thời gian 3.2.2. Tiến bộ kỹ thuật và đường giới hạn sản xuất 3.3. Các mô hình tăng trưởng và thương mại quốc tế	6	-GV thuyết giảng và giới thiệu video tình huống. -HV trả lời câu hỏi -GV thuyết giảng và giới thiệu về tư duy đa chiều để hệ thống nội dung chương. -GV đặt tình huống, HV giải quyết tình huống/chủ đề của chương. -GV nhận xét và tổng hợp nội dung	-HV xem tài liệu [1], HV làm việc nhóm và chuẩn bị báo cáo.	HĐ1 HĐ2	CLO1, CLO2, CLO3

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Học viên chuẩn bị		
3.3.1. Tăng trưởng và thương mại quốc tế - Trường hợp nước nhỏ 3.3.2. Tăng trưởng và thương mại quốc tế - Trường hợp nước lớn 3.3.3. Tăng trưởng, thay đổi thị hiếu và thương mại trong cả hai quốc gia		chương			
Chương IV. Tăng trưởng và phát triển kinh tế, bất bình đẳng và nghèo đói 4.1. Nghèo đói ở các nước đang phát triển 4.2. Bất bình đẳng và phát triển kinh tế 4.3. Các thước đo bất bình đẳng 4.4. Các mô hình về sự bất bình đẳng và phát triển kinh tế Nghiên cứu trường hợp: Giá cả hàng hóa bóp méo cán cân thương mại toàn cầu	6	- Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu bài giảng Slide. - GV đặt câu hỏi hoặc chủ đề thảo luận cho học viên trả lời theo hình thức cá nhân hoặc nhóm. - Nghiên cứu trường hợp: Giá cả hàng hóa bóp méo cán cân thương mại toàn cầu	- Đọc trước tài liệu liên quan đến phần kiến thức của chương trình. - Chuẩn bị nội dung cần trình bày.	HĐ1 HĐ2	CLO1, CLO2, CLO3
Báo cáo nhóm KẾT THÚC HỌC PHẦN (Phân tích được nội dung và tác động của tăng trưởng sản xuất và vận động của thị trường quốc tế đối với mỗi quốc gia trong bối cảnh kinh tế quốc tế hiện đại): Báo cáo nhóm về chủ đề được phân công. Báo cáo nhóm nộp bản in và file powerpoint qua email.	6	-Nhóm tự lựa chọn số người trình bày, không nhất thiết mọi thành viên phải trình bày trước lớp. -GV nhận xét và tổng kết nội dung toàn bộ học		HĐ1 HĐ2	CLO1, CLO2, CLO3

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Học viên chuẩn bị		
Ôn tập		phần, chú ý những kiến thức cần vận dụng để HV học và áp dụng thực tế. hình thức cá nhân hoặc nhóm.			

7. Hướng dẫn học viên tự học

STT	Nội dung	Tự học (giờ)	Nhiệm vụ của học viên	Sản phẩm
1	Chủ đề 1: Các lý thuyết cổ điển về thương mại quốc tế	18	Nghiên cứu tài liệu [1]	Câu trả lời cá nhân
2	Chủ đề 2: Các lý thuyết hiện đại về thương mại quốc tế	25	Nghiên cứu tài liệu [1]	Câu trả lời cá nhân
3	Chủ đề 3: Thị trường quốc tế, tăng trưởng và thương mại quốc tế	25	Nghiên cứu tài liệu [1]	Câu trả lời cá nhân
4	Chủ đề 4: Nghiên cứu trường hợp: Giá cả hàng hóa bóp méo cán cân thương mại toàn cầu	12	Nghiên cứu tài liệu [1]	Câu trả lời cá nhân
5	Chủ đề 5: Báo cáo nhóm kết thúc học phần	10	Nghiên cứu tài liệu [1]	Câu trả lời cá nhân

8. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả/năm/tên tài liệu/nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
			Tài liệu chính	Tham khảo
1	Từ Thuý Anh và cộng sự (2024), <i>Giáo trình Kinh tế học quốc tế nâng cao</i> , NXB Thông tin và Truyền thông	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x	

STT	Tên tác giả/năm/tên tài liệu/nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
			Tài liệu chính	Tham khảo
2	Nguyễn Văn Dung (2012), <i>Kinh tế quốc tế International economics: problems and solutions: Bài tập và đáp án</i> , Nxb: Thành phố Hồ Chí Minh: Phương Đông	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
3	Đoàn Thị Hồng Vân, Kim Ngọc Đạt (2013), <i>Quản trị ngoại thương</i> , nxb Lao Động - Xã hội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x	
4	Vũ Thị Bạch Tuyết (2010), <i>Giáo trình kinh tế quốc tế</i> , NXB Tài chính	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x

9. Quy định đối với học viên

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Học viên phải tham gia đủ từ 80% tiết dạy học phần.
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo quy định của lớp học phần.
- Tự tìm hiểu các vấn đề giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học lên lớp.
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số thành phần (%)	CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1. Đánh giá thường xuyên	HĐ1.1. Chuyên cần	quan sát	Rubric (R8)	20%	CLO1	50%	
	HĐ1.2. Bài tập nhóm	báo cáo nhóm	Rubric (R6)	80%	CLO2		
HĐ2. Đánh giá kết thúc học phần	HĐ2.1 Dự án	Tiểu luận	Rubric (R10)	100%	CLO3	50%	

11. Thông tin về giảng viên dạy

Giảng viên: TS. Phạm Thái Ngọc

- Số điện thoại: 0834696450; Email: ptngoc@dthu.edu.vn
- Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Kinh tế - Luật, Trường Đại học Đồng Tháp
- Hướng giảng dạy, nghiên cứu chính: Kinh tế phát triển; Quản trị

Giảng viên: TS. Nguyễn văn Nam

- Số điện thoại: 0913.764144; Email: nam.nguyenvan12111958@gmail.com
 - Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Giảng viên thỉnh giảng
 - Hướng giảng dạy, nghiên cứu chính: Phát triển kinh tế vùng Đồng bằng sông Cửu Long
- Đồng Tháp, ngày tháng năm 2026*

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG CHUYÊN NGÀNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

HIỆU TRƯỞNG DUYỆT

8. HỌC PHẦN 8: LÃNH ĐẠO VÀ QUẢN LÝ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần (Tiếng Việt): Lãnh đạo và Quản lý
- Tên học phần (Tiếng Anh): Leadership and Management
- Mã học phần: EMM.806
- Số tín chỉ: 03 Tổng số tiết tín chỉ (LT/ThH/TH): 30/30/90
- Học phần điều kiện (*nếu có*): Không
- Loại học phần: Tự chọn
- Trình độ: Thạc sĩ
- Thuộc khối kiến thức: Kiến thức cơ sở ngành tự chọn
- Bộ môn phụ trách dạy học: Khoa: Kinh tế - Luật

2. Tổng quan về học phần

Học phần trang bị các kỹ năng quản lý và lãnh đạo trong khu vực công; tiếp cận kiến thức về nghệ thuật lãnh đạo, nhìn nhận vấn đề với tư cách là một nhà quản lý và lãnh đạo trong khu vực công, với khả năng nhận thức cao, hiểu rõ và phác họa được bối cảnh mà ở đó nghệ thuật lãnh đạo được ứng dụng vào lãnh đạo hiệu quả, các kỹ năng thích nghi, các kỹ năng sáng tạo, để làm chủ sự thay đổi.

3. Mục tiêu học phần

Học phần trang bị các kỹ năng quản lý và lãnh đạo trong khu vực công; hiểu rõ và phác họa được bối cảnh mà ở đó nghệ thuật lãnh đạo được ứng dụng vào lãnh đạo hiệu quả, các kỹ năng thích nghi, các kỹ năng sáng tạo cung cấp tiếp cận kiến thức về nghệ thuật lãnh đạo, nhìn nhận vấn đề với tư cách là một nhà quản lý và lãnh đạo trong khu vực công, với khả năng nhận thức cao.

4. Chuẩn đầu ra

CĐR (CLOs)	Nội dung CĐR học phần (CLOs)
CLO1:	Phân tích những khái niệm quan trọng trong lãnh đạo và sự phát triển của lý thuyết lãnh đạo trong khu vực công;
CLO2:	Vận dụng nghệ thuật quản lý và lãnh đạo trong khu vực công.
CLO3:	Thực hành quản lý và lãnh đạo trong khu vực công; có tư duy phản biện.

5. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và các chỉ số PI		
	PLO1	PLO2	PLO5
	PI1.1	PI2.2	PI5.1
CLO1	R		
CLO2		R	
CLO3			R
Học phần	R	R	R

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Học viên chuẩn bị		
Chương 1: Định nghĩa và tầm quan trọng của nghệ thuật lãnh đạo 1.1. Nghệ thuật lãnh đạo hiệu quả 1.2. Những trở ngại để lãnh đạo hiệu quả 1.3. Nghệ thuật lãnh đạo và quản lý 1.4. Vai trò và chức năng của các nhà lãnh đạo Những thay đổi trong các tổ chức, sự mong đợi của nhà lãnh đạo.	5	-Giảng viên: thuyết giảng -Học viên: tham gia thảo luận tình huống chương 1	-Nghiên cứu trước nội dung chương 1	HĐ1 HĐ2	CLO1, CLO2, CLO3
Chương 2: Bối cảnh văn hóa và toàn cầu 2.1. Chính phủ với việc tái phân phối thu nhập 2.1. Định nghĩa và cấp độ văn hóa 2.2. Các mô hình văn hóa quốc gia	5	-Giảng viên: thuyết giảng -Học viên: tham gia thảo luận tình huống chương 2	-Nghiên cứu trước nội dung chương 2	HĐ1 HĐ2	CLO1, CLO2, CLO3
Chương 3: Sự khác biệt và cá tính 3.1. Các đặc điểm cơ bản của sự dị biệt cá nhân. 3.2. Các đặc điểm nhân khẩu học của nhà lãnh đạo Văn hóa 3.3. Năng lực và kỹ năng	5	-Giảng viên: thuyết giảng -Học viên: tham gia thảo luận	-Nghiên cứu trước nội dung chương 3	HĐ1 HĐ2	CLO1, CLO2, CLO3

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Học viên chuẩn bị		
3.4. Các cá tính tương thích 3.5. Các đặc điểm của những nhà lãnh đạo thất bại 3.6. Sử dụng các đặc điểm cá nhân		tình huống chương 3			
Chương 4: Lãnh đạo nhóm 4.1. Vấn đề ủy quyền 4.2. Phát triển việc tham gia quản lý: Nghệ thuật lãnh đạo nhóm và tự lãnh đạo 4.3. Vai trò của nhà lãnh đạo trong môi trường nhóm	5	-Giảng viên: thuyết giảng -Học viên: tham gia thảo luận tình huống chương 4	-Nghiên cứu trước nội dung chương 4	HĐ1 HĐ2	CLO1, CLO2, CLO3
Chương 5: Lãnh đạo sự thay đổi 5.1. Các áp lực của sự thay đổi 5.2. Quản lý đối tác và văn hóa tổ chức 5.3. Các loại và tiến trình thay đổi 5.4. Sự chống đối đối với sự thay đổi và các giải pháp 5.5. Lãnh đạo sự thay đổi 5.6. Tính sáng tạo và sự ứng biến 5.7. Thay đổi như thế nào để các tổ chức tiếp cận với sự thay đổi	5	-Giảng viên: thuyết giảng -Học viên: tham gia thảo luận tình huống chương 5	-Nghiên cứu trước nội dung chương 5	HĐ1 HĐ2	CLO1, CLO2, CLO3
Chương 6: Phát triển các nhà lãnh đạo 6.1. Định nghĩa và các yếu tố cơ bản 6.2. Các tiêu chuẩn cho những chương trình phát triển hiệu quả 6.3. Các phương pháp phát triển nhà lãnh đạo 6.4. Phát triển và văn hóa 6.5. Hiệu quả của phát triển	5	- Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu bài giảng Slide. - GV đặt câu hỏi hoặc chủ đề thảo luận cho học viên trả lời theo hình	- Đọc trước tài liệu liên quan đến phần kiến thức của chương trình. - Chuẩn bị nội dung cần trình bày.	HĐ1 HĐ2	CLO1, CLO2, CLO3

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Học viên chuẩn bị		
		thức cá nhân hoặc nhóm.			

7. Hướng dẫn học viên tự học

STT	Nội dung	Tự học (giờ)	Nhiệm vụ của học viên	Sản phẩm
1	Chủ đề 1: Định nghĩa và tầm quan trọng của nghệ thuật lãnh đạo	14	Nghiên cứu tài liệu [1]	Câu trả lời cá nhân
2	Chủ đề 2: Bối cảnh văn hóa và toàn cầu	14	Nghiên cứu tài liệu [1]	Câu trả lời cá nhân
3	Chủ đề 3: Sự khác biệt và cá tính	16	Nghiên cứu tài liệu [1]	Câu trả lời cá nhân
4	Chủ đề 4: Lãnh đạo nhóm	16	Nghiên cứu tài liệu [1]	Câu trả lời cá nhân
5	Chủ đề 5 Lãnh đạo sự thay đổi	14	Nghiên cứu tài liệu [1]	Câu trả lời cá nhân
6	Chủ đề 6: Phát triển các nhà lãnh đạo	16	Nghiên cứu tài liệu [1]	Câu trả lời cá nhân

8. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả/năm/tên tài liệu/nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
			Tài liệu chính	Tham khảo
1	Phạm Thị Thanh Trà (2021), <i>Xây dựng nguồn nhân lực hành chính đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững đất nước</i> , NXB Lý luận chính trị	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x	
2	Nguyễn Văn Hùng, Nguyễn Văn Nguyên, Trần Mặc Khách (2021), <i>Nghệ thuật lãnh đạo</i> , NXB Tài chính	TTHL Lê Vũ Hùng		x
3	Nhóm tác giả (2017), <i>Quản trị và khởi nghiệp nghệ thuật lãnh đạo</i> , NXB Thế giới	TTHL LVH		x

10. Quy định đối với học viên

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Học viên phải tham gia đủ từ 80% tiết dạy học phần.
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo quy định của lớp học phần.

- Tự tìm hiểu các vấn đề giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học lên lớp.
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

11. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số thành phần (%)	CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HD1. Đánh giá thường xuyên	HD1.1. Chuyên cần	quan sát	Rubric (R8)	20%	CLO1	50%	
	HD1.2. Bài tập nhóm	báo cáo nhóm	Rubric (R6)	80%	CLO2		
HD2. Đánh giá kết thúc học phần	HD2.1 Tiểu luận	Tiểu luận	Rubric (R5)	100%	CLO3	50%	PI5.1

11. Thông tin về giảng viên dạy

Giảng viên 1: PGS.TS. Nguyễn Giác Trí

- Số điện thoại: 0907814584; Email: ngtri1978@gmail.com
- Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Đại học Đồng Tháp
- Hướng giảng dạy, nghiên cứu chính: Phương pháp nghiên cứu kinh tế; Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo; Marketing; Quản trị học

Giảng viên 2: TS. Nguyễn Vĩnh Luận

- Số điện thoại: 0983181807; Email: luannguyenvinh@gmail.com
- Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Công ty CP Imexpharm Đồng Tháp
- Hướng giảng dạy, nghiên cứu chính: Kinh doanh và quản lý

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2026

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG CHUYÊN NGÀNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

HIỆU TRƯỞNG DUYỆT

9. HỌC PHẦN 9: QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần (Tiếng Việt): Quản lý tài chính công
- Tên học phần (Tiếng Anh): Public Financial Management
- Mã số học phần: EMM.807
- Số tín chỉ: 03 Tổng số tiết tín chỉ (LT/ThH/TH): 30/30/90
- Học phần điều kiện (*nếu có*): Không
- Loại học phần: Tự chọn
- Trình độ: Thạc sĩ
- Thuộc khối kiến thức: Kiến thức cơ sở ngành tự chọn
- Bộ môn phụ trách dạy học: Khoa: Kinh tế - Luật

2. Tổng quan về học phần:

Nghiên cứu quản lý tài chính công tập trung vào: Tìm hiểu xem khu vực công cộng tham gia vào những hoạt động kinh tế nào? Và chúng được tổ chức ra sao? dự đoán trước tác động mà một chính sách của Chính phủ có thể gây ra. Qua đó đánh giá các tính hiệu quả của những chính sách của Chính phủ như: Các chính sách can thiệp vào vòng tuần hoàn kinh tế, các chính sách thuế. Đánh giá chi tiêu công và quản lý chi tiêu công; cũng như đánh giá nợ công và quản lý nợ công của Chính phủ.

3. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong, người học có khả năng trình bày và phân tích những vấn đề liên quan đến tài chính trong khu vực công và cách quản lý phân tài chính này.

4. Chuẩn đầu ra

CĐR (CLOs)	Nội dung CĐR học phần (CLOs)
CLO1:	Trình bày được các kiến thức cơ bản về tài chính công
CLO2:	Vận dụng các phương pháp quản lý tài chính trong lĩnh vực công
CLO3:	Thể hiện thái độ học tập nghiêm túc trong học tập, tích cực và hoàn thành tốt tất cả các nhiệm vụ học tập được giao, có khả năng tự học, tự nghiên cứu

5. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và chỉ số PI		
	PLO1	PLO2	PLO4
	PI1.1	PI2.1	PI4.1
CLO1	R		
CLO2		R	
CLO3			R
Học phần	R	R	R

7. Nội dung và phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Chương/Chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CĐR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Sinh viên chuẩn bị		
Chương 1: Nhập môn tài chính công 1.1. Chính phủ trong nền kinh tế thị trường 1.1.1. Những quan điểm khác nhau về vai trò.... 1.1.2. Chính phủ trong vòng tuần hoàn kinh tế 1.2. Cơ sở khách quan cho sự can thiệp của Chính phủ vào nền kinh tế 1.2.1. Các tiêu chuẩn về hiệu quả sử dụng nguồn lực 1.2.2. Điều kiện biên về tính hiệu quả 1.2.3. Thất bại thị trường 1.2.4. Những điều kiện khác 1.3. Đánh giá chung về sự can thiệp của Chính phủ 1.3.1. Chức năng của Chính phủ 1.3.2. Những thất bại của Chính phủ khi can thiệp 1.4. Nội dung và phương pháp luận của môn học 1.4.1. Nội dung nghiên cứu 1.4.2. Công cụ nghiên cứu	6	- GV thuyết trình lý thuyết - Thảo luận	- Nghiên cứu ĐCCTHP - Nghiên cứu phần lý thuyết chương 1 trong tài liệu [1] - Làm bài tập GV giao sau mỗi buổi học - Đọc thêm các tài liệu tham khảo [3], [4]	HĐ1 HĐ2	CLO1 CLO2 CLO3

Chương/Chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CĐR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Sinh viên chuẩn bị		
1.4.3. Phương pháp luận của học phần					
Chương 2: Vai trò kinh tế của Chính phủ 2.1. Chính phủ với việc tái phân phối thu nhập 2.1.1. Bất bình đẳng trong phân phối thu nhập 2.1.2. Thước đo bất bình đẳng về phân phối thu nhập 2.1.3. Mối quan hệ giữa hiệu quả và công bằng xã hội 2.1.4. Vai trò tái phân phối thu nhập của Chính phủ 2.2. Chính phủ với việc cung cấp và sử dụng có hiệu quả các hàng hóa công cộng (HHCC) 2.2.1. Với HHCC thuần túy 2.2.2. Với HHCC có tính giới hạn 2.3. Chính phủ với việc can thiệp vào những TBTT 2.3.1. Độc quyền 2.3.2. Ngoại ứng 2.4. Chính phủ với việc ổn định kinh tế vĩ mô	6	- GV thuyết trình lý thuyết - Làm bài tập - Thảo luận	- Nghiên cứu lý thuyết chương 2 trong tài liệu [1] - Làm bài tập nhóm GV - Đọc thêm các tài liệu tham khảo [3], [4]	HĐ1 HĐ2	CLO1 CLO2 CLO3
Chương 3: Thuế 3.1. Giới thiệu chung về thuế 3.1.1. Khái niệm, vai trò của thuế 3.1.2. Các nguyên tắc đánh thuế 3.1.3. Độ nổi, độ co giãn của thuế 3.1.4. Thuế suất trung bình, thuế suất biên 3.1.5. Phân loại thuế	6	- GV thuyết trình lý thuyết - Làm bài tập - Thảo luận	- Nghiên cứu lý thuyết chương 3 trong tài liệu [2] - Làm bài tập GV giao sau từng buổi học	HĐ1 HĐ2	CLO1 CLO2 CLO3

Chương/Chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CĐR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Sinh viên chuẩn bị		
3.2. Phân tích tác động của thuế 3.2.1. Tác động của thuế trong thị trường cạnh tranh 3.2.2. Tác động của thuế trong thị trường độc quyền 3.3. Hệ thống thuế 3.3.1. Các tính chất của một hệ thống thuế tối ưu 3.3.2. Hệ thống thuế ở Việt Nam			- Đọc thêm các tài liệu tham khảo [3], [4]		
Chương 4: Chi tiêu công và đánh giá chi tiêu công 4.1. Giới thiệu chung về chi tiêu công 4.1.1. Vai trò, cơ cấu của chi tiêu công 4.1.2. Phân loại chi tiêu công 4.2. Đánh giá chi tiêu công 4.2.1. Mục đích của đánh giá chi tiêu công 4.2.2. Nội dung của đánh giá chi tiêu công 4.3. Đánh giá các chương trình của Chính phủ 4.3.1. Đánh giá chương trình trợ cấp 4.3.2. Đánh giá chương trình đầu tư	6	- GV thuyết trình lý thuyết - Làm bài tập - Thảo luận	- Nghiên cứu lý thuyết chương 4 trong tài liệu [2] - Làm bài tập GV giao sau từng buổi học - Đọc thêm các tài liệu tham khảo [3], [4]	HĐ1 HĐ2	CLO1 CLO2 CLO3
Chương 5: Nợ công và quản lý nợ công 5.1. Một số vấn đề chung về nợ công 5.1.1. Khái niệm về nợ công 5.1.2. Nguyên nhân dẫn đến nợ công và ảnh hưởng 5.2. Đánh giá nợ công 5.2.1. Đối với nợ trong nước	6	- GV thuyết trình lý thuyết - Làm bài tập - Thảo luận	- Nghiên cứu lý thuyết chương 5 trong tài liệu [2] - Làm bài tập cuối chương 5	HĐ1 HĐ2	CLO1 CLO2 CLO3

Chương/Chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CĐR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Sinh viên chuẩn bị		
5.2.2. Đối với nợ nước ngoài 5.3. Quản lý nợ công 5.3.1. Ý nghĩa của quản lý nợ công 5.3.2. Nguyên tắc quản lý nợ công 5.3.3. Khuôn khổ quản lý nợ công			- Đọc thêm các tài liệu tham khảo [3], [4]		

7. Hướng dẫn học viên tự học

STT	Nội dung	Tự học (giờ)	Nhiệm vụ của học viên	Sản phẩm
1	Chủ đề 1: Nhập môn tài chính công	20	Nghiên cứu tài liệu bài giảng Tài chính công từ trang 7 đến trang 12	Trả lời các câu hỏi ôn tập ở trang 14
2	Chủ đề 2: Vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường	20	Nghiên cứu tài liệu bài giảng Tài chính công từ trang 16 đến trang 34	Trả lời câu hỏi 1,3,5 của chương Làm các bài tập chương 2
3	Chủ đề 3: Các chính sách thuế	20	Nghiên cứu tài liệu bài giảng Tài chính công từ trang 35 đến trang 40	Hiểu về hệ thống thuế Việt Nam Làm các bài tập chương 3
4	Chủ đề 4: Chi tiêu công và quản lý chi tiêu công	20	Nghiên cứu tài liệu bài giảng Tài chính công từ trang 49 đến trang 80	Trả lời câu hỏi 1,3,5 của chương Làm các bài tập chương 4
5	Chủ đề 5: Nợ công và quản lý nợ công	10	Nghiên cứu tài liệu bài giảng Tài chính công từ trang 80 đến trang 105	Hoàn thành các bài tập chương 5

8. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả/năm/tên tài liệu/ nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
			Tài liệu chính	Tham khảo
1	Dương Đăng Chinh, Phạm Văn Khoan (2012), <i>Giáo trình quản lý tài chính công</i> , NXB Tài chính	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x	

9. Quy định đối với học viên

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Học viên phải tham gia đủ từ 80% tiết dạy học phần.
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo quy định của lớp học phần.
- Tự tìm hiểu các vấn đề giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học lên lớp.
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số đánh giá theo thành phần (%)	Trọng số thành phần trong HP (%)	CDR học phần có liên quan	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ2. Đánh giá giữa kỳ	HĐ2.1. Kiểm tra lần 1	Tự luận	Rubric (R5)	50	50	CLO1 CLO2	
	HĐ2.2. Kiểm tra lần 2	Thuyết trình nhóm	Rubric (R5)	50		CLO2	
HĐ3. Đánh giá cuối kỳ	Thu hoạch	Bài thu hoạch cá nhân	Rubric (R8)	100	50	CLO2	

11. Thông tin về giảng viên dạy

Giảng viên 1: TS. La Ngọc Giàu

- Số điện thoại: 0844991999; Email: lngiau@dtu.edu.vn
- Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Kinh tế - Luật, Trường ĐH Đồng Tháp
- Hướng giảng dạy, nghiên cứu chính: Kinh doanh và quản lý

Giảng viên 2: TS. Lê Văn Tuấn

- Số điện thoại: 0973907799 ; Email: lvtuan@dtu.edu.vn
- Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Kinh tế - Luật, Trường ĐH Đồng Tháp
- Hướng giảng dạy, nghiên cứu chính: Kinh tế đầu tư, đầu tư công, quản lý đầu tư công, kinh doanh và quản lý

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2026

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG CHUYÊN NGÀNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

HIỆU TRƯỞNG DUYỆT

10. HỌC PHẦN 10: QUẢN LÝ CÔNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần (Tiếng Việt): Quản lý công
- Tên học phần (Tiếng Anh): Public Management
- Mã học phần: EMM.808
- Số tín chỉ: 03; Tổng số tiết tín chỉ (LT/ThH/TH): 30/30/90
- Học phần điều kiện (*nếu có*): Không
- Loại học phần: Bắt buộc
- Trình độ: Thạc sĩ
- Thuộc khối kiến thức: Kiến thức chuyên ngành bắt buộc
- Bộ môn phụ trách dạy học: Khoa: Kinh tế - Luật

2. Tổng quan về học phần

Quản lý Công tập làm rõ những khái niệm, các xu hướng, các quá trình và các công cụ chủ yếu trong Quản lý Khu vực Công, đặc biệt chú trọng đến những chủ đề thực tiễn trong việc quản lý chiến lược các tổ chức trong khu vực công, phát triển kỹ năng quản lý hiện đại, và những chủ đề mới trong việc hoàn thiện quản lý khu vực công trên thế giới và ở Việt Nam hiện nay. Học phần cung cấp những kiến thức, công cụ, và kinh nghiệm tốt trên thế giới nhằm giúp nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức công thông qua (1) hoạch định chiến lược phát triển của tổ chức (xác định các tầm nhìn, sứ mạng, các mục tiêu, các chiến lược phát triển, và các kế hoạch hành động của tổ chức công); (2) thực hiện chiến lược (quản lý việc thực hiện dựa trên kết quả và các quá trình hoàn thiện liên tục...); và (3) các công cụ mới trong việc đáp ứng tốt hơn nữa các dịch vụ công (nối dài cánh tay của chính phủ trong việc thực hiện sứ mạng công: cai quản bằng liên minh, hợp tác, thuê ngoài...)

3. Mục tiêu học phần

Nâng cao hiểu biết về các năng lực cốt lõi cần thiết để hiểu được môi trường của các tổ chức công và quản lý chiến lược hoạt động của tổ chức và các bên có liên quan. Kết hợp nhận thức và kiến thức chuyên môn để thực thi và ban hành các chiến lược, công cụ và thực hành quản lý để đạt được các mục tiêu của tổ chức công. Phát triển các kỹ năng và kỹ thuật cần thiết để trở thành những nhà quản lý công thành công.

4. Chuẩn đầu ra

CĐR (CLOs)	Nội dung CĐR học phần (CLOs)
CLO1:	Thảo luận về những khái niệm chủ yếu và các quá trình quản lý công mới
CLO2:	Xây dựng chiến lược cho tổ chức khu vực công

CDR (CLOs)	Nội dung CDR học phần (CLOs)
CLO3:	Phát triển những chiến lược để trở thành những nhà quản lý công hiệu quả

5. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và các chỉ số PI		
	PLO1	PLO2	PLO4
	PI1.1	PI2.2	PI4.1
CLO1	R		
CLO2		R	
CLO3			R,A
Học phần	R	R	R,A

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Học viên chuẩn bị		
Chương 1. Tổng quan quản lý công 1.1. Quản trị theo mô hình truyền thống 1.1.1. Khái niệm 1.1.2. Phân biệt hành chính công và quản trị công 1.2. Quản trị công Mới 1.2.1. Các chức năng của quản trị 1.2.2. Những điểm đổi mới 1.2.3. Tác động của quản trị công mới	4	- Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu bài giảng Slide. - GV đặt câu hỏi hoặc chủ đề thảo luận cho học viên trả lời theo hình thức cá nhân hoặc nhóm.	Tự đọc và nghiên cứu trước tài liệu [1] - chương 1 và tài liệu [2] – chương 1. cần đọc để hiểu ý nghĩa các nội dung chương, cũng như tầm quan trọng, vị trí của học phần.	HĐ1 HĐ2	CLO1 CLO2 CLO3
Chương 2. Khu vực công và khu vực tư 2.1. Các thất bại của thị trường 2.2. Các công cụ và vai trò của chính phủ trong nền kinh tế thị trường 2.3. Doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư	4	- Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu bài giảng Slide. - GV đặt câu hỏi hoặc chủ đề thảo luận cho	Tự đọc và nghiên cứu trước tài liệu [1] - chương 2 và tài liệu [2] – chương 1. cần đọc để hiểu ý nghĩa các nội dung chương.	HĐ1 HĐ2	CLO1 CLO2 CLO3

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Học viên chuẩn bị		
nhân hóa 2.4. Các luận cứ về sự tồn tại của doanh nghiệp nhà nước		học viên trả lời theo hình thức cá nhân hoặc nhóm.			
Chương 3: Nhân sự trong khu vực công 3.1. Quản trị nhân sự trong khu vực công 3.1.1. Các nguyên tắc tổ chức nhân sự trong khu vực công 3.1.2. Các giá trị cốt lõi 3.1.3. Ưu điểm và nhược điểm 3.1.4. Một số cải cách 3.2. Quản trị bằng kết quả thực hiện trong khu vực công 3.2.1. Đặc tính và các hạn chế 3.2.2. Các cải cách	4	- Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu bài giảng Slide. - GV đặt câu hỏi hoặc chủ đề thảo luận cho học viên trả lời theo hình thức cá nhân hoặc nhóm.	Tự đọc và nghiên cứu trước tài liệu [1] - chương 4 và tài liệu [2] – chương 3. cần đọc để hiểu ý nghĩa các nội dung chương.	HĐ1 HĐ2	CLO1 CLO2 CLO3
Chương 4. Quản lý tài chính khu vực công 4.1. Ngân sách và chức năng của ngân sách 4.2. Ngân sách theo mô hình truyền thống 4.3. Ưu điểm của mô hình truyền thống 4.4. Các nguyên tắc của quản lý sách mới và các ưu điểm 4.5. Một số cải cách ngân sách mới 4.6. Chính phủ điện tử	4	- Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu bài giảng Slide. - GV đặt câu hỏi hoặc chủ đề thảo luận cho học viên trả lời theo hình thức cá nhân hoặc nhóm.	Tự đọc và nghiên cứu trước tài liệu [1] - chương 4 và tài liệu [2] – chương 3. cần đọc để hiểu ý nghĩa các nội dung chương.	HĐ1 HĐ2	CLO1 CLO2 CLO3
Chương 5. Trách nhiệm giải trình, quản trị mối quan hệ với bên ngoài 5.1. Trách nhiệm trong mô hình quản lý công truyền	4	- Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu bài giảng Slide.	Tự đọc và nghiên cứu trước tài liệu [1] - chương 5 và tài liệu [2] –	HĐ1 HĐ2	CLO1 CLO2 CLO3

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Học viên chuẩn bị		
thống 5.2. Trách nhiệm trong khu vực công 5.3. Các vấn đề về tính trách nhiệm 5.4. Quản trị mối quan hệ với bên ngoài 5.5. Chính phủ điện tử		- GV đặt câu hỏi hoặc chủ đề thảo luận cho học viên trả lời theo hình thức cá nhân hoặc nhóm.	chương 5. cần đọc để hiểu ý nghĩa các nội dung chương.		
Chương 6. Quản trị công ở các nước đang phát triển 6.1. Mô hình truyền thống ở các nước đang phát triển 6.2. Các thay đổi về quản trị công ở các nước đang phát triển 6.3. Các cải cách hành chính công 6.4. Các giai đoạn cải cách quản trị công chính trên thế giới	5	- Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu bài giảng Slide. - GV đặt câu hỏi hoặc chủ đề thảo luận cho học viên trả lời theo hình thức cá nhân hoặc nhóm.	Tự đọc và nghiên cứu trước tài liệu [1] - chương 5 và tài liệu [2] – chương 6 cần đọc để hiểu ý nghĩa các nội dung chương.	HĐ1 HĐ2	CLO1 CLO2 CLO3
Chương 7. Thực hành quản lý công 7.1. Lựa chọn người tài 7.2. Xây dựng các mối quan hệ công việc hiệu quả 7.3. Xây dựng hệ thống công việc và trách nhiệm 7.3. Hiểu và tiến hành các cải cách 7.4. Thu thập, tổ chức và sử dụng thông tin hiệu quả 7.5. Nắm vững các vấn đề liên quan đến ngân sách và quy trình 7.6. Xây dựng mục tiêu và chiến lược cho tổ chức 7.7. Giao tiếp tốt với công chúng, giới truyền thông và các đối tượng liên quan	5	- Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu bài giảng Slide. - GV đặt câu hỏi hoặc chủ đề thảo luận cho học viên trả lời theo hình thức cá nhân hoặc nhóm.	Tự đọc và nghiên cứu trước tài liệu [1] - chương 7 và tài liệu [2] – chương 7. cần đọc để hiểu ý nghĩa các nội dung chương.	HĐ1 HĐ2	CLO1 CLO2 CLO3

7. Hướng dẫn học viên tự học

STT	Nội dung	Tự học (giờ)	Nhiệm vụ của học viên	Sản phẩm
1	Chương 1. Tổng quan quản lý công	12	Nghiên cứu tài liệu [1]	Báo cáo nhóm, Bài kiểm cuối chương,
2	Chương 2. Khu vực công và khu vực tư	12	Nghiên cứu tài liệu [1]	Báo cáo nhóm, Bài kiểm cuối chương,
3	Chương 3: Nhân sự trong khu vực công	12	Nghiên cứu tài liệu [1]	Báo cáo nhóm, Bài kiểm cuối chương,
4	Chương 4. Quản lý tài chính khu vực công	12	Nghiên cứu tài liệu [1]	Báo cáo nhóm, Bài kiểm cuối chương,
5	Chương 5. Trách nhiệm giải trình, quản trị mối quan hệ với bên ngoài	12	Nghiên cứu tài liệu [1]	Báo cáo nhóm, Bài kiểm cuối chương,
6	Chương 6. Quản trị công ở các nước đang phát triển	15	Nghiên cứu tài liệu [1]	Báo cáo nhóm, Bài kiểm cuối chương,
7	Chương 7. Thực hành quản lý công	15	Nghiên cứu tài liệu [1]	Báo cáo nhóm, Bài kiểm cuối chương,

8. Tài liệu học tập

STT	Tên tài liệu	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
			Tài liệu chính	Tham khảo
1	Nguyễn Trọng Bình (2018), <i>Hành chính công và quản trị công - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn: sách tham khảo</i> , NXB Chính trị quốc gia	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x	
2	Từ Quang Phương và cộng sự (2013), <i>Giáo trình Kinh tế đầu tư</i> , NXB ĐH KTQD	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
3	Bùi Đại Dũng (2016), <i>Kinh tế học của khu vực công: Sách chuyên khảo</i> , NXB Chính trị quốc gia Sự thật	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
4	Nguyễn Hữu Hải, Nguyễn Tuấn Minh (đồng chủ biên) (2014), <i>Tìm hiểu về quản lý chất lượng trong khu vực công</i> , NXB Chính trị quốc gia	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x

STT	Tên tài liệu	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
			Tài liệu chính	Tham khảo
5	Nguyễn Hồng Sơn, Bùi Đại Dũng, Nguyễn Quốc Việt, Chu Thị Nhường (2012), <i>Chính sách và phát triển bền vững: Cân bằng thanh toán, nợ công và đầu tư công</i> , NXB Chính trị quốc gia	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
6	Đỗ Phú Hải (2017), <i>Tổng quan về chính sách công</i> , NXB Chính trị quốc gia Sự thật	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
7	Bùi Văn Quyết (2006), <i>Quản lý hành chính công</i> , NXB Tài chính	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
8	Nguyễn Hữu Hải (2014), <i>Chính sách công những vấn đề cơ bản: Sách chuyên khảo</i> , NXB Chính trị Quốc gia- Sự thật	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x

9. Quy định đối với học viên

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Học viên phải tham gia đủ từ 80% tiết dạy học phần.
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo quy định của lớp học phần.
- Tự tìm hiểu các vấn đề giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học lên lớp.
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số thành phần (%)	CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1:Đánh giá quá trình	Bài tập nhóm	Báo cáo nhóm	Rubric (R5)	100%	CLO2	50%	
HĐ2. Đánh giá kết thúc học phần	Thi tự luận	Điểm thi	Đáp án đề thi	100%	CLO3	50%	PI4.1

11. Thông tin về giảng viên dạy

Giảng viên 1: TS. Lê Văn Tuấn

- Số điện thoại: 0973907799 ; Email: lvtuan@dthu.edu.vn
- Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Đại học Đồng Tháp
- Hướng giảng dạy, nghiên cứu chính: Kinh tế đầu tư, đầu tư công, quản lý đầu tư công, kinh doanh và quản lý

Giảng viên 2: PGS.TS Lê Long Hậu

- Số điện thoại: 0907919197; Email: llhau@ctu.edu.vn
- Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Trường Kinh tế - Đại học Cần Thơ
- Hướng giảng dạy, nghiên cứu chính: Kinh tế phát triển; Tài chính

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2026

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG CHUYÊN NGÀNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

HIỆU TRƯỞNG DUYỆT

11. HỌC PHẦN 11: KINH TẾ HỌC THỂ CHẾ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần (Tiếng Việt): Kinh tế học thể chế
- Tên học phần (Tiếng Anh): Institutional Economics
- Mã học phần: EMM.809
- Số tín chỉ: 03; Tổng số tiết tín chỉ (LT/ThH/TH): 30/30/90
- Học phần điều kiện (*nếu có*): không
- Loại học phần: Bắt buộc
- Trình độ: Thạc sĩ
- Thuộc khối kiến thức: Kiến thức chuyên ngành bắt buộc
- Bộ môn phụ trách dạy học: Khoa: Kinh tế - Luật

2. Tổng quan về học phần

Học phần Kinh tế học thể chế cung cấp cho người học cái nhìn hệ thống về vai trò của thể chế trong nền kinh tế, tập trung vào việc phân tích cách thức các quy tắc, luật lệ, chuẩn mực và cơ chế thực thi ảnh hưởng đến hành vi của các tác nhân kinh tế và kết quả phát triển. Nội dung học phần bao gồm các lý thuyết nền tảng của kinh tế học thể chế, như chi phí giao dịch, quyền sở hữu, hợp đồng và quản trị, đồng thời làm rõ sự khác biệt giữa thể chế chính thức và phi chính thức. Bên cạnh đó, học phần còn hướng đến việc vận dụng các khung lý thuyết để phân tích các vấn đề thực tiễn như chất lượng tăng trưởng, hiệu quả phân bổ nguồn lực, năng lực cạnh tranh và cải cách thể chế trong bối cảnh các nền kinh tế đang phát triển.

3. Mục tiêu học phần

Học phần Kinh tế học thể chế nhằm trang bị cho người học hệ thống kiến thức nền tảng và hiện đại về thể chế, giúp hiểu rõ vai trò của thể chế đối với tăng trưởng và phát triển kinh tế, đồng thời phát triển năng lực phân tích, đánh giá và vận dụng các lý thuyết thể chế vào nghiên cứu và thực tiễn, đặc biệt trong phân tích chính sách, cải cách thể chế và các vấn đề phát triển kinh tế ở cấp độ quốc gia và vùng.

4. Chuẩn đầu ra

CDR (CLOs)	Nội dung CDR học phần (CLOs)
CLO1:	Vận dụng được các khái niệm và lý thuyết cốt lõi của Kinh tế học thể chế trong phân tích, qua đó giải thích được vai trò và tác động của thể chế đối với tăng trưởng và phát triển kinh tế.
CLO2:	Vận dụng được kỹ năng phân tích, đánh giá ảnh hưởng của các định chế đến hành vi kinh tế của các đối tượng có liên quan.
CLO3:	Thể hiện ý thức, trách nhiệm trong công việc để hoàn thiện bản thân

5. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và chỉ số PI		
	PLO1	PLO2	PLO3
	PI1.1	PI2.2	PI3.2
CLO1	R		
CLO2		R	
CLO3			R,A
Học phần	R	R	R,A

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CĐR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Người học chuẩn bị		
Chương 1. Tổng quan về kinh tế học thể chế 1.1. Lịch sử kinh tế học thể chế 1.2. Các quan điểm về thể chế 1.3. Phân loại thể chế 1.4. Chức năng của các thể chế 1.5. Đặc điểm chủ yếu của các thể chế hữu hiệu 1.6. Thể chế kinh tế theo quan điểm của Acemoglu và Robinson 1.7. Đo lường chất lượng thể chế	8	-Thuyết giảng - Phân công thảo luận nhóm	- Các nhóm phân công và đọc tài liệu [1] - Cử người báo cáo, cử người ghi chép - Thảo luận và trả lời câu hỏi	HĐ1 HĐ2	CLO1 CLO2 CLO3
Chương 2. Thể chế và chất lượng tăng trưởng kinh tế 2.1. Tăng trưởng kinh tế và chất lượng tăng trưởng kinh tế 2.2. Vai trò của thể chế đối với tăng trưởng kinh tế và chất lượng tăng trưởng kinh tế 2.3. Môi quan hệ giữa thể chế và chất lượng tăng trưởng kinh tế 2.4. Kinh nghiệm ở một số quốc gia	8	-Thuyết giảng - Phân công thảo luận nhóm	- Các nhóm phân công và đọc tài liệu [1], [2], [3] - Cử người báo cáo, cử người ghi chép - Thảo luận và trả lời câu hỏi	HĐ1 HĐ2	CLO1 CLO2 CLO3

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Người học chuẩn bị		
Chương 3: Thể chế và chất lượng tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam 3.1. Tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam 3.2. Phân tích, đánh giá chất lượng tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam 3.3. Thể chế kinh tế tại Việt Nam 3.4. Chất lượng thể chế tại Việt Nam hiện nay 3.5. Tác động của thể chế kinh tế đến chất lượng tăng trưởng tại Việt Nam	7	-Thuyết giảng - Phân công thảo luận nhóm	- Các nhóm phân công và đọc tài liệu [1], [2], [3] - Cử người báo cáo, cử người ghi chép - Thảo luận và trả lời câu hỏi	HĐ1 HĐ2	CLO1 CLO2 CLO3
Chương 4: Quan điểm, định hướng và các giải pháp nâng cao chất lượng thể chế tại Việt Nam 4.1. Quan điểm, định hướng của Đảng và Nhà nước Việt Nam về chất lượng thể chế 4.2. Giải pháp nâng cao chất lượng thể chế tại Việt Nam	7	-Thuyết giảng - Phân công làm bài tập	- Các nhóm phân công và đọc tài liệu [1], [2], [3] - Thảo luận và làm các bài tập	HĐ1 HĐ2	CLO1 CLO2 CLO3

7. Hướng dẫn học viên tự học

STT	Nội dung	Tự học (giờ)	Nhiệm vụ của sinh viên	Sản phẩm
1	Chủ đề 1: Điều tiết thị trường	24	Nghiên cứu tài liệu [1]	Báo cáo nhóm
2	Chủ đề 2: Lý thuyết rủi ro	20	Nghiên cứu tài liệu [1], [2], [3]	Báo cáo nhóm
3	Chủ đề 3: Lý thuyết trò chơi	24	Nghiên cứu tài liệu [1], [2]	Báo cáo nhóm
4	Chủ đề 4: Lý thuyết thông tin bất đối xứng	22	Nghiên cứu tài liệu [1], [2]	Bài tập

8. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả/năm/tên tài liệu/nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
			Tài liệu chính	Tham khảo
1	William J. Baumol, Alan S. Blinder (2006), <i>Economics: principles and policy</i> , Mason, OH: Thomson South-Western	Trung tâm Học liệu Lê Vũ Hùng		x
2	Lê Khương Ninh (2020), <i>Kinh tế học vi mô: Lý thuyết và thực tiễn kinh doanh</i> , NXB Giáo dục.	Trung tâm Học liệu Lê Vũ Hùng	x	
3	Bùi Đại Dũng (2016), <i>Kinh tế học của khu vực công: Sách chuyên khảo</i> , NXB Chính trị quốc gia Sự thật	Trung tâm Học liệu Lê Vũ Hùng	x	

9. Quy định đối với học viên

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Học viên phải tham gia đủ từ 80% tiết dạy học phần.
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo quy định của lớp học phần.
- Tự tìm hiểu các vấn đề giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học lên lớp.
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số thành phần (%)	CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1:Đánh giá quá trình	Bài tập nhóm	Báo cáo nhóm	Rubric (R5)	100%	CLO2	50%	
HĐ2. Đánh giá kết thúc học phần	Tiểu luận	Tiểu luận	Rubric (R6)	100%	CLO3	50%	PI3.2

11. Thông tin về giảng viên dạy

Giảng viên 1: PGS.TS. Nguyễn Giác Trí

- Số điện thoại: 0907814584; Email: ngtri1978@gmail.com
- Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Kinh tế - Luật, Trường ĐH Đồng Tháp
- Hướng giảng dạy, nghiên cứu chính: Kinh doanh và quản lý

Giảng viên 2: TS. Nguyễn Văn Đúng

- Số điện thoại: 0918715615; Email: saudunglhh@yahoo.com.vn

- Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Đồng Tháp

- Hướng giảng dạy, nghiên cứu chính: Kinh tế phát triển

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2026

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG CHUYÊN NGÀNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

HIỆU TRƯỞNG DUYỆT

12. HỌC PHẦN 12: CHÍNH SÁCH NGOẠI THƯƠNG VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần (Tiếng Việt): Chính sách ngoại thương và hội nhập kinh tế quốc tế
- Tên học phần (Tiếng Anh): Foreign Trade Policy & International Economic Integration
- Mã học phần: EMM.810
- Số tín chỉ: 02; Tổng số tiết tín chỉ (LT/ThH/TH): 15/15/45
- Học phần điều kiện (*nếu có*): không
- Loại học phần: Bắt buộc
- Trình độ: Thạc sĩ
- Thuộc khối kiến thức: Kiến thức chuyên ngành bắt buộc
- Bộ môn phụ trách dạy học: Khoa: Kinh tế - Luật

2. Tổng quan về học phần

Học phần giúp người học nắm được những nội dung cốt lõi về các lý thuyết thương mại quốc tế, chính sách ngoại thương, và hội nhập kinh tế quốc tế hướng đến. Ngoài ra, người học còn vận dụng các kiến thức đã học để phân tích và nhận định về các liên kết kinh tế quốc tế nhằm chủ động thích nghi với các quy luật vận hành nền kinh tế toàn cầu. Bên cạnh củng cố khả năng tự học, tự nghiên cứu, học phần còn giúp người học nâng cao ý thức trách nhiệm đối với nhóm làm việc, có thái độ nghiêm túc, tích cực trong học tập và nghiên cứu, phát triển kỹ năng lập luận, thuyết trình trước công chúng.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giới thiệu kiến thức tổng quan về ngoại thương và kinh tế quốc tế để người học có được cái nhìn tổng quát trước khi đi vào chuyên sâu. Điểm trọng yếu ở đây là giúp người học có cái nhìn mới, hiểu về các lý thuyết thương mại quốc tế, chính sách ngoại thương, và hội nhập kinh tế quốc tế nhằm chủ động hội nhập nền kinh tế toàn cầu. Học phần trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản nhằm chủ động thích nghi tốt với quy luật vận hành nền kinh tế toàn cầu.

4. Chuẩn đầu ra

CDR (CLOs)	Nội dung CDR học phần (CLOs)
CLO1:	Phân tích lợi thế so sánh trong thương mại giữa các quốc gia, các chính sách ngoại thương trong hội nhập kinh tế quốc tế.
CLO2:	Vận dụng thành thạo kỹ năng tự tìm kiếm và đánh giá thông tin.
CLO3:	Có khả năng nghiên cứu độc lập các vấn đề lý luận và thực tiễn về kinh tế và quản lý kinh tế.

5. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và các chỉ số PI		
	PLO1	PLO2	PLO4
	PI1.1	PI2.2	PI4.2
CLO1	R		
CLO2		R	
CLO3			R,A
Học phần	R	R	R,A

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Học viên chuẩn bị		
Chương I: Tổng quan về chính sách ngoại thương và hội nhập kinh tế quốc tế 1.1. Chính sách ngoại thương 1.2. Những vấn đề chính trong hội nhập kinh tế quốc tế và toàn cầu hoá Xem video và thảo luận nhóm về hội nhập kinh tế quốc tế	5	- Giảng viên thuyết giảng. - Học viên thu thập dữ liệu và làm bài tập tình huống.	Nghiên cứu trước các nội dung tương ứng trong danh mục Tài liệu học tập có liên quan.	HĐ1 HĐ2	CLO1, CLO2, CLO3
Chương II. Lý thuyết rủi ro 2.1. Các nền tảng lý thuyết 2.2. Đường giới hạn khả năng sản xuất 2.3. Thương mại và các vấn đề hiện đại 2.4. Lợi thế so sánh và chuỗi cung ứng toàn cầu	4	- Giảng viên thuyết giảng. - Học viên thu thập dữ liệu và làm bài tập tình huống.	Nghiên cứu trước các nội dung tương ứng trong danh mục Tài liệu học tập có liên quan.	HĐ1 HĐ2	CLO1, CLO2, CLO3
Chương III. Thuế quan và rào cản phi thuế quan 3.1. Khái niệm và phân loại 3.2. Tỷ lệ bảo hộ thuế quan hiệu dụng	3	- Giảng viên thuyết giảng. - Học viên thu thập dữ liệu và làm	Nghiên cứu trước các nội dung tương ứng trong danh mục Tài liệu học	HĐ1 HĐ2	CLO1, CLO2, CLO3

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Học viên chuẩn bị		
3.3. Hạn ngạch xuất nhập khẩu 3.4. Các vấn đề về bán phá giá		bài tập tình huống.	tập có liên quan.		
Chương IV. Chính sách ngoại thương và thỏa thuận thương mại khu vực 4.1. Đặc điểm chính sách ngoại thương của các quốc gia đang phát triển và phát triển 4.2. Các vấn đề về thương mại và tài trợ 4.3. Hội nhập và thỏa thuận thương mại	3	- Giảng viên thuyết giảng. - Học viên thu thập dữ liệu và làm bài tập tình huống.	Nghiên cứu trước các nội dung tương ứng trong danh mục Tài liệu học tập có liên quan.	HD1 HD2	CLO1, CLO2, CLO3

7. Hướng dẫn học viên tự học

STT	Nội dung	Tự học (giờ)	Nhiệm vụ của học viên	Sản phẩm
1	Chủ đề 1: Tổng quan về chính sách ngoại thương và hội nhập kinh tế quốc tế	15	Nghiên cứu tài liệu [1]	Câu trả lời cá nhân
2	Chủ đề 2: Lý thuyết rủi ro	15	Nghiên cứu tài liệu [1]	Câu trả lời cá nhân
3	Chủ đề 3: Thuế quan và rào cản phi thuế quan	8	Nghiên cứu tài liệu [1]	Câu trả lời cá nhân
4	Chủ đề 4: Chính sách ngoại thương và thỏa thuận thương mại khu vực	7	Nghiên cứu tài liệu [1]	Câu trả lời cá nhân

8. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả/năm/tên tài liệu/nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
			Tài liệu chính	Tham khảo
1	Đoàn Thị Hồng Vân, Kim Ngọc Đạt (2013), <i>Quản trị ngoại thương</i> , nxb Lao Động - Xã hội	Trung tâm Học liệu Lê Vũ Hùng	x	

STT	Tên tác giả/năm/tên tài liệu/nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
			Tài liệu chính	Tham khảo
2	Nguyễn Văn Dung (2012), <i>Kinh tế quốc tế: International economics: problems and solutions (Bài tập và đáp án)</i> , nxb Phương Đông	Trung tâm Học liệu Lê Vũ Hùng	x	
3	Vũ Thị Bạch Tuyết (2010), <i>Giáo trình kinh tế quốc tế</i> , NXB Tài Chính	Trung tâm Học liệu Lê Vũ Hùng		x
4	Trần Thọ Đạt, Ngô Thắng Lợi (2017), <i>Kinh tế Việt Nam 2016: Tái cơ cấu nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và vai trò Nhà nước kiến tạo phát triển</i> , NXB ĐH Kinh tế Quốc dân	Trung tâm Học liệu Lê Vũ Hùng		x
5	Lê Thanh Bình (2002), <i>Kinh tế đối ngoại trong bối cảnh toàn cầu hóa: Sách tham khảo</i> , NXB Chính trị Quốc Gia	Trung tâm Học liệu Lê Vũ Hùng		x
6	Nhóm tác giả (2015), <i>Kinh tế Việt Nam 30 năm đổi mới và phát triển: Sách tham khảo</i> , NXB ĐHQG TP. Hồ Chí Minh	Trung tâm Học liệu Lê Vũ Hùng		x
7	Nguyễn Anh Thư, Vũ Thanh Hương (2022), <i>Thuận lợi hóa thương mại và đầu tư trong bối cảnh hội nhập</i> , NXB ĐHQG Hà Nội	Trung tâm Học liệu Lê Vũ Hùng		x

9. Quy định đối với học viên

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Học viên phải tham gia đủ từ 80% tiết dạy học phần.
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo quy định của lớp học phần.
- Tự tìm hiểu các vấn đề giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học lên lớp.
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số thành phần (%)	CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1. Đánh giá thường xuyên	HĐ1.1. Chuyên cần	quan sát	Rubric (R6)	20%	CLO1	50%	
	HĐ1.2. Bài tập nhóm	báo cáo nhóm	Rubric (R5)	80%	CLO2		
HĐ2. Đánh giá kết thúc học phần	HĐ2.1 Tiểu luận	Tiểu luận	Rubric (R8)	100%	CLO3	50%	PI4.2

11. Thông tin về giảng viên dạy

Giảng viên 1: TS. Phạm Thái Ngọc

Số điện thoại: 0834696450; Email: luannguyenvinh@gmail.com

Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Kinh tế - Luật, Trường Đại học Đồng Tháp

Hướng giảng dạy, nghiên cứu chính: Kinh doanh và quản lý

Giảng viên 2: PGS. TS. Võ Thị Thanh Lộc

Số điện thoại: 0979766745; Email: thanhloc2010@gmail.com

Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Giảng viên thỉnh giảng

Hướng giảng dạy, nghiên cứu chính: Kinh tế, Kinh doanh và quản lý; Phương pháp nghiên cứu kinh tế

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2026

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG CHUYÊN NGÀNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

HIỆU TRƯỞNG DUYỆT

13. HỌC PHẦN 13: CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần (Tiếng Việt): Chuyển đổi số và thương mại điện tử
- Tên học phần (Tiếng Anh): Digital transformation and e-commerce
- Mã học phần: EMM.811
- Số tín chỉ: 03; Tổng số tiết tín chỉ (LT/ThH/TH): 30/30/90
- Học phần điều kiện (*nếu có*): Không
- Loại học phần: Tự chọn
- Trình độ: Thạc sĩ
- Thuộc khối kiến thức: Kiến thức chuyên ngành tự chọn
- Bộ môn phụ trách dạy học: Khoa: Kinh tế - Luật

2. Tổng quan về học phần

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản và nâng cao về chuyển đổi số, cụ thể trong việc tích hợp các khía cạnh công nghệ và quản lý của công nghệ thông tin để thực hiện việc số hóa các quy trình kinh doanh của các doanh nghiệp hay quy trình hoạt động của các cơ quan, doanh nghiệp. Cung cấp các kiến thức về thương mại điện tử, cách thức giao dịch trong thương mại điện tử và các nghiệp vụ cơ bản trong kinh doanh điện tử.

3. Mục tiêu học phần

Các kiến thức trong học phần giúp người học có thể vận dụng những kiến thức về công nghệ thông tin đã được học để giải quyết các tình huống trong thế giới thực. Từ góc độ quản lý, những điều này tạo điều kiện thuận lợi cho sự phối hợp và giao tiếp mới trong và giữa các thực thể, cho phép các hình thức tổ chức mới, thay đổi môi trường thông tin cơ bản của doanh nghiệp. Học phần còn giúp người học hiểu rõ về hoạt động thương mại điện tử, các mô hình thương mại điện tử, cách thức phân tích và lập kế hoạch kinh doanh điện tử. Bên cạnh đó, học phần góp phần định hướng áp dụng trí tuệ nhân tạo AI vào công tác chuyển đổi số và chiến lược kinh doanh thương mại điện tử trong các lĩnh vực khác nhau.

4. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR (CLOs)	Nội dung CDR học phần (CLOs)
CLO1:	Vận dụng các kiến thức về chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo (AI) trong những lĩnh vực quan trọng
CLO2:	Vận dụng các kiến thức về thương mại điện tử để phân tích và lập kế hoạch kinh doanh và marketing điện tử.
CLO3:	Thể hiện khả năng tự học và tự nghiên cứu, áp dụng trí tuệ nhân tạo (AI), làm việc với các bên liên quan về chuyển đổi số trong tổ chức, doanh nghiệp.

5. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và chỉ số PI		
	PLO2	PLO3	PLO4
	PI2.2	PI3.2	PI4.2
CLO1	R		
CLO2		R	
CLO3			R
Học phần	R	R	R

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Học viên chuẩn bị		
Chương 1: CHUYÊN ĐỔI SỐ 1.1 Khái niệm 1.2 Lịch sử của chuyển đổi số 1.3 Tái cấu trúc quy trình kinh doanh và chuyển đổi số 1.4 Tương lai của chuyển đổi số 1.5. Các công nghệ số 1.6 Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong chuyển đổi số	6	-Giảng viên: thuyết giảng -Học viên: tham gia thảo luận tình huống chương 1	-Nghiên cứu trước nội dung chương 1	HD1 HD2	CLO1 CLO2 CLO3
Chương 2: CHUYÊN ĐỔI SỐ MÔ HÌNH KINH DOANH 2.1 Lộ trình chuyển đổi số 2.2 Chuyển đổi số mô hình kinh doanh 2.3 Kết hợp mô hình giá trị và mô hình kinh doanh 2.4 Tác động của IoT trong đổi mới mô hình kinh doanh 2.5 Kiến trúc mở, động và mô hình sinh thái trung tâm	6	-Giảng viên: thuyết giảng -Học viên: tham gia thảo luận tình huống chương 2	-Nghiên cứu trước nội dung chương 2	HD1 HD2	CLO1 CLO2 CLO3
Chương 3: THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	6	-Giảng viên:	-Nghiên cứu trước nội	HD1	CLO1

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Học viên chuẩn bị		
3.1. Khái niệm, vai trò và các đặc trưng 3.2. Các loại hình chủ yếu 3.3 Cơ sở hạ tầng thương mại điện tử 3.4 Một số mô hình thương mại điện tử tiêu biểu		thuyết giảng -Học viên: tham gia thảo luận tình huống chương 3	dung chương 3	HĐ2	CLO2 CLO3
Chương 4: MARKETING ĐIỆN TỬ 4.1. Khái niệm 4.2 Các hình thức marketing điện tử 4.3. Chiến lược marketing điện tử 4.4 Duy trì và phát triển website điện tử 4.5 Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong marketing điện tử	6	-Giảng viên: thuyết giảng -Học viên: tham gia thảo luận tình huống chương 4	-Nghiên cứu trước nội dung chương 4	HĐ1 HĐ2	CLO1 CLO2 CLO3
Chương 5: KINH DOANH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ 5.1 Chuẩn bị 5.2 Ứng dụng thương mại điện tử đối với các ngành khác nhau 5.3 Thanh toán điện tử 5.4. Lập kế hoạch kinh doanh thương mại điện tử 5.5 Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh thương mại điện tử	6	-Giảng viên: thuyết giảng -Học viên: tham gia thảo luận tình huống chương 5	-Nghiên cứu trước nội dung chương 5	HĐ1 HĐ2	CLO1 CLO2 CLO3

7. Hướng dẫn học viên tự học

STT	Nội dung	Tự học (giờ)	Nhiệm vụ của học viên	Sản phẩm
1	Chương 1: CHUYỂN ĐỔI SỐ	18	Nghiên cứu tài liệu [1]	Báo cáo nhóm, Bài kiểm cuối chương
2	Chương 2: CHUYỂN ĐỔI SỐ MÔ HÌNH KINH DOANH	18	Nghiên cứu tài liệu [1]	Báo cáo nhóm, Bài kiểm cuối chương
3	Chương 3: THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	18	Nghiên cứu tài liệu [1]	Báo cáo nhóm, Bài kiểm cuối chương
4	Chương 4: MARKETING ĐIỆN TỬ	18	Nghiên cứu tài liệu [1]	Báo cáo nhóm, Bài kiểm cuối chương
5	Chương 5: KINH DOANH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	18	Nghiên cứu tài liệu [1]	Báo cáo nhóm, Bài kiểm cuối chương

8. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả/năm/tên tài liệu/nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
			TL chính	TK
1	Hồ Tú Bảo, Nguyễn Nhật Quang (2022), <i>Chuyển đổi số thế nào?</i> , NXB Thông tin và truyền thông	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x	
2	Nguyễn Văn Hùng (2019), <i>Giáo trình Thương mại điện tử</i> , NXB Tài chính	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x	
3	Phạm Mạnh Cường và cộng sự (2015), <i>Thương mại điện tử</i> , NXB ĐHQG TP HCM	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
4	David L Roger, Phạm Anh Tuấn (dịch) (2024), <i>Chiến lược chuyển đổi số</i> , NXB Khoa học Công nghệ	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
5	Bùi Quang Tuấn, Hà Huy Ngọc (2023), <i>Chuyển đổi số - Kinh nghiệm quốc tế và lộ trình cho Việt Nam</i> , NXB Chính trị Quốc gia Sự thật	https://stbook.vn/store_detail/chuyen-doi-so-kinh-nghiem-quoc-te-va-lo-trinh-cho-viet-nam-sach-chuyen-khao-/780		

9. Quy định đối với học viên

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Học viên phải tham gia đủ từ 80% tiết dạy học phần.

- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo quy định của lớp học phần.
- Tự tìm hiểu các vấn đề giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học lên lớp.
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số thành phần (%)	CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1. Đánh giá thường xuyên	HĐ1.1. Chuyên cần	quan sát	Rubric (R5)	20%	CLO1	50%	
	HĐ1.2. Bài tập nhóm	báo cáo nhóm	Rubric (R6)	80%	CLO2		
HĐ2. Đánh giá kết thúc học phần	HĐ2.1 Tiểu luận	Tiểu luận	Rubric (R8)	100%	CLO3	50%	PI2.2

11. Thông tin về giảng viên dạy

Giảng viên 1: TS. Phạm Thái Ngọc

Số điện thoại: 0834696450; Email: ptngoc@dthu.edu.vn

Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Kinh tế - Luật, Trường Đại học Đồng Tháp

Hướng giảng dạy, nghiên cứu chính: Marketing; Quản trị

Giảng viên 2: PGS.TS. Nguyễn Giác Trí

Số điện thoại: 0907814584; Email: ngtri1978@gmail.com

Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Kinh tế - Luật, Trường Đại học Đồng Tháp

Hướng giảng dạy, nghiên cứu chính: Phương pháp nghiên cứu kinh tế; Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo; Marketing; Quản trị học

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2026

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG CHUYÊN NGÀNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

HIỆU TRƯỞNG DUYỆT

14. HỌC PHẦN 14: KẾ TOÁN QUẢN TRỊ CHO KHU VỰC CÔNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần (Tiếng Việt): Kế toán quản trị cho khu vực công
- Tên học phần (Tiếng Anh): Public sector management accounting
- Mã học phần: EMM.812
- Số tín chỉ: 03; Tổng số tiết tín chỉ tiết (LT/ThH/TH): 30/30/90
- Học phần điều kiện (*nếu có*): Không
- Loại học phần: Tự chọn
- Trình độ: Thạc sĩ
- Thuộc khối kiến thức: Kiến thức chuyên ngành tự chọn
- Bộ môn phụ trách dạy học: Khoa: Kinh tế - Luật

2. Tổng quan về học phần

Môn học đề cập nội dung kế toán Nhà nước trong các khu vực quản lý NSNN, quản lý kho bạc Nhà nước, chuyên thu, chi NSNN và đơn vị HCSN, trong đó đi sâu lĩnh vực kế toán, phần hành cơ bản của các đơn vị dự toán (đơn vị HCSN).

3. Mục tiêu học phần

Trang bị, kiến thức về hệ thống tài chính Nhà nước, cơ chế quản lý tài chính Nhà nước, hệ thống kế toán công, bao gồm kế toán ngân sách, kế toán tại các cơ quan thu, kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp, kế toán ngân sách cấp phường, xã và kế toán dự trữ quốc gia.

4. Chuẩn đầu ra (CDR)

CDR (CLOs)	Nội dung CDR học phần (CLOs)
CLO1:	Phân loại được chi phí và áp dụng các phương pháp tập hợp chi phí trong đơn vị công.
CLO2:	Lập và phân tích dự toán ngân sách; phân tích biến động chi phí; phân tích CVP trong bối cảnh khu vực công.
CLO3:	Vận dụng thông tin kế toán quản trị để đề xuất các quyết định nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và sử dụng nguồn lực công.
CLO4:	Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, đảm bảo minh bạch, trách nhiệm giải trình trong quá trình lập, phân tích và báo cáo thông tin kế toán quản trị khu vực công.

5. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và các chỉ số PI	
	PLO2	PLO5
	PI2.2	PI5.1
CLO1	R	
CLO2	R	
CLO3		R
CLO4		R
Học phần Kế toán quản trị khu vực công	R	R

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CĐR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Học viên chuẩn bị		
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN QUẢN TRỊ KHU VỰC CÔNG 1.1. Khái niệm kế toán quản trị khu vực công 1.1.1. Khái niệm theo IFAC và IPSAS 1.1.2. Đặc điểm môi trường công ảnh hưởng đến kế toán quản trị 1.2. Vai trò của kế toán quản trị 1.2.1. Hỗ trợ ra quyết định 1.2.2. Kiểm soát hoạt động 1.2.3. Nâng cao trách nhiệm giải trình 1.2.4. Hỗ trợ dự toán ngân sách và phân bổ nguồn lực 1.3. So sánh kế toán tài chính và kế toán quản trị trong đơn vị công 1.3.1. Mục tiêu 1.3.2. Đối tượng sử dụng thông tin 1.3.3. Kỳ báo cáo, mức độ chi tiết 1.3.4. Cơ chế minh bạch và trách nhiệm giải trình	6	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm và lập bảng so sánh đặc điểm môi trường công - Giải quyết tình huống nhỏ - Bài tập	- Đọc tài liệu trước buổi học (tài liệu chương 1)	HĐ1 HĐ2	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Học viên chuẩn bị		
1.4. Quy trình cung cấp thông tin kế toán quản trị 1.4.1. Thu thập – phân loại – phân tích – trình bày thông tin 1.4.2. Sự liên kết với lập kế hoạch và đánh giá hiệu quả					
Chương 2. CHI PHÍ TRONG ĐƠN VỊ KHU VỰC CÔNG 2.1. Khái niệm và đặc điểm chi phí trong đơn vị công 2.1.1. Chi phí đầu vào 2.1.2. Chi phí theo nhiệm vụ công 2.1.3. Chi phí dịch vụ sự nghiệp công 2.2. Các cách phân loại chi phí 2.2.1. Theo chức năng (chi hoạt động, chi đầu tư, chi nhiệm vụ...) 2.2.2. Theo hành vi chi phí (định phí – biến phí – hỗn hợp) 2.2.3. Theo khả năng kiểm soát 2.2.4. Theo phục vụ ra quyết định 2.3. Hệ thống chi phí và trung tâm chi phí trong đơn vị công 2.3.1. Trung tâm chi phí sản xuất dịch vụ 2.3.2. Trung tâm hỗ trợ 2.3.3. Trung tâm trách nhiệm 2.4. Phương pháp tập hợp chi phí 2.4.1. Theo khoản mục 2.4.2. Theo hoạt động (ABC – Activity Based Costing) trong đơn vị công 2.4.3. Theo chương – loại – khoản (đặc thù hành chính sự nghiệp)	6	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Bài tập - Case study	- Đọc tài liệu trước buổi học (tài liệu chương 2)	HĐ1 HĐ2	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
CHƯƠNG 3: DỰ TOÁN NGÂN SÁCH TRONG ĐƠN VỊ KHU VỰC CÔNG 3.1. Khái niệm và mục đích của lập dự toán ngân sách	3	- Thuyết trình - Thực hành	- Đọc tài liệu trước buổi học (tài liệu	HĐ1 HĐ2	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Học viên chuẩn bị		
công 3.1.1 Công cụ lập kế hoạch tài chính 3.1.2. Căn cứ phân bổ nguồn lực 3.1.3. Gắn với cơ chế tự chủ và trách nhiệm giải trình 3.2. Các loại dự toán ngân sách 3.2.1. Dự toán đầu vào (Input-based budgeting) 3.2.2. Dự toán theo kết quả (Output-based budgeting) 3.2.3. Dự toán theo chương trình (Program budgeting) 3.2.4. Dự toán lũy tiến, dự toán cơ sở 0 (ZBB) 3.3. Quy trình lập dự toán trong đơn vị công 3.3.1. Thu thập thông tin 3.3.2. Xác định các hoạt động/mục tiêu 3.3.3. Phân bổ chi phí 3.3.4. Trình duyệt – thẩm định – phê duyệt 3.4. Lập dự toán chi tiết 3.4.1. Dự toán thu – chi 3.4.2. Dự toán chi thường xuyên 3.4.3. Dự toán chi theo nhiệm vụ 3.4.4. Bài tập lập dự toán mẫu (trường học/bệnh viện/UBND)		- Phân tích tình huống - Mini project	chương 3)		
CHƯƠNG 4: PHÂN TÍCH BIẾN ĐỘNG CHI PHÍ TRONG KHU VỰC CÔNG 4.1. Khái niệm biến động chi phí 4.1.1. Biến động giá 4.1.2. Biến động lượng 4.1.3. Biến động hỗn hợp 4.2. Phân tích biến động biến	3	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Case study	- Đọc tài liệu trước buổi học (tài liệu chương 4)	HĐ1 HĐ2	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Học viên chuẩn bị		
phí 4.2.1. Biến động giá biên phí 4.2.2. Biến động lượng biên phí 4.2.3. Bài tập phân tích thực tế trong đơn vị công (ví dụ: điện nước, vật tư y tế...) 4.3. Phân tích biến động định phí 4.3.1. Định phí ngân sách 4.3.2. Biến động chi phí quản lý, chi phí nhân công 4.3.3. Phân biệt định phí kiểm soát được – không kiểm soát được 4.4. Ứng dụng phân tích biến động chi phí trong kiểm soát nội bộ công 4.4.1. Nhận diện nguyên nhân 4.4.2. Truy trách nhiệm 4.4.3. Báo cáo quản trị chi phí					
CHƯƠNG 5: PHÂN TÍCH MỐI QUAN HỆ CHI PHÍ – KHỐI LƯỢNG – LỢI NHUẬN TRONG ĐƠN VỊ CÔNG 5.1. Khái niệm CVP trong khu vực công 5.1.1. Giới hạn áp dụng 5.1.2. Mối liên hệ giữa chi phí – sản lượng – mức độ hoàn thành nhiệm vụ 5.2. Điểm hòa vốn trong đơn vị sự nghiệp công lập 5.2.1. Điểm hòa vốn tài chính 5.2.2. Điểm hòa vốn theo mức độ tự chủ 5.3. Ứng dụng CVP trong đánh giá hiệu quả dịch vụ công	3	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Bài tập - Dự án nhỏ	- Đọc tài liệu trước buổi học (tài liệu chương 5)	HĐ1 HĐ2	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Học viên chuẩn bị		
5.3.1. Bệnh viện: số lượt khám, dịch vụ cận lâm sàng 5.3.2. Trường học: lớp học, chương trình đào tạo, dịch vụ chất lượng cao 5.3.3. Các trung tâm DV công 5.4. Bài tập phân tích CVP 5.4.1. Phân tích mức an toàn 5.4.2. Phân tích dự báo 5.4.3. Phân tích thay đổi chính sách phí dịch vụ công					
CHƯƠNG 6: THÔNG TIN KẾ TOÁN QUẢN TRỊ PHỤC VỤ RA QUYẾT ĐỊNH TRONG KHU VỰC CÔNG 6.1. Bản chất của quyết định trong đơn vị công 6.1.1. Quyết định về phân bổ ngân sách 6.1.2. Quyết định đầu tư 6.1.3. Quyết định cung ứng dịch vụ công 6.1.4. Quyết định tự chủ tài chính 6.2. Các loại thông tin ra quyết định 6.2.1. Thông tin thích hợp (relevant information) 6.2.2. Chi phí cơ hội 6.2.3. Thông tin tăng/giảm 6.3. Ra quyết định chuyên biệt 6.3.1. Quyết định tự làm hoặc thuê ngoài dịch vụ (Make or Buy) 6.3.2. Quyết định nhận thêm nhiệm vụ/dự án công 6.3.3. Quyết định phân bổ nguồn lực khan hiếm 6.3.4. Quyết định điều chỉnh giá	3	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Tình huống - Project - Case study	- Đọc tài liệu trước buổi học (tài liệu chương 6)	HĐ1 HĐ2	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Học viên chuẩn bị		
dịch vụ công theo lộ trình tự chủ 6.4. Case study thực tế 6.4.1. Phân tích quyết định thuê ngoài dịch vụ bảo vệ, vệ sinh 6.4.2. Quyết định mở thêm lớp chất lượng cao 6.4.3. Quyết định đầu tư máy móc thiết bị cho bệnh viện					
CHƯƠNG 7: ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG TRONG KHU VỰC CÔNG 7.1. Khái niệm và sự cần thiết đánh giá hiệu quả 7.1.1. Góc độ quản trị 7.1.2. Góc độ tài chính công 7.1.3. Yêu cầu của trách nhiệm giải trình 7.2. Các chỉ tiêu đánh giá (KPI) trong đơn vị công 7.1.1. Hiệu quả tài chính 7.1.2. Hiệu quả hoạt động 7.1.3. Hiệu quả cung cấp dịch vụ 7.1.4. Các chỉ tiêu phi tài chính (chất lượng phục vụ, mức độ hài lòng) 7.3. Ứng dụng BSC (Balanced Scorecard) trong khu vực công 7.3.1. BSC 4 góc nhìn trong đơn vị sự nghiệp 7.3.2. Ví dụ áp dụng cho bệnh viện, trường học, trung tâm công ích 7.4. Báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động 7.4.1. Biểu mẫu 7.4.2. Phân tích và kiến nghị cải thiện	3	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Tình huống	- Đọc tài liệu trước buổi học (tài liệu chương 7)	HĐ1 HĐ2	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Học viên chuẩn bị		
CHƯƠNG 8: BÁO CÁO KẾ TOÁN QUẢN TRỊ KHU VỰC CÔNG 8.1. Các loại báo cáo phục vụ quản trị trong đơn vị công 8.1.1. Báo cáo dự toán 8.1.2. Báo cáo phân tích biến động 8.1.3. Báo cáo hiệu quả hoạt động 8.1.4. Báo cáo ra quyết định 8.2. Đặc điểm trình bày báo cáo 8.2.1. Nguyên tắc minh bạch – dễ hiểu 8.2.2. Dạng bảng – dạng biểu đồ – dashboard 8.3. Ứng dụng phần mềm trong báo cáo kế toán quản trị 8.3.1. Excel 8.3.2. Phần mềm quản lý tài chính công 8.3.3. Dashboard theo dõi kết quả hoạt động 8.4. Mẫu báo cáo minh họa 8.4.1. Báo cáo dự toán đơn vị trường học 8.4.2. Báo cáo phân tích chi phí dịch vụ công 8.4.3. Báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động theo KPI	3	- Thuyết trình - Thảo luận nhóm - Tình huống - Thực hành - Mini project	- Đọc tài liệu trước buổi học (tài liệu chương 8)	HĐ1 HĐ2	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4

7. Hướng dẫn học viên tự học

STT	Nội dung	Tự học (giờ)	Nhiệm vụ của học viên	Sản phẩm
1	Chủ đề 1: Tổng quan KTQT khu vực công	10	- Nghiên cứu tài liệu [1], Chương 1 - Tìm hiểu vai trò KTQT trong minh bạch – giải trình tại đơn vị công. - Tóm tắt so sánh KTTC & KTQT.	Báo cáo nhóm (3–5 trang)
2	Chủ đề 2: Phân loại chi phí & hệ thống chi phí	10	- Đọc tài liệu [1] – Chương 2; tài liệu [2] (phần chi phí công). - Phân loại ít nhất 10 khoản chi phí tại 1 đơn vị công mà SV chọn. - Lập bảng so sánh phương pháp tập hợp chi phí.	Bài tập thực hành (file Excel/PDF)
3	Chủ đề 3: Lập phân tích dự toán ngân sách	10	- Nghiên cứu tài liệu [1], Chương 3. - Thu thập thông tin về 1 dự toán thực tế (trường học, UBND, bệnh viện, trung tâm công). - Xây dựng sơ đồ tư duy quy trình lập dự toán.	Sơ đồ tư duy (Mindmap)
4	Chủ đề 4: Phân tích biến động chi phí	10	- Đọc tài liệu [1], Chương 4. - Thực hiện bài tập tính biến động giá – lượng dựa trên dữ liệu GV cung cấp hoặc dữ liệu SV tự thu thập.	Bài tập phân tích trên Excel
5	Chủ đề 5: Phân tích CVP trong đơn vị sự nghiệp	10	- Nghiên cứu tài liệu [1], Chương 5. - Tính điểm hòa vốn cho một hoạt động dịch vụ công (ví dụ: lớp đào tạo, phòng khám...).	Bảng tính CVP (Excel)
6	Chủ đề 6: Thông tin KTQT phục vụ ra quyết định	10	- Đọc tài liệu [1], Chương 6. - Lựa chọn 1 tình huống thực tế (thuê ngoài, mở lớp mới, đầu tư...) và xác định thông tin thích hợp .	Báo cáo phân tích tình huống
7	Chủ đề 7: Đánh giá hiệu quả hoạt động (KPI – BSC)	15	- Nghiên cứu tài liệu [1], Chương 7. - Xây dựng bộ KPI gồm 8–12 chỉ tiêu cho 1 đơn vị công.	Bảng KPI (file Word/Excel)
8	Chủ đề 8: Báo cáo KTQT khu vực công	15	- Đọc tài liệu [1], Chương 8. - Thiết kế 1 báo cáo KTQT dạng Dashboard (Excel) hoặc dạng bảng.	Mẫu báo cáo KTQT (Word/Excel)

8. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả/năm/tên tài liệu/nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
			Tài liệu chính	Tham khảo
1	Mai Thị Hoàng Minh, Phan Thị Thúy Huỳnh, (2018), <i>Giáo trình Kế toán hành chính sự nghiệp</i> , NXB ĐH Kinh tế TP. HCM	TTHL Lê Vũ Hùng	x	
2	Trần Thị Bích Liên, Hoàng Thị Ánh Nguyệt, (2018), <i>Bài giảng Kế toán hành chính sự nghiệp</i> , Lưu hành nội bộ	TTHL Lê Vũ Hùng		x
3	Tăng Bình, Ái Phương (2020), <i>Hướng dẫn thực hiện thanh toán, quyết toán các khoản chi thường xuyên và chế độ sử dụng kinh phí, tài sản Nhà nước tại các cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp</i> , NXB Tài chính	TTHL Lê Vũ Hùng		x
4	Võ Văn Nhị và cộng sự (2024), <i>Kế toán hành chính sự nghiệp: Lý thuyết – Sơ đồ kế toán – Bài tập ứng dụng</i> , NXB Dân Trí	TTHL Lê Vũ Hùng		x

9. Quy định đối với học viên

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Học viên phải tham gia đủ từ 80% tiết dạy học phần.
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo quy định của lớp học phần.
- Tự tìm hiểu các vấn đề giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học lên lớp.
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số thành phần (%)	CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1. Quá trình	Thảo luận nhóm	Bài báo cáo nhóm	Rubric (1,2)	100%	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	50%	
HĐ2. Đánh giá kết thúc học phần	Tiểu luận cá nhân	Bài tiểu luận	Rubric (R8)	100%	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	50%	

11. Thông tin về giảng viên dạy**Giảng viên:** TS. La Ngọc Giàu

Số điện thoại: 0844991999; Email: lngiau@dtcc.edu.vn

Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Kinh tế - Luật, Trường Đại học Đồng Tháp

Hướng giảng dạy, nghiên cứu chính: Kinh doanh và quản lý

Giảng viên: TS. Ngô Văn Thao

Số điện thoại: 0913177975 ; Email: thaonvbt@gmail.com

Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Trường Đại học CN thực phẩm TPHCM

Hướng giảng dạy, nghiên cứu chính: Kinh tế phát triển; Kinh tế ngành

*Đồng Tháp, ngày tháng năm 2026***TRƯỞNG KHOA****TRƯỞNG CHUYÊN NGÀNH****GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN****HIỆU TRƯỞNG DUYỆT**

15. HỌC PHẦN 15: MARKETING ĐỊA PHƯƠNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần (Tiếng Việt): Marketing Địa Phương
- Tên học phần (Tiếng Anh): Local Marketing
- Mã học phần: EMM.813
- Số tín chỉ: 03; Tổng số tiết tín chỉ (LT/ThH/TH): 30/30/90
- Học phần điều kiện (*nếu có*): Không
- Loại học phần: Tự chọn
- Trình độ: Thạc sĩ
- Thuộc khối kiến thức: Kiến thức chuyên ngành tự chọn
- Bộ môn phụ trách dạy học: Khoa: Kinh tế - Luật

2. Tổng quan về học phần

Học phần này sẽ giới thiệu cho học viên về tầm quan trọng của nguồn lực địa phương trong việc xây dựng chiến lược marketing ở cấp địa phương hoặc quốc gia. Đồng thời, học phần còn giới thiệu mô hình phân tích marketing địa phương. Dựa trên nội dung lý thuyết được trình bày, học viên sẽ lựa chọn và phân tích đánh giá về các nguồn lực nhằm làm cơ sở xây dựng chiến lược marketing địa phương cho một địa phương điển hình.

3. Mục tiêu học phần

Học viên biết cách tiếp cận và ứng dụng lý thuyết marketing để đánh giá nguồn lực địa phương, sáng tạo trong cách tiếp cận nguồn ngoại lực, từ đó xây dựng chiến lược marketing địa phương hiệu quả. Học viên biết sử dụng các công cụ phân tích, đánh giá nguồn lực tham gia phát triển kinh tế của địa phương như nhà đầu tư, du khách, chuyên gia, lực lượng lao động, nguồn tài nguyên vật thể và phi vật thể... Học viên làm việc nhóm để thảo luận, phân tích và thuyết trình vấn đề liên quan đến marketing địa phương nhằm rèn luyện và phát triển các kỹ năng như giải quyết vấn đề theo nhóm, thuyết trình và tư duy.

4. Chuẩn đầu ra

CDR (CLOs)	Nội dung CDR học phần (CLOs)
CLO1:	Lý giải được tầm quan trọng của hoạt động marketing đối với một địa phương/một quốc gia dựa vào các nguồn lực tại địa phương/quốc gia.
CLO2:	Áp dụng kiến thức về marketing địa phương trong việc xây dựng chiến lược marketing địa phương và chương trình hành động.
CLO3:	Vận dụng có hiệu quả kỹ năng phân tích, đánh giá các nguồn lực địa phương/quốc gia để xây dựng chiến lược marketing địa phương.

5. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và chỉ số PI		
	PLO2	PLO3	PLO5
	PI2.1	PI3.1	PI5.2
CLO1	R		
CLO2		R	
CLO3			R
Học phần	R	R	R

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Học viên chuẩn bị		
Chương 1: Tổng quan về marketing địa phương 1.1 Tầm quan trọng của marketing địa phương 1.2 Phương pháp tiếp cận và ứng dụng 1.3 Các địa phương đã marketing như thế nào	6	-Giảng viên: thuyết giảng -Học viên: tham gia thảo luận tình huống chương 1	-Nghiên cứu trước nội dung chương 1	HĐ1 HĐ2	CLO1 CLO2 CLO3
Chương 2: Chiến lược marketing địa phương theo mục tiêu 2.1. Phân khúc thị trường và các nội dung liên quan 2.2. Phân tích thị trường mục tiêu 2.3. Định vị thương hiệu và các nội dung liên quan	6	-Giảng viên: thuyết giảng -Học viên: tham gia thảo luận tình huống chương 2	-Nghiên cứu trước nội dung chương 2	HĐ1 HĐ2	CLO1 CLO2 CLO3
Chương 3: Địa phương và các nguyên tắc marketing địa phương 3.1. Khái niệm địa phương 3.2. Phân tích các yếu tố tiếp thị địa phương 3.3. Các yếu tố tác động đến thay đổi địa phương	6	-Giảng viên: thuyết giảng -Học viên: tham gia thảo luận	-Nghiên cứu trước nội dung chương 3	HĐ1 HĐ2	CLO1 CLO2 CLO3

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Học viên chuẩn bị		
3.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự thành công của Marketing địa phương		tình huống chương 3			
Chương 4: Hoạch định chiến lược marketing địa phương 4.1. Xác định tầm nhìn, mục tiêu phát triển cho địa phương 4.2. Nhận diện địa phương 4.3. Thăm định địa phương 4.4. Xây dựng chiến lược marketing địa phương	6	-Giảng viên: thuyết giảng -Học viên: tham gia thảo luận tình huống chương 4	-Nghiên cứu trước nội dung chương 4	HĐ1 HĐ2	CLO1 CLO2 CLO3
Chương 5: Thực hiện marketing địa phương 5.1. Các yếu tố tác động đến phát triển kinh tế địa phương 5.2. Thị trường mục tiêu của marketing địa phương. 5.3. Thực hiện marketing địa phương	6	-Giảng viên: thuyết giảng -Học viên: tham gia thảo luận tình huống chương 5	-Nghiên cứu trước nội dung chương 5	HĐ1 HĐ2	CLO1 CLO2 CLO3

7. Hướng dẫn học viên tự học

TT	Nội dung	Tự học (giờ)	Nhiệm vụ của học viên	Sản phẩm
1	Chương 1: Tổng quan về marketing địa phương	18	Nghiên cứu tài liệu [1]	Báo cáo nhóm, Bài kiểm cuối chương,
2	Chương 2: Chiến lược marketing địa phương theo mục tiêu	18	Nghiên cứu tài liệu [1]	Báo cáo nhóm, Bài kiểm cuối chương,
3	Chương 3: Địa phương và các nguyên tắc marketing địa phương	18	Nghiên cứu tài liệu [1]	Báo cáo nhóm, Bài kiểm cuối chương,
4	Chương 4: Hoạch định chiến lược marketing địa phương	18	Nghiên cứu tài liệu [1]	Báo cáo nhóm, Bài kiểm cuối chương,
5	Chương 5: Thực hiện marketing địa phương	18	Nghiên cứu tài liệu [1]	Báo cáo nhóm, Bài kiểm cuối chương,

8. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả/năm/tên tài liệu/nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
			Tài liệu chính	Tham khảo
1	Nguyễn Giác Trí, Huỳnh Quốc Tuấn và Lê Văn Tuấn (2017), <i>Giáo trình Marketing căn</i> , NXB Kinh tế TP.HCM.	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x	
2	Phạm Thị Huyền, Nguyễn Hoài Long (2018), <i>Giáo trình Marketing dịch vụ</i> , NXB Đại học KTQD	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
3	Philip Kotler; Hoài Linh (dịch) (2018), <i>Marketing trong cuộc cách mạng công nghệ 4.0- 21st Century marketing</i> , NXB Thế giới	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
4	Hoàng Văn Thành (2014), <i>Giáo trình Marketing du lịch</i> , NXB Chính trị Quốc gia Sự thật	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
5	Hà Nam Khánh Giao (2022), <i>Giáo trình marketing du lịch</i> , NXB Thông tin và truyền thông	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
6	Trương Đình Chiến (2025), <i>Giáo trình truyền thông marketing tích hợp (IMC)</i> , NXB ĐHKQTĐ	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x

9. Quy định đối với học viên

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Học viên phải tham gia đủ từ 80% tiết dạy học phần.
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo quy định của lớp học phần.
- Tự tìm hiểu các vấn đề giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học lên lớp.
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số thành phần (%)	CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1. Đánh giá thường xuyên	HĐ1.1. Chuyên cần	quan sát	Rubric (R8)	20%	CLO1	50%	
	HĐ1.2. Bài tập nhóm	báo cáo nhóm	Rubric (R6)	80%	CLO3		
HĐ2. Đánh giá kết thúc học phần	HĐ2.1 Tiểu luận	Tiểu luận	Rubric (R5)	100%	CLO2	50%	PI3.1

11. Thông tin về giảng viên dạy

Giảng viên 1: TS. Huỳnh Quốc Tuấn

Số điện thoại: 0773571545; Email: hqtuan@dtu.edu.vn

Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Kinh tế - Luật, Trường Đại học Đồng Tháp
 Hướng giảng dạy, nghiên cứu chính: Phương pháp nghiên cứu kinh tế; Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo; Marketing; Quản trị học

Giảng viên 2: TS. Hoàng Văn Long

Số điện thoại: 0918202040 ; Email: hvlong@hcmulaw.edu.vn

Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh
 Hướng giảng dạy, nghiên cứu chính: Kinh tế phát triển; Kinh tế ngành (giao thông, vận tải)

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2026

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG CHUYÊN NGÀNH GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

HIỆU TRƯỞNG DUYỆT

16. HỌC PHẦN 16: KINH TẾ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần (Tiếng Việt): Kinh tế tài nguyên môi trường
- Tên học phần (Tiếng Anh): Resource and Environmental Economics
- Mã học phần: EMM.814
- Số tín chỉ: 3; Tổng số tiết tín chỉ 45 (LT/ThH/TH): 30/30/90
- Học phần điều kiện (*nếu có*): Không
- Loại học phần: Tự chọn
- Thuộc khối kiến thức
- Bộ môn phụ trách dạy học: Khoa: Kinh tế - Luật

2. Tổng quan về học phần

Học phần gồm 9 chương liên quan đến các lý thuyết kinh tế tài nguyên môi trường và các chính sách tài nguyên môi trường được áp dụng và vận hành trong thực tế như thế nào.

3. Mục tiêu học phần

Giúp người học hiểu được mối quan hệ qua lại giữa những hoạt động kinh tế và môi trường. Học phần thảo luận về lý thuyết và công cụ chính sách được sử dụng để quản lý môi trường và tài nguyên thiên nhiên hiệu quả hơn.

4. Chuẩn đầu ra

CDR (CLOs)	Nội dung CDR học phần (CLOs)
CLO1:	Giải thích được tác động của kinh tế tới môi trường;
CLO2:	Vận dụng được kiến thức đo lường được sự tác động của kinh tế tới môi trường.
CLO3:	Phân tích những yếu tố tác động đến môi trường và Dự báo sự biến động môi trường ảnh hưởng đến kinh tế.

5. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và chỉ số PI		
	PLO1	PLO3	PLO5
	PI1.1	PI3.2	PI5.1
CLO1	M		
CLO2			R

CLO	PLO và chỉ số PI		
	PLO1	PLO3	PLO5
	PI1.1	PI3.2	PI5.1
CLO3		R	
Học phần:	M	R	R

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CĐR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Sinh viên chuẩn bị		
Chương I. Kiến thức tổng quan 1.1. Định nghĩa 1.2. Sự cần thiết về chính sách môi trường	5	-Thuyết giảng - Phân công thảo luận nhóm	- Các nhóm phân công và đọc tài liệu [1] - Cử người báo cáo, cử người ghi chép - Thảo luận và trả lời câu hỏi	HĐ1 HĐ2	CLO1 CLO2 CLO3
Chương II. Nguyên nhân phổ biến của suy thoái môi trường 2.1. Tăng trưởng kinh tế và môi trường 2.2. Cải tổ chính sách và phúc lợi 2.3. Sự thất bại của thị trường 2.4. Yếu tố ngoại tác	4	-Thuyết giảng - Phân công thảo luận nhóm	- Các nhóm phân công và đọc tài liệu [1], [2] - Cử người báo cáo, cử người ghi chép - Thảo luận và trả lời câu hỏi	HĐ1 HĐ2	CLO1 CLO2 CLO3
Chương III. Kinh tế học công cộng và thông tin 3.1. Hàng hóa công cộng, hàng hóa câu lạc bộ và tài sản công 3.2. Sự tắc nghẽn 3.3. Thông tin bất đối xứng và không ổn định	3	-Thuyết giảng - Phân công thảo luận nhóm	- Các nhóm phân công và đọc tài liệu [1], [2] - Cử người báo cáo, cử người ghi chép - Thảo luận và trả lời câu hỏi	HĐ1 HĐ2	CLO1 CLO2 CLO3

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Sinh viên chuẩn bị		
Chương IV. Mô hình thích ứng và hệ sinh thái: sinh thái, thời gian và không gian 4.1. Mô hình kinh tế - sinh thái của ngành đánh bắt cá đơn giản 4.2. Kinh tế học và quản lý hệ sinh thái 4.3. Quản lý trong khuôn khổ thời gian	3	-Thuyết giảng - Phân công làm bài tập	- Các nhóm phân công và đọc tài liệu [1], [2], [3], [4] - Thảo luận và làm các bài tập	HĐ1 HĐ2	CLO1 CLO2 CLO3
Chương V. Tiến triển của các quyền hạn 5.1. Bất động sản 5.2. Tài nguyên sở hữu cộng đồng 5.3. Những đặc tính của hàm cầu 5.4. Luật nước 5.5. Bài học về yếu tố ngoại tác và tài sản cộng đồng	3	-Thuyết giảng - Phân công làm bài tập	- Các nhóm phân công và đọc tài liệu [1] - Thảo luận và làm các bài tập	HĐ1 HĐ2	CLO1 CLO2 CLO3
Chương VI. Quy định trực tiếp môi trường 6.1. Tính tối ưu và các công cụ chính sách 6.2. Công cụ trực tiếp hàng hóa công cộng 6.3. Quy định về công nghệ 6.4. Quy định vận hành	3	-Thuyết giảng - Phân công thảo luận nhóm	- Các nhóm phân công và đọc tài liệu [1] - Cử người báo cáo, cử người ghi chép - Thảo luận và trả lời câu hỏi	HĐ1 HĐ2	CLO1 CLO2 CLO3
Chương VII. Giấy phép phát thải có thể mua bán 7.1. Chương trình thương mại phát thải ô nhiễm ở Hoa Kỳ 7.2. Chương trình tín chỉ giảm phát thải	3	-Thuyết giảng - Phân công thảo luận nhóm	- Các nhóm phân công và đọc tài liệu [1] - Cử người báo cáo, cử	HĐ1 HĐ2	CLO1 CLO2 CLO3

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Sinh viên chuẩn bị		
			người ghi chép - Thảo luận và trả lời câu hỏi		
Chương VIII. Thuế 8.1. Thuế Pigovian 8.2. Thuế, lệ phí và quỹ cho môi trường 8.3. Thuế đầu vào và đầu ra 8.4. Thuế tài nguyên thiên nhiên	3	-Thuyết giảng - Phân công làm bài tập	- Các nhóm phân công và đọc tài liệu [1]. [2] - Thảo luận và làm các bài tập	HĐ1 HĐ2	CLO1 CLO2 CLO3
Chương IX. Trợ cấp, sơ đồ ký thác- hoàn trả và tiền trả phát thải có hoàn lại 9.1. Trợ cấp và xóa trợ cấp 9.2. Ký thác- hoàn trả 9.3. Tiền trả phát thải có hoàn lại	3	-Thuyết giảng - Phân công thảo luận nhóm	- Các nhóm phân công và đọc tài liệu [1], [2] - Cử người báo cáo, cử người ghi chép - Thảo luận và trả lời câu hỏi	HĐ1 HĐ2	CLO1 CLO2 CLO3

7. Hướng dẫn học viên tự học

TT	Nội dung	Tự học (giờ)	Nhiệm vụ của sinh viên	Sản phẩm
1	Chủ đề 1: Kiến thức tổng quan	8	Nghiên cứu tài liệu [1]	Báo cáo nhóm
2	Chủ đề 2: Nguyên nhân phổ biến của suy thoái môi trường	8	Nghiên cứu tài liệu [1], [2]	Báo cáo nhóm
3	Chủ đề 3: Kinh tế học công cộng và thông tin	8	Nghiên cứu tài liệu [1], [2]	Báo cáo nhóm
4	Chủ đề 4: Mô hình thích ứng và hệ sinh thái	12	Nghiên cứu tài liệu [1], [2]	Báo tập
5	Chủ đề 5: Tiến triển của các quyền hạn	12	Nghiên cứu tài liệu [1], [2], [3]	Bài tập
6	Chủ đề 6: Các quy định trực tiếp môi trường	12	Nghiên cứu tài liệu [1], [2], [3]	Báo cáo nhóm
7	Chủ đề 7: Giấy phép phát thải	10	Nghiên cứu tài liệu [1], [2], [3], [4]	Báo cáo nhóm

TT	Nội dung	Tự học (giờ)	Nhiệm vụ của sinh viên	Sản phẩm
8	Chủ đề 8: Thuế	10	Nghiên cứu tài liệu [1], [2]	Bài tập
9	Chủ đề 9: Trợ cấp	10	Nghiên cứu tài liệu [1], [2]	Báo cáo nhóm

8. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả/năm/tên tài liệu/nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
			Tài liệu chính	Tham khảo
1	Thomas Sterner, Đặng Minh Phương dịch (2008) <i>Công cụ chính sách cho quản lý tài nguyên và môi trường</i> , NXB Tổng hợp Tp HCM	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x	
2	Phạm Hồng Mạnh (2007), <i>Kinh tế tài nguyên và môi trường= Natural Resources & Enviromental Economics</i> , NXB Nha Trang	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
3	Lê Diễm Kiều, Phạm Quốc Nguyên (2021), <i>Bài giảng quản lý môi trường: Lưu hành nội bộ</i> , NXB Đồng Tháp	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
4	Nguyễn Duy Dũng (2021), <i>Xây dựng và phát triển kinh tế nông thôn mới ở Việt Nam gắn liền với bảo vệ môi trường</i> , NXB Xây dựng	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
5	Đinh Phi Hổ và cộng sự (2008), <i>Kinh Tế Phát Triển: Lý thuyết và thực tiễn</i> , NXB Thống Kê	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
6	Bùi Dũng Thê, Herminia Francisco (b.s), Trần Thị Kim Chi (biên dịch) (2014), <i>Kinh tế học về quản lý môi trường ở Việt Nam</i> , NXB Kinh tế T.P. Hồ Chí Minh	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x

9. Quy định đối với học viên

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Học viên phải tham gia đủ từ 80% tiết dạy học phần.
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo quy định của lớp học phần.
- Tự tìm hiểu các vấn đề giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học lên lớp.
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số thành phần (%)	CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1:Đánh giá quá trình	Bài tập nhóm	Báo cáo nhóm	Rubric (R6)	100%	CLO2	50%	
HĐ2. Đánh giá kết thúc học phần	Thi tự luận	Điểm thi	Đáp án	100%	CLO3	50%	

11. Thông tin về giảng viên dạy

Giảng viên 1: TS. Lê Văn Tuấn

- Số điện thoại: 0973907799; Email: lvtuan@dthu.edu.vn
- Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Kinh tế-Luật, Trường Đại học Đồng Tháp
- Hướng giảng dạy, nghiên cứu chính: Kinh tế đầu tư, đầu tư công, quản lý đầu tư công, kinh doanh và quản lý

Giảng viên 2: TS. Ngô Văn Thạo

- Số điện thoại: 0913177975 ; Email: thaonvbt@gmail.com
- Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Trường Đại học CN thực phẩm TP. HCM
- Hướng giảng dạy, nghiên cứu chính: Kinh tế phát triển; Kinh tế ngành

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2026

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG CHUYÊN NGÀNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

HIỆU TRƯỞNG DUYỆT

17. HỌC PHẦN 17: PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÙNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần (Tiếng Việt): Phát triển kinh tế vùng và địa phương
- Tên học phần (Tiếng Anh): Regional and Local Economic Development
- Mã học phần: EMM.815
- Số tín chỉ: 3 ; Tổng số tiết tín chỉ (LT/ThH/TH): 30/30/90
- Học phần điều kiện (*nếu có*): Không
- Loại học phần: Tự chọn
- Trình độ: Thạc sĩ
- Thuộc khối kiến thức: Kiến thức chuyên ngành tự chọn
- Bộ môn phụ trách dạy học: Khoa: Kinh tế - Luật

2. Tổng quan về học phần

Học phần “Phát triển kinh tế vùng và địa phương” cung cấp cho người học cái nhìn hệ thống và chuyên sâu về các vấn đề phát triển kinh tế ở cấp độ vùng và địa phương trong bối cảnh toàn cầu hóa và phân cấp quản lý. Nội dung học phần bao gồm các lý thuyết nền tảng về phát triển vùng, các yếu tố quyết định tăng trưởng và chênh lệch vùng, phương pháp đo lường và phân tích phát triển (bao gồm các công cụ định lượng hiện đại), cùng với các chính sách và mô hình phát triển vùng trong thực tiễn. Học phần đặc biệt nhấn mạnh vai trò của thể chế, liên kết vùng, đổi mới sáng tạo và thích ứng với biến đổi khí hậu, gắn với bối cảnh Việt Nam. Thông qua kết hợp giữa lý thuyết, phân tích dữ liệu và nghiên cứu tình huống, người học được phát triển năng lực phân tích, đánh giá và đề xuất chính sách phát triển kinh tế vùng và địa phương một cách khoa học và có tính ứng dụng cao.

3. Mục tiêu học phần

Sau khi hoàn thành học phần, người học có được nền tảng lý thuyết hiện đại và năng lực phân tích chuyên sâu về phát triển kinh tế vùng và địa phương; qua đó giúp người học có khả năng phân tích, đánh giá các yếu tố và mô hình phát triển vùng, vận dụng công cụ định lượng và khung phân tích phù hợp để xử lý các vấn đề thực tiễn, đồng thời đề xuất và luận giải các chính sách phát triển kinh tế vùng và địa phương một cách khoa học, có cơ sở thực chứng và gắn với bối cảnh Việt Nam.

4. Chuẩn đầu ra (CDR)

CDR (CLOs)	Nội dung CDR học phần (CLOs)
CLO1:	Vận dụng được hệ thống khái niệm, lý thuyết và phương pháp của phát triển kinh tế vùng và địa phương để phân tích, so sánh, đo lường và đánh giá các yếu tố và chính sách phát triển trong các bối cảnh khác nhau;
CLO2:	Vận dụng kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả và kỹ năng thuyết trình trước đám đông về các vấn đề phát triển vùng và địa phương;

CDR (CLOs)	Nội dung CDR học phần (CLOs)
CLO3:	Thể hiện sự tự tin trong phân tích các vấn đề liên quan đến các vùng kinh tế trong phát triển kinh tế đất nước.

5. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và chỉ số PI		
	PLO1	PLO2	PLO4
	PI1.2	PI2.1	PI4.2
CLO1	R		
CLO2		M	
CLO3			R
Học phần	R	M	R

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Học viên chuẩn bị		
Chương 1. Khái quát về kinh tế vùng và địa phương 1.1 Khái niệm vùng, địa phương, phát triển vùng, địa phương 1.2 Vai trò của Kinh tế vùng và địa phương trong phát triển kinh tế quốc gia 1.3 Phân vùng kinh tế ở Việt Nam 1.4 Một số vấn đề phát triển vùng hiện nay	5	- Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu bài giảng Slide. - GV đặt câu hỏi hoặc chủ đề thảo luận cho học viên trả lời theo hình thức cá nhân hoặc nhóm.	- Đọc trước tài liệu liên quan đến phần kiến thức của chương trình. - Chuẩn bị nội dung cần trình bày.	HĐ1 HĐ2	CLO1 CLO2 CLO3
Chương 2. Các lý thuyết phát triển kinh tế vùng, địa phương 2.1 Lý thuyết cổ điển và tân cổ điển 2.2 Lý thuyết về các giai đoạn tăng trưởng của vùng 2.3 Lý thuyết vị trí trung tâm	5	- Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu bài giảng Slide. - GV đặt câu hỏi hoặc chủ đề thảo luận cho	- Đọc trước tài liệu liên quan đến phần kiến thức của chương trình.	HĐ1 HĐ2	CLO1 CLO2 CLO3

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Học viên chuẩn bị		
2.4 Lý thuyết cực tăng trưởng		học viên trả lời theo hình thức cá nhân hoặc nhóm.	- Chuẩn bị nội dung cần trình bày.		
Chương 3. Các yếu tố quyết định phát triển kinh tế vùng, địa phương 3.1. Vốn, lao động và công nghệ 3.2. Hạ tầng kinh tế- xã hội 3.3. Thể chế và quản trị địa phương 3.4. Liên kết vùng 3.5. Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững	5	- Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu bài giảng Slide. - GV đặt câu hỏi hoặc chủ đề thảo luận cho học viên trả lời theo hình thức cá nhân hoặc nhóm.	- Đọc trước tài liệu liên quan đến phần kiến thức của chương trình. - Chuẩn bị nội dung cần trình bày.	HĐ1 HĐ2	CLO1 CLO2 CLO3
Chương 4. Đo lường và đánh giá phát triển kinh tế vùng và địa phương 4.1 Tăng trưởng kinh tế 4.2 Năng suất lao động 4.3. Hiệu quả đầu tư 4.4. Năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) 4.5. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế 4.6. Năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế 4.7. Tiến bộ và công bằng xã hội	5	- Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu bài giảng Slide. - GV đặt câu hỏi hoặc chủ đề thảo luận cho học viên trả lời theo hình thức cá nhân hoặc nhóm.	- Đọc trước tài liệu liên quan đến phần kiến thức của chương trình. - Chuẩn bị nội dung cần trình bày.	HĐ1 HĐ2	CLO1 CLO2 CLO3
Chương 5. Chính sách và quy hoạch phát triển vùng 5.1. Chính sách phát triển vùng 5.2 Quy hoạch vùng ở Việt Nam 5.3 Phân cấp, phân quyền 5.4. Chính sách thu hút đầu tư	5	- Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu bài giảng Slide. - GV đặt câu hỏi hoặc chủ đề thảo luận cho học	- Đọc trước tài liệu liên quan đến phần kiến thức của chương trình. - Chuẩn bị nội dung cần trình bày.	HĐ1 HĐ2	CLO1 CLO2 CLO3

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Học viên chuẩn bị		
5.5. Chính sách phát triển bền vững		viên trả lời theo hình thức cá nhân hoặc nhóm.			
Chương 6. Các vùng kinh tế ở Việt Nam 6.1 Vùng Trung du và miền núi phía Bắc 6.2 Vùng Đồng bằng sông Hồng 6.3 Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung 6.4 Vùng Tây Nguyên 6.5 Vùng Đông Nam Bộ 6.6 Vùng Đồng bằng sông Cửu Long	5	- Thuyết giảng kết hợp với trình chiếu bài giảng Slide. - GV đặt câu hỏi hoặc chủ đề thảo luận cho học viên trả lời theo hình thức cá nhân hoặc nhóm.	- Đọc trước tài liệu liên quan đến phần kiến thức của chương trình. - Chuẩn bị nội dung cần trình bày.	HĐ1 HĐ2	CLO1 CLO2 CLO3

7. Hướng dẫn học viên tự học

TT	Nội dung	Tự học (giờ)	Nhiệm vụ của học viên	Sản phẩm
1	Chương 1. Khái quát về kinh tế vùng	15	Nghiên cứu tài liệu [1]	Báo cáo nhóm, Bài kiểm cuối chương,
2	Chương 2. Những vấn đề cơ bản về tổ chức lãnh thổ	15	Nghiên cứu tài liệu [1]	Báo cáo nhóm, Bài kiểm cuối chương,
3	Chương 3. Tổ chức lãnh thổ các ngành kinh tế ở Việt Nam	15	Nghiên cứu tài liệu [1]	Báo cáo nhóm, Bài kiểm cuối chương,
4	Chương 4. Phương pháp phân tích tổng thể vùng	15	Nghiên cứu tài liệu [1]	Báo cáo nhóm, Bài kiểm cuối chương,
5	Chương 5. Thông tin và quyết định quản lý nhà nước về kinh tế	15	Nghiên cứu tài liệu [1]	Báo cáo nhóm, Bài kiểm cuối chương,
6	Chương 6. Các vùng kinh tế ở Việt Nam	15	Nghiên cứu tài liệu [1]	Báo cáo nhóm, Bài kiểm cuối chương,

8. Tài liệu học tập

TT	Tên tài liệu	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
			Tài liệu chính	Tham khảo
1	Phạm Văn Khôi (2007), <i>Giáo trình Phân tích chính sách Nông nghiệp, nông thôn</i> , NXB ĐH Kinh tế Quốc dân	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
2	Võ Thành Danh (2016), <i>Phát triển kinh tế Đồng bằng sông Cửu Long: Thành tựu và thách thức</i> , NXB ĐH Cần Thơ	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
3	Nguyễn Duy Dũng (2021), <i>Xây dựng và phát triển kinh tế nông thôn mới ở Việt Nam gắn liền với bảo vệ môi trường</i> , NXB Xây dựng	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x

9. Quy định đối với học viên

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Học viên phải tham gia đủ từ 80% tiết dạy học phần.
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo quy định của lớp học phần.
- Tự tìm hiểu các vấn đề giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học lên lớp.
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số thành phần (%)	CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1. Đánh giá thường xuyên	HĐ1.1. Chuyên cần	quan sát	Rubric (R8)	20%	CLO1	50%	
	HĐ1.2. Bài tập nhóm	báo cáo nhóm	Rubric (R6)	80%	CLO2		
HĐ2. Đánh giá kết thúc học phần	HĐ2.1 Tiểu luận	Tiểu luận	Rubric (R5)	100%	CLO3	50%	

11. Thông tin về giảng viên dạy

Giảng viên 1: TS. Lê Văn Tuấn

- Số điện thoại: 0973.907799; Email: lvtuan@dthu.edu.vn

- Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Kinh tế-Luật, Trường Đại học Đồng Tháp
- Hướng giảng dạy, nghiên cứu chính: Kinh tế đầu tư, đầu tư công, quản lý đầu tư công, kinh doanh và quản lý.

Giảng viên 2: TS. Nguyễn Văn Nam

- Số điện thoại: 0913.764144; Email: nam.nguyenvan12111958@gmail.com
- Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Giảng viên thỉnh giảng
- Hướng giảng dạy, nghiên cứu chính: Phát triển kinh tế vùng Đồng bằng sông Cửu Long

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2026

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG CHUYÊN NGÀNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

HIỆU TRƯỞNG DUYỆT

18. HỌC PHẦN 18: QUẢN TRỊ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần (Tiếng Việt): Quản trị dự án đầu tư
- Tên học phần (Tiếng Anh): Investment Project Management
- Mã học phần: EMM.816
- Số tín chỉ: 03; Tổng số tiết tín chỉ (LT/ThH/TH): 30/30/90
- Học phần điều kiện (*nếu có*): Không
- Loại học phần: Tự chọn
- Trình độ: Thạc sĩ
- Thuộc khối kiến thức: Kiến thức chuyên ngành tự chọn
- Bộ môn phụ trách dạy học: Khoa: Kinh tế - Luật

2. Tổng quan về học phần

Học phần tập trung vào cách tiếp cận tổng thể của quá trình quản trị dự án đầu tư, có chú trọng đến khía cạnh hiệu quả về mặt tài chính của dự án đầu tư. Mục đích của học phần là cung cấp cho người học những nguyên tắc và kỹ năng quản trị dự án đầu tư cần thiết từ khi bắt đầu đến khi kết thúc dự án đầu tư.

3. Mục tiêu học phần

Người học ứng dụng các kiến thức về dự án đầu tư, quản trị dự án đầu tư vào xây dựng ý tưởng kinh doanh, hoạch định và quản lý được dự án đầu tư hoàn chỉnh. Bên cạnh đó, người học Có khả năng nhận dạng vấn đề, xử lý thông tin, đánh giá các phương án, dự án và chính sách về quản lý dự án. Đồng thời, người học có trách nhiệm, đảm nhận các vai trò trong quản trị dự án đầu tư.

4. Chuẩn đầu ra

CDR (CLOs)	Nội dung CDR học phần (CLOs)
CLO1:	Ứng dụng được các kiến thức về dự án, quản trị dự án để đánh giá hiệu quả tài chính dự án đầu tư
CLO2:	Lựa chọn được các dự án đầu tư có hiệu quả về mặt tài chính
CLO3	Thể hiện khả năng tổng hợp thông tin để ra quyết định quản lý

5. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và chỉ số PI		
	PLO2	PLO4	PLO5
	PI2.1	PI4.1	PI5.1
CLO1	R		
CLO2		M	
CLO3			R
Học phần	R	M	R

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Học viên chuẩn bị		
Chương 1. Tổng quan về dự án và quản trị dự án 1.1. Khái niệm về đầu tư và đầu tư phát triển 1.2. Dự án đầu tư 1.2.1. Sự cần thiết phải tiến hành các hoạt động đầu tư theo dự án 1.2.2. Khái niệm và công dụng của dự án đầu tư 1.2.3. Đặc trưng của một dự án đầu tư 1.2.4. Tính khả thi của dự án đầu tư (yêu cầu của dự án đầu tư khả thi) 1.2.5. Phân loại dự án đầu tư 1.2.6. Chu kỳ dự án đầu tư 1.2.7. Khung phân tích dự án đầu tư khả thi 1.3. Quản trị dự án đầu tư 1.3.1. Khái niệm quản trị dự án đầu tư 1.3.2. Mục tiêu, tác dụng của quản trị dự án 1.3.3. Quá trình và nội dung quản trị dự án	5	Giới thiệu chương trình, lịch trình môn học, tổng quan môn học. Giới thiệu tài liệu học tập. Giới thiệu phương pháp dạy, học và kiểm tra đánh giá. GV thuyết giảng các nội dung của chương 1 theo cấu trúc đề cương. Thảo luận chủ đề do giảng viên đặt ra. Các nhóm thảo luận và phát biểu ý kiến về kết quả của nhóm.	Chuẩn bị kế hoạch học tập. Chuẩn bị tài liệu học tập. Tự đọc và nghiên cứu trước tài liệu [1], chương 1, tr.19-42 và tài liệu [3], chương 1. đọc thêm các tài liệu [2], [4] Xem trước các câu hỏi ôn tập của chương 1, tr.36, tài liệu [1]. Đọc bài đọc <i>Hệ thống Metro tương lai của TP Hồ Chí Minh</i> , tr.38-39, tài liệu [1].	HĐ1 HĐ2	CLO1 CLO2 CLO3

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Học viên chuẩn bị		
		Thảo luận các câu hỏi ôn tập của chương 1, tr.36, tài liệu [1].			
Chương 2. Lựa chọn dự án 2.1. Một số vấn đề cơ bản về lựa chọn dự án 2.1.1. Sự cần thiết phải lựa chọn dự án để đầu tư 2.1.2. Khung phân tích để lựa chọn dự án 2.1.3. Quan điểm lựa chọn 2.1.4. Các chỉ tiêu định lượng và định tính để lựa chọn dự án 2.2. Lựa chọn dự án trong điều kiện bất trắc – Phân tích rủi ro 2.2.1. Khả năng xuất hiện rủi ro trong dự án 2.2.2. Phương pháp phân tích rủi ro dự án	5	GV thuyết giảng các nội dung của chương 2 theo cấu trúc đề cương. Thảo luận chủ đề do giảng viên đặt ra. Các nhóm thảo luận và phát biểu ý kiến về kết quả của nhóm. Thảo luận các câu hỏi ôn tập của chương 2, tr.72, tài liệu [1].	Tự đọc và nghiên cứu trước tài liệu [1], chương 2, tr.43-76. đọc thêm các tài liệu [2], [3], [4], Xem trước các câu hỏi ôn tập của chương 2, tr.72, tài liệu [1]. Làm các bài tập 1 và 2, tr.73-74, tài liệu [1]. Đọc bài đọc <i>Dự án: Xintiandi – Thượng Hải – Trung Quốc</i> , tr.75-76, tài liệu [1].	HĐ1 HĐ2	CLO1 CLO2 CLO3
Chương 3. Thiết kế tổ chức và xây dựng đội ngũ dự án 3.1. Thiết kế cơ cấu tổ chức 3.1.1. Các mô hình tổ chức dự án 3.1.2. Những căn cứ để lựa chọn mô hình tổ chức QLDA 3.2. Giám đốc dự án	4	GV thuyết giảng các nội dung của chương 3 theo cấu trúc đề cương. Thảo luận chủ đề do giảng viên	Tự đọc và nghiên cứu trước tài liệu [1], chương 3, tr.77-105. đọc thêm các tài liệu [2], [3], [4]	HĐ1 HĐ2	CLO1 CLO2 CLO3

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Học viên chuẩn bị		
3.2.1. Chức năng của nhà quản trị dự án (giám đốc dự án) 3.2.2. Trách nhiệm của chủ nhiệm Giám đốc dự án 3.2.3. Các kỹ năng của nhà quản trị dự án 3.3. Xây dựng đội ngũ dự án đầu tư 3.3.1. Đội ngũ dự án 3.3.2. Xây dựng đội ngũ dự án 3.3.3. Phát triển, lãnh đạo đội ngũ dự án		đặt ra. Các nhóm thảo luận và phát biểu ý kiến về kết quả của nhóm. Thảo luận các câu hỏi ôn tập của chương 3, tr.101, tài liệu [1].	Xem trước các câu hỏi ôn tập của chương 3, tr.101, tài liệu [1]. Đọc bài đọc <i>Đội ngũ trung thành</i> , tr.103-105, tài liệu [1].		
Chương 4. Lập kế hoạch và ngân sách dự án Chương 4. Lập kế hoạch và ngân sách dự án 4.1. Khái niệm, ý nghĩa và nội dung của kế hoạch dự án đầu tư 4.1.1. Khái niệm lập kế hoạch dự án 4.1.2. Tác dụng của lập kế hoạch dự án 4.1.3. Phân loại lập kế hoạch dự án 4.1.4. Nội dung cơ bản của kế hoạch tổng quát dự án 4.1.5. Quá trình lập kế hoạch dự án 4.1.6. Phương pháp dùng để lập kế hoạch dự án 4.2. Cơ cấu phân chia công việc (WBS) và biểu đồ trách nhiệm 4.2.1. Khái niệm WBS và phương pháp lập WBS 4.2.2. Tác dụng của WBS 4.2.3. Trình tự lập WBS	4	GV thuyết giảng các nội dung của chương 4 theo cấu trúc đề cương. Thảo luận chủ đề do giảng viên đặt ra. Các nhóm thảo luận và phát biểu ý kiến về kết quả của nhóm. Thảo luận các câu hỏi ôn tập của chương 4, tr.129, tài liệu [1].	Tự đọc và nghiên cứu trước tài liệu [1], chương 4, tr.106- tr.133. đọc thêm các tài liệu [2], [3], [4] Xem trước các câu hỏi ôn tập của chương 4, tr.129, tài liệu [1]. Đọc bài đọc <i>Lập kế hoạch dự án chống thiên tai ở Iceland</i> , tr.131-133, tài liệu [1].	HĐ1 HĐ2	CLO1 CLO2 CLO3

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Học viên chuẩn bị		
4.2.4. Ma trận trách nhiệm 4.3. Ngân sách dự án 4.3.1. Khái niệm, vai trò và đặc điểm của ngân sách dự án 4.3.2. Phương pháp lập ngân sách dự án 4.3.3. Ước lượng các yếu tố chi phí					
Chương 5. Quản lý thời gian và tiến độ dự án 5.1 Khái niệm và mục đích của quản lý (QL) thời gian và tiến độ dự án 5.1.1. Khái niệm quản lý thời gian và tiến độ dự án 5.1.2. Mục đích quản lý thời gian và tiến độ dự án 5.2. Các loại sơ đồ thể hiện tiến độ dự án 5.2.1 Mạng công việc 5.2.2 Biểu đồ Gantt (sơ đồ thanh ngang)	4	GV thuyết giảng các nội dung của chương 5 theo cấu trúc đề cương. Thảo luận chủ đề do giảng viên đặt ra. Các nhóm thảo luận và phát biểu ý kiến về kết quả của nhóm. Thảo luận các câu hỏi ôn tập của chương 5, tr.162, tài liệu [1].	Tự đọc và nghiên cứu trước tài liệu [1], chương 5, tr.134- tr.168. đọc thêm các tài liệu [2], [3], [4] Xem trước các câu hỏi ôn tập của chương 5, tr.162, tài liệu [1]. Làm các bài tập 1 và 2, tr.164-165, tài liệu [1]. Đọc tình huống Công ty thời trang Ngôi sao xanh, tr.167-168, tài liệu [1].	HĐ1 HĐ2	CLO1 CLO2 CLO3
Chương 6. Phân bổ nguồn lực 6.1 Một số vấn đề cơ bản về nguồn lực 6.1.1 Các loại nguồn lực 6.1.2 Các bài toán về phân bổ nguồn lực 6.2 Điều hòa nguồn lực	4	GV thuyết giảng các nội dung của chương 6 theo cấu trúc đề cương.	Tự đọc và nghiên cứu trước tài liệu [1], chương 6, tr.169- tr.197. cần đọc để hiểu ý nghĩa	HĐ1 HĐ2	CLO1 CLO2 CLO3

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Học viên chuẩn bị		
6.2.1 Khái niệm về điều hòa nguồn lực 6.2.2 Bài toán điều hòa biểu đồ chất tải nguồn lực 6.3 Phương pháp đường gãy rút ngắn tiến độ DA 6.4 Phân bổ nguồn lực hạn chế 6.4.1 Quy tắc phân bổ nguồn lực có hạn 6.4.2 Phương pháp phân bổ nguồn lực có hạn 6.5 Mối quan hệ giữa thời gian và chi phí 6.5.1 Mô hình đẩy nhanh tiến độ 6.5.2 Mô hình chi phí cực tiểu		Thảo luận chủ đề do giảng viên đặt ra. Các nhóm thảo luận và phát biểu ý kiến về kết quả của nhóm. Thảo luận các câu hỏi ôn tập của chương 6, tr.193-194, tài liệu [1].	các nội dung chương. đọc thêm các tài liệu [2], [3], [4] Xem trước các câu hỏi ôn tập của chương 6, tr.193-194, tài liệu [1]. Đọc tình huống <i>Sửa chữa xa lộ Los Angeles sau động đất</i> , tr.195-197, tài liệu [1].		
Chương 7. Kiểm soát dự án và đánh giá dự án 7.1. Kiểm soát dự án 7.1.1. Khái niệm kiểm soát dự án 7.1.2. Mục đích kiểm soát dự án 7.1.3. Quá trình kiểm soát dự án 7.1.4. Phân loại kiểm soát dự án 7.1.5. Nguyên nhân dự án không đúng kế hoạch 7.1.6. Phương pháp kiểm soát dự án 7.1.7. Báo cáo kiểm soát dự án 7.2. Đánh giá dự án 7.2.1. Khái niệm đánh giá dự án 7.2.2. Mục tiêu của đánh giá dự án	4	GV thuyết giảng các nội dung của chương 7 theo cấu trúc đề cương. Thảo luận chủ đề do giảng viên đặt ra. Các nhóm thảo luận và phát biểu ý kiến về kết quả của nhóm. Thảo luận các câu hỏi ôn tập của chương 7, tr.232, tài liệu [1].	Tự đọc và nghiên cứu trước tài liệu [1], chương 7, tr.198-237 và chương 9, tr.266-293. cần đọc để hiểu ý nghĩa các nội dung chương. đọc thêm các tài liệu [2], [3], [4] Xem trước các câu hỏi ôn tập của chương 7, tr.232, tài liệu [1]. Đọc tình huống <i>Kiểm soát tốt hơn</i>	HĐ1 HĐ2	CLO1 CLO2 CLO3

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Học viên chuẩn bị		
7.2.3. Phân loại đánh giá dự án 7.2.4. Các bước tiến hành đánh giá dự án 7.2.5 Nội dung cơ bản của báo cáo đánh giá DA 7.2.6 Phân biệt kiểm soát và đánh giá dự án		Thảo luận các câu hỏi ôn tập của chương 9, tr.289, tài liệu [1]. Tổng ôn.	<i>các dự án phát triển tại trạm kiểm tra Johnson, tr.235-237, tài liệu [1].</i> Xem trước các câu hỏi ôn tập của chương 9, tr.289, tài liệu [1]. Đọc tình huống <i>Đánh giá dự án nhà máy chế biến nước hoa quả; Kế thúc dự án siêu gia tốc siêu dẫn</i> , tr.292-293, tài liệu [1].		

7. Hướng dẫn học viên tự học

TT	Nội dung	Tự học (giờ)	Nhiệm vụ của học viên	Sản phẩm
1	Chương 1. Tổng quan về dự án và quản trị dự án	12	Nghiên cứu tài liệu [1]	Báo cáo nhóm, Bài kiểm cuối chương,
2	Chương 2. Lựa chọn dự án	12	Nghiên cứu tài liệu [1]	Báo cáo nhóm, Bài kiểm cuối chương,
3	Chương 3. Thiết kế tổ chức và xây dựng đội ngũ dự án	12	Nghiên cứu tài liệu [1]	Báo cáo nhóm, Bài kiểm cuối chương,
4	Chương 4. Lập kế hoạch và ngân sách dự án	12	Nghiên cứu tài liệu [1]	Báo cáo nhóm, Bài kiểm cuối chương,
5	Chương 5. Quản lý thời gian và tiến độ dự án	12	Nghiên cứu tài liệu [1]	Báo cáo nhóm, Bài kiểm cuối chương,
6	Chương 6. Phân bổ nguồn lực	15	Nghiên cứu tài liệu [1]	Báo cáo nhóm, Bài kiểm cuối chương,

TT	Nội dung	Tự học (giờ)	Nhiệm vụ của học viên	Sản phẩm
7	Chương 7. Kiểm soát dự án và đánh giá dự án	15	Nghiên cứu tài liệu [1]	Báo cáo nhóm, Bài kiểm cuối chương,

8. Tài liệu học tập

STT	Tên tài liệu	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
			Tài liệu chính	Tham khảo
1	Trịnh Thùy Anh (2020), <i>Quản trị dự án</i> , NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x	
2	Nguyễn Bạch Nguyệt (2013), <i>Lập dự án đầu tư</i> , NXB Đại học Kinh tế Quốc dân	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
3	Phạm Long, Vũ Thị Thanh Thủy (2018), <i>Thẩm định tài chính dự án đầu tư</i> , NXB Chính trị quốc gia	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
4	Phạm Thị Thu Hà (2015), <i>Bài tập phân tích dự án đầu tư</i> , NXB Chính trị quốc gia Sự Thật	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
5	Vũ Công Tuấn (2010), <i>Quản trị dự án: Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư: Lý thuyết và bài tập</i> , NXB Thống kê	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x

9. Quy định đối với học viên

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Học viên phải tham gia đủ từ 80% tiết dạy học phần.
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo quy định của lớp học phần.
- Tự tìm hiểu các vấn đề giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học lên lớp.
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số thành phần (%)	CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1:Đánh giá quá	Bài tập nhóm	Báo cáo nhóm	Rubric (R6)	100%	CLO1	50%	

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số thành phần (%)	CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
trình							
HĐ2. Đánh giá kết thúc học phần	Tiểu luận	Báo cáo nhóm	Rubric (R5)	100%	CLO2	50%	PI2.1

11. Thông tin về giảng viên dạy

Giảng viên 1: TS. Lê Văn Tuấn

- Số điện thoại: 0973907799 ; Email: lvtuan@dtu.edu.vn
- Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Đại học Đồng Tháp
- Hướng giảng dạy, nghiên cứu chính: Kinh tế đầu tư, đầu tư công, quản lý đầu tư công, kinh doanh và quản lý

Giảng viên 2: TS. Ngô Văn Thạo

- Số điện thoại: 0913177975 ; Email: thaonvbt@gmail.com
- Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Trường Đại học CN thực phẩm TPHCM
- Hướng giảng dạy, nghiên cứu chính: Kinh tế phát triển; Kinh tế ngành

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2026

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG CHUYÊN NGÀNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

HIỆU TRƯỞNG DUYỆT

19. HỌC PHẦN 19: QUẢN TRỊ ĐỔI MỚI VÀ SÁNG TẠO

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần (Tiếng Việt): Quản trị đổi mới và sáng tạo
- Tên học phần (Tiếng Anh): Innovation and Creativity Management
- Mã học phần: EMM.817
- Số tín chỉ: 3; Tổng số tiết tín chỉ (LT/ThH/TH): 30/30/90
- Học phần điều kiện (*nếu có*): Không có
- Loại học phần: Tự chọn
- Trình độ: Thạc sĩ
- Thuộc khối kiến thức: Kiến thức chuyên ngành tự chọn
- Bộ môn phụ trách dạy học: Khoa: Kinh tế-Luật

2. Tổng quan về học phần

Học phần Quản trị sự thay đổi trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản trị sự thay đổi trong tổ chức, tổng hợp các hoạt động quản trị nhằm chủ động phát hiện, thúc đẩy và điều khiển quá trình thay đổi của doanh nghiệp phù hợp với những biến động của môi trường kinh doanh đảm bảo cho doanh nghiệp phát triển trong môi trường kinh doanh luôn biến động. Sự thay đổi ở đây được hiểu là quá trình cải tổ một cách chủ động nhằm mục đích tạo sự cạnh tranh lớn hơn cho tổ chức. Học phần trang bị cho học viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản trị sự thay đổi có thể từ việc lớn như tái cơ cấu tổ chức, tổ chức lại hoạt động các bộ phận, áp dụng quy trình, công nghệ mới,... đến việc nhỏ như tổ chức lại phong cách hoạt động, thay đổi chất lượng sản phẩm,...

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp học viên biết được những nội dung cốt lõi về quản trị sự thay đổi, các quan điểm và mục tiêu của chương trình thay đổi. Người học hiểu được quy trình hoạt động của các mô hình quản trị sự thay đổi; tiến trình của sự thay đổi; các loại thay đổi. Ngoài việc vận dụng công nghệ thông tin hỗ trợ, học viên có thể vận dụng các kiến thức đã học để đánh giá các hoạt động liên quan trong quy trình quản trị sự thay đổi phù hợp từng giai đoạn phát triển của hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp, đánh giá được tình trạng hiện tại của công ty, và đánh giá kết quả của sự thay đổi. Học phần còn giúp người học phát triển kỹ năng lập luận, thuyết trình trước công chúng và kỹ năng làm việc nhóm, phát triển kỹ năng so sánh, phân tích, và đánh giá trong thời kỳ mới.

4. Chuẩn đầu ra (CĐR)

CĐR (CLOs)	Nội dung CĐR học phần (CLOs)
CLO1:	Đánh giá hiệu quả các hoạt động trong quy trình quản trị sự thay đổi theo từng giai đoạn phát triển của doanh nghiệp.

CDR (CLOs)	Nội dung CDR học phần (CLOs)
CLO2:	Thể hiện kỹ năng lập luận và thuyết trình trước công chúng.
CLO3:	Thể hiện ý thức trách nhiệm, thái độ nghiêm túc và tích cực trong học tập, nghiên cứu và làm việc nhóm.

5. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và chỉ số PI		
	PLO2	PLO4	PLO5
	PI2.2	PI4.2	PI5.1
CLO1	M		
CLO2		M	
CLO3			R
Học phần	M	M	R

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Học viên chuẩn bị		
Giới thiệu ĐCCTHP Chương 1. Tổng quan về thay đổi và quản trị sự thay đổi tổ chức 1.1. Thay đổi của tổ chức 1.1.1. Khái niệm 1.1.2. Phân loại thay đổi tổ chức 1.1.3. Các phương tiện thay đổi tổ chức 1.1.4. Đặc điểm của sự thay đổi 1.2. Quản trị sự thay đổi tổ chức 1.2.1. Khái niệm về quản trị sự thay đổi tổ chức 1.2.2. Sự cần thiết phải quản trị sự thay đổi tổ chức	2	- GV giới thiệu ĐCCT và các yêu cầu cần thiết trong quá trình học. - GV giới thiệu nội dung tổng quan về quản trị sự thay đổi. - Người học được chia theo sĩ số lớp, từ 5 đến 7 thành viên/nhóm (theo thực tế lớp) thực hiện dự án do giảng viên gợi ý và	- Người học nghiên cứu ĐCCT và phát biểu ý kiến (nếu có). Người học nghiên cứu tài liệu số [1], [2], [3].	HD1 HD2	CLO1 CLO2 CLO3

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Học viên chuẩn bị		
1.2.3. Chu trình quản trị sự thay đổi tổ chức 1.3. Những rào cản đối với thay đổi tổ chức 1.3.1. Phát hiện và nghiên cứu sự thay đổi tổ chức 1.3.2. Rào cản đối với thay đổi tổ chức		báo cáo NHÓM theo lịch. GV tổng hợp nội dung chương 1 và nêu chủ đề báo cáo nhóm.			
Chương 2. Văn hóa thay đổi của tổ chức 2.1. Các nội dung chính về văn hóa của tổ chức, văn hóa thay đổi của tổ chức 2.1.1. Các khái niệm 2.1.2. Đặc điểm của văn hóa thay đổi trong tổ chức 2.1.3. Ảnh hưởng của văn hóa tổ chức trong việc thực hiện thay đổi 2.2. Hai mô hình tiêu biểu của thay đổi tổ chức 2.2.1. Phân loại thay đổi 2.2.2. Mô hình thay đổi của Kurt Lewin 2.2.3. Mô hình thay đổi tổ chức của John P.Kotter 2.3. Ưu nhược điểm của hai mô hình 2.3.1. Ưu điểm 2.3.2. Nhược điểm	3	-GV phân bổ nhóm dựa theo sĩ số lớp, phân công các nhóm TÓM TẮT lý thuyết 1 trong 2 Mô hình hoạt động của thay đổi tổ chức và 1 nhóm ĐẶT CÂU HỎI liên quan đến Mô hình hoạt động. Các thành viên tham gia thảo luận theo phân công của nhóm trưởng. -Các nhóm cử đại diện trình bày tóm tắt lý thuyết đã thảo luận. -GV giới thiệu các mô hình thực tế. - Người học thảo luận nhóm theo nội dung phân công của GV,	- Người học nghiên cứu tài liệu [1] - Người học làm việc nhóm và chuẩn bị thảo luận tình huống.	HD1 HD2	CLO1 CLO2 CLO3

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Học viên chuẩn bị		
		vẽ sơ đồ hoạt động và thảo luận. GV tổng hợp nội dung chương.			
BÀI TẬP TÌNH HUỐNG Chủ đề “Văn hoá tổ chức”	5	- GV thuyết giảng nội dung cơ bản và giới thiệu về hoạt động thảo luận “mảnh ghép”. - GV giới thiệu và phân bổ hoạt động - Người học thảo luận GV tổng hợp nội dung		HD1 HD2	CLO1 CLO2 CLO3
Chương 3. Hoạch định và kế hoạch thay đổi tổ chức 3.1. Phân tích, hoạch định và xây dựng kế hoạch thay đổi 3.1.1. Phân tích thực trạng của tổ chức 3.1.2. Hoạch định và xây dựng kế hoạch cho thay đổi 3.2. Chuẩn bị cho sự thay đổi 3.2.1. Xem xét và đánh giá lại các phương án và mục tiêu	5	- GV thuyết giảng nội dung cơ bản -GV lập ngẫu nhiên nhóm dựa trên số lượng thực tế và phân chủ đề thảo luận cho từng nhóm. -SV thảo luận nhóm theo nội dung phân công của GV, đại diện nhóm phát biểu.	- SV xem tài liệu [1], [2], [3],[4]. -Người học tự đọc lý thuyết tại nhà, trả lời các nội dung tình huống theo nội dung được cung cấp trước khi lên lớp.	HD1 HD2	CLO1 CLO2 CLO3

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Học viên chuẩn bị		
3.2.2. Dự đoán sự chống đối và phương án hành động để hạn chế 3.2.3. Tuyên truyền và cam kết đảm bảo lợi ích 3.2.4. Hạn chế tiêu cực 3.2.5. Lập kế hoạch giám sát quá trình thay đổi 3.3. Tổ chức thực hiện kế hoạch thay đổi 3.3.1. Trước khi tổ chức thực hiện thay đổi 3.3.2. Các cá nhân ảnh hưởng đến thay đổi 3.3.3. Tiến trình của một đợt thay đổi tổ chức 3.3.4. Nguyên nhân dẫn đến thay đổi thất bại		-Nhóm trình bày nội dung đã thảo luận và GV nhận xét. -GV cung cấp chủ đề, nội dung và các yêu cầu cho báo cáo kết thúc học phần -GV tổng hợp nội dung chương.			
Nghiên cứu theo chủ đề ✓ Chủ đề “Thực trạng doanh nghiệp” Chủ đề “Sự chống đối và phương án hành động”	5	-GV lập ngẫu nhiên dựa trên số lượng Người học thực tế và phân chủ đề thảo luận cho từng cá nhân. - Người học thảo luận nhóm theo nội dung được phân công của GV. - Người học trình bày nội dung đã thảo luận và GV nhận xét. -GV cung cấp chủ đề, nội dung và	- SV xem tài liệu [1], [2], [3],[4]. -Người học tự đọc lý thuyết tại nhà, trả lời các nội dung tình huống theo nội dung được cung cấp trước khi lên lớp.	HD1 HD2	CLO1 CLO2 CLO3

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Học viên chuẩn bị		
		các yêu cầu cho báo cáo kết thúc học phần -GV tổng hợp nội dung.			
Chương 4. Thay đổi và phát triển tổ chức 4.1. Thay đổi và sự liên quan đến phát triển tổ chức 4.1.1. Con người đối với phát triển tổ chức 4.1.2. Nhóm đối với phát triển tổ chức 4.1.3. Tổ chức đối với sự phát triển 4.2. Một số can thiệp nhằm phát triển tổ chức 4.2.1. Can thiệp tương tác trong hoạt động 4.2.2. Can thiệp nhóm 4.2.3. Can thiệp giữa các nhóm 4.2.4. Những can thiệp tổ chức để phát triển	5	-GV thuyết giảng và giới thiệu video tình huống. -SV trả lời câu hỏi -GV thuyết giảng và giới thiệu về tư duy đa chiều để hệ thống nội dung chương. -GV đặt tình huống, sv giải quyết tình huống/chủ đề của chương. -GV nhận xét và tổng hợp nội dung chương	-SV xem tài liệu [1], [5] SV làm việc nhóm và chuẩn bị báo cáo.	HĐ1 HĐ2	CLO1 CLO2 CLO3
Báo cáo KẾT THÚC HỌC PHẦN (Phân tích hiệu quả các hoạt động đã áp dụng trong lộ trình quản trị sự thay đổi của doanh nghiệp theo giai đoạn phát triển của hoạt động kinh doanh); Báo cáo nhóm về chủ đề được phân công. Báo cáo nhóm nộp bản in	5	-Nhóm tự lựa chọn số người trình bày, không nhất thiết mọi thành viên phải trình bày trước lớp. Thời gian	SV tự ôn và hệ thống lại kiến thức.	HĐ1 HĐ2	CLO1 CLO2 CLO3

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Học viên chuẩn bị		
và file powerpoint qua email. Ôn tập		trình bày tối đa là 20 phút, 10 phút tiếp theo dành cho nhóm giao lưu trả lời thắc mắc của các bạn trong lớp. -GV nhận xét và tổng kết nội dung toàn bộ học phần, chú ý những kiến thức cần vận dụng để SV học và áp dụng thực tế.			

7. Hướng dẫn học viên tự học

STT	Nội dung	Tự học (giờ)	Nhiệm vụ của học viên	Sản phẩm
1	Chủ đề 1: “Văn hoá tổ chức”	20	GV đặt tình huống, học viên giải quyết tình huống	Báo cáo nhóm
2	Chủ đề 2: “Thực trạng doanh nghiệp”	20	Học viên mô tả tình huống thực tế tại doanh nghiệp và đề xuất hướng giải quyết tình huống	Sơ đồ tư duy
3	Chủ đề 3: “Sự chống đối và phương án hành động”	20	GV đặt chủ đề tranh luận tại lớp, học viên tranh luận giải quyết tình huống. Học viên tổng hợp các luận điểm tại buổi tranh luận thành báo cáo	Bài thu hoạch
4	Chủ đề 4: Con người đối với phát triển tổ chức	30	GV mô tả về góc nhìn nhân sự và tâm lý, học viên đặt câu hỏi về cách vận dụng	Báo cáo cá nhân

8. Tài liệu học tập

TT	Tên tác giả/năm/tên tài liệu/nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
			Tài liệu chính	Tham khảo
1	Phạm Vũ Khiêm, Hứa Thùy Trang (2020), <i>Quản trị sự thay đổi trong các tổ chức (Managing change in organizations)</i> , NXB Bách Khoa Hà Nội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x	
2	John P. Kotter; Vũ Thái Hà, Lê Bảo Luân, Bùi Thu Hà(dịch) (2018), <i>Dẫn dắt sự thay đổi: Kim chỉ nam giúp bạn thực hiện công cuộc thay đổi thành công</i> , NXB Thế Giới	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x	
3	Vũ Hoàng, Quỳnh Trâm (dịch) (2021), <i>Quản lý sự thay đổi = On change management: Chỉ dẫn sống còn cho người lãnh đạo</i> , NXB Đại học Kinh tế Quốc dân	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
4	Lê Hồng Nhật (b.s) (2016), <i>Lý thuyết trò chơi ứng dụng trong quản trị - kinh doanh: Công cụ tư duy không thể thiếu đối với doanh nhân và các nhà hoạch định chính sách tại Việt nam</i> , NXB Thanh Niên	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
5	Negoro Tatsuyuki; Hoàng Linh (dịch) (2017), <i>Mô hình kinh doanh sáng tạo: Từ thành công của Amazon đến bước nhảy đột phá của 7-Eleven</i> , NXB Đại học KTQD	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
6	Huỳnh Thanh Điền (2018), <i>Quản trị công ty khởi nghiệp</i> , NXB Thế Giới	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
7	Nguyễn Ngọc Huyền, Ngô Thị Việt Nga (2020), <i>Giáo trình khởi sự kinh doanh</i> , NXB Đại học Kinh tế quốc dân	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
8	Nguyễn Ngọc Quý, Nhâm Phong Tuấn (2023), <i>Quản trị đổi mới sáng tạo</i> , NXB ĐHQG Hà Nội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x

9. Quy định đối với học viên

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Học viên phải tham gia đủ từ 80% tiết dạy học phần.
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo quy định của lớp học phần.
- Tự tìm hiểu các vấn đề giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học lên lớp.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số thành phần (%)	CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1:Đánh giá quá trình	Bài tập nhóm	Báo cáo nhóm	Rubric (R6)	100%	CLO2	50%	
HĐ2. Đánh giá kết thúc học phần	Thi tự luận	Đề thi	Đáp án	100%	CLO3	50%	

11. Thông tin về giảng viên dạy**Giảng viên:** TS. Huỳnh Quốc Tuấn- Số điện thoại: 0773571545; Email: hqtuan@dthu.edu.vn

- Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Kinh tế-Luật, Trường ĐH Đồng Tháp

- Hướng giảng dạy, nghiên cứu chính: Phương pháp nghiên cứu kinh tế; Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo; Marketing; Quản trị học

Giảng viên: PGS. TS. Võ Thị Thanh Lộc- Số điện thoại: 0979766745; Email: thanhloc2010@gmail.com

- Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Đại học Đồng Tháp

- Hướng giảng dạy, nghiên cứu chính: Kinh tế, Kinh doanh và quản lý; Phương pháp nghiên cứu kinh tế

*Đồng Tháp, ngày tháng năm 2026***TRƯỞNG KHOA****TRƯỞNG CHUYÊN NGÀNH****GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN****HIỆU TRƯỞNG DUYỆT**

20. HỌC PHẦN 20: LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần (Tiếng Việt): Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
- Tên học phần (Tiếng Anh): Logistics and Supply Chain Management
- Mã học phần: EMM.818
- Số tín chỉ: 3; Tổng số tiết tín chỉ (LT/ThH/TH): 30/30/90
- Học phần điều kiện (*nếu có*): Không có
- Loại học phần: Tự chọn
- Trình độ: Thạc sĩ
- Thuộc khối kiến thức: Kiến thức chuyên ngành tự chọn
- Bộ môn phụ trách dạy học: Khoa: Kinh tế - Luật

2. Tổng quan về học phần

Học phần Quản trị logistics và chuỗi cung ứng giới thiệu các khái niệm, định nghĩa, quan điểm, giá trị, mục đích, phương pháp, và các kỹ thuật, công nghệ thiết kế - xây dựng hệ thống quản lý chuỗi cung ứng để người học có được cái nhìn tổng quát trước khi đi vào chuyên sâu. Điểm trọng yếu ở đây là giúp người học có cái nhìn mới về quản trị logistics và quản lý chuỗi cung ứng và vai trò rất quan trọng trong giai đoạn phát triển kinh tế hiện nay; giúp người học có thể tiếp cận các kỹ thuật, công nghệ thiết kế hệ thống quản lý chuỗi cung ứng. Học phần trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản trị logistics nhằm thiết lập, thực hiện hệ thống chuỗi cung ứng có thể áp dụng cho các loại tổ chức khác nhau trong xã hội.

3. Mục tiêu học phần

Học phần giúp người học nắm được những nội dung cốt lõi về logistics, quản trị cung ứng, các quan điểm và mục tiêu của nhà quản trị cung ứng hướng đến. Người học hiểu được quy trình hoạt động của chuỗi cung ứng, logistics; cách thức xây dựng kế hoạch; hoạch định được các chiến lược. Ngoài việc vận dụng công nghệ thông tin hỗ trợ và tạo ra sự hợp tác hiệu quả trong chuỗi cung ứng, người học còn vận dụng các kiến thức đã học để đo lường hiệu quả hoạt động của chuỗi, tạo tiền đề cho việc đánh giá hiệu quả chuỗi cung ứng của một doanh nghiệp. Bên cạnh củng cố khả năng tự học, tự nghiên cứu, học phần còn giúp người học nâng cao ý thức trách nhiệm đối với nhóm làm việc, có thái độ nghiêm túc, tích cực trong học tập và nghiên cứu, phát triển kỹ năng lập luận, thuyết trình trước công chúng.

4. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR (CLOs)	Nội dung CĐR học phần (CLOs)
CLO1:	Đánh giá được hiệu quả hoạt động chuỗi cung ứng của một doanh nghiệp
CLO2:	Phát triển kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả

CĐR (CLOs)	Nội dung CĐR học phần (CLOs)
CLO3:	Thể hiện kỹ năng trình bày và lập luận

5. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và chỉ số PI		
	PLO2	PLO3	PLO4
	PI2.1	PI3.2	PI4.2
CLO1	R		
CLO2		R	
CLO3			R
Học phần	R	R	R

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CĐR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Học viên chuẩn bị		
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ CHUỖI CUNG ỨNG 1.1. Khái quát về quản trị chuỗi cung ứng (SCM) <i>1.1.1. Khái niệm</i> <i>1.1.2. Chuỗi giá trị và chuỗi cung ứng</i> <i>1.1.3. Cách thức hoạt động của chuỗi cung ứng</i> 1.2. Các nhân tố chính của chuỗi cung ứng <i>1.2.1. Sản xuất</i> <i>1.2.2. Hàng tồn kho</i> <i>1.2.3. Địa điểm</i> <i>1.2.4. Vận tải</i> <i>1.2.5. Thông tin</i> 1.3. Những vấn đề chính trong quản trị chuỗi cung ứng <i>1.3.1. Những bên tham gia vào chuỗi cung ứng</i> <i>1.3.2. Chuỗi cung ứng mở rộng</i>	3	- Giới thiệu ĐCCT và các yêu cầu cần thiết trong quá trình học. - Phân chia theo sĩ số lớp, từ 5 đến 7 nhóm thực hiện bài tập tình huống.	- Lắng nghe và ghi chép - Thực hiện phân nhóm và thảo luận nhóm - Thảo luận và trả lời câu hỏi	HĐ1 HĐ2	CLO1, CLO2, CLO3

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CĐR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Học viên chuẩn bị		
<i>1.3.3. Kết hợp chuỗi cung ứng và chiến lược kinh doanh</i>					
Chương 2. CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA CHUỖI CUNG ỨNG 2.1. Mô hình hoạt động của chuỗi cung ứng <i>2.1.1. Lập kế hoạch</i> <i>2.1.2. Tìm nguồn</i> <i>2.1.3. Thực hiện</i> <i>2.1.4. Phân phối</i> 2.2. Lập kế hoạch <i>2.2.1. Dự đoán nhu cầu</i> <i>2.2.2. Định giá sản phẩm</i> <i>2.2.3. Quản lý hàng tồn kho</i> 2.3. Tìm nguồn <i>2.3.1. Thu mua</i> <i>2.3.2. Tín dụng và thu thập</i> 2.4. Thực hiện <i>2.4.1. Thiết kế sản phẩm</i> <i>2.4.2. Lịch sản xuất</i> <i>2.4.3. Quản lý phương tiện</i> 2.5. Phân phối <i>2.5.1. Quản lý đơn đặt hàng</i> <i>2.5.2. Lịch phân phối</i>	2	- Thuyết giảng và giới thiệu về sơ đồ tư duy để hệ thống nội dung chương - Cho thảo luận nhóm theo nội dung phân công của GV - Đặt câu hỏi	- Nghiên cứu tài liệu [1] - Làm việc nhóm và thảo luận bài tập tình huống	HĐ1 HĐ2	CLO1, CLO2, CLO3
Chương 3. PHỐI HỢP CHUỖI CUNG ỨNG VÀ SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN 3.1. Hiệu ứng Bullwhip (roi da) <i>3.1.1. Xác định hiệu ứng Bullwhip</i> <i>3.1.2. Tác động của thông tin tập trung đến hiệu ứng Bullwhip</i> <i>3.1.3. Sự phối hợp trong chuỗi cung ứng</i> 3.2. Các hệ thống thông tin hỗ trợ cho chuỗi cung ứng	5	-Thuyết giảng và giới thiệu về sơ đồ tư duy để hệ thống nội dung chương - Cho thảo luận nhóm theo nội dung phân công của GV - Đặt câu hỏi	- Nghiên cứu tài liệu [1] - Làm việc nhóm và thảo luận bài tập tình huống	HĐ1 HĐ2	CLO1, CLO2, CLO3

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CĐR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Học viên chuẩn bị		
3.2.1. Các chức năng của hệ thống thông tin 3.2.2. Tác động của internet đến chiến lược chuỗi cung ứng 3.2.3. Phân loại hệ thống hỗ trợ hoạt động 3.3. Hệ thống kéo, đẩy và kéo-đẩy 3.3.1. Chuỗi cung ứng đẩy 3.3.2. Chuỗi cung ứng kéo 3.3.3. Chuỗi cung ứng kéo-đẩy 3.3.4. Xác định chiến lược chuỗi cung ứng thích hợp 3.4. Các chiến lược phân phối 3.4.1. Các chiến lược phân phối 3.4.2. Kiểm soát tập trung và kiểm soát phân tán					
Chương 4. QUẢN TRỊ TỒN KHO 4.1. Quản trị tồn kho 4.1.1. Khái niệm và tầm quan trọng 4.1.2. Chức năng của hệ thống tồn kho 4.1.3. Xu hướng của quản trị hàng tồn kho 4.2. Các mô hình tồn kho 4.2.1. Các nhân tố chính ảnh hưởng đến chính sách tồn kho 4.2.2. Mô hình EOQ 4.2.3. Continuous Replenishment (CRP) Inventory Systems 4.3. Các cơ hội đặt hàng nhiều lần 4.3.1. Chính sách xem xét liên tục 4.3.2. Mô hình tồn kho có tính đến chi phí dự trữ an toàn –	5	-Thuyết giảng và giới thiệu về sơ đồ tư duy để hệ thống nội dung chương - Cho thảo luận nhóm và thuyết trình theo phân công - Đặt câu hỏi	- Nghiên cứu tài liệu [1] - Làm việc nhóm và thuyết trình theo phân công - Trả lời câu hỏi	HĐ1 HĐ2	CLO1, CLO2, CLO3

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CĐR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Học viên chuẩn bị		
<i>mô hình ngẫu nhiên (stochastic)</i> 4.3.3. Thời gian đáp ứng đơn hàng biến đổi 4.3.4. Chính sách xem xét tồn kho định kỳ					
SV thực hành đề tài cá nhân: Đóng vai và hỏi đáp chuyên gia về chủ đề Quản trị tồn kho và IT.	5	-GV phân công đóng vai và hỏi đáp chuyên gia dựa trên nội dung chương (phần hỏi đáp chuyên gia có điểm thưởng phản biện).	-GV phân công đóng vai và hỏi đáp chuyên gia dựa trên nội dung chương (phần hỏi đáp chuyên gia có điểm thưởng phản biện).	HĐ1 HĐ2	CLO1, CLO2, CLO3
Chương 5. ĐO LƯỜNG HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CHUỖI CUNG ỨNG 5.1. Mô hình tương quan thị trường – chuỗi cung ứng 5.2. Đo lường hiệu quả thị trường 5.2.1. Mức phục vụ khách hàng 5.2.2. Hiệu quả nội bộ 5.2.3. Nhu cầu linh hoạt 5.2.4. Phát triển sản phẩm 5.3. Khung đo lường hiệu quả 5.3.1. Hệ thống đo lường dịch vụ khách hàng 5.3.2. Hệ thống đo lường hiệu quả nội bộ	5	-Thuyết giảng và giới thiệu về sơ đồ tư duy để hệ thống nội dung chương - Cho thảo luận nhóm theo nội dung phân công của GV - Đặt câu hỏi	- Nghiên cứu tài liệu [1] - Làm việc nhóm và thảo luận bài tập tình huống	HĐ1 HĐ2	CLO1, CLO2, CLO3
Báo cáo nhóm: Đo lường hiệu quả hoạt động của công ty. Báo cáo nhóm về chủ đề được phân công. Báo cáo nhóm nộp bản in và file powerpoint qua email.	5	- Nhóm tự lựa chọn số người trình bày, không nhất thiết mọi thành viên phải trình bày trước lớp. Thời gian trình	- Nhóm tự lựa chọn số người trình bày, không nhất thiết mọi thành viên phải trình bày trước lớp. Thời gian trình	HĐ1 HĐ2	CLO1, CLO2, CLO3

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CĐR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Học viên chuẩn bị		
Ôn tập		bày tối đa là 15 phút, 15 phút tiếp theo dành cho nhóm giao lưu trả lời thắc mắc của các bạn trong lớp. - GV nhận xét và tổng kết nội dung, chú ý những kiến thức cần vận dụng trong báo cáo nhóm.	bày tối đa là 15 phút, 15 phút tiếp theo dành cho nhóm giao lưu trả lời thắc mắc của các bạn trong lớp. - GV nhận xét và tổng kết nội dung, chú ý những kiến thức cần vận dụng trong báo cáo nhóm.		

7. Hướng dẫn học viên tự học

TT	Nội dung	Tự học (giờ)	Nhiệm vụ của sinh viên	Sản phẩm
1	Chủ đề 1: “Các hoạt động của chuỗi cung ứng”	30	-Nắm vững các khái niệm về hoạt động của chuỗi. - Tóm tắt nội dung các hoạt động. - Giải các tình huống về chuỗi cung ứng đứt gãy và quá trình logistics	Báo cáo nhóm
2	Chủ đề 2: “Các hệ thống thông tin hỗ trợ cho chuỗi cung ứng”	30	-Nắm vững các hệ thống và phần mềm thông tin hỗ trợ cho chuỗi. - Tóm tắt nội dung các hoạt động hỗ trợ và quá trình vận hành chuỗi. - Tóm tắt chuỗi cung ứng trong xu hướng ứng dụng ICT và AI.	Sơ đồ tư duy
3	Chủ đề 3: “Hiệu quả vận hành chuỗi”	30	-Nắm vững hiệu quả vận hành chuỗi. - Tóm tắt nội dung các hoạt động vận hành. - Tóm tắt các hoạt động và chỉ tiêu đo lường hiệu quả.	Bài thu hoạch

8. Tài liệu học tập

STT	Tên tài liệu	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
			Tài liệu chính	Tham khảo
1	Michael H. Hugos; Phan Đình Mạnh (dịch) (2017), <i>Nguyên lý quản trị chuỗi cung ứng</i> , NXB Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x	
2	David J. Bloomberg, Stephen LeMay, Joe B. Hanna (2002), <i>Logistics (International Edition)</i> , NXB New Jersey: Prentice Hall	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x	
3	Bernard Marr; Huỳnh Tấn Tài (dịch) (2019), <i>Chiến lược dữ liệu - Lợi thế vượt trội từ big data, phân tích dữ liệu & IoT</i> , NXB Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
4	Shoshanah Cohen, Joseph Roussel; Nguyễn Công Bình (biên soạn) (2008), <i>Quản lý chiến lược chuỗi cung ứng</i> , NXB Thống kê	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
5	Paul R Murphy và Michael Knemeyer (2024), <i>Logistics và Quản trị chuỗi cung ứng</i> , NXB Công Thương	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
6	Hà Minh Hiếu (2022), <i>Logistics và quản trị chuỗi cung ứng</i> , NXB Pearson	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x

9. Quy định đối với học viên

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Học viên phải tham gia đủ từ 80% tiết dạy học phần.
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo quy định của lớp học phần.
- Tự tìm hiểu các vấn đề giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học lên lớp.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số thành phần (%)	CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1. Đánh giá quá trình	HĐ1.1. Chuyên cần	Quan sát, điểm danh	Rubric (R8)	50%	CLO1	50%	
	HĐ1.2 Bài tập tình huống	Tự luận	Rubric (R6)	50%	CLO2		

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số thành phần (%)	CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ2. Đánh giá kết thúc học phần	HĐ2.1. Tiểu luận	Tiểu luận	Rubric (R5)	100%	CLO3	50%	

11. Thông tin về giảng viên dạy

Giảng viên: TS. Phạm Thái Ngọc

- Số điện thoại: 0834696450; Email: ptngoc@dthu.edu.vn
- Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Kinh tế-Luật, Trường ĐH Đồng Tháp
- Hướng giảng dạy, nghiên cứu chính: Quản trị, Thương mại, Marketing

Giảng viên: PGS. TS. Võ Thị Thanh Lộc

- Số điện thoại: 0979766745; Email: thanhloc2010@gmail.com
- Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Đại học Đồng Tháp
- Hướng giảng dạy, nghiên cứu chính: Kinh tế, Kinh doanh và quản lý; Phương pháp nghiên cứu kinh tế

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2026

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG CHUYÊN NGÀNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

HIỆU TRƯỞNG DUYỆT

21. HỌC PHẦN 21: QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần (Tiếng Việt): Quản trị nguồn nhân lực
- Tên học phần (Tiếng Anh): Human resource management
- Mã học phần: EMM.819
- Số tín chỉ: 03 Tổng số tiết tín chỉ (LT/ThH/TH): 30/30/90
- Học phần điều kiện (*nếu có*): Không
- Loại học phần: Tự chọn
- Trình độ: Thạc sĩ
- Thuộc khối kiến thức: Kiến thức chuyên ngành tự chọn
- Bộ môn phụ trách dạy học: Khoa: Kinh tế - Luật

2. Tổng quan về học phần

Học phần cung cấp các kiến thức quản trị nguồn nhân lực từ khâu hoạch định đến thu hút, tuyển dụng, đào tạo, sử dụng, phát triển nguồn nhân lực đến động viên, đãi ngộ, đánh giá nhân sự. Quản trị nguồn nhân lực vừa mang cả tính khoa học lẫn nghệ thuật trong việc khai thác và quản lý tài nguyên con người nhằm thỏa mãn nhu cầu của con người và đạt hiệu quả của tổ chức, doanh nghiệp.

3. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong, người học có khả năng hiểu và vận dụng tốt kiến thức quản trị nguồn nhân lực để giải quyết các yêu cầu xử lý, cung cấp thông tin và ra quyết định trong lĩnh vực nguồn nhân lực. Hình thành kỹ năng tư duy hệ thống, tư duy phân tích một cách độc lập, Phản biện, làm việc nhóm, phân tích, đánh giá vấn đề đa chiều, trình bày quan điểm một cách logic, thuyết phục.

4. Chuẩn đầu ra (CĐR)

CĐR (CLOs)	Nội dung CĐR học phần (CLOs)
CLO1:	Vận dụng lý thuyết và công cụ quản trị nguồn nhân lực để đề xuất giải pháp phù hợp trong bối cảnh hội nhập quốc tế và chuyển đổi số.
CLO2:	Thể hiện tư duy lãnh đạo, năng lực làm việc nhóm trong hoạt động quản trị nhân lực.
CLO3:	Thể hiện đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội trong đề xuất và triển khai các chính sách quản trị nhân lực.

5. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và chỉ số PI			
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4
	PI1.2	PI2.1	PI3.2	PI4.2
CLO1	R			
CLO2		M		
CLO3			M	M
Học phần	R	M	M	M

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Sinh viên chuẩn bị		
Chương 1. Tổng quan về Quản trị nguồn nhân lực 1.1 Khái niệm và bản chất của Quản trị nguồn nhân lực 1.1.1. Khái niệm nhân lực và nguồn nhân lực 1.1.2. Khái niệm quản trị nguồn nhân lực 1.1.3. Phân biệt QTNNL với quản trị hành chính nhân sự 1.1.4. Mục tiêu và chức năng của QTNNL 1.2 Vai trò của Quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức 1.2.1. Vai trò đối với tổ chức và chiến lược doanh nghiệp 1.2.2. Vai trò đối với người lao động 1.2.3. Vai trò trong bối cảnh hội nhập quốc tế 1.2.4. Vai trò trong chuyển đổi số và tự động hóa HRM 1.3 Các mô hình quản trị nguồn nhân lực hiện đại 1.3.1. Mô hình Harvard 1.3.2. Mô hình Michigan	3	- Giảng lý thuyết và phân tích mô hình - Thảo luận nhóm: so sánh các mô hình QTNNL quốc tế - Tình huống đạo đức trong QTNNL	- Đọc các tài liệu về các mô hình Harvard, Michigan, Schuler và chuẩn bị so sánh chúng về ưu nhược điểm. - Chuẩn bị một bài thảo luận về các vai trò của HRM trong bối cảnh hội nhập quốc tế. - Chuẩn bị tài liệu để thảo luận và so sánh các mô hình QTNNL, đồng thời ghi chép các ý tưởng chính từ buổi giảng.	HĐ1 HĐ2	CLO1, CLO2, CLO3

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Sinh viên chuẩn bị		
1.3.3. Mô hình 5P của Schuler 1.3.4. Mô hình HRM trong doanh nghiệp số					
Chương 2. Hoạch định nguồn nhân lực 2.1. Phân tích hiện trạng và nhu cầu nhân lực 2.1.1. Phân tích môi trường bên ngoài 2.1.2. Phân tích nội lực doanh nghiệp 2.1.3. Dự báo nhu cầu nhân lực 2.1.4. Phân tích cung nhân lực nội bộ và bên ngoài 2.2. Các phương pháp hoạch định nguồn nhân lực 2.2.1. Phương pháp định tính 2.2.2. Phương pháp định lượng 2.2.3. Ứng dụng dữ liệu và HR analytics trong hoạch định nhân lực 2.3. Lập kế hoạch và chính sách phát triển nhân lực 2.3.1. Thiết lập mục tiêu nhân lực 2.3.2. Xây dựng phương án tuyển dụng – đào tạo – luân chuyển 2.3.3. Hoạch định ngân sách nguồn nhân lực 2.4. Phân tích SWOT và xây dựng chiến lược nhân lực	3	- Giảng lý thuyết và phân tích tình huống hoạch định nhân lực - Bài tập nhóm: xây dựng chiến lược nhân sự cho doanh nghiệp	- Đọc tài liệu về các phương pháp phân tích nhu cầu nhân lực và chuẩn bị một chiến lược nhân sự cho doanh nghiệp. - Nghiên cứu về phân tích SWOT trong hoạch định nhân lực và chuẩn bị áp dụng cho một tổ chức thực tế. - Tìm hiểu về công cụ HR analytics và chuẩn bị bài tập nhóm.	HĐ1 HĐ2	CLO1, CLO2, CLO3

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Sinh viên chuẩn bị		
2.4.1. Xác định điểm mạnh, yếu, cơ hội, thách thức 2.4.2. Lựa chọn chiến lược nhân lực phù hợp 2.4.3. Chiến lược nhân lực trong kỷ nguyên số					
Chương 3. Tuyển dụng, đào tạo và phát triển nhân lực 3.1. Công tác tuyển dụng 3.1.1. Quy trình tuyển dụng 3.1.2. Thiết kế bản mô tả công việc (JD) và khung năng lực 3.1.3. Tìm kiếm và thu hút ứng viên 3.1.4. Sàng lọc hồ sơ và đánh giá ứng viên 3.2. Kỹ thuật phỏng vấn và tuyển chọn 3.2.1. Các loại phỏng vấn 3.2.2. Kỹ năng nhận diện ứng viên qua hành vi 3.2.3. Xây dựng bộ câu hỏi phỏng vấn theo năng lực 3.2.4. Công cụ đánh giá 3.2.5. Quyết định tuyển chọn và đề nghị nhận việc 3.3. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực 3.3.1. Quy trình đào tạo 4 bước 3.3.2. Mô hình đào tạo hiện đại 3.3.3. Đào tạo trực tuyến và e-learning 3.3.4. Xây dựng chương trình phát triển nhân lực kế thừa	6	- Giảng lý thuyết và mô phỏng phỏng vấn - Thảo luận về đào tạo và phát triển nhân lực	- Nghiên cứu quy trình tuyển dụng và chuẩn bị thiết kế một bản mô tả công việc (JD). - Chuẩn bị các câu hỏi phỏng vấn và tiêu chí đánh giá ứng viên. - Nghiên cứu các mô hình đào tạo (ADDIE, Kirkpatrick) và chuẩn bị một chương trình đào tạo.	HĐ1 HĐ2	CLO1, CLO2, CLO3

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Sinh viên chuẩn bị		
Chương 4. Hệ thống Lương – Thưởng – Đãi ngộ 4.1. Tổng quan về tiền lương và đãi ngộ 4.1.1. Khái niệm và vai trò của hệ thống lương thưởng 4.1.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến chính sách lương 4.1.3. Nguyên tắc xây dựng chế độ đãi ngộ 4.2. Các phương pháp định mức và trả lương 4.2.1. Định mức lao động 4.2.2. Xây dựng đơn giá tiền lương 4.2.3. Hệ thống thang bảng lương 4.3. Hệ thống lương 3P 4.3.1. Lương theo vị trí 4.3.2. Lương theo năng lực 4.3.3. Lương theo kết quả 4.3.4. Mô hình KPI – OKRs trong lương 3P 4.4. Chính sách phúc lợi và đãi ngộ phi tài chính 4.4.1. Các loại phúc lợi doanh nghiệp 4.4.2. Tạo động lực phi vật chất 4.4.3. Trách nhiệm xã hội trong chính sách phúc lợi 4.5. Pháp luật lao động liên quan đến tiền lương 4.5.1. Quy định về hợp đồng lao động 4.5.2. Quy định về thời giờ làm việc – nghỉ ngơi	6	- Giảng lý thuyết về lương và đãi ngộ - Thảo luận về chính sách phúc lợi và đãi ngộ phi tài chính	- Tìm hiểu về hệ thống lương 3P và chuẩn bị mô hình lương cho một phòng ban. - Đọc tài liệu về các chính sách phúc lợi và chuẩn bị một đề xuất phúc lợi cho nhân viên. - Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến chính sách lương thưởng trong doanh nghiệp.	HĐ1 HĐ2	CLO1, CLO2, CLO3

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Sinh viên chuẩn bị		
4.5.3. Quy định về BHXH, BHYT, BHTN 4.5.4. Giải quyết tranh chấp lao động					
Chương 5. Văn hóa doanh nghiệp và lãnh đạo 5.1. Tổng quan về văn hóa doanh nghiệp 5.1.1. Khái niệm, đặc điểm và cấu trúc văn hóa doanh nghiệp 5.1.2. Vai trò của văn hóa trong quản trị nhân lực 5.1.3. Các mô hình văn hóa tổ chức 5.2. Lãnh đạo trong quản trị nguồn nhân lực 5.2.1. Các phong cách lãnh đạo 5.2.2. Năng lực lãnh đạo trong bối cảnh mới 5.2.3. Lãnh đạo – động viên – truyền cảm hứng 5.2.4. Đạo đức trong lãnh đạo 5.3. Xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp 5.3.1. Quy trình xây dựng văn hóa 5.3.2. Vai trò của lãnh đạo trong xây dựng văn hóa 5.3.3. Đo lường mức độ hiệu quả của văn hóa doanh nghiệp 5.3.4. Văn hóa doanh nghiệp trong thời đại số	6	- Giảng lý thuyết về văn hóa doanh nghiệp - Thảo luận nhóm về lãnh đạo và văn hóa - Workshop lãnh đạo - Bài tập nhóm: thiết kế chương trình phát triển văn hóa doanh nghiệp	- Nghiên cứu các mô hình văn hóa tổ chức và chuẩn bị phân tích văn hóa doanh nghiệp trong một tổ chức cụ thể. - Tìm hiểu về các phong cách lãnh đạo và chuẩn bị thảo luận về vai trò của lãnh đạo trong việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp. - Chuẩn bị bài thu hoạch phân tích văn hóa doanh nghiệp theo mô hình Schein hoặc mô hình khác.	HĐ1 HĐ2	CLO1, CLO2, CLO3
Chương 6. Các kỹ năng hỗ trợ cho nhà quản trị	6	- Giảng lý thuyết về các kỹ năng	- Nghiên cứu kỹ năng giao tiếp và đàm	HĐ1 HĐ2	CLO1, CLO2, CLO3

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Sinh viên chuẩn bị		
6.1. Kỹ năng giao tiếp và đàm phán 6.1.1. Kỹ năng giao tiếp nội bộ 6.1.2. Kỹ năng đàm phán với đối tác, công đoàn 6.1.3. Giao tiếp trong môi trường đa văn hóa 6.2. Tâm lý quản lý và lãnh đạo 6.2.1. Tâm lý học hành vi tổ chức 6.2.2. Tâm lý trong lãnh đạo và ra quyết định 6.2.3. Quản trị xung đột và giải quyết mâu thuẫn 6.3. Kỹ năng thuyết trình và điều hành cuộc họp 6.3.1. Chuẩn bị bài thuyết trình 6.3.2. Kỹ thuật điều hành cuộc họp hiệu quả 6.3.3. Kỹ năng giải quyết tình huống trong cuộc họp		giao tiếp và đàm phán - Tình huống đàm phán	phán, chuẩn bị tình huống đàm phán giả lập. - Chuẩn bị các tình huống lãnh đạo nhóm và kỹ năng thuyết trình trong cuộc họp. - Đọc tài liệu về giải quyết xung đột và chuẩn bị các tình huống giải quyết mâu thuẫn.		

7. Hướng dẫn sinh viên tự học

TT	Nội dung	Tự học (giờ)	Nhiệm vụ của sinh viên	Sản phẩm
1	Chủ đề 1: Tổng quan về quản trị nguồn nhân lực	10	- Nghiên cứu tài liệu [1], chương 1 về khái niệm nhân lực, nguồn nhân lực, và sự khác biệt giữa quản trị nguồn nhân lực và quản trị hành chính nhân sự. - Tìm hiểu các mô hình quản trị nguồn nhân lực quốc tế như mô hình Harvard, Michigan, Schuler. - Đọc thêm bài báo hoặc nghiên cứu về vai trò của HRM trong bối cảnh chuyển đổi số.	Báo cáo nhóm
2	Chủ đề 2: Hoạch định	15	- Nghiên cứu tài liệu [1], chương 2	Bài tập nhóm

TT	Nội dung	Tự học (giờ)	Nhiệm vụ của sinh viên	Sản phẩm
	nguồn nhân lực		- Nghiên cứu các phương pháp phân tích nhu cầu nhân lực và các công cụ dự báo nhân lực. - Thu thập thông tin về tình hình nhân sự và chiến lược phát triển nguồn nhân lực tại một tổ chức. - Nghiên cứu phương pháp SWOT và cách xây dựng chiến lược nhân lực phù hợp.	
3	Chủ đề 3: Tuyển dụng, đào tạo và phát triển nhân lực	20	- Nghiên cứu tài liệu [1], chương 3-4 - Tìm hiểu quy trình tuyển dụng và các kỹ thuật phỏng vấn hiện đại. - Nghiên cứu các mô hình đào tạo và phát triển nhân lực, bao gồm phương pháp ADDIE và Kirkpatrick. - Tìm hiểu về các công cụ và phần mềm hỗ trợ quá trình tuyển dụng và đào tạo.	Sơ đồ tư duy
4	Chủ đề 4: Hệ thống Lương – Thưởng – Đãi ngộ	20	- Nghiên cứu tài liệu [1], [2] - Nghiên cứu các phương pháp định mức và trả lương trong tổ chức. - Tìm hiểu về các mô hình lương 3P (lương theo vị trí, năng lực, kết quả). - Nghiên cứu các chính sách phúc lợi và các yếu tố ảnh hưởng đến chế độ đãi ngộ.	Bài tập cá nhân
5	Chủ đề 5: Văn hóa doanh nghiệp và lãnh đạo	15	- Nghiên cứu tài liệu [1] - Nghiên cứu các mô hình văn hóa tổ chức như Schein, Handy. - Tìm hiểu về các phong cách lãnh đạo và sự ảnh hưởng của lãnh đạo trong xây dựng văn hóa doanh nghiệp. - Đọc thêm về văn hóa doanh nghiệp trong thời đại số và ứng dụng của các công cụ số trong quản trị văn hóa	Bài thu hoạch cá nhân
6	Chủ đề 6: Các kỹ năng hỗ trợ cho nhà quản trị	10	- Nghiên cứu tài liệu [1]. - Nghiên cứu các kỹ năng giao tiếp, đàm phán và quản lý xung đột trong môi trường tổ chức. - Tìm hiểu về tâm lý học hành vi tổ chức và tác động của nó trong lãnh đạo. - Nghiên cứu các kỹ năng thuyết trình và điều hành cuộc họp.	Bài thuyết trình

8. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả/năm/tên tài liệu/nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
			Tài liệu chính	Tham khảo
1	Ryuichiro Nakao; Nguyễn Cường (dịch) (2020), <i>KPI – Công cụ quản lý nhân sự hiệu quả: Phương pháp quản lý doanh nghiệp hiệu quả của người Nhật</i> , NXB Đại học KTQD	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x	
2	Lê Quân (chủ biên) (2016), <i>Khung năng lực lãnh đạo, quản lý khu vực hành chính công</i> , NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
3	Phạm Thị Thanh Trà (2021), <i>Xây dựng nguồn nhân lực hành chính đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững đất nước</i> , NXB Lý luận Chính trị	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x

9. Quy định đối với học viên

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Học viên phải tham gia đủ từ 80% tiết dạy học phần.
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo quy định của lớp học phần.
- Tự tìm hiểu các vấn đề giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học lên lớp.
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số thành phần (%)	CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1:Đánh giá quá trình	Bài tập nhóm	Báo cáo nhóm	Rubric (R8)	100%	CLO1, CLO2	50%	
HĐ2. Đánh giá kết thúc học phần	Bài tập lớn	Bài tập lớn	Rubric (R5)	100%	CLO1, CLO2, CLO3	50%	

11. Thông tin về giảng viên dạy

Giảng viên 1: TS. Huỳnh Quốc Tuấn

- Số điện thoại: 0773571545; Email: hqtuan@dthu.edu.vn

- Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Khoa Kinh tế-Luật, Trường Đại học Đồng Tháp
- Hướng giảng dạy, nghiên cứu chính: Phương pháp nghiên cứu kinh tế; Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo; Marketing; Quản trị học

Giảng viên 2: TS. Nguyễn Vĩnh Luận

- Số điện thoại: 0983181807; Email: luannguuyenvinh@gmail.com
- Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Công ty CP Imexpharm Đồng Tháp
- Hướng giảng dạy, nghiên cứu chính: Kinh doanh và quản lý

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2026

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG CHUYÊN NGÀNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

HIỆU TRƯỞNG DUYỆT

22. HỌC PHẦN 22: KINH TẾ TUẦN HOÀN

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần (Tiếng Việt): Kinh tế tuần hoàn
- Tên học phần (Tiếng Anh): Circular Economy
- Mã học phần: EMM.823
- Số tín chỉ: 03; Tổng số tiết tín chỉ (LT/ThH/TH): 30/30/90
- Học phần điều kiện (*nếu có*): Không
- Loại học phần: Tự chọn
- Trình độ: Thạc sĩ
- Thuộc khối kiến thức: Kiến thức chuyên ngành tự chọn
- Bộ môn phụ trách dạy học: Khoa: Kinh tế - Luật

2. Tổng quan về học phần

Học phần Kinh tế tuần hoàn được thiết kế nhằm trang bị cho học viên cao học những kiến thức nền tảng và chuyên sâu về mô hình phát triển kinh tế bền vững dựa trên nguyên lý tuần hoàn tài nguyên. Khác với mô hình kinh tế tuyến tính truyền thống (khai thác – sản xuất – tiêu dùng – thải bỏ), kinh tế tuần hoàn hướng đến việc tối ưu hóa vòng đời sản phẩm, giảm thiểu chất thải, tái sử dụng, tái chế và phục hồi giá trị của tài nguyên trong toàn bộ chuỗi cung ứng.

3. Mục tiêu học phần

Học phần Kinh tế tuần hoàn nhằm trang bị cho học viên cao học kiến thức nền tảng và chuyên sâu về các nguyên lý, mô hình và công cụ của kinh tế tuần hoàn trong bối cảnh phát triển bền vững. Thông qua học phần, học viên có khả năng phân tích sự khác biệt giữa kinh tế tuyến tính và kinh tế tuần hoàn, vận dụng các công cụ như phân tích vòng đời và đánh giá dòng vật chất để đề xuất giải pháp phù hợp cho tổ chức hoặc địa phương. Đồng thời, học phần góp phần phát triển tư duy hệ thống, kỹ năng nghiên cứu và năng lực làm việc nhóm, giúp học viên chủ động thích ứng với các xu hướng chuyển đổi xanh, nâng cao trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp trong quản lý và hoạch định chính sách.

4. Chuẩn đầu ra (CDR)

CDR (CLOs)	Nội dung CDR học phần (CLOs)
CLO1:	Vận dụng lý thuyết và các công cụ của kinh tế tuần hoàn để phân tích, đánh giá và đề xuất các giải pháp sử dụng hiệu quả tài nguyên, giảm thiểu chất thải và tối ưu hóa giá trị trong bối cảnh chuyển đổi số và phát triển bền vững.
CLO2:	Thể hiện tư duy hệ thống, năng lực làm việc nhóm và phối hợp đa bên trong việc thiết kế, triển khai các mô hình kinh tế tuần hoàn tại tổ chức/doanh nghiệp.

CDR (CLOs)	Nội dung CDR học phần (CLOs)
CLO3:	Thể hiện đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội trong việc đề xuất và thực hiện các giải pháp kinh tế tuần hoàn, hướng đến bảo vệ môi trường, phát triển bền vững và tạo giá trị lâu dài cho cộng đồng.

5. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và chỉ số PI			
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4
	PI1.2	PI2.2	PI3.2	PI5.2
CLO1	R			
CLO2		R		
CLO3			M	R
Học phần	R	R	M	R

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Sinh viên chuẩn bị		
Chương 1. Cơ sở lý luận và kinh nghiệm quốc tế về xây dựng kế hoạch hành động quốc gia thực hiện kinh tế tuần hoàn 1.1. Tổng quan về kinh tế tuần hoàn 1.2. Động lực để thực hiện kinh tế tuần hoàn 1.3. Kinh nghiệm quốc tế về xây dựng kế hoạch hành động quốc gia thực hiện kinh tế tuần hoàn	5	- Giảng lý thuyết và phân tích mô hình - Thảo luận nhóm: so sánh các mô hình - Tình huống đạo đức	- Đọc tài liệu - Ghi chép - Thảo luận	HĐ1 HĐ2	CLO1, CLO2, CLO3
Chương 2. Thực trạng về kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam 2.1. Tổng quan về tình hình phát triển kinh tế - xã hội 2.2. Hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên và phát sinh chất thải 2.3. Chủ trương, định hướng, chính sách và quy	5	- Giảng lý thuyết và phân tích tình huống - Thảo luận nhóm	- Đọc tài liệu - Ghi chép - Thảo luận	HĐ1 HĐ2	CLO1, CLO2, CLO3

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Sinh viên chuẩn bị		
định pháp luật về phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam 2.4. Thực trạng áp dụng kinh tế tuần hoàn trong sản xuất, kinh doanh					
Chương 3. Lựa chọn ngành, lĩnh vực, sản phẩm ưu tiên thực hiện kế hoạch hành động kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam 3.1. Xác định các ngành, lĩnh vực ưu tiên 3.2. Xác định các sản phẩm ưu tiên áp dụng kinh tế tuần hoàn	5	- Giảng lý thuyết và phân tích tình huống - Thảo luận nhóm	- Đọc tài liệu - Ghi chép - Thảo luận	HD1 HD2	CLO1, CLO2, CLO3
Chương 4. Kinh nghiệm quốc tế về xây dựng hệ thống đo lường phát triển kinh tế tuần hoàn 4.1. Hệ thống đo lường phát triển kinh tế tuần hoàn tại Châu Âu 4.2 Hệ thống đo lường phát triển kinh tế tuần hoàn tại Châu Á 4.3 Một số nhận xét, đánh giá từ kinh nghiệm quốc tế về xây dựng hệ thống đo lường phát triển kinh tế tuần hoàn 4.4 Một số gợi ý và khuyến nghị về xây dựng hệ thống đo lường phát triển kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam	5	- Giảng lý thuyết và phân tích tình huống - Thảo luận nhóm	- Đọc tài liệu - Ghi chép - Thảo luận	HD1 HD2	CLO1, CLO2, CLO3
Chương 5. Chuyển đổi mô hình kinh tế tuần hoàn trong công nghiệp thông qua khu công nghiệp sinh thái	5	- Giảng lý thuyết và phân tích tình huống - Thảo luận nhóm	- Đọc tài liệu - Ghi chép - Thảo luận	HD1 HD2	CLO1, CLO2, CLO3

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Sinh viên chuẩn bị		
5.1. Khái niệm khu công nghiệp sinh thái 5.2. Phân loại khu công nghiệp sinh thái 5.3. Tiêu chuẩn của khu công nghiệp sinh thái 5.4. Kinh nghiệm chuyển đổi thành công của một số khu công nghiệp truyền thống sang khu công nghiệp sinh thái trên thế giới					
Chương 6. Quan điểm và giải pháp thực hiện kế hoạch hành động quốc gia thực hiện kinh tế tuần hoàn 6.1. Bối cảnh 6.2. Điểm mạnh, điểm yếu; cơ hội, thách thức trong thực hiện kinh tế tuần hoàn 6.3. Quan điểm, mục tiêu và chỉ tiêu của kế hoạch hành động quốc gia thực hiện kinh tế tuần hoàn 6.4. Nhiệm vụ, giải pháp và ngành, lĩnh vực, sản phẩm ưu tiên thực hiện kinh tế tuần hoàn 6.5. Cơ chế thí điểm phát triển kinh tế tuần hoàn 6.6. Các nguồn lực, tổ chức thực hiện và giám sát, đánh giá	5	- Giảng lý thuyết về các kỹ năng giao tiếp và đàm phán - Tình huống đàm phán	- Nghiên cứu kỹ năng giao tiếp và đàm phán, chuẩn bị tình huống đàm phán giả lập. - Chuẩn bị các tình huống lãnh đạo nhóm và kỹ năng thuyết trình trong cuộc họp. - Đọc tài liệu về giải quyết xung đột và chuẩn bị các tình huống giải quyết mâu thuẫn.	HĐ1 HĐ2	CLO1, CLO2, CLO3

7. Hướng dẫn sinh viên tự học

STT	Nội dung	Tự học (giờ)	Nhiệm vụ của sinh viên	Sản phẩm
1	Chủ đề 1: Cơ sở lý luận và kinh nghiệm quốc tế về xây dựng kế hoạch hành động quốc gia thực hiện kinh tế tuần hoàn	10	- Nghiên cứu tài liệu [1]	Báo cáo nhóm
2	Chủ đề 2: Thực trạng về kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam	15	- Nghiên cứu tài liệu [1]	Bài tập nhóm
3	Chủ đề 3: Lựa chọn ngành, lĩnh vực, sản phẩm ưu tiên thực hiện kế hoạch hành động kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam	20	- Nghiên cứu tài liệu [1]	Sơ đồ tư duy
4	Chủ đề 4: Kinh nghiệm quốc tế về xây dựng hệ thống đo lường phát triển kinh tế tuần hoàn	20	- Nghiên cứu tài liệu [1], [2]	Bài tập cá nhân
5	Chủ đề 5: Chuyển đổi mô hình kinh tế tuần hoàn trong công nghiệp thông qua khu công nghiệp sinh thái	15	- Nghiên cứu tài liệu [1]	Bài thu hoạch cá nhân
6	Chủ đề 6: Quan điểm và giải pháp thực hiện kế hoạch hành động quốc gia thực hiện kinh tế tuần hoàn	10	- Nghiên cứu tài liệu [1].	Bài thuyết trình

8. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả/năm/tên tài liệu/nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
			Tài liệu chính	Tham khảo
1	Lê Thu Hoa, Nguyễn Công Thành (2025), <i>Giáo trình kinh tế tuần hoàn</i> , NXB KTQD	TTHL Lê Vũ Hùng	x	
2	Triệu Thanh Quang và cộng sự (2023), <i>Mô hình kinh tế tuần hoàn trong phát triển nông nghiệp bền vững ở Việt Nam</i> , NXB KHXH	TTHL Lê Vũ Hùng		x

9. Quy định đối với học viên

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Học viên phải tham gia đủ từ 80% tiết dạy học phần.
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo quy định của lớp học phần.
- Tự tìm hiểu các vấn đề giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học lên lớp.
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số thành phần (%)	CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1:Đánh giá quá trình	Bài tập nhóm	Báo cáo nhóm	Rubric (R6)	100%	CLO1, CLO2	50%	
HĐ2. Đánh giá kết thúc học phần	Bài tập lớn	Bài tập lớn	Rubric (R5)	100%	CLO1, CLO2, CLO3	50%	

11. Thông tin về giảng viên dạy**Giảng viên:** TS. Phạm Thái Ngọc

- Số điện thoại: 0834696450; Email: ptngoc@dthu.edu.vn
- Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Trường Đại học Đồng Tháp
- Hướng giảng dạy, nghiên cứu chính: Kinh doanh và quản lý

Giảng viên: PGS. TS. Võ Thị Thanh Lộc

- Số điện thoại: 0979766745; Email: thanhloc2010@gmail.com
- Cơ quan công tác hoặc địa chỉ: Đại học Đồng Tháp
- Hướng giảng dạy, nghiên cứu chính: Kinh tế, Kinh doanh và quản lý; Phương pháp nghiên cứu kinh tế

*Đồng Tháp, ngày tháng năm 2026***TRƯỞNG KHOA****TRƯỞNG CHUYÊN NGÀNH****GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN****HIỆU TRƯỞNG DUYỆT**

23. HỌC PHẦN 23: THỰC TẬP NGHỀ NGHIỆP 1

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần (Tiếng Việt): Thực tập nghề nghiệp 1
- Tên học phần (Tiếng Anh): Work internship 1
- Mã học phần: EMM.820
- Số tín chỉ: 03; Tổng số tiết tín chỉ (LT/ThH/TH): 15/60/135
- Học phần điều kiện (*nếu có*): Không
- Loại học phần: Bắt buộc
- Trình độ: Thạc sĩ
- Thuộc khối kiến thức: Thực tập nghề nghiệp
- Bộ môn phụ trách dạy học: Khoa: Kinh tế - Luật

2. Tổng quan về học phần

Tổng hợp những kiến thức đã học trong suốt thời gian học tập tại trường; Ứng dụng những kiến thức đã học vào hoàn cảnh thực tế, trau dồi các kỹ năng tư duy, phân tích, đánh giá, thiết kế được các ý tưởng mô hình quản trị chuyên biệt mang lại hiệu quả cao vào tổ chức (Doanh nghiệp/cơ quan); Áp dụng thành thạo các phần mềm xử lý số liệu để phục vụ nghiên cứu chuyên ngành; Tạo ra được ý tưởng mới có tính đột phá trong vận hành tổ chức và thực hiện các nghiệp vụ thuộc lĩnh vực kinh tế và quản lý kinh tế.

3. Mục tiêu học phần

Đánh giá thực trạng các mô hình vận hành kinh doanh thông quan quan sát, học hỏi, trải nghiệm, từ đó, đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động vận hành, kinh doanh. Bên cạnh đó, học phần còn chú trọng kết hợp các kỹ năng thực tiễn của người học và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để đề xuất giải pháp khả thi phù hợp với thực tiễn nghiên cứu.

4. Chuẩn đầu ra (CDR)

CDR (CLOs)	Nội dung CDR học phần (CLOs)
CLO1:	Phân tích chính xác thực trạng và lựa chọn được giải pháp hiệu quả cho các hoạt động quản trị/quản lý chuyên sâu.
CLO2:	Phân tích được tính khả thi của các phương án đầu tư, thiết lập được ý tưởng mô hình quản trị chiến lược chuyên biệt hiệu quả cho tổ chức trong môi trường đa văn hóa, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.
CLO3	Vận dụng thành thạo kỹ năng quan sát, phân tích, kỹ năng tư duy và phản biện trong tổ chức nghiên cứu cải tiến cách thức hoạt động của tổ chức.

5. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và các chỉ số PI		
	PLO2	PLO3	PLO5
	PI2.2	PI3.2	PI5.2
CLO1	R		
CLO2		R	
CLO3		R	M,A
Học phần	R	R	M,A

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Học viên chuẩn bị		
Hướng dẫn triển khai	LT: 15				
Trải nghiệm thực tế tại các cơ sở, từ đó quan sát, học hỏi về mô hình vận hành/kinh doanh của các cơ sở tham quan. Học viên sau khi trải nghiệm sẽ thực hiện báo cáo gồm 03 chương, ngoài phần mở đầu, kết luận, nội dung các chương theo quy định đã được ban hành. (Yêu cầu học viên sử dụng AI để đề xuất các giải pháp quản trị hữu hiệu dựa trên kết quả đánh giá/phân tích thực trạng)	Th 60	-Trải nghiệm - Hướng dẫn viết báo cáo	-Chủ động nghiên cứu quy định, hướng dẫn cấu trúc chuyên đề - Tham gia trải nghiệm - Quan sát - Viết báo cáo	HD1	CLO1 CLO2 CLO3

7. Hướng dẫn học viên tự học

TT	Nội dung	Tự học (giờ)	Nhiệm vụ của học viên	Sản phẩm
1	Ngoài Phần mở đầu, kết luận thì nội dung báo cáo cần trình bày nội dung: Chương 1: Tổng quan về đơn vị thực tập.	135	Nghiên cứu tài liệu [1]	Báo cáo nhóm, Bài kiểm cuối chương,

TT	Nội dung	Tự học (giờ)	Nhiệm vụ của học viên	Sản phẩm
	Chương 2: Thực trạng công tác tổ chức quản lý tại đơn vị thực tập Chương 3: Bài học kinh nghiệm			

8. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả/năm/tên tài liệu/nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
			Tài liệu chính	Tham khảo
1	Huỳnh Thị Thúy Giang (chủ biên); Lưu Tiến Dũng (2021), <i>Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học: Viết luận văn và công bố khoa học (kinh tế quốc tế, kinh doanh quốc tế và quản lý)</i> , NXB Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
2	Đinh Phi Hồ (2014), <i>Phương pháp nghiên cứu kinh tế và viết luận văn thạc sĩ</i> , NXB Phương Đông	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
3	Trần Tiến Khai (2012), <i>Phương pháp nghiên cứu kinh tế kiến thức cơ bản</i> , NXB Lao động và Xã Hội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x	
4	Võ Thị Thanh Lộc và cộng sự (2016), <i>Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học và viết đề cương nghiên cứu (áp dụng trong lĩnh vực Kinh tế - Xã hội)</i> , tái bản lần hai, NXB ĐH Cần Thơ	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x	
5	Mark Saunders, Philip Lewis, Adrian Thornhill ; Nguyễn Văn Dung (dịch) (2010), <i>Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh=Research methods for business students</i> , NXB Tài chính	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x

9. Quy định đối với học viên

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Học viên phải tham gia đủ từ 80% tiết dạy học phần.
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo quy định của lớp học phần.
- Tự tìm hiểu các vấn đề giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học lên lớp.
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số thành phần (%)	CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1. Đánh giá kết thúc học phần	HĐ1.1 Tiểu luận	Tiểu luận	Rubric (R5)	100%	CLO3	100%	PI5.2

11. Thông tin về giảng viên dạy

Các giảng viên được phân công hướng dẫn đề tài.

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2026

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG CHUYÊN NGÀNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

HIỆU TRƯỞNG DUYỆT

24. HỌC PHẦN 24: THỰC TẬP NGHỀ NGHIỆP 2

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần (Tiếng Việt): **Thực tập nghề nghiệp 2**
- Tên học phần (Tiếng Anh): Work internship 2
- Mã học phần: EMM.821
- Số tín chỉ: 03 Tổng số tiết tín chỉ (LT/ThH/TH): 15/60/135
- Học phần điều kiện (*nếu có*): Không
- Loại học phần: Bắt buộc
- Trình độ: Thạc sĩ
- Thuộc khối kiến thức: Thực tập nghề nghiệp
- Bộ môn phụ trách dạy học: Khoa: Kinh tế - Luật

2. Tổng quan về học phần

Tổng hợp những kiến thức đã học trong suốt thời gian học tập tại trường; Ứng dụng những kiến thức đã học vào hoàn cảnh thực tế sản xuất kinh doanh/hoạt động đặc thù của tổ chức, trau dồi các kỹ năng tư duy, phân tích, đánh giá, thiết kế được các ý tưởng mô hình quản trị chuyên biệt mang lại hiệu quả cao vào tổ chức (doanh nghiệp/cơ quan); Áp dụng thành thạo các phần mềm xử lý số liệu để phục vụ nghiên cứu chuyên ngành; Tạo ra được ý tưởng mới có tính đột phá trong vận hành tổ chức và thực hiện các nghiệp vụ thuộc lĩnh vực kinh tế và quản lý kinh tế.

2. Mục tiêu học phần

Học phần hướng đến người học phác thảo được kế hoạch hoạt động/chiến lược kinh doanh hiệu quả với các hình thái hoạt động khác nhau của doanh nghiệp/cơ quan; tổ chức được kế hoạch chiến lược chuyển đổi mô hình tổ chức hoạt động của doanh nghiệp/cơ quan. Áp dụng thành thạo các phần mềm xử lý số liệu và trí tuệ nhân tạo (AI) để phục vụ nghiên cứu chuyên ngành trong quá trình xây dựng chiến lược. Xác định đúng về kỹ năng, kiến thức và năng lực của bản thân cho công việc.

4. Chuẩn đầu ra

CĐR (CLOs)	Nội dung CĐR học phần (CLOs)
CLO1:	Phân tích chính xác thực trạng và lựa chọn được giải pháp hiệu quả cho các hoạt động quản trị/quản lý chuyên sâu;
CLO2:	Phân tích được tính khả thi của các phương án đầu tư, phác thảo được kế hoạch hoạt động/chiến lược kinh doanh với các hình thái hoạt động khác nhau của tổ chức (Doanh nghiệp/cơ quan).
CLO3:	Áp dụng thành thạo các phần mềm xử lý số liệu thống kê kinh tế, trí tuệ nhân tạo (AI) để phục vụ công việc nghiên cứu chuyên ngành

CDR (CLOs)	Nội dung CDR học phần (CLOs)
CLO4:	Xác định đúng về kiến thức, kỹ năng, năng lực của bản thân cho công việc;
CLO5	Sáng tạo được kế hoạch tổ chức và linh hoạt thích ứng với áp lực, thử thách của công việc; Đánh giá được hiệu quả, hiệu suất quá trình triển khai chiến lược của bản thân và nhóm.

5. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và các chỉ số PI				
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5
	PI1.2	PI2.2	PI3.1	PI4.2	PI5.2
CLO1	R				
CLO2		M			
CLO3			M		
CLO4				M,A	
CLO5					R
Học phần	R	M	M	M,A	R

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Học viên chuẩn bị		
Phần lý thuyết Học viên được hướng dẫn trực tiếp tại lớp - Quy trình triển khai học phần Thực tập nghề nghiệp 2; - Quy định triển khai học phần Thực tập nghề nghiệp 2; - Nội dung thực hiện học phần thực tập nghề nghiệp 2; - Hướng dẫn trình bày, nội dung viết báo cáo học phần Thực tập nghề nghiệp 2; - Trình bày thang điểm đánh giá báo cáo học phần Thực tập nghề nghiệp 2.	15	- Giảng viên hướng dẫn, giải thích để học viên nắm quy trình, nội dung, đánh giá và hình thức trình bày - Giải đáp thắc mắc của học viên	- Chủ động nghiên cứu, ghi chép, theo dõi và đặt câu hỏi	HĐ1	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
Phần thực hành	60	- Giảng viên hướng	- Chủ động	HĐ1	CLO1, CLO2,

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Học viên chuẩn bị		
Ngoài Phần mở đầu, kết luận thì nội dung báo cáo cần trình bày nội dung: Chương 1: Tổng quan về doanh nghiệp/ đơn vị thực tập/công tác Chương 2: Phân tích và đề xuất/chuyển đổi mô hình kinh doanh/vận hành/quản lý - Phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh/vận hành của doanh nghiệp/đơn vị (Sử dụng công cụ phân tích các vấn đề liên quan đến kinh doanh quản lý); - Xây dựng hoặc chuyển đổi mô hình kinh doanh/vận hành/quản lý mới dựa trên nguồn lực và lĩnh vực thực tế của doanh nghiệp/ đơn vị (Yêu cầu học viên phải sử dụng ít nhất 01 mô hình kinh doanh/vận hành/quản lý) Chương 3: Đề xuất giải pháp, khuyến nghị (Học viên sử dụng trí tuệ nhân tạo trong việc đề xuất giải pháp khả thi dựa trên thực trạng đã phân tích, đánh giá)		dẫn thảo luận với học viên - Học viên tham gia đi thực tế và viết báo cáo.	nghiên cứu quy định, hướng dẫn cấu trúc chuyên đề - Chủ động lên kế hoạch đi thực tế doanh nghiệp và triển khai đúng quy trình, quy định		CLO3 CLO4 CLO5

7. Hướng dẫn học viên tự học

STT	Nội dung	Tự học (giờ)	Nhiệm vụ của học viên	Sản phẩm
1	Chủ đề 1: Nghiên cứu quy định	35	Nghiên cứu tài liệu [1]	Câu trả lời cá nhân
2	Chủ đề 2: Hoàn thành báo cáo	100	Nghiên cứu tài liệu [1]	Câu trả lời cá nhân
Tổng		135		

8. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả/năm/tên tài liệu/ nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
			Tài liệu chính	Tham khảo
1	Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), <i>Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS tập 1 và 2</i> , NXB Hồng Đức.	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x	
2	Huỳnh Thị Thúy Giang (chủ biên); Lưu Tiến Dũng (2021), <i>Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học: Viết luận văn và công bố khoa học (kinh tế quốc tế, kinh doanh quốc tế và quản lý)</i> , NXB ĐHQG TP. Hồ Chí Minh	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
3	Đinh Phi Hồ (2014), <i>Phương pháp nghiên cứu kinh tế và viết luận văn thạc sĩ</i> , NXB Phương Đông	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
4	Trần Tiến Khai (2012), <i>Phương pháp nghiên cứu kinh tế kiến thức cơ bản</i> , NXB Lao động và Xã Hội	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x	
5	Võ Thị Thanh Lộc và cộng sự (2016), <i>Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học và viết đề cương nghiên cứu (áp dụng trong lĩnh vực Kinh tế - Xã hội)</i> , tái bản lần hai, NXB ĐH Cần Thơ	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x	
6	Mark Saunders, Philip Lewis, Adrian Thornhill ; Nguyễn Văn Dung (dịch) (2010), <i>Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh=Research methods for business students</i> , NXB Tài chính	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x

9. Quy định đối với học viên

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Học viên phải tham gia đủ từ 80% tiết dạy học phần.
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo quy định của lớp học phần.
- Tự tìm hiểu các vấn đề giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học lên lớp.
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số thành phần (%)	CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1. Đánh giá kết thúc học phần	HĐ1.1 Tiểu luận	VĐ: báo cáo	Rubric (R5)	100%	CLO3	100%	PI4.2

11. Thông tin về giảng viên dạy

Các giảng viên được phân công hướng dẫn đề tài.

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2026

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG CHUYÊN NGÀNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

HIỆU TRƯỞNG DUYỆT

25. HỌC PHẦN 25: ĐỀ ÁN THẠC SĨ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần (Tiếng Việt): Đề án thạc sĩ
- Tên học phần (Tiếng Anh): Master's Thesis
- Mã học phần: EMM.822
- Số tín chỉ: 09; Tổng số tiết tín chỉ (LT/ThH/TH): 0/270/180
- Học phần điều kiện (*nếu có*): Không
- Loại học phần: Bắt buộc
- Trình độ: Thạc sĩ
- Thuộc khối kiến thức: Khóa luận tốt nghiệp/Đề án tốt nghiệp/Học phần thay thế
- Bộ môn phụ trách dạy học: Khoa: Kinh tế - Luật

2. Tổng quan về học phần

Đề án thạc sĩ là một công trình khoa học quan trọng của học viên, nhằm đánh giá khả năng vận dụng tổng hợp những kiến thức chuyên môn đã tiếp thu từ các học phần thuộc Chương trình đào tạo để giải quyết những yêu cầu về ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn các hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý kinh tế đặt ra. Kết hợp với sự hiểu biết về phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh, người học được yêu cầu tự chọn cho cá nhân một vấn đề nghiên cứu phù hợp, xây dựng và thực hiện quy trình nghiên cứu, trình bày kết quả nghiên cứu dưới dạng một báo cáo khoa học, thực hiện chia sẻ kết quả nghiên cứu tại các buổi sinh hoạt học thuật và bảo vệ trước hội đồng đánh giá.

3. Mục tiêu học phần

Đề án thạc sĩ là kết quả của toàn bộ nỗ lực trong suốt thời gian học tập; là sự tập dượt công tác nghiên cứu khoa học thông qua việc thực hiện một đề tài. Mục tiêu chung của Luận văn tốt nghiệp là trình bày kết quả nghiên cứu (định tính, định lượng) từ công trình nghiên cứu của người học. Đồng thời giúp người học vận dụng được các kỹ năng tư duy và phản biện, kỹ năng trình bày và kỹ năng viết một bài báo (báo cáo) một nghiên cứu. Từ đó giúp người học có đam mê trong nghiên cứu khoa học và học thuật, xây dựng tính trung thực và đạo đức trong nghiên cứu khoa học.

4. Chuẩn đầu ra:

CDR (CLOs)	Nội dung CDR học phần (CLOs)
CLO1:	Ứng dụng có hiệu quả các kiến thức chuyên ngành đã học giải quyết các vấn đề nghiên cứu cụ thể trong đề tài đã được xác định theo đúng phương pháp luận.
CLO2:	Vận dụng được đa dạng các kỹ năng (đọc, viết, phân tích, đánh giá, tổng hợp) để thực hiện có hiệu quả một nghiên cứu khoa học.

CDR (CLOs)	Nội dung CDR học phần (CLOs)
CLO3:	Có khả năng thuyết trình hiệu quả. Có khả năng bảo vệ được đề cương và kết quả nghiên cứu trước các nhà khoa học.
CLO4:	Nghiêm túc, học hỏi đam mê nghiên cứu khoa học và học thuật
CLO5	Trung thực và có đạo đức nghiên cứu khoa học

5. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các chuẩn đầu ra học phần (CLO) vào việc đạt được các chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và các chỉ số PI (Performance Indicator)

CLO	PLO và các chỉ số PI				
	PLO1	PLO3		PLO4	PLO5
	PI1.1	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI5.1
CLO1	M				
CLO2		M,A			
CLO3			R		
CLO4				R	
CLO5					M,A
Học phần	M	M,A	R	R	M,A

6. Nội dung học phần và kế hoạch dạy học

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Học viên chuẩn bị		
Hội đồng tư vấn đề cương đề án thạc sĩ - Triển khai theo quy định tổ chức Hội đồng tư vấn đề cương được Trường ban hành		-Giáo viên hướng dẫn thảo luận với học viên - Học viên Làm việc độc lập và viết báo cáo	-Chủ động nghiên cứu quy định, hướng dẫn -Chủ động chọn chủ đề và tiến hành nghiên cứu	HD1	CLO1, CLO2, CLO3 CLO4 CLO5
Hội đồng seminar đề án thạc sĩ - Triển khai theo quy định tổ chức Hội đồng seminar được Trường ban hành	0	- Giảng viên hướng dẫn thảo luận với học viên - Học viên thực hiện nghiên cứu	- Chủ động nghiên cứu - Thực hiện báo cáo theo tiến độ, quy trình	HD1	CLO1, CLO2, CLO3 CLO4 CLO5

Chương/chủ đề	Số tiết	Hoạt động dạy và học		Hình thức đánh giá	CDR học phần có liên quan
		Phương pháp dạy học	Học viên chuẩn bị		
Hội đồng bảo vệ đề án thạc sĩ - Triển khai theo quy định tổ chức Hội đồng bảo vệ đề án được Trường ban hành	0	-Giáo viên hướng dẫn thảo luận với học viên - Học viên trình bày và bảo vệ kết quả nghiên cứu	-HV chuẩn bị bài báo cáo trước Hội đồng. -HV lắng nghe các ý kiến góp ý, trả lời câu hỏi và hoàn thiện đề án thạc sĩ	HD1	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5

7. Hướng dẫn học viên tự học

STT	Nội dung	Tự học (giờ)	Nhiệm vụ của học viên	Sản phẩm
1	Chủ đề 1: Xác định vấn đề nghiên cứu	30	Nghiên cứu tài liệu [1]	Đề cương
2	Chủ đề 2: Xây dựng đề cương nghiên cứu	30	Nghiên cứu tài liệu [1]	Nội dung luận văn
3	Chủ đề 3: Thu thập dữ liệu	30	Nghiên cứu tài liệu [1]	Nội dung luận văn
4	Chủ đề 4: Viết báo cáo nghiên cứu khoa học	60	Nghiên cứu tài liệu [1]	Nội dung luận văn
5	Chủ đề 5: Trình bày kết quả nghiên cứu khoa học	30	Nghiên cứu tài liệu [1]	Nội dung luận văn

8. Tài liệu học tập

STT	Tên tác giả/năm/tên tài liệu/nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
			Tài liệu chính	Tham khảo
1	Huỳnh Thị Thúy Giang (chủ biên); Lưu Tiến Dũng (2021), <i>Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học: Viết luận văn và công bố khoa học (kinh tế quốc tế, kinh doanh quốc tế và quản lý)</i> , NXB Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x
2	Đinh Phi Hồ (2014), <i>Phương pháp nghiên cứu kinh tế và viết luận văn thạc sĩ</i> , NXB Phương Đông	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng		x

STT	Tên tác giả/năm/tên tài liệu/nhà xuất bản	Địa chỉ khai thác tài liệu	Mục đích sử dụng	
			Tài liệu chính	Tham khảo
3	Võ Thị Thanh Lộc và cộng sự (2016), <i>Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học và viết đề cương nghiên cứu (áp dụng trong lĩnh vực Kinh tế - Xã hội)</i> , tái bản lần hai, NXB ĐH Cần Thơ	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x	
4	Lê Quang Cảnh (2025), <i>Giáo trình Phương pháp nghiên cứu kinh tế - xã hội</i> , NXB KTQD	Trung tâm học liệu Lê Vũ Hùng	x	
5	Trường ĐH Đồng Tháp (2022), <i>Quy định trình bày luận văn tốt nghiệp thạc sỹ, luận án tiến sỹ</i>	https://dtsdh.dthu.edu.vn/New.aspx?id=1715	x	

9. Quy định đối với học viên

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Học viên phải tham gia đủ từ 80% tiết dạy học phần.
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo quy định của lớp học phần.
- Tự tìm hiểu các vấn đề giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học lên lớp.
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

10. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Thành phần đánh giá	Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số thành phần (%)	CLO trong thành phần đánh giá (%)	Trọng số đánh giá (%)	Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO/PI
HĐ1. Điểm bảo vệ đề án	HĐ1.1 Đề án	VĐ: đề án	Thang điểm chấm đề án	100%	CLO3	100%	PI3.1

11. Thông tin về giảng viên dạy

Các giảng viên được phân công hướng dẫn đề tài.

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2026

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG CHUYÊN NGÀNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

HIỆU TRƯỞNG DUYỆT

Phụ lục 1. CÁC RUBRIC (R) ĐÁNH GIÁ

Các phương pháp đánh giá khác nhau được xây dựng dưới dạng các Rubric (R) đánh giá dựa vào thang đánh giá Bloom và PLO (từ Bảng 01 đến Bảng 15). Tùy theo đặc điểm cụ thể của mỗi chương trình đào tạo, có thể điều chỉnh lại cho phù hợp.

Bảng 1. Thang đánh giá năng lực thực hành/thí nghiệm (R1)

Năng lực	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt được			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
1. Năng lực thực hiện các kỹ thuật PTN	1.1. Thực hiện nội quy, quy định của PTN	Phân tích được nội quy và quy định nhưng chưa thực hiện đúng nội quy, quy định của PTN	Thực hiện được một số nội quy, quy định của PTN khi có sự nhắc nhở của GV	Thực hiện đầy đủ các nội quy, quy định của PTN khi có sự nhắc nhở của GV	Tự giác thực hiện đầy đủ các nội quy, quy định của PTN
	1.2. Sử dụng các thiết bị, dụng cụ thí nghiệm	Lựa chọn các thiết bị, dụng cụ không phù hợp với thí nghiệm	Lựa chọn đúng các dụng cụ, thiết bị nhưng lắp ráp chưa hoàn chỉnh hệ thống hoặc còn sai một số các bộ phận thiết bị, dụng cụ; các thao tác sử dụng lỏng ngóng hoặc sai các thao tác các thiết bị, dụng cụ	Lựa chọn và lắp ráp đúng các thiết bị thí nghiệm nhưng một số thao tác còn lúng túng	Độc lập thực hiện chính xác, linh hoạt các thao tác lựa chọn và lắp ráp, sử dụng các thiết bị, dụng cụ thí nghiệm. Linh hoạt, sáng tạo trong các thí nghiệm mới
2. Năng lực thực hiện các bước theo quy trình thí nghiệm	2.1. Thực hiện theo các bước của quy trình thí nghiệm	Thực hiện chưa đúng các bước của quy trình thí nghiệm, làm ảnh hưởng đến kết quả thí nghiệm	Thực hiện đúng quy trình thí nghiệm nhưng còn lúng túng	Thực hiện được các bước của quy trình thí nghiệm, đôi lúc cần sự hướng dẫn của giảng viên	Độc lập thực hiện đúng, nhanh chóng, chính xác các bước của quy trình thí nghiệm
	2.2. Thực hiện các thao tác thí nghiệm	Thực hiện còn chưa chính xác các thao tác trong từng bước thí nghiệm	Thực hiện được các thao tác trong từng bước thí nghiệm nhưng ở một số thao tác phức tạp còn lúng túng	Thực hiện được chính xác, thành thạo các thao tác trong từng bước thí nghiệm	Độc lập thực hiện đúng, nhanh chóng, chính xác các thao tác trong từng bước thí nghiệm
3. Năng lực thu thập dữ liệu	3.1. Xác định các biến số, chỉ số cần quan	Chưa xác định được các biến số, chỉ số cần quan sát, đo đạc	Xác định được các biến số, chỉ số cần quan sát, đo đạc nhưng chưa đủ hoặc còn	Xác định được đầy đủ các biến số, chỉ số cần quan sát, đo đạc	Độc lập xác định được đầy đủ, chính xác các biến số, chỉ số cần quan sát, đo đạc

Năng lực	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt được			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
	sát, đo đạc		nhầm lẫn một số biến số		
	3.2. Quan sát thu thập dữ liệu thí nghiệm	Chưa biết cách quan sát thu thập các dữ liệu thí nghiệm bằng các giác quan cũng như bằng các thiết bị hỗ trợ	Đã biết cách quan sát hiện tượng thí nghiệm, sử dụng các thiết bị quan sát chưa thành thạo và kết quả quan sát chưa chính xác hoặc còn chưa đầy đủ	Quan sát trực tiếp bằng các giác quan hay sử dụng các thiết bị quan sát các hiện tượng thí nghiệm một cách chi tiết nên thu được kết quả đầy đủ, chính xác	Chủ động lựa chọn phương pháp, thiết bị quan sát các hiện tượng thí nghiệm một cách chi tiết và thu được kết quả đầy đủ, chính xác
	3.3. Sử dụng các dụng cụ, thiết bị thu thập số liệu định lượng	Chưa biết cách sử dụng các dụng cụ, thiết bị thu thập số liệu nên chưa thu được số liệu thí nghiệm	Sử dụng còn chưa thành thạo một số dụng cụ đo đạc đơn giản nên số liệu thu được từ thí nghiệm còn sơ sài, chưa đầy đủ	Sử dụng thành thạo các dụng cụ đo đạc để thu thập số liệu từ thí nghiệm một cách chính xác	Chủ động lựa chọn và sử dụng thành thạo các dụng cụ đo đạc để thu thập số liệu một cách chính xác
4. Năng lực xử lý số liệu	4.1. Lựa chọn các phương pháp, công cụ để xử lý số liệu thu được	Chưa lựa chọn được hoặc lựa chọn không đúng các phương pháp, công cụ để xử lý số liệu	Lựa chọn chưa đầy đủ các phương pháp, công cụ để xử lý số liệu	Lựa chọn đúng, đầy đủ các phương pháp, công cụ để xử lý số liệu thu được	Chủ động lựa chọn các phương pháp, công cụ để tối ưu hóa việc xử lý số liệu thu được
	4.2. Hiệu quả xử lý số liệu thu được	Chưa biết cách xử lý số liệu	Sử dụng các phương pháp, công cụ để xử lý số liệu còn lúng túng và sai sót	Sử dụng thành thạo các phương pháp, công cụ để xử lý số liệu thu được thu được kết quả chính xác	Độc lập sử dụng thành thạo các phương pháp, công cụ để xử lý số liệu thu được thu được kết quả chính xác
5. Năng lực phân tích kết quả thí nghiệm sau khi	5.1. Giải thích mối quan hệ giữa các biến thí nghiệm đưa ra kết luận	Chưa hình thành được mối quan hệ giữa các biến thí nghiệm nên chưa đưa ra được kết luận	Hình thành được nhưng chưa giải thích được mối quan hệ giữa các biến thí nghiệm và đưa ra chưa đầy đủ các kết luận thí nghiệm	Hình thành và giải thích chưa đầy đủ mối quan hệ giữa các biến thí nghiệm, đưa ra kết luận tổng thể từ thí nghiệm	Hình thành và giải thích đầy đủ và khoa học mối quan hệ giữa các biến thí nghiệm, từ đó đưa ra kết luận chi tiết từ thí nghiệm

Năng lực	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt được			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
xử lý số liệu	từ thí nghiệm				
	5.2. Giải thích các tình huống xảy ra trong quá trình làm thí nghiệm	Chưa giải thích được các tình huống xảy ra trong quá trình làm thí nghiệm	Đưa ra được một số ý giải thích các tình huống xảy ra trong quá trình làm thí nghiệm, tuy nhiên, chưa chắc chắn về ý kiến của mình	Giải thích được nguyên nhân các tình huống xảy ra trong quá trình làm thí nghiệm	Giải thích đầy đủ, có khoa học về nguyên nhân các tình huống xảy ra trong quá trình làm thí nghiệm
	5.3. Đánh giá, cải tiến thí nghiệm	Chưa rút ra kinh nghiệm từ thí nghiệm và chưa đề xuất được phương án cải tiến thí nghiệm	Rút ra kinh nghiệm từ thí nghiệm nhưng cần sự gợi ý của GV, chưa đề xuất được phương án cải tiến thí nghiệm	Rút ra kinh nghiệm từ thí nghiệm và đề xuất được phương án cải tiến thí nghiệm	Đánh giá được mức độ thành công của thí nghiệm, rút ra kinh nghiệm và đề xuất phương án tối ưu hóa thí nghiệm

Bảng 2. Thang đánh giá năng lực giải quyết vấn đề (R2)

Năng lực	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt được			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
1. Năng lực phát hiện vấn đề (VĐ)	1.1. Phân tích, làm rõ nội dung của VĐ	Chưa phân tích được nội dung hoặc có phân tích nội dung nhưng không liên quan đến VĐ	Có phân tích nhưng chưa đầy đủ, chưa làm rõ nội dung kiến thức của VĐ	Có phân tích nhưng chưa làm rõ hoàn toàn nội dung kiến thức của VĐ	Phân tích, làm rõ nội dung của VĐ
	1.2. Nhận ra mâu thuẫn giữa VĐ với kiến thức đã học	Không phát hiện thấy mâu thuẫn	Phát hiện thấy mâu thuẫn nhưng chưa chỉ ra đúng nội dung trọng tâm của mâu thuẫn	Xác định được mâu thuẫn và chỉ ra đúng nội dung trọng tâm của mâu thuẫn	Xác định đúng mâu thuẫn, tìm ra những kiến thức đã học liên quan đến mâu thuẫn
	1.3. Phát biểu VĐ thành một câu hỏi	Không phát biểu được câu hỏi hoặc câu hỏi không phản ánh đúng nội dung của VĐ	Phát biểu được câu hỏi nhưng còn dài dòng, chưa phản ánh đầy đủ nội dung của VĐ	Phát biểu được câu hỏi nhưng còn dài dòng	Phát biểu thành 1 câu hỏi ngắn gọn nêu bật nội dung của VĐ
2. Năng lực thiết lập không	2.1. Thu thập, lựa chọn, sắp xếp những nội dung	Đưa ra (nói, viết, trình bày) những thông tin kiến thức nhưng hầu như	Xác định được một số thông tin, kiến thức nền tảng liên quan đến VĐ	Xác định được thông tin, kiến thức nền tảng liên quan đến	Giải thích và lý giải thỏa đáng (về hình, mô tả) thông tin, kiến thức cần

Năng lực	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt được			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
gian VD và hình thành giả thuyết	kiến thức liên quan đến VD	không liên quan đến VD cần giải quyết	cần giải quyết nhưng chưa đầy đủ	VD cần giải quyết	thiết cho mục tiêu giải quyết VD
	2.2. Thiết lập mối quan hệ giữa VD với các nội dung kiến thức đã học	Thiết lập không đúng, làm phức tạp thêm nội dung của VD	Thiết lập được một số mối quan hệ nhưng chưa đầy đủ	Thiết lập được mối quan hệ giữa nội dung của VD với kiến thức đã biết nhưng chưa đầy đủ	Thiết lập đầy đủ mối quan hệ giữa nội dung của VD với kiến thức đã biết, làm cơ sở để giải thích VD
	2.3. Đưa ra giả thuyết giải thích VD	Đưa ra được một vài giả thuyết nhưng không phù hợp với nội dung của VD	Đưa ra được một số giả thuyết, trong đó có 50% giả thuyết phù hợp, có 50% giả thuyết chưa phù hợp	Đưa ra được một số giả thuyết, trong đó có 75% giả thuyết phù hợp, có 25% giả thuyết chưa phù hợp	Đưa ra đầy đủ các giả thuyết. Tất cả các giả thuyết đưa ra đều phù hợp với nội dung của VD
3. Năng lực lập kế hoạch và tiến hành giải quyết vấn đề	3.1. Đề ra các biện pháp để kiểm chứng giả thuyết	Chưa đưa ra được PP hoặc đưa được một số PP để kiểm chứng giả thuyết nhưng PP đó không phù hợp	Đưa ra được một số PP kiểm chứng giả thuyết nhưng chưa đầy đủ hoặc chưa hoàn toàn phù hợp	Đưa ra được một số PP kiểm chứng giả thuyết nhưng chưa đầy đủ	Đề ra đầy đủ các PP và chỉ ra được tính ưu điểm của mỗi biện pháp đó
	3.2. Tiến hành kiểm chứng giả thuyết	Chưa triển khai kiểm chứng giả thuyết hoặc đã triển khai nhưng không phù hợp	Đã tiến hành kiểm chứng giả thuyết và đã tìm ra giả thuyết đúng nhưng còn phụ thuộc nhiều vào sự gợi ý của GV hoặc bạn bè	Đã tiến hành kiểm chứng giả thuyết và đã tìm ra giả thuyết đúng nhưng còn phụ thuộc vào sự gợi ý của GV hoặc bạn bè	Chủ động, độc lập tiến hành kiểm chứng giả thuyết và đã tìm ra giả thuyết đúng
	3.3. Rút ra kết luận về vấn đề và hình thành kiến thức mới	Chưa đưa ra được kết luận về vấn đề mà tình huống đề cập	Đưa ra các kết luận nhưng chưa đầy đủ hoặc đưa ra đầy đủ nhưng cần sự hướng dẫn của GV, của bạn	Đưa ra các kết luận về vấn đề, hình thành kiến thức mới	Đưa ra các kết luận đầy đủ, chi tiết của vấn đề và phát biểu kiến thức mới học được thông qua vấn đề
4. Năng lực	4.1. Tổng hợp, khái	Sau khi GQVD, chưa	Khái quát hóa được tri thức	Khái quát hóa được tri thức	Độc lập rút ra tri thức mới và

Năng lực	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt được			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
đánh giá giải pháp QQVĐ, rút ra kết luận	quát hóa, hình thành tri thức mới	khái quát hóa được tri thức	nhưng chưa đầy đủ, chưa chính xác	nhưng chưa đầy đủ	khái quát hóa tri thức (bằng sơ đồ, quy trình...)
	4.2. Xác nhận những kinh nghiệm thu nhận được	Chưa rút ra được kinh nghiệm khi hoàn thành GQVĐ	Rút ra được một vài kinh nghiệm nhưng chưa rõ nét	Rút ra được kinh nghiệm sau khi hoàn thành việc GQVĐ, vận dụng để giải quyết các VD tổng thể	Rút ra được kinh nghiệm sau khi hoàn thành việc GQVĐ, có thể vận dụng để giải quyết các VD mới nảy sinh

Bảng 3. Thang đánh giá năng lực hợp tác (R3)

Năng lực	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt được			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
1. Xác định được mục đích và lựa chọn được các phương thức hợp tác	1.1. Xác định mục đích hợp tác	Không tham gia đề xuất mục đích hợp tác để giải quyết một vấn đề	Tham gia đề xuất mục đích hợp tác để giải quyết một vấn đề, nhưng chưa mạnh dạn bảo vệ ý kiến	Tham gia đề xuất mục đích hợp tác để giải quyết một vấn đề	Chủ động x đề xuất mục đích hợp tác để giải quyết vấn đề và tích cực thảo luận trong nhóm
	1.2. Phương thức hợp tác	Không xác định được phương thức hợp tác	Có tham gia góp ý, lựa chọn hình thức làm việc nhóm	Tham gia tích cực vào việc lựa chọn hình thức làm việc nhóm với quy mô phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ	Chủ động đề xuất hình thức hợp tác phù hợp với hoàn cảnh, yêu cầu và nhiệm vụ đặt ra
2. Xác định được trách nhiệm và các hoạt động mà bản thân có thể đảm nhiệm	2.1. Xác định trách nhiệm	Chưa xác định được các công việc mà nhóm phải làm	Dự kiến được một số công việc nhóm sẽ phải làm theo trình tự. Nhưng chưa xác định được thời gian và cách thức tiến hành các công việc	Tham gia đề xuất và góp ý một số công việc nhóm sẽ phải làm theo trình tự. Nhưng chưa xác định được thời gian và cách thức tiến hành các công việc	Chủ động đề xuất các công việc mà nhóm phải làm và xác định rõ thời gian, cách thức tiến hành các công việc
	2.2. Xác định khả năng đóng góp của bản thân,	Không xác định được khả năng đóng góp của bản thân,	Xác định được khả năng đóng góp của bản thân nhưng	phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành	Chủ động xác định trách nhiệm và vai trò của mình

Năng lực	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt được			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
	góp của bản thân	giao việc gì làm việc đấy	chưa mạnh dạn đề xuất được công việc của mình trong quá trình hợp tác	nhiệm vụ đáp ứng được mục đích chung, đánh giá khả năng của mình có thể đóng góp thúc đẩy hoạt động của nhóm	trong hoạt động chung của nhóm
3. Xác định được nhu cầu và khả năng của những người cùng hợp tác	3.1. Khả năng và nhu cầu của các thành viên	Không phân tích được khả năng của từng thành viên để tham gia đề xuất phương án phân công công việc	Phân tích được khả năng của một số thành viên để tham gia đề xuất phương án phân công công việc. Nhưng chưa tích cực trong quá trình thảo luận	Phân tích được khả năng của một số thành viên và tích cực tham gia đề xuất phương án phân công công việc. Nhưng chưa hoàn toàn quan tâm đến nhu cầu làm việc của các thành viên	Phân tích được khả năng của các thành viên và tích cực tham gia đề xuất phương án phân công công việc. Quan tâm đến nhu cầu làm việc của các thành viên
	3.2. Phân công nhiệm vụ phù hợp	Thụ động, không dự kiến được phương án phân công nhiệm vụ hợp lý; chưa quan tâm đến việc tổ chức hoạt động hợp tác của nhóm	Tham gia góp ý phương án phân công nhiệm vụ hợp lý; chưa tham gia tổ chức tốt hoạt động hợp tác của nhóm	Tham gia góp ý phương án phân công nhiệm vụ hợp lý; có tham gia hoạt động hợp tác của nhóm.	Dự kiến được phương án phân công nhiệm vụ hợp lý; tổ chức tốt hoạt động hợp tác của nhóm
4. Tổ chức và thuyết phục người khác cùng hoàn thành công việc	4.1. Thực hiện nhiệm vụ của bản thân	Không/chưa hoàn thành nhiệm vụ. Chưa biết cách theo dõi tiến độ hoàn thành công việc của bản thân	Hoàn thành nhiệm vụ của mình. Chưa biết cách theo dõi tiến độ hoàn thành công việc của bản thân	Hoàn thành tốt nhiệm vụ. Biết cách theo dõi tiến độ hoàn thành công việc của bản thân	Chủ động hoàn thành tốt nhiệm vụ. Theo dõi tiến độ hoàn thành công việc của bản thân và có thể điều hoà hoạt động phối hợp của nhóm
	4.2. Khích lệ thành viên	Chưa biết lắng nghe ý kiến người khác, bảo thủ và dễ nổi nóng khi	Biết lắng nghe ý kiến người khác, bảo thủ và dễ nổi nóng khi thể hiện ý	Biết lắng nghe ý kiến người khác, nhưng chưa khéo léo khi thể hiện ý	Khiêm tốn tiếp thu sự góp ý và nhiệt tình chia sẻ, hỗ trợ, động viên các

Năng lực	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt được			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
		thể hiện ý kiến không đồng tình của bản thân	kiến không đồng tình của bản thân. Chưa biết cách khích lệ thành viên khác	kiến không đồng tình của bản thân	thành viên khác
5. Rút kinh nghiệm, đánh giá kết quả hoạt động	5.1. Báo cáo kết quả thực hiện	Tổng hợp thiếu nhiều ý kiến, không hoàn toàn đảm bảo mục đích hoạt động hợp tác. Trình bày kết quả hoạt động hợp tác không khoa học	Lựa chọn, tổng hợp tương đối đầy đủ ý kiến của các thành viên đáp ứng mục đích đặt ra. Chọn ngôn ngữ, cách trình bày tương đối khoa học, hợp lý	Lựa chọn, tổng hợp đầy đủ ý kiến của các thành viên đáp ứng mục đích đặt ra. Chọn ngôn ngữ, cách trình bày khoa học, hợp lý	Tổng hợp đầy đủ các ý kiến của các thành viên và chất lọc những ý kiến phù hợp nhất, đáp ứng mục đích đặt ra. Ngôn ngữ, cách trình bày khoa học, hợp lý, ngắn gọn, súc tích
	5.2. Kỹ năng đánh giá lẫn nhau	Không đánh giá được người khác, nhóm khác	Đánh giá còn thiếu chính xác và còn dựa trên cảm tính cá nhân	Đánh giá chính xác nhưng đôi khi còn dựa trên cảm tính cá nhân.	Đánh giá chính xác, công bằng, công khai, khách quan của người khác, nhóm khác
	5.3. Rút kinh nghiệm hoạt động hợp tác	Không rút ra được kinh nghiệm gì cho bản thân, không tham gia góp ý cho người khác	Rút kinh nghiệm cho bản thân và có góp ý cho người khác nhưng chưa tích cực	Rút ra được kinh nghiệm hữu ích cho bản thân và góp ý tích cực cho từng người trong nhóm.	Rút ra được bài học kinh Phân tích được điểm mạnh, điểm yếu của bản thân và các thành viên trong nhóm để phát triển trong những bài sau

Bảng 4. Thang đánh giá năng lực học tập suốt đời (R4)

Năng lực	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt được			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
Năng lực học tập suốt đời	1. Sự chủ động trong học tập	Chưa quan tâm đến môn học, cần GV thường xuyên nhắc nhở trong quá trình học tập	Có quan tâm đến môn học nhưng vẫn cần GV nhắc nhở trong quá trình học tập	Có hứng thú với môn học, tự giác hoàn thành những nhiệm vụ học tập do GV đề ra	Thể hiện sự đam mê với môn học. Chủ động tìm hiểu, khám phá thêm những

Năng lực	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt được			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
					kiến thức, thông tin liên quan đến môn học
	2. Sự độc lập trong phát triển bản thân	Chưa quan tâm đến việc mở rộng kiến thức ngoài lớp học	Có sự quan tâm đến việc mở rộng kiến thức ngoài lớp học. Tham gia vào những khóa học ngoài khung chương trình đào tạo, tuy nhiên chưa có sự chủ động	Có sự quan tâm đến các cơ hội học tập mở rộng. Sẵn sàng tham gia vào những chương trình đào tạo ngoài khung chương trình của ngành học khi có cơ hội	Hình thành động lực phát triển năng lực bản thân rõ ràng. Chủ động tìm kiếm cơ hội tham gia vào những chương trình đào tạo ngoài khung chương trình của ngành học
	3. Khả năng ứng dụng kiến thức vào giải quyết vấn đề	Chưa xác định được nội dung kiến thức và kỹ năng đã học liên quan đến vấn đề và không áp dụng được vào việc giải quyết vấn đề	Xác định được nội dung kiến thức và kỹ năng đã học liên quan đến vấn đề nhưng chưa vận dụng được để giải quyết vấn đề	Xác định được nội dung kiến thức và kỹ năng đã học liên quan đến vấn đề. Có thể áp dụng những kiến thức và kỹ năng này để giải quyết các vấn đề mới	Xác định nhanh nội dung kiến thức và kỹ năng đã học liên quan đến vấn đề. Áp dụng những kiến thức và kỹ năng này để giải quyết vấn đề theo cách thức/phương pháp mới lạ và sáng tạo
	4. Học tập thường xuyên	Không nhận thấy vai trò của học tập thường xuyên (chính thức và không chính thức); chưa xác định được cách học	Nhận thấy sự vai trò của học tập thường xuyên nhưng chưa xác định các hình thức học tập thường xuyên phù hợp	Nhìn nhận được sự cần thiết phải học tập thường xuyên, xác định được các hình thức học tập nhưng vẫn bỏ sót một số yếu tố ảnh hưởng đến các hình thức học tập	Hiểu rõ về sự cần thiết phải học tập thường xuyên. Phân tích rõ những yếu tố ảnh hưởng đến sự thành công của các hình thức học tập. Lựa chọn được những cách thức học tập phù hợp
	4. Xây dựng kế	Mô tả mơ hồ về mục tiêu nghề	Mô tả được mục tiêu nghề	Mô tả được mục tiêu nghề	Mô tả được mục tiêu nghề

Năng lực	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt được			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
	hoạch nghề nghiệp ngắn/dài hạn	ngành, chưa xây dựng được kế hoạch thực tế để đạt được mục tiêu	ngành sau khi tốt nghiệp, nhưng chưa xây dựng được kế hoạch ngắn hạn và dài hạn hoặc kế hoạch thực hiện còn thiếu tính thực tế	ngành thực tế ngắn và dài hạn, xây dựng được kế hoạch để đáp ứng những mục tiêu này	ngành ngắn và dài hạn, xây dựng được kế hoạch kỹ lưỡng và chu đáo để đạt được mục tiêu

Bảng 5. Thang đánh giá năng lực báo cáo/thuyết trình (R5)

Năng lực	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt được				
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	
Năng lực báo cáo/thuyết trình	1. Nội dung bài báo cáo (30%)	Chưa trình bày rõ chủ đề báo cáo	Tập trung nhiều vào khái quát mà chưa đi vào chi tiết	Cơ bản trình bày được chủ đề báo cáo	Lựa chọn được những nội dung phù hợp nhưng chưa làm rõ chủ đề báo cáo	Trình bày rõ chủ đề báo cáo và những nội dung chi tiết của bài báo cáo
	2. Slide (20%)	Khó nhìn thấy chữ trong slide do độ tương phản thấp và quá nhiều chữ trong 1 slide	Độ tương phản cao nhưng kích thước chữ nhỏ do quá nhiều nội dung trong 1 slide	Sử dụng màu sắc chữ và nền chưa phù hợp làm giảm độ tương phản. Kích cỡ chữ phù hợp	Sử dụng màu sắc chữ và nền phù hợp làm tăng độ tương phản. Kích cỡ chữ phù hợp	Trình bày đẹp và độ tương phản cao. Áp dụng quy tắc 7x7 trong trình chiếu
		Không có công cụ trực quan	Sử dụng một vài công cụ trực quan hỗ trợ nhưng không rõ ràng, chất lượng thấp và không thể hiện rõ ý nghĩa	Sử dụng đủ các công cụ trực quan cơ bản	Phân phối hợp lý giữa hình ảnh và video trong bài trình chiếu	Sử dụng công cụ trực quan đẹp, rõ ràng, phù hợp với nội dung và có ý nghĩa
	3. Tác phong trình	Không có phần giới thiệu	Giới thiệu đúng đối tượng nhưng dài	Giới thiệu đối tượng chính xác và	Phần giới thiệu thú vị, cuốn hút	Phần giới thiệu hấp dẫn, bắt ngờ và sáng tạo

Năng lực	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt được				
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5
	bày (40%)		dòng và không đầy đủ	giới thiệu hấp dẫn		
		Giọng nói quá nhỏ để theo dõi	Giọng nói rõ ràng nhưng thường bị lấp	Giọng nói to, rõ ràng, trôi chảy nhưng đơn điệu và buồn tẻ	Giọng nói to, rõ ràng, lưu loát và truyền cảm	Giọng nói to, rõ ràng, lưu loát và thu hút
		Chỉ đứng một chỗ, không bao quát lớp, không có sự tương tác với người nghe	Có di chuyển nhưng không bao quát lớp, chỉ có một vài tương tác nhỏ với người nghe	Có di chuyển và bao quát lớp. Tương tác nhiều với người nghe nhưng không hiệu quả	Có di chuyển và bao quát lớp. Sử dụng nhiều hình thức tương tác và khiến người nghe thích thú	Có di chuyển và bao quát lớp. Sử dụng nhiều hình thức tương tác và khiến người nghe thích thú và cùng tham gia vào buổi thuyết trình.
		Thể hiện sự nhút nhát, không tự tin, hay gãi tai đầu gối tại	Tự tin nhưng vẫn bối rối khi giải quyết vấn đề	Tự tin nhưng thiếu nhiệt tình khi trả lời câu hỏi	Điềm tĩnh, tự tin nhưng thiếu nhiệt tình, sôi nổi khi trả lời câu hỏi	Điềm tĩnh, tự tin, nhiệt tình, sôi nổi khi trả lời câu hỏi của người nghe
4. Quản lý thời gian (10%)	Phân phối thời gian không phù hợp giữa các nội dung. Thời gian báo cáo khác nhiều so với dự kiến (>50%)	Thời gian báo cáo dài hoặc ngắn hơn dự kiến 20-40%	Thời gian báo cáo dài hoặc ngắn hơn dự kiến 10-20%	Thời gian báo cáo dài hoặc ngắn hơn dự kiến 5-10%	Phân phối thời gian hợp lý giữa các nội dung. Tuân thủ thời gian dự kiến	

Bảng 6. Thang đánh giá mức độ thực hiện bài tập về nhà (R6).

Năng lực	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt được			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
Thực hiện bài tập về nhà	Khối lượng hoàn thành (40%)	Hoàn thành 30% khối lượng bài tập	Hoàn thành 50% khối lượng bài tập	Hoàn thành 70% khối lượng bài tập	Hoàn thành 100% khối lượng bài tập
	Độ chính xác của kiến thức (60%)	Chính xác dưới 50%	Chính xác 50-69%	Chính xác 70-89%	Chính xác trên 90%

Bảng 7. Thang đánh giá năng lực khởi nghiệp (R7)

Năng lực	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt được			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
Năng lực khởi nghiệp	1. Sự quan tâm đến khởi nghiệp	Thờ ơ, chưa quan tâm đến khởi nghiệp	Có quan tâm đến khởi nghiệp	Có quan tâm đến khởi nghiệp, có mong muốn khởi nghiệp	Quan tâm sâu sắc đến khởi nghiệp, tìm tòi để kết nối những kiến thức của môn học vào khởi nghiệp
	2. Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến khởi nghiệp	Chưa chỉ ra được những yếu tố ảnh hưởng đến khởi nghiệp	Chỉ ra được những yếu tố ảnh hưởng đến khởi nghiệp nhưng chưa đầy đủ	Chỉ ra được đầy đủ những yếu tố ảnh hưởng đến khởi nghiệp, phân tích được tầm quan trọng của từng yếu tố	Đánh giá được đầy đủ và chính xác các yếu tố ảnh hưởng đến khởi nghiệp. Lên được ma trận SWOT phân tích
	3. Ý tưởng khởi nghiệp	Chưa hình thành được ý tưởng khởi nghiệp	Đã hình thành ý tưởng khởi nghiệp nhưng chưa có tính thực tiễn	Đã hình thành ý tưởng khởi nghiệp nhưng cần thêm 1 vài góp ý	Hình thành ý tưởng khởi nghiệp có tính thực tiễn cao
	4. Xây dựng ý tưởng kinh doanh	Chưa trình bày được kế hoạch kinh doanh	Trình bày khái quát về kế hoạch kinh doanh, chưa làm rõ kế hoạch chi tiết	Trình bày rõ kế hoạch kinh doanh nhưng còn thiếu một số thông tin	Trình bày đầy đủ và rõ ràng kế hoạch kinh doanh bao gồm: lý do khởi nghiệp, hoạt động cơ bản, trọng tâm của doanh nghiệp, hàng hóa/dịch vụ được cung

Năng lực	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt được			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
					cấp, khảo sát thị trường, lựa chọn địa điểm...
	5. Phân tích cơ hội phát triển	Cung cấp một số thông tin không đầy đủ về quy mô và sự phát triển của lĩnh vực kinh doanh, cơ hội và mối đe dọa trong lĩnh vực, triển vọng chung cho lĩnh vực, các đối thủ cạnh tranh. Chưa đề xuất được sản phẩm/dịch vụ khác biệt với những cơ sở kinh doanh khác	Cung cấp khá đầy đủ thông tin về quy mô và sự phát triển của lĩnh vực kinh doanh, cơ hội và mối đe dọa trong lĩnh vực, triển vọng chung cho lĩnh vực, các đối thủ cạnh tranh. Chưa đề xuất được sản phẩm/dịch vụ khác biệt với những cơ sở kinh doanh khác	Cung cấp khá đầy đủ thông tin về quy mô và sự phát triển của lĩnh vực kinh doanh, cơ hội và mối đe dọa trong lĩnh vực, triển vọng chung cho lĩnh vực, các đối thủ cạnh tranh. Đề xuất được sản phẩm/dịch vụ khác biệt với những cơ sở kinh doanh khác	Cung cấp đầy đủ thông tin về quy mô và sự phát triển của lĩnh vực kinh doanh, cơ hội và mối đe dọa trong lĩnh vực, triển vọng chung cho lĩnh vực, các đối thủ cạnh tranh. Đề xuất được sản phẩm/dịch vụ khác biệt với những cơ sở kinh doanh khác. Phân tích được thế mạnh của sản phẩm/dịch vụ mới đó

Bảng 8. Thang đánh giá mức độ tham gia lớp học (R8)

Năng lực	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt được			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
Tham gia lớp học	1. Tính chuyên cần (40%)	SV vắng học nhiều hơn 2 buổi có phép	SV vắng học 2 buổi có phép	SV vắng học 1 buổi có phép	SV tham gia đầy đủ các buổi học
	2. Đúng giờ (30%)	SV ít khi đi học đúng giờ hoặc đến lớp sớm (đi học muộn 4 lần trở lên)	SV thỉnh thoảng đi học đúng giờ (đi học muộn 3 lần), và hiếm khi đến lớp sớm	SV thường đi học đúng giờ hoặc đến lớp sớm (đi học muộn 1-2 lần)	SV luôn đi học đúng giờ và thường đến lớp sớm
	3. Mức độ tham gia và thái độ học tập (20%)	SV hiếm khi tham gia thảo luận/phát biểu xây dựng bài trên lớp hoặc đặt câu hỏi	SV thỉnh thoảng tham gia thảo luận/phát biểu xây dựng bài mà không cần	SV thường xuyên tham gia thảo luận/phát biểu xây dựng bài và đặt câu hỏi tương tác	SV có chính kiến, quan điểm riêng khi tham gia thảo luận/phát biểu xây dựng bài,

Năng lực	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt được			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
		trương tác với thầy cô và bạn học. SV chỉ trả lời câu hỏi khi được GV yêu cầu đích danh	sự nhắc nhở của GV. SV không tham gia làm việc nhóm trong lớp	với thầy cô và bạn học	tham gia đầy đủ và tích cực vào tất cả các buổi học, làm việc và hợp tác tốt với bạn học

Bảng 9. Thang đánh giá năng lực phản biện (R9)

Năng lực	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt được			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
Năng lực phản biện	1. Phát hiện vấn đề	Không phát hiện vấn đề	Vấn đề chưa được phát hiện rõ ràng	Vấn đề được phát hiện rõ ràng	Vấn đề được phát hiện rất rõ ràng
	2. Lý giải tính bất hợp lý	Chưa lý giải tính bất hợp lý	Lý giải một phần tính bất hợp lý	Lý giải tính bất hợp lý	Lý giải hoàn toàn tính bất hợp lý
	3. Thái độ tranh luận	Thái độ tranh luận không hợp tác, căng thẳng	Thái độ tranh luận có hợp tác	Thái độ tranh luận hợp tác, dễ chịu	Thái độ tranh luận rõ ràng, hợp tác và dễ chịu
	4. Mức độ phù hợp của giải pháp đưa ra	Mức độ phù hợp của giải pháp đưa ra	Mức độ phù hợp của giải pháp đưa ra	Mức độ phù hợp của giải pháp đưa ra	Mức độ phù hợp của giải pháp đưa ra

Bảng 10. Thang đánh giá năng lực sáng tạo (R10)

Năng lực	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt được			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
Năng lực sáng tạo	1. Sự thông thạo	Không sản sinh nhiều ý tưởng ở lĩnh vực ngôn ngữ, sơ đồ hình ảnh hay hành động	Sản sinh hạn chế ý tưởng ở lĩnh vực ngôn ngữ, sơ đồ hình ảnh hay hành động	Sản sinh nhiều ý tưởng ở lĩnh vực ngôn ngữ, sơ đồ hình ảnh hay hành động	Sản sinh đa dạng ý tưởng ở lĩnh vực ngôn ngữ, sơ đồ hình ảnh hay hành động
	2. Linh hoạt	Không sản sinh nhiều ý tưởng từ nhiều lĩnh vực và dễ dàng chuyển đổi giữa các lĩnh vực	Sản sinh hạn chế ý tưởng từ nhiều lĩnh vực và dễ dàng chuyển đổi giữa các lĩnh vực	Sản sinh nhiều ý tưởng từ nhiều lĩnh vực và dễ dàng chuyển đổi giữa các lĩnh vực	Sản sinh đa dạng ý tưởng từ nhiều lĩnh vực và dễ dàng chuyển đổi

Năng lực	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt được			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
					giữa các lĩnh vực
	3. Mới, nguyên bản	Không sản sinh các ý tưởng hiếm, độc đáo	Sản sinh các ý tưởng khá độc đáo	Sản sinh các ý tưởng độc đáo	Sản sinh các ý tưởng rất hiếm, độc đáo
	4. Tính rõ ràng của tình tiết	Làm rõ các ý tưởng	Gọt dũa, làm rõ các ý tưởng	Phát triển, gọt dũa, làm rõ các ý tưởng	Phát triển, gọt dũa, làm rõ các ý tưởng
	5. Tính trừu tượng	Không cảm nhận sự cần thiết của vấn đề, mức độ trừu tượng	Cảm nhận được sự cần thiết của vấn đề, mức độ trừu tượng	Cảm nhận tốt sự cần thiết của vấn đề, mức độ trừu tượng	Cảm nhận rất tốt sự cần thiết của vấn đề, mức độ trừu tượng
	6. Sự cởi mở, tìm tòi câu hỏi, vấn đề	Chưa cởi mở với các câu hỏi chưa được trả lời, vấn đề chưa được giải quyết và làm việc với các thông tin từ nhiều góc nhìn khác nhau	Có cởi mở với các câu hỏi chưa được trả lời, vấn đề chưa được giải quyết và làm việc với các thông tin từ nhiều góc nhìn khác nhau	Cởi mở với các câu hỏi chưa được trả lời, vấn đề chưa được giải quyết và làm việc với các thông tin từ nhiều góc nhìn khác nhau	Rất cởi mở với các câu hỏi chưa được trả lời, vấn đề chưa được giải quyết và làm việc với các thông tin từ nhiều góc nhìn khác nhau

Bảng 11. Thang đánh giá khóa luận tốt nghiệp dành cho Giảng viên hướng dẫn (R11)

Năng lực	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt được			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
Năng lực đánh giá cho GVHD	1. Hình thành và phát triển ý tưởng nghiên cứu	Không có đóng góp gì vào việc xây dựng ý tưởng	Có thảo luận và đóng góp ý tưởng dựa trên gợi ý của cán bộ hướng dẫn	Chủ động thảo luận và tự xây dựng mục tiêu dựa trên gợi ý của GVHD	Chủ động đề xuất ý tưởng và mục tiêu của khóa luận có tính mới/sáng tạo
	2. Xây dựng đề cương phù hợp với mục tiêu đặt ra	Không xây dựng đề cương khóa luận. Không có kế hoạch làm việc	Đề cương khóa luận không phù hợp với mục tiêu cốt lõi. Kế hoạch làm việc chưa chi tiết và thiếu phương án dự phòng	Đề cương khóa luận phù hợp với mục tiêu nhưng chưa chi tiết. Kế hoạch làm việc chi tiết nhưng phương án dự phòng không hợp lý	Đề cương khóa luận chi tiết và phù hợp với mục tiêu. Kế hoạch làm việc chi tiết với các phương án dự phòng hợp lý

Năng lực	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt được			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
	3. Kiên trì và cam kết thực hiện khóa luận một cách hiệu quả	Không có động lực thực hiện khóa luận, không làm thí nghiệm và liên hệ với GVHD	Thiếu tập trung thực hiện khóa luận và có xu hướng bỏ cuộc	Có động lực thực hiện khóa luận, chủ động vượt qua các trở ngại với sự giúp đỡ của GVHD	Hứng thú và chủ động vượt qua các trở ngại xuyên suốt quá trình thực hiện khóa luận
	4. Sự tương tác giữa sinh viên và GVHD	Không trao đổi với GVHD trong suốt quá trình thực hiện khóa luận	Không chủ động liên hệ với GVHD	Chủ động tìm gặp GVHD	Chủ động tìm gặp CBHD để thảo luận các khó khăn của đề tài và đề xuất phương án giải quyết
	5. Tổ chức sắp xếp và thực hiện thí nghiệm	Không thể tổ chức sắp xếp và thực hiện thí nghiệm	Có thể thực hiện thí nghiệm nhưng chưa tổ chức sắp xếp hợp lý	Tổ chức sắp xếp và thực hiện thí nghiệm một cách độc lập	Tổ chức sắp xếp, thực hiện thí nghiệm một cách độc lập và dự đoán trước các tình huống bất lợi có thể xảy ra
	6. Thu nhận kết quả và xử lý số liệu thực nghiệm hợp lý	Không biết cách sử dụng dữ liệu, không biết dùng các phần mềm xử lý số liệu	Có thể sắp xếp và kiểm tra sơ bộ số liệu. Tuy nhiên không có khả năng nhận xét kết quả thu thập được	Có thể sắp xếp dữ liệu, kiểm tra và phân tích dữ liệu ở mức cơ bản. Nhận xét được kết quả	Có thể sắp xếp và kiểm tra toàn bộ dữ liệu, có thể thực hiện phân tích dữ liệu nâng cao. Nhận xét được kết quả. So sánh với kết quả của các thí nghiệm tương đương
	7. Phân tích và biện luận các kết quả thu được	Không phân tích và biện luận được các kết quả thu được	Có phân tích và biện luận các kết quả thu được, tuy nhiên các phân tích và biện luận chưa được rõ ràng và hợp lý	Phân tích và biện luận các kết quả thu được rõ ràng và hợp lý	Phân tích và biện luận các kết quả thu được rõ ràng và hợp lý. Có những ý tưởng phân tích và biện luận mới

Năng lực	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt được			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
	8. Các ý tưởng đề xuất để phát triển các kết quả nghiên cứu thành một quy trình/mô hình thực nghiệm	Không có ý tưởng đề xuất để phát triển các kết quả nghiên cứu thành một quy trình/mô hình thực nghiệm	Ý tưởng đề xuất để phát triển các kết quả nghiên cứu thành một quy trình/mô hình thực nghiệm chưa rõ ràng	Ý tưởng đề xuất để phát triển các kết quả nghiên cứu thành một quy trình/ mô hình thực nghiệm rõ ràng và hợp lý	Ý tưởng đề xuất để phát triển các kết quả nghiên cứu thành một quy trình/ mô hình thực nghiệm rõ ràng, hợp lý và khả quan
	9. Tài liệu tham khảo được trích dẫn một cách hợp lý	Không trình bày TLTK theo quy định. Không trích dẫn TLTK	Trình bày TLTK theo quy định, nhưng vẫn còn 20% sai sót. Trích dẫn không đầy đủ TLTK	Trình bày TLTK theo quy định. Trích dẫn TLTK hợp lý	Trình bày TLTK theo quy định. Trích dẫn TLTK hợp lý, tin cậy
	10. Bài báo cáo được trình bày đúng văn phong, ngữ pháp	Mắc trên 20 lỗi chính tả, ngữ pháp và định dạng văn bản. Không chú thích hình ảnh, bảng biểu, đồ thị, biểu đồ	Mắc 10-20 lỗi chính tả, ngữ pháp và định dạng văn bản nhưng không biết cách sử dụng văn phong khoa học. Chú thích hình ảnh, bảng biểu, đồ thị, biểu đồ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định	Mắc dưới 10 lỗi chính tả, ngữ pháp và định dạng văn bản, sử dụng hợp lý văn phong khoa học nhưng còn lỗi trong việc sử dụng thuật ngữ chuyên ngành. Chú thích hình ảnh, bảng biểu, đồ thị, biểu đồ đầy đủ nhưng chưa đúng quy định	Hầu như không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp và định dạng văn bản sử dụng hợp lý văn phong khoa học và thuật ngữ chuyên ngành. Chú thích hình ảnh, bảng biểu, đồ thị, biểu đồ đúng quy định

Bảng 12. Rubric đánh giá dành cho giảng viên phản biện và Hội đồng đánh giá (R12)

Năng lực	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt được			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
Năng lực	1. Bố cục và trình	Không tuân thủ qui định về	Trình bày đúng bố cục của một	Trình bày đúng bố cục của một	Trình bày đúng bố cục của một

Năng lực	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt được			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
giảng viên phản biện và Hội đồng đánh giá	bày hợp lý theo quy định	bố cục của một bài khóa luận tốt nghiệp	khóa luận nhưng nội dung của từng phần được sắp xếp chưa hợp lý	khóa luận, phần lớn nội dung các phần rõ ràng và hợp lý	khóa luận, nội dung tất cả các phần rõ ràng, hợp lý, chi tiết
	2. Mục tiêu nghiên cứu rõ ràng và phù hợp; đề tài có ý nghĩa khoa học và thực tiễn	Mục tiêu nghiên cứu không rõ ràng và phù hợp với tên đề tài; đề tài không có ý nghĩa khoa học và thực tiễn	Mục tiêu nghiên cứu không rõ ràng, nhưng chưa phù hợp với tên đề tài; đề tài có ý nghĩa khoa học và thực tiễn	Mục tiêu nghiên cứu rõ ràng và phù hợp với tên đề tài; đề tài có ý nghĩa khoa học	Mục tiêu nghiên cứu rõ ràng và phù hợp với tên đề tài; đề tài có ý nghĩa khoa học và thực tiễn
	3. Nội dung nghiên cứu gắn liền với mục tiêu, đầy đủ và phù hợp	Nội dung nghiên cứu không gắn liền với mục tiêu	Nội dung nghiên cứu gắn liền với mục tiêu, nhưng chưa đầy đủ và phù hợp	Nội dung nghiên cứu gắn liền với mục tiêu và đầy đủ, nhưng chưa phù hợp	Nội dung nghiên cứu gắn liền với mục tiêu, đầy đủ và phù hợp
	4. Vật liệu và phương pháp thí nghiệm phù hợp với mục tiêu đề tài	Không thể chọn lựa vật liệu, phương pháp và bố trí thí nghiệm	Chọn lựa vật liệu chưa phù hợp. Phương pháp và bố trí thí nghiệm chưa phù hợp với mục tiêu đề tài	Chọn được vật liệu. Phương pháp và bố trí thí nghiệm chưa hoàn toàn phù hợp với mục tiêu đề tài	Chọn được vật liệu. Phương pháp và bố trí thí nghiệm phù hợp với mục tiêu đề tài
	5. Thu nhận kết quả và xử lý số liệu thực nghiệm hợp lý	Không biết cách sử dụng dữ liệu, không biết dùng các phần mềm xử lý số liệu	Có thể sắp xếp và kiểm sơ bộ số liệu. Tuy nhiên không có khả năng nhận xét kết quả thu thập được	Có thể sắp xếp dữ liệu, kiểm tra và phân tích dữ liệu ở mức cơ bản. Nhận xét được kết quả.	Có thể sắp xếp và kiểm tra toàn bộ dữ liệu, có thể thực hiện phân tích dữ liệu nâng cao. Nhận xét được kết quả. So sánh với kết quả của các thí nghiệm tương đương
	6. Phân tích và	Không phân tích và biện	Có phân tích và biện luận các	Phân tích và biện luận các kết	Phân tích và biện luận các kết

Năng lực	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt được			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
	biện luận các kết quả thu được hợp lý	luận được các kết quả thu được	kết quả thu được, tuy nhiên các phân tích và biện luận chưa được rõ ràng và hợp lý	quả thu được rõ ràng và hợp lý	quả thu được rõ ràng và hợp lý. Có những ý tưởng phân tích và biện luận mới
	7. Các ý tưởng đề xuất để phát triển các kết quả nghiên cứu thành một quy trình/ mô hình thực nghiệm hợp lý	Không có ý tưởng đề xuất để phát triển các kết quả nghiên cứu thành một quy trình/ mô hình thực nghiệm	Ý tưởng đề xuất để phát triển các kết quả nghiên cứu thành một quy trình/ mô hình thực nghiệm chưa rõ ràng	Ý tưởng đề xuất để phát triển các kết quả nghiên cứu thành một quy trình/ mô hình thực nghiệm rõ ràng và hợp lý	Ý tưởng đề xuất để phát triển các kết quả nghiên cứu thành một quy trình/ mô hình thực nghiệm rõ ràng, hợp lý và khả quan
	8. Tài liệu tham khảo được trích dẫn một cách hợp lý	Không trình bày TLTK theo quy định. Không trích dẫn TLTK	Trình bày TLTK theo quy định, nhưng vẫn còn 20% sai sót. Trích dẫn không đầy đủ TLTK	Trình bày TLTK theo quy định. Trích dẫn TLTK hợp lý	Trình bày TLTK theo quy định. Trích dẫn TLTK hợp lý, tin cậy
	9. Báo cáo được trình bày đúng văn phong, ngữ pháp	Mắc trên 20 lỗi chính tả, ngữ pháp và định dạng văn bản. Không chú thích hình ảnh, bảng biểu, đồ thị, biểu đồ	Mắc 10-20 lỗi chính tả, ngữ pháp và định dạng văn bản nhưng không biết cách sử dụng văn phong khoa học. Chú thích hình ảnh, bảng biểu, đồ thị, biểu đồ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định	Mắc dưới 10 lỗi chính tả, ngữ pháp và định dạng văn bản, sử dụng hợp lý văn phong khoa học nhưng còn lỗi trong việc sử dụng thuật ngữ chuyên ngành. Chú thích hình ảnh, bảng biểu, đồ thị, biểu đồ đầy đủ nhưng chưa đúng quy định	Hầu như không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp và định dạng văn bản sử dụng hợp lý văn phong khoa học và thuật ngữ chuyên ngành. Chú thích hình ảnh, bảng biểu, đồ thị, biểu đồ đúng quy định
	10. Trả lời câu	Không trả lời được các câu hỏi của PB	Trả lời đúng nhưng chưa đầy	Trả lời đúng và đầy đủ đối với	Trả lời thuyết phục đối với các câu hỏi của PB

Năng lực	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt được			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
	hỏi của PB		đủ các câu hỏi của PB	các câu hỏi của PB	

Bảng 13. Thang đánh giá thực tập tốt nghiệp của hội đồng (R13)

STT	Nội dung đánh giá	Mức độ và điểm đánh giá			
		Xuất sắc (9-10)	Tốt (7-8)	Đạt (5-6)	Không đạt (<5)
1	Nhận thức nghề nghiệp và tính trung thực	Đam mê với chủ đề thực tập. Có trách nhiệm cao với công việc được giao. Trung thực trong báo cáo công việc	Đam mê với chủ đề thực tập. Có trách nhiệm với công việc được giao. Trung thực trong báo cáo công việc	Chưa thực sự đam mê với chủ đề thực tập. Có trách nhiệm với công việc được giao. Trung thực trong báo cáo công việc	Không đam mê với chủ đề thực tập. Không có trách nhiệm với công việc được giao. Có thái độ không trung thực trong báo cáo công việc
2	Tuân thủ các quy định về hình thức và nội dung báo cáo	Trình bày đúng định dạng quy định, cân đối giữa các phần. Nội dung đầy đủ và phù hợp với yêu cầu học phần	Trình bày đúng định dạng quy định, tương đối cân đối giữa các phần. Nội dung đầy đủ và phù hợp với yêu cầu học phần	Trình bày đúng định dạng quy định, thiếu sự cân đối giữa các phần. Nội dung tương đối đầy đủ và phù hợp với yêu cầu học phần	Trình bày không đúng theo định dạng quy định, thiếu sự cân đối giữa các phần. Nội dung không đầy đủ và phù hợp với yêu cầu học phần
3	Xây dựng đề cương thực tập	Rất đầy đủ và phù hợp với yêu cầu của học phần	Đầy đủ và phù hợp với yêu cầu của học phần	Tương đối đầy đủ và phù hợp với yêu cầu của học phần	Không đầy đủ và phù hợp với yêu cầu của học phần
4	Kiến thức chuyên môn liên quan đến nội dung thực tập	Tương đương mức 4 của thang Bloom trở lên	Tương đương mức 3 của thang Bloom	Tương đương mức 2 của thang Bloom	Tương đương mức 1 của thang Bloom
5	Khả năng liên hệ và vận dụng kiến thức vào thực tế công việc	Có khả năng liên hệ và vận dụng kiến thức vào các tình huống công việc	Có khả năng liên hệ và vận dụng kiến thức vào một số tình huống công việc đơn giản	Có khả năng liên hệ kiến thức vào một số tình huống công việc đơn giản	Không có khả năng liên hệ và vận dụng kiến thức vào thực tế công việc
6	Kỹ năng thực hiện công việc chuyên môn được giao	Tương đương mức 4 của thang Bloom trở lên (Rất thành thạo)	Tương đương mức 3 của thang Bloom (Thành thạo)	Tương đương mức 2 của thang Bloom (Tương đối thành thạo)	Tương đương mức 1 của thang Bloom (Không thành thạo)

STT	Nội dung đánh giá	Mức độ và điểm đánh giá			
		Xuất sắc (9-10)	Tốt (7-8)	Đạt (5-6)	Không đạt (<5)
7	Phát hiện và đề xuất ý tưởng (sáng tạo)	Phát hiện được các vấn đề có giá trị trong quá trình thực tập. Giải quyết vấn đề hiệu quả. Đề xuất được ý tưởng có khả năng giải quyết vấn đề	Phát hiện được các vấn đề đơn giản trong quá trình thực tập. Giải quyết vấn đề tương đối hiệu quả. Đề xuất được ý tưởng có khả năng giải quyết vấn đề	Phát hiện được các vấn đề đơn giản trong quá trình thực tập. Giải quyết vấn đề tương đối hiệu quả. Đề xuất được ý tưởng	Không phát hiện được các vấn đề có giá trị trong quá trình thực tập. Không giải quyết được vấn đề. Không đề xuất được ý tưởng có khả năng giải quyết vấn đề
8	Kỹ năng viết và trình bày báo cáo	Cách hành văn phù hợp với văn bản báo cáo, rõ ràng, dễ hiểu. Không có hặc có tương đối ít lỗi chính tả	Cách hành văn phù hợp với văn bản báo cáo, rõ ràng, dễ hiểu. Có ít lỗi chính tả	Cách hành văn phù hợp với văn bản báo cáo, rõ ràng. Có tương đối nhiều lỗi chính tả	Cách hành văn không phù hợp với văn bản báo cáo, khó hiểu. Nhiều lỗi chính tả
9	Kỹ năng thuyết trình và trả lời câu hỏi	- Sử dụng phù hợp âm giọng và điệu bộ trong thuyết trình	Sử dụng phù hợp âm giọng và điệu bộ trong thuyết trình. Thuyết trình tương	Sử dụng phù hợp âm giọng trong thuyết trình. Thuyết trình đối rõ	Sử dụng âm giọng và điệu bộ không phù hợp trong thuyết trình. Thuyết trình không
10	Kỹ năng học tập suốt đời	Có hiểu biết nhiều về kiến thức cơ đại cương và cơ sở. Có khả năng tự xác định kiến thức và tìm kiếm kiến thức hiệu quả. Có kế hoạch tìm hiểu kiến thức phù hợp	Có hiểu biết cơ bản về kiến thức đại cương và cơ sở. Có khả năng tự xác định kiến thức và tìm kiếm kiến thức hiệu quả. Có kế hoạch tìm hiểu kiến thức phù hợp	Có hiểu biết cơ bản về kiến thức đại cương và cơ sở. Có khả năng tự xác định và tìm kiếm kiến thức	Kiến thức đại cương và cơ sở còn hạn chế. Không có khả năng tự xác định và tìm kiếm kiến thức

Bảng 14. Thang đánh giá thực tập tốt nghiệp của Giảng viên hướng dẫn (R14)

STT	Nội dung đánh giá	Mức độ và điểm đánh giá			
		Xuất sắc (9-10)	Tốt (7-8)	Đạt (5-6)	Không đạt (<5)
1	Nhận thức nghề nghiệp và tính trung thực	- Đam mê với chủ đề thực tập	- Đam mê với chủ đề thực tập - Có trách nhiệm với công	Chưa thực sự đam mê với chủ đề thực tập. Có trách	Không chủ động lên kế hoạch và chuẩn bị chậm các thủ

STT	Nội dung đánh giá	Mức độ và điểm đánh giá			
		Xuất sắc (9-10)	Tốt (7-8)	Đạt (5-6)	Không đạt (<5)
		- Có trách nhiệm cao với công việc được giao - Trung thực trong báo cáo công việc - Tiếp nhận tốt những tư vấn của CBHD/GVHD trong quá trình chuẩn bị đề cương thực tập - Xây dựng đề cương thực tập rõ ràng, hợp lí	việc được giao. Trung thực trong báo cáo công việc CBHD/GVHD trong quá trình chuẩn bị đề cương thực tập. - Xây dựng đề cương thực tập rõ ràng, hợp lí	nhiệm với công việc được giao. Trung thực trong báo cáo công việc Chưa chủ động hoàn toàn đối với việc lên kế hoạch và chuẩn bị đầy đủ các thủ tục theo quy định. Có tiếp nhận những	tục theo quy định. Không tiếp nhận những tư vấn của CBHD/GVHD trong quá trình chuẩn bị đề cương thực tập. Xây dựng đề cương thực tập chưa rõ ràng và hợp lí
2	Khả năng tiếp cận và làm quen với môi trường làm việc tại CSTT	- Tiếp cận và làm quen nhanh (< 1 tuần) với môi trường làm việc tại CSTT	Tiếp cận và làm quen tốt (1-2 tuần) với môi trường làm việc tại CSTT	Tiếp cận và làm quen (2-3 tuần) với môi trường làm việc tại CSTT	Chậm tiếp cận và làm quen (>3 tuần) với môi trường làm việc tại CSTT
3	Tuân thủ các quy định của CSTT và quy định thực tập (mỗi vi phạm sẽ bị đánh giá lùi một mức)	Tuân thủ hoàn toàn những quy định của CSTT và quy định thực tập của Khoa (sinh viên tuân thủ tốt mọi quy định nào)	Tuân thủ những quy định của CSTT và quy định thực tập của Khoa (sinh viên có vi phạm một vài lỗi nhưng không gây ảnh hưởng đáng kể)	Chưa tuân thủ hoàn toàn những quy định của CSTT và quy định thực tập của Khoa (sinh viên vi phạm một số lỗi)	Không tuân thủ những quy định của CSTT và quy định thực tập của Khoa (những vi phạm của sinh viên làm ảnh hưởng đến CSTT và uy tín của Khoa)
4	Thái độ thực tập và đạo đức nghề nghiệp	Đam mê với chủ đề thực tập và tinh thần khởi nghiệp. Có trách nhiệm cao với công việc được giao. Thực hiện công việc theo đúng các quy định nghề nghiệp	- Đam mê với chủ đề thực tập và tinh thần khởi nghiệp. Có trách nhiệm với công việc được giao. Thực hiện công việc theo đúng các quy định nghề nghiệp	Chưa thực sự đam mê với chủ đề thực tập. Có trách nhiệm với công việc được giao. Thực hiện công việc theo đúng các quy định nghề nghiệp	Không đam mê với chủ đề thực tập. Không có trách nhiệm với công việc được giao. Có biểu hiện không tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp

STT	Nội dung đánh giá	Mức độ và điểm đánh giá			
		Xuất sắc (9-10)	Tốt (7-8)	Đạt (5-6)	Không đạt (<5)
5	Kiến thức chuyên môn liên quan đến nội dung thực tập	Tương đương mức 4 của thang Bloom trở lên	Tương đương mức 3 của thang Bloom	Tương đương mức 2 của thang Bloom	Tương đương mức 1 của thang Bloom
6	Khả năng liên hệ và vận dụng kiến thức vào thực tế công việc	Có khả năng liên hệ và vận dụng kiến thức vào các tình huống công việc	Có khả năng liên hệ và vận dụng kiến thức vào một số tình huống công việc đơn giản	Có khả năng liên hệ kiến thức vào một số tình huống công việc đơn giản	Không có khả năng liên hệ và vận dụng kiến thức vào thực tế công việc
7	Kỹ năng thực hiện công việc chuyên môn được giao	Tương đương mức 4 của thang Bloom trở lên	Tương đương mức 3 của thang Bloom	Tương đương mức 2 của thang Bloom	Tương đương mức 1 của thang Bloom
8	Kỹ năng viết và trình bày báo cáo	Bố cục trình bày hợp lý và theo đúng quy định. Cách hành văn phù hợp với văn bản báo cáo, rõ ràng, dễ hiểu. Không có lỗi chính tả	Bố cục trình bày hợp lý và theo đúng quy định. Cách hành văn phù hợp với văn bản báo cáo, rõ ràng, dễ hiểu. Có ít lỗi chính tả	Bố cục trình bày hợp lý và theo đúng quy định. Cách hành văn phù hợp với văn bản báo cáo, rõ ràng. Có ít lỗi chính tả	Bố cục trình bày không hợp lý và không theo đúng quy định. Cách hành văn không phù hợp với văn bản báo cáo, khó hiểu. Nhiều lỗi chính tả
9	Kỹ năng giao tiếp và giải quyết vấn đề	Cách trình bày vấn đề và thảo luận với GVHD rõ ràng, dễ hiểu và thuyết phục. Giải quyết tốt các vấn đề, tình huống do GVHD đặt ra	Cách trình bày vấn đề và thảo luận với GVHD rõ ràng, dễ hiểu. Giải quyết một số vấn đề, tình huống do GVHD đặt ra	Cách trình bày vấn đề và thảo luận với GVHD rõ ràng. Giải quyết một số vấn đề, tình huống đơn giản do GVHD đặt ra	Không có kỹ năng giao tiếp. Không có khả năng giải quyết vấn đề, tình huống do GVHD đặt ra
10	Kỹ năng học tập suốt đời	Có hiểu biết nhiều về kiến thức cơ đại cương và cơ sở. Có khả năng tự xác định kiến thức và tìm kiếm kiến thức hiệu quả. Có kế	Có hiểu biết cơ bản về kiến thức đại cương và cơ sở. Có khả năng tự xác định kiến thức và tìm kiếm kiến thức hiệu quả. Có kế hoạch tìm hiểu	Có hiểu biết cơ bản về kiến thức đại cương và cơ sở. Có khả năng tự xác định và tìm kiếm kiến thức	Kiến thức đại cương và cơ sở còn hạn chế. Không có khả năng tự xác định và tìm kiếm kiến thức

STT	Nội dung đánh giá	Mức độ và điểm đánh giá			
		Xuất sắc (9-10)	Tốt (7-8)	Đạt (5-6)	Không đạt (<5)
		hoạch tìm hiểu kiến thức phù hợp	kiến thức phù hợp		

Bảng 15. Thang đánh giá năng lực kiến thức (R15)

Năng lực	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt được			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
Kiến thức	1. Kiến thức cơ bản	Không đạt được tất cả các yêu cầu theo thang Bloom cập nhật	Đáp ứng yêu cầu tương ứng với mức 1 và 2 theo thang Bloom cập nhật	Đáp ứng yêu cầu tương ứng với mức 3 và 4 theo thang Bloom cập nhật	Đáp ứng yêu cầu tương ứng với mức 5 và 6 theo thang Bloom cập nhật
	2. Kiến thức cơ sở ngành	Không đạt được tất cả các yêu cầu theo thang Bloom cập nhật	Đáp ứng yêu cầu tương ứng với mức 1 và 2 theo thang Bloom cập nhật	Đáp ứng yêu cầu tương ứng với mức 3 và 4 theo thang Bloom cập nhật	Đáp ứng yêu cầu tương ứng với mức 5 và 6 theo thang Bloom cập nhật
	3. Kiến thức chuyên ngành	Không đạt được tất cả các yêu cầu theo thang Bloom cập nhật	Đáp ứng yêu cầu tương ứng với mức 1 và 2 theo thang Bloom cập nhật	Đáp ứng yêu cầu tương ứng với mức 3 và 4 theo thang Bloom cập nhật	Đáp ứng yêu cầu tương ứng với mức 5 và 6 theo thang Bloom cập nhật

Phụ lục 2: THƯ VIỆN

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Kinh tế Việt Nam 2016: Tái cơ cấu nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và vai trò Nhà nước kiến tạo phát triển	Trần Thọ Đạt, Ngô Thắng Lợi	NXB ĐH Kinh tế Quốc dân	2	Kinh tế phát triển nâng cao			Tài liệu tham khảo
2	Phương pháp nghiên cứu định lượng và những nghiên cứu thực tiễn trong kinh tế Phát triển - Nông nghiệp: Sách kèm CD phụ lục dữ liệu	Đinh Phi Hồ; Biên Tập: Nguyễn Trung Anh; Phạm Viêm Phương... [và những người khác]	Phuong Đông, 2012	2				Tài liệu chính
3	Kinh Tế Phát Triển: Lý thuyết và thực tiễn	Đinh Phi Hồ và cộng sự	Thống Kê, 2008	2				Tài liệu chính
4	Giáo trình kinh tế học phát triển: Hệ cao cấp lý luận chính trị	Nhóm tác giả	Chính trị - Hành Chính, 2013	1				Tài liệu tham khảo
5	Giáo trình Kinh tế đầu tư	Từ Quang Phương và cộng sự	ĐH KTQD, 2013	1				Tài liệu tham khảo
6	Giáo trình khoa học quản lý	Đoàn Thị Thu Hà	ĐHQG Hà Nội, 2008	5	Khoa học quản lý kinh tế			Tài liệu chính
7	Đại cương khoa học quản lý	Nguyễn Quốc Chí; Nguyễn Thị Mỹ Lộc	ĐHQG Hà Nội, 2015	3				Tài liệu chính
8	Quản lý học đại cương	Nguyễn Hữu Hải	Chính trị Quốc gia – Sự thật, 2014	7				Tài liệu tham khảo
9	Khoa học quản lý: Dành cho sinh viên các trường Đại học, Cao đẳng khối kinh	Bùi Hữu Đức	Giáo dục, 2013	5				Tài liệu tham khảo

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	tế- Quản trị kinh doanh							
10	Giáo trình quản trị học	Trần Dục Thức	Tài chính, 2021	4				Tài liệu tham khảo
11	Quản lý nhà nước về kinh tế	Phan Huy Đường và cộng sự	ĐHQG Hà Nội, 2017	5				Tài liệu tham khảo
12	Ra quyết định quản trị	Hoàng Văn Hải, Nguyễn Viết Lộc, Nguyễn Ngọc Thăng	NXB ĐHQG Hà Nội	5				Tài liệu tham khảo
13	Khoa Học Quản Lý	Bùi Mạnh Hùng, Bùi Việt Thi	NXB Xây dựng	1				Tài liệu tham khảo
14	Phương pháp nghiên cứu kinh tế kiến thức cơ bản	Trần Tiến Khai	Lao động và Xã Hội, 2012	2	Phương pháp nghiên cứu khoa học		HK 1	Tài liệu chính
15	Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học và viết đề cương nghiên cứu (áp dụng trong lĩnh vực Kinh tế - Xã hội), tái bản lần hai	Võ Thị Thanh Lộc và cộng sự	ĐH Cần Thơ, 2016	1				Tài liệu chính
16	Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học: Viết luận văn và công bố khoa học (kinh tế quốc tế, kinh doanh quốc tế và quản lý)	Huỳnh Thị Thúy Giang (chủ biên); Lưu Tiến Dũng	Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2021	10				Tài liệu tham khảo
17	Phương pháp nghiên cứu kinh tế và viết luận văn thạc sĩ	Đình Phi Hồ	Phuong Đông, 2014	2				Tài liệu tham khảo
18	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh=Research	Mark Saunders, Philip Lewis, Adrian	Tài chính, 2010	2				Tài liệu tham khảo

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	methods for business students	Thornhill ; Nguyễn Văn Dung (dịch)						
19	Giáo trình ứng dụng phương pháp nghiên cứu khoa học trong thực hiện luận văn thạc sĩ	Lê Trung Thành và cộng sự	KTQD, 2024	2				Tài liệu tham khảo
20	Quản lý nhà nước về kinh tế	Phan Huy Đường	ĐHQG Hà Nội, 2017	2	Quản lý nhà nước về kinh tế nâng cao		HK 2	Tài liệu chính
21	Kinh tế Việt Nam 2016: Tái cơ cấu nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và vai trò Nhà nước kiến tạo phát triển	Trần Thọ Đạt, Ngô Thắng Lợi	ĐH Kinh tế Quốc dân, 2017	1				Tài liệu tham khảo
22	Giáo trình Khoa học quản lý	Đoàn Thị Thu Hà	NXB Khoa học và Kỹ thuật, 2008	5				Tài liệu tham khảo
23	Chính sách và phát triển bền vững: Cân bằng thanh toán, nợ công và đầu tư công	Nguyễn Hồng Sơn, Bùi Đại Dũng, Nguyễn Quốc Việt, Chu Thị Nhường	Chính trị quốc gia, 2012	3				Tài liệu tham khảo
24	Giáo trình Kinh tế đầu tư	Từ Quang Phương và cộng sự	Đại học Kinh tế quốc dân, 2013	1				Tài liệu tham khảo
25	Quyết định quản lý nhà nước của chính phủ: lý luận và thực tiễn	Cao Vũ Minh	NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, 2017	1				Tài liệu tham khảo
26	Quản lý nhà nước trong nền kinh tế thị trường	Đặng Xuân Hoan	NXB Chính trị quốc gia Sự thật	1			Online	Tài liệu tham khảo
27	Giáo trình Kinh tế quốc tế nâng cao	Từ Thuý Anh và cộng sự	NXB Thông tin và Truyền thông,	5	Kinh tế quốc tế			Tài liệu chính

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
			2024					
28	Quản trị ngoại thương	Đoàn Thị Hồng Vân, Kim Ngọc Đạt	Lao Động - Xã hội, 2013	1				Tài liệu tham khảo
29	Kinh tế quốc tế = International economics: problems and solutions: Bài tập và đáp án	Nguyễn Văn Dung	Thành phố Hồ Chí Minh, 2012	5				Tài liệu tham khảo
30	Giáo trình kinh tế quốc tế	Vũ Thị Bạch Tuyết b.s...[và nh. ng. khác]	Tài chính, 2010	5				Tài liệu tham khảo
31	Xây dựng nguồn nhân lực hành chính đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững đất nước	Phạm Thị Thanh Trà	Lý luận Chính trị, 2021	1	Lãnh đạo và quản lý		HK 1	Tài liệu chính
32	Nghệ thuật lãnh đạo - Tập 1	Nguyễn Văn Hùng, Nguyễn Văn Nguyên, Trần Mặc Khách	Tài Chính, 2021	1				Tài liệu chính
33	Nghệ thuật lãnh đạo - Tập 2	Nguyễn Văn Hùng, Nguyễn Văn Nguyên, Trần Mặc Khách	Tài Chính, 2021	4				Tài liệu tham khảo
34	Quản trị và khởi nghiệp nghệ thuật lãnh đạo	Nhóm tác giả	Thế giới, 2017	1				Tài liệu tham khảo
35	Hành chính công và quản trị công - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn: sách tham khảo	Nguyễn Trọng Bình	NXB Chính trị quốc gia, 2018	3	Quản lý công			Tài liệu chính
36	Giáo trình Kinh tế đầu tư	Từ Quang Phương và cộng sự	ĐH KTQD, 2013	1				Tài liệu tham khảo

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
37	Kinh tế học của khu vực công: Sách chuyên khảo	<u>Bùi Đại Dũng</u>	Chính trị quốc gia Sự thật, 2016	2				Tài liệu tham khảo
38	Tìm hiểu về quản lý chất lượng trong khu vực công	Nguyễn Hữu Hải, Nguyễn Tuấn Minh (đồng chủ biên)	Chính trị quốc gia, 2014	3				Tài liệu tham khảo
39	Chính sách và phát triển bền vững: Cân bằng thanh toán, nợ công và đầu tư công	Nguyễn Hồng Sơn, Bùi Đại Dũng, Nguyễn Quốc Việt, Chu Thị Nhường	Chính trị quốc gia, 2012	3				Tài liệu tham khảo
40	Tổng quan về chính sách công	Đỗ Phú Hải	Chính trị quốc gia Sự thật, 2017	2				Tài liệu tham khảo
41	Quản lý hành chính công	Bùi Văn Quyết	Tài chính, 2006	2				Tài liệu tham khảo
42	Chính sách công những vấn đề cơ bản: Sách chuyên khảo	Nguyễn Hữu Hải	Chính trị Quốc gia- Sự thật, 2014	3				Tài liệu tham khảo
43	Kinh tế học vi mô: Lí thuyết và thực tiễn kinh doanh	Lê Khương Ninh.	Giáo dục, 2020	1	Kinh tế học thể chế		HK 2	Tài liệu chính
44	Kinh tế học của khu vực công: Sách chuyên khảo	Bùi Đại Dũng	Chính trị quốc gia Sự thật, 2016	2				Tài liệu chính
45	Economics: principles and policy	William J. Baumol, Alan S. Blinder	Mason, OH: Thomson South-Western, 2006	1				Tài liệu tham khảo
46	Giáo trình quản lý tài chính công	Dương Đăng Chinh, Phạm Văn Khoan	Tài chính, 2012	5	Quản lý tài chính công			Tài liệu chính
47	Economics: principles and policy	William J. Baumol, Alan S. Blinder	Mason, OH: Thomson South-	1	Kinh tế học thể chế			Tài liệu chính

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
			Western, 2006					
48	Kinh tế học vi mô: Lý thuyết và thực tiễn kinh doanh	Lê Khương Ninh	Giáo dục, 2020	1				Tài liệu tham khảo
49	Kinh tế học của khu vực công: Sách chuyên khảo	<u>Bùi Đại Dũng</u>	Chính trị quốc gia Sự thật, 2016	2				Tài liệu tham khảo
50	Quản trị ngoại thương	Đoàn Thị Hồng Vân, Kim Ngọc Đạt	Lao Động - Xã hội, 2013	1	Chính sách ngoại thương và hội nhập kinh tế quốc tế			Tài liệu chính
51	Kinh tế quốc tế: International economics: problems and solutions (Bài tập và đáp án)	Nguyễn Văn Dung	Phương Đông, 2012	5				Tài liệu chính
52	Giáo trình kinh tế quốc tế	Vũ Thị Bạch Tuyết	Tài Chính, 2010	5				
53	Kinh tế Việt Nam 2016: Tái cơ cấu nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và vai trò Nhà nước kiến tạo phát triển	Trần Thọ Đạt, Ngô Thắng Lợi	ĐH Kinh tế Quốc dân, 2017	1				Tài liệu tham khảo
54	Kinh tế đối ngoại trong bối cảnh toàn cầu hóa: Sách tham khảo	Lê Thanh Bình	Chính trị Quốc Gia, 2002	2				Tài liệu tham khảo
55	Kinh tế Việt Nam 30 năm đổi mới và phát triển: Sách tham khảo	Nhóm tác giả	ĐHQG TP. Hồ Chí Minh, 2015	3				Tài liệu tham khảo
56	Giáo trình kinh tế quốc tế	Vũ Thị Bạch Tuyết	NXB Tài Chính, 2010					Tài liệu tham khảo
57	Thuận lợi hóa thương mại và đầu tư trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam	Nguyễn Anh Thư, Võ Thanh Hương	NXB ĐH QG Hà Nội	2				Tài liệu tham khảo

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
58	Chuyển đổi số - Kinh nghiệm và lộ trình cho Việt Nam	Bùi Quang Tuấn, Hà Huy Ngọc	Sự thật, 2022		Chuyển đổi số và thương mại điện tử		HK 2	Tài liệu chính
59	Chuyển đổi số thế nào?	Hồ Tú Bảo, Nguyễn Nhật Quang	Thông tin và Truyền thông, 2022	5				Tài liệu chính
60	Giáo trình Thương mại điện tử	Nguyễn Văn Hùng	Tài chính, 2019	2				Tài liệu chính
61	Digital Marketing - Từ chiến lược đến thực thi: Nền tảng thành công cho chiến dịch Marketing thời đại số	Rio Book	Dân Trí, 2023, 2025	5				Tài liệu tham khảo
62	Thương mại điện tử	Phạm Mạnh Cường và cộng sự	ĐHQG TP HCM, 2015	3				Tài liệu tham khảo
63	Chiến lược chuyển đổi số	David L.Rogers, Phạm Anh Tuấn (dịch)	NXB Tổng hợp TPHCM	2				Tài liệu tham khảo
64	Kế toán hành chính sự nghiệp: cập nhật theo thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài Chính	Mai Thị Hoàng Minh, Phan Thị Thúy Huỳnh	ĐH Kinh tế TP. HCM, 2018	5	Kế toán quản trị cho khu vực công		HK 3,4	Tài liệu chính
65	Kế toán hành chính sự nghiệp: Lý thuyết – Sơ đồ kế toán – Bài tập ứng dụng	Võ Văn Nhị và cộng sự	Dân Trí, 2024	2				Tài liệu chính
66	Hướng dẫn thực hiện thanh toán, quyết toán các khoản chi thường xuyên và chế độ sử dụng kinh phí, tài sản Nhà nước tại các cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp	Tăng Bình, Ái Phương	Tài chính, 2020	1				Tài liệu tham khảo

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
67	Bài giảng Kế toán hành chính sự nghiệp	Trần Thị Bích Liên, Hoàng Thị Ánh Nguyệt	Lưu hành nội bộ, 2018	11				Tài liệu tham khảo
68	Giáo trình Marketing căn bản	Nguyễn Giác Trí, Huỳnh Quốc Tuấn và Lê Văn Tuấn	Kinh tế TP.HCM, 2017	99	Marketing địa phương			Tài liệu chính
69	Giáo trình Marketing dịch vụ	Phạm Thị Huyền, Nguyễn Hoài Long	Đại học KTQD, 2018	3				Tài liệu tham khảo
70	Marketing trong cuộc cách mạng công nghệ 4.0= 21st Century marketing	Philip Kotler; Hoài Linh(dịch)	Thế giới 2018	2				Tài liệu tham khảo
71	Giáo trình Marketing du lịch	Hoàng Văn Thành	Chính trị Quốc gia Sự thật, 2014	2				Tài liệu tham khảo
72	Giáo trình truyền thông marketing tích hợp (IMC)	<u>Trương Đình Chiến</u>	KTQD, 2025	2				Tài liệu tham khảo
73	Công cụ chính sách cho quản lý tài nguyên và môi trường	Thomas Sterner, Đặng Minh Phương_dịch	Tổng hợp Tp HCM, 2008	3	Kinh tế tài nguyên môi trường		HK 3,4	Tài liệu chính
74	Kinh tế tài nguyên và môi trường= Natural Resources & Enviromental Economics: Tài liệu tham khảo	Phạm Hồng Mạnh	Nha Trang, 2007	5				Tài liệu tham khảo
75	Bài giảng quản lý môi trường: Lưu hành nội bộ	Lê Diễm Kiều, Phạm Quốc Nguyên	Đồng Tháp, 2021	11				Tài liệu tham khảo
76	Kinh tế phát triển: Lý thuyết và thực tiễn	Đinh Phi Hồ	Thống kê, 2008	2				Tài liệu tham khảo

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
77	Xây dựng và phát triển kinh tế nông thôn mới ở Việt Nam gắn liền với bảo vệ môi trường	Nguyễn Duy Dũng	Xây dựng, 2021	2				Tài liệu tham khảo
78	Kinh tế học về quản lý môi trường ở Việt Nam	Bùi Dũng Thế, Herminia Francisco (b.s), Trần Thị Kim Chi (biên dịch)	Kinh tế T.P. Hồ Chí Minh, 2014	5				Tài liệu tham khảo
79	Giáo trình Phân tích chính sách Nông nghiệp, nông thôn	Phạm Văn Khôi	ĐH Kinh tế Quốc dân, 2007	5	Phát triển vùng và địa phương		HK 3,4	Tài liệu chính
80	Phát triển kinh tế Đồng bằng sông Cửu Long: Thành tựu và thách thức	Võ Thành Danh	ĐH Cần Thơ, 2016	1				Tài liệu tham khảo
81	Xây dựng và phát triển kinh tế nông thôn mới ở Việt Nam gắn liền với bảo vệ môi trường	Nguyễn Duy Dũng	Xây dựng, 2021	2				Tài liệu tham khảo
82	Bài tập phân tích dự án đầu tư	Phạm Thị Thu Hà	Chính trị quốc gia Sự Thật, 2015	2	Quản trị dự án đầu tư		HK 3,4	Tài liệu chính
83	Quản trị dự án	Trịnh Thùy Anh	Nông nghiệp, 2020	2				Tài liệu chính
84	Lập dự án đầu tư	Nguyễn Bạch Nguyệt	Đại học Kinh tế Quốc dân, 2013	2				Tài liệu tham khảo
85	Thẩm định tài chính dự án đầu tư	Phạm Long, Vũ Thị Thanh Thủy	Chính trị quốc gia, 2018	3				Tài liệu tham khảo
86	Quản trị dự án: Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư : Lý thuyết và bài tập	Vũ Công Tuấn	Thống Kê, 2010	4				Tài liệu tham khảo

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
87	Giáo trình khởi sự kinh doanh	Nguyễn Ngọc Huyền, Ngô Thị Việt Nga	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2020	5	Quản trị đổi mới và sáng tạo		HK 3,4	Tài liệu chính
88	Quản trị sự thay đổi trong các tổ chức	Phạm Vũ Khiêm, Hứa Thùy Trang	NXB Bách Khoa Hà Nội, 2020					
89	Dẫn dắt sự thay đổi: Kim chỉ nam giúp bạn thực hiện công cuộc thay đổi thành công,	John P. Kotter; Vũ Thái Hà, Lê Bảo Luân, Bùi Thu Hà(địch)	Thế Giới, 2018	2				Tài liệu chính
90	Quản lý sự thay đổi = On change management: Chỉ dẫn sống còn cho người lãnh đạo	Vũ Hoàng, Quỳnh Trâm (dịch)	Đại học Kinh tế Quốc dân, 2021	2				Tài liệu tham khảo
91	Lý thuyết trò chơi ứng dụng trong quản trị - kinh doanh: Công cụ tư duy không thể thiếu đối với doanh nhân và các nhà hoạch định chính sách tại Việt nam	Lê Hồng Nhật (b.s)	Hà Nội: Thanh Niên, 2016	4				Tài liệu tham khảo
92	Mô hình kinh doanh sáng tạo: Từ thành công của Amazon đến bước nhảy đột phá của 7-Eleven	Negoro Tatsuyuki; Hoàng Linh (dịch)	Đại học KTQD, 2017	2				Tài liệu tham khảo
93	Quản trị công ty khởi nghiệp	Huỳnh Thanh Điền	NXB Thế Giới, 2018					Tài liệu tham khảo
94	Quản trị đổi mới sáng tạo	Nguyễn Ngọc Quý, Nhâm Phong Tuấn	NXB ĐHQG Hà Nội, 2023					Tài liệu tham khảo
95	Nguyên lý quản trị chuỗi cung ứng	Michael H. Hugos; Phan Đình Mạnh (dịch)	Tổng hợp Tp. Hồ Chí	3	Quản trị logistics và chuỗi cung ứng			Tài liệu chính

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
			Minh, 2017					
96	Logistics (International Edition)	David J. Bloomberg, Stephen LeMay, Joe B. Hanna	New Jersey: Prentice Hall, 2002	56				Tài liệu chính
97	Chiến lược dữ liệu - Lợi thế vượt trội từ big data, phân tích dữ liệu & IoT	Bernard Marr; Huỳnh Tấn Tài (dịch)	Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2019	2				Tài liệu tham khảo
98	Quản lý chiến lược chuỗi cung ứng	Shoshanah Cohen, Joseph Roussel; Nguyễn Công Bình (biên soạn)	Thống kê, 2008	5				Tài liệu tham khảo
99	Quản trị logistics và chuỗi cung ứng	Hà Minh Hiếu	Tài Chính, 2022	2				Tài liệu tham khảo
100	Logistics Và Quản Trị Chuỗi Cung Ứng	Paul R Murphy và Michael Knemeyer	Pearson	1				Tài liệu tham khảo
101	KPI – Công cụ quản lý nhân sự hiệu quả: Phương pháp quản lý doanh nghiệp hiệu quả của người Nhật	Ryuichiro Nakao, Nguyễn Cường (dịch)	Đại học KTQD, 2020	3	Quản trị nguồn nhân lực			Tài liệu tham khảo
102	Khung năng lực lãnh đạo, quản lý khu vực hành chính công	<u>Lê Quân</u>	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2016	5				Tài liệu tham khảo
103	Xây dựng nguồn nhân lực hành chính đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững đất nước	Phạm Thị Thanh Trà	Lý luận Chính trị, 2021	1				
104	Giáo trình kinh tế tuần hoàn	Lê Thu Hoa, Nguyễn Công Thành	KTQD, 2025	2	Kinh tế tuần hoàn			Tài liệu chính
105	Mô hình kinh tế tuần hoàn trong phát triển nông	Triệu Thanh Quang và cộng sự	KHXXH, 2023	2				Tài liệu tham khảo

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	nghiệp bền vững ở Việt Nam							
106	Phương pháp nghiên cứu kinh tế kiến thức cơ bản	Trần Tiến Khai	Lao động và Xã Hội, 2012	2	Thực tập nghề nghiệp 1 (nghiên cứu)		HK 3,4	Tài liệu chính
107	Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học và viết đề cương nghiên cứu (áp dụng trong lĩnh vực Kinh tế - Xã hội), tái bản lần hai	Võ Thị Thanh Lộc và cộng sự	ĐH Cần Thơ, 2016	1				Tài liệu chính
108	Phương pháp nghiên cứu kinh tế và viết luận văn thạc sĩ	Đinh Phi Hồ	Phương Đông, 2014	2				Tài liệu tham khảo
109	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh=Research methods for business students	<u>Mark Saunders,</u> <u>Philip Lewis,</u> <u>Adrian Thornhill ;</u> <u>Nguyễn Văn Dung (dịch)</u>	Tài chính, 2010	2				Tài liệu tham khảo
110	Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học: Viết luận văn và công bố khoa học (kinh tế quốc tế, kinh doanh quốc tế và quản lý)	Huỳnh Thị Thúy Giang (chủ biên); Lưu Tiến Dũng	NXB Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh 2021					Tài liệu tham khảo
111	<u>Phương pháp nghiên cứu kinh tế kiến thức cơ bản</u>	Trần Tiến Khai	Lao động và Xã Hội, 2012	2	Thực tập nghề nghiệp 2 (ứng dụng)		HK 3,4	Tài liệu chính
112	Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học và viết đề cương nghiên cứu (áp dụng trong lĩnh vực Kinh tế - Xã hội), tái bản lần hai	Võ Thị Thanh Lộc và cộng sự	ĐH Cần Thơ, 2016	5				Tài liệu chính
113	Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học: Viết luận văn và công bố khoa học (kinh tế quốc tế, kinh doanh quốc tế và quản lý)	<u>Huỳnh Thị Thúy Giang (chủ biên);</u> <u>Lưu Tiến Dũng</u>	Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2021	10				Tài liệu tham khảo

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
114	Phương pháp nghiên cứu kinh tế và viết luận văn thạc sĩ	Đinh Phi Hồ	Phuong Đông, 2014	5	Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ			Tài liệu tham khảo
115	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh=Research methods for business students	<u>Mark Saunders,</u> <u>Philip Lewis,</u> <u>Adrian Thornhill ;</u> <u>Nguyễn Văn Dung (dịch)</u>	Tài chính, 2010	2				Tài liệu tham khảo
116	Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS tập 1 và 2	Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc	NXB Hồng Đức 2008	2				Tài liệu tham khảo
117	Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học: Viết luận văn và công bố khoa học (kinh tế quốc tế, kinh doanh quốc tế và quản lý)	<u>Huỳnh Thị Thúy Giang (chủ biên);</u> <u>Lưu Tiến Dũng</u>	Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2021	2				Tài liệu tham khảo
118	Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học và viết đề cương nghiên cứu (áp dụng trong lĩnh vực Kinh tế - Xã hội), tái bản lần hai	Võ Thị Thanh Lộc và cộng sự	ĐH Cần Thơ, 2016	5				Tài liệu chính
119	Giáo trình Phương pháp nghiên cứu kinh tế - xã hội	Lê Quang Cảnh	NXB KTQD, 2025	2				Tài liệu tham khảo
120	Quy định trình bày luận văn tốt nghiệp thạc sĩ, luận án tiến sĩ	Trường ĐH Đồng Tháp	Trường ĐH Đồng Tháp 2022	2				Tài liệu tham khảo